

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Sông Còn mùa lũ

Tiểu Thuyết [★★★★]



NXB Hội Nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Sông Côn Mùa Lũ

[★★★★]



NXB Hội Nhà văn

Sông Côn Mùa Lũ

Tập 4

Nguyễn Mộng Giác



Chương 85

Suốt thời gian mấy tháng Vũ Văn Nhậm cai trị Thăng Long, bộ Lễ không có việc gì để làm nên ngôi công quán dành cho bộ Lễ trở nên tiêu điều. Khi Vũ Văn Ước cùng hai người lính đến nơi làm việc, họ buồn rầu như bị xem nhẹ hoặc thất sủng. Công đường của Lễ bộ đây ư? Một ngôi nhà đột nát, cửa ngõ đã bị tháo gỡ gần hết. ở chái đông, mái nhà bị thủng một lỗ lớn gần bằng cái nong, mái vỡ, rui mè gãy mục vẫn còn vương vãi trên khoảng nền thấp úng thủy. Không khí bên trong nồng nặc mùi phân dơi, và khó thở vì quá ẩm ướt. Bàn ghế không còn gì ngoài vài ba cái đã gãy chân nằm lán lóc trong xó.

Quan Lễ bộ phải xắn tay áo lên phụ lực với hai người lính dọn dẹp lại, mới có thể xếp đặt chỗ làm việc được. Mặt khác, ông cầu cứu quan đại tư mã Ngô Văn Sở về khoản bàn ghế. Vũ Văn Ước sai một tên lính đi rồi, lòng dạ cứ nôn nao thắc thò. Ông chỉ sợ các quan cựu triều lũ lượt kéo nhau đến mà ông chưa có đủ nghi vệ tối thiểu. Một lúc sau, Ngô Văn Sở cho chở tới một cái bàn cân xa cừ khá cao (vì được dùng làm hương án) một cái ghế gỗ tốt, chạm trổ vụng về, một cái ghế mây đã thủng ở chỗ tựa lưng, và một cái đôn sứ hình con voi. Quan Lễ bộ vội cho kê chiếc bàn ngay chính giữa công đường cho đúng lệ, dù chỗ đó nước mưa làm nền ẩm ướt và lấm láp. Sau cái bàn, hướng về phía cổng chính, Vũ Văn Ước đặt chiếc ghế gỗ và cái đôn sứ. Giấy tờ, nghiên mực, ống bút thì đặt tạm trên chiếc ghế mây. Quan Lễ bộ đặt hai chiếc ghế, vì đề phòng quan Trung thư Trần Văn Kỳ có thể đến bất ngờ để tiếp chuyện giới sĩ phu Bắc Hà. Hai tên lính theo hầu thì được phân công như sau: một tên cầm giáo đứng gác trước cổng, một tên đứng ngay trước thềm để hướng dẫn từng người vào gặp quan Lễ bộ rồi đưa người đó ra để đến lượt người khác.

Mặt trời lên được một con sào, giấy mực đã bày sẵn trên bàn mà vẫn chưa có ai đến trình diện. Vũ Văn Ước lấy làm lạ, ngờ rằng các quan cựu triều chưa biết chỗ phải đến. Ông sai một người lính đem dán tờ "chỉ dụ ủy cho Sùng nhượng công làm giám quốc" lên tấm bình phong trước cổng, rồi sai người lính kia đến các đường phố trước công đường xem chừng. Người lính dựng cây giáo vào xó công đường, chạy đi một lúc, trở về bẩm rằng có nhiều người đương tụ năm tụ ba trước đường cái, già có, người nào cũng khăn áo chỉnh tề đúng cách nhà nho nhưng thái độ cử chỉ thì rụt rè lắm.

Quan Lễ bộ Vũ Văn Ước mỉm cười, kéo cái ghế sát vào bàn để ngồi thẳng lưng, chờ đợi.

Ông phải chờ thật lâu. Một lúc sau, đã có tiếng chân rào rạo trên đường rải sỏi. Vũ Văn Ước sửa lại thế ngồi, hai cánh tay khuỳnh ra, hai bàn tay đặt lên mép bàn cho thêm oai vệ. Tiếng chân bước nhẹ ở thềm. Một nhà nho mặc áo lương đen khoảng 40 tuổi, có đôi mắt sâu, ánh nhìn mỗi một, cái mũi thẳng, chòm râu đen thưa thớt, tiến về quan Lễ bộ. Tự nhiên Vũ Văn Ước cảm thấy ngại ngùng. Đôi mắt ấy có vẻ tự tin của người quen nắm quyền thế, lại vừa có vẻ trách móc hờn dỗi, như cách nhìn của một vị vương tử nhân từ trách một người hầu cận sơ ý lầm lỗi. Quan Lễ bộ muốn ngồi rón theo tư thế cũ để hỏi danh tính chức vị người khách đầu tiên, nhưng có cái gì còn mạnh hơn cả ý chí buộc ông đẩy ghế đứng dậy. Trong trí ông, một ý tưởng thoát đến: Hay đây là một hoàng tử của họ Lê? Phải rồi, nếu không phải cành vàng lá ngọc thì

không dám ngạo nghễ vào đây một mình như vậy. Bọn quan lại cựu triều vẫn còn đứng khép nép ngoài kia, kẻ này chờ kẻ nọ đi trước để dò đường. Đúng là phong thái của một vì vương tử". Người khách đã đến trước mặt Vũ Văn Ước. Quan Lễ bộ chấp tay vái chào. Người khách hơi ngớ ngàng, sau đó mỉm cười, chấp tay chào lại. Vũ Văn Ước vui vẻ trở chiếc đôn sứ mời:

- Thật hân hạnh quá. Chúng tôi biết thế nào ngài cũng đến. Mời ngài ngồi tạm xuống đây. Bộ Lễ lâu ngày bỏ không, nên ngài thấy đấy... Nhưng, đây chỉ là chỗ hẹn để chúng tôi làm quen với các tôn thất sĩ phu Bắc Hà, vì quan Trung thư sẽ xin tiếp kiến quý ngài ở một nơi khác gần đây. Mời ngài ngồi!

Ngô Thì Nhậm ngồi xuống cái đôn sứ, hơi ngạc nhiên vì cách đón tiếp niềm nở vượt quá mong ước của mình.

*

* *

Vừa lúc đó Phan Lê Phiên và Nguyễn Hoàn đang được hai người trai trẻ dìu từng bước lên thềm. Quan bình chương sự (Phan Lê Phiên) dẫn tên hầu đi theo. Hoàn quận công (Nguyễn Hoàn) tuổi già sức yếu, nên có người con trai đi theo chăm sóc. Thực ra, ngoài lý do sức khỏe, hai quan đại thần đã cao tuổi còn tính phòng xa: nếu vạn nhất có bị quân Nam Hà bắt giữ, thì còn có người chạy về thông báo cho gia đình kịp lánh nạn. Đề phòng kỹ lưỡng như thế, lại thêm ý vào cái tuổi già gần đất xa trời, hai vị đại thần đã bạo dạn vào bộ Lễ trước nhiều người.

Vũ Văn Ước thấy hai ông già đi đứng lẩy bẩy, nét mặt không có nhiều khí sắc linh hoạt, ăn mặc bình thường như các cụ đồ già ở thôn quê, nên ngồi yên trên ghế, hỏi từ xa:

- Các ông là quan cựu triều phải không?

Phan Lê Phiên liếc nhìn Nguyễn Hoàn, có ý nhường cho người lớn tuổi hơn. Hoàn quận công đang húng hắng ho, nên Phiên đáp:

- Thừa vâng.

Vũ Văn Ước hỏi tiếp:

- Các ông đã đọc kỹ tờ chỉ dụ của Chúa Thượng rồi chứ?

Vẫn Phan Lê Phiên đáp:

- Thừa đã đọc kỹ.

Vũ Văn Ước với tay kéo thếp giấy và cái bút lông gần phía mình, chấm đầu bút vào nghiên mực sẵn sàng viết, và hỏi:

- Hai ông cho biết tên họ và chức tước.

Quan lễ bộ liếc nhìn Ngô Thì Nhậm, không nhận ra vẻ lúng túng của viên cựu hữu thị lang bộ Công, mỉm môi viết số thứ tự lên tờ danh sách rồi chờ trống dòng đầu, chờ ghi tên hai đại thần vào hàng thứ hai và thứ ba. Phiên nói lớn:

- Tôi là Phan Lê Phiên, trước làm bình chương sự.

Hoàn quận công nói:

- Tôi là Nguyễn Hoàn.

Vũ Văn Ước chờ lâu chưa thấy Hoàn xưng chức tước, ngược lên hỏi:

- Làm gì?

Quan lễ bộ ngơ ngác vì thấy Ngô Thì Nhậm đã đứng dậy len lén đi ra phía cửa. Vũ Văn Ước nghĩ:

"Chắc vương tử mắc đi giải". Ông mỉm cười, hỏi Nguyễn Hoàn:

- Ông hãy thành thật khai chức tước cao nhất. Không việc gì đâu. Chúa Thượng muốn dùng người tài đất Bắc, chứ không làm hại đâu mà sợ.

Nguyễn Hoàn đáp:

- Trước khi cáo lão, tôi đã từng làm tham tụng.

Vũ Văn Ước vội ngừng lên nhìn hai ông khách. Chức bình chương sự nghe mới mẻ lạ tai nên quan Lễ bộ chưa hiểu thấp cao, nhưng chức tham tụng thì ông biết rõ. Trong một thoáng, ông nhìn hai người một cách khác. Vũ Văn Ước đứng dậy lễ phép nói:

- Quý ngài cảm phiền chờ cho một chút. Vương tử trở lại, tôi sẽ đưa cả ba vị qua gặp quan Trung thư lệnh. Không biết vương tử đi đâu lâu vậy?

Thấy Vũ Văn Ước dáo dác tìm, Phan Lê Phiên thắc mắc hỏi:

- Ngài vừa nói đến vị vương tử nào?

Vũ Văn Ước đáp:

- Vị ấy vừa ngồi đây với tôi.

Phiên hiểu sự lăm lăm của Vũ Văn Ước, nhưng chưa hiểu vì sao Ngô Thì Nhậm phải đánh lừa quan Lễ bộ Tây Sơn, nên dè dặt nói:

- Có lẽ Hoàn quận công đây biết rõ người vừa ngồi với ngài.

Vũ Văn Ước hấp tấp hỏi:

- Thưa, vị nào thế ạ?

Nguyễn Hoàn đáp:

- Ông ta là Ngô Thì Nhậm, trước đây có làm hữu thị lang bộ Công, sau đó bị cách đến năm, sáu năm rồi.

Vũ Văn Ước nổi giận vì nghĩ mình bị lừa dối. Ông run run nói:

- Té ra hăn lừa tôi. Quá lắm rồi. Phải bắt đóng gông hăn lại mới được. Xin lỗi hai ngài chờ tôi một chút. Lính đâu, chạy theo bắt hăn lại.

Người lính đứng chỗ cửa chưa hiểu phải bắt ai, thì Vũ Văn Ước đã chạy đến lôi anh ta đi theo mình.

Bốn người còn lại trong công đường thở phào nhẹ nhõm vì khỏi cần phải giữ ý tứ với ai nữa. Nguyễn Hoàn cười bảo Phan Lê Phiên:

- Thế mà tôi tưởng cái tên "sát tử phụ nhi thị lang" ấy đã ngấm liên lạc trước với Tây Sơn rồi chứ!

[1]

Phiên cũng cười ra vẻ hả hê, đáp lại:

- Hăn vào đầu tiên. Không biết hăn ba hoa thế nào mà viên lễ quan lại lăm ra một vị vương tử họ Lê.

Nguyễn Hoàn nói:

- Hay hẵn tưởng bọn mình không ai dám vào, nên mặc sức nói khoác.

Phan Lê Phiên hỏi người con trai Hoàn quận công:

- Đêm qua Kế liệt hầu (Bùi Huy Bích) nói với cháu thế nào, mà hôm nay không thấy ông ta?

Người con trai của Hoàn lễ phép đáp:

- Dạ chính Kế liệt hầu đưa cháu ra ngõ. Cháu đã đi một đoạn, hầu còn kêu lại dặn thưa với cha cháu là sáng nay phải đi cho đông đủ để họ khỏi xé lẻ ra hiếp đáp.

Nguyễn Hoàn nói:

- Ông ấy chịu khó lặn lội từ Thanh Trì lên kinh, tức là đã chịu "ngược trông lên mà thể hội ý ấy"^[2] (cả bốn người trong công đường đều cười). Hay vì có người dọa non dọa già, nên nửa chừng ông ấy sợ.

Phan Lê Phiên nói:

- Dọa được non, chứ dọa sao được bọn già. Đến chết là cùng chứ gì.

Nguyễn Hoàn nheo mắt hỏi:

- Nếu họ buộc ta ra, ông tính sao?

Phan Lê Phiên ngập ngừng, rồi hỏi lại:

- Bác tính sao?

Nguyễn Hoàn không trả lời, đặt câu hỏi khác:

- Vận nhà Lê đã hết rồi chẳng?

Không ai nói gì nữa sau câu hỏi khó ấy. Một miếng rui mục tự nhiên rơi xuống chỗ nền úng thủy, gây một tiếng động lẻ loi.

*

* *

Ngô Thì Nhậm biết trước thế nào Vũ Văn Ước cũng sai quân lính đuổi theo bắt mình, nên trốn nấp ở nhà một người quen cũ ở gần đó, suốt ngày không dám ra khỏi cửa. Đến tối, ông mới đến chỗ quan Trung thư Trần Văn Kỷ ở, xin được tiếp kiến.

Ban đầu, lính canh nài quân luật nghiêm nhặt, nhất định không cho ông vào. Chẳng những thế, một người lính trẻ nói tiếng Thuận Hóa còn dọa đóng gông Nhậm vì tội gây rối. Ngô Thì Nhậm phải xưng tên và nói dối có hẹn trước với quan Trung thư. Bọn lính nửa tin nửa ngờ, tuy vẫn dậm dọa vài câu nhưng một anh (chính người lính Thuận Hóa) vội vã chạy vào trong bẩm báo với Trần Văn Kỷ. Quan Trung thư đang uống trà, nghe tên Ngô Thì Nhậm vội bỏ chén trà uống dở, xỏ guốc chạy ra cổng. Trong lúc vội vàng, Trần Văn Kỷ mang guốc trái, nhưng ông cứ để mặc như thế không kịp sửa lại. Vừa đến cổng dinh, Trần Văn Kỷ đã lớn tiếng hỏi:

- Quan hữu thị lang đâu rồi?

Ngô Thì Nhậm tiến ra chỗ có ánh đuốc chiếu sáng lễ phép đáp:

- Xin lỗi quan Trung thư, tôi đến làm phiền giấc nghỉ của ngài.

Trần Văn Kỷ mừng rỡ, rồi rút bảo:

- Không. Không đâu. Nghe danh ông đã lâu, nay mới được diện kiến. Thật hân hạnh lắm. Mời ông vào. Xin theo lối này. Coi chừng chỗ nước bẩn. Các chú giơ đuốc lên cao soi đường cho quan thị lang. CƠn mưa đêm qua lớn quá làm ngập cả vườn, mãi đến gần sáng nước mới rút hết. Chỗ này có một vũng nước nữa. May đêm nay trời tạnh. Xin theo lối này.

Trần Văn Kỷ đi trước dẫn Ngô Thì Nhậm vào nhà khách. Quan Trung thư nói luôn miệng, trong khi Nhậm im lặng theo gót chủ nhân, tuy trong lòng vui mừng. Vừa mời khách ngồi xuống sập, Trần Văn Kỷ đã bảo:

- Trưa nay tôi vừa được một người bạn Bắc Hà cho mượn đọc bài Mộng Thiên Thai phú của ông. Không ngờ trưa xem văn thì tối đã gặp được người. Bài phú hay quá. So với Tiền Hậu Xích Bích phú của Tô Tử không thua chút nào. Nhất là lời ca ở cuối bài. Tôi vẫn còn giữ bài chép đâu đây.

Trần Văn Kỷ đi lại chỗ án thư lục tìm trong chồng giấy tờ bừa bộn bài phú của Ngô Thì Nhậm. Nhậm nghĩ: "Có lẽ ông ấy chưa hề đọc bài phú của mình, chỉ được nghe nhắc tới tên bài phú mà thôi. Nhưng ông ấy cứ giả vờ như đã đọc, để làm quà tiếp khách văn". Phía án thư, Trần Văn Kỷ lầm bầm:

- Quái. Mới để đâu đây mà tìm không thấy. Tôi cứ ngâm nga đoạn "ca rằng" cả buổi trưa. Để tôi cố nhớ xem. Chậc, đã học thuộc bây giờ lại quên.

Ngô Thì Nhậm nhắc:

- Có phải ngài muốn nói đến đoạn [\[3\]](#)

Cất chén mời khách uống, gõ án mà ca rằng:

Chơi Đào nguyên chừ, hẹn Thiên thai.

Hẹn Thiên thai chừ, ta chữa tới nơi.

Ta chữa tới nơi chừ, lòng nhớ khôn nguôi.

Lòng ta gợi man mác

Núi này mãi cao vời..

Trần Văn Kỷ reo lên:

- Đây rồi. Tôi cẩn thận cất kỹ vào quyển thơ nên tìm không ra. Ông để tôi đọc tiếp nhé.

Mong người tri kỷ chừ một phương trời

Lòng ta, lòng ta chừ, tri âm ai người?

Lòng ta vời vời chừ đối mệnh mông.

Nhìn bóng nhìn áo chừ không then thùng

Mong buổi chơi núi chừ hát bài ca núi

Hát xong một khúc chừ rót thêm một chung

Lòng ta phẳng lặng chừ, mệnh ta yên ổn.

Mệnh ta yên ổn chừ, ta vui trong lòng.

Tuyệt diệu. Lời văn hoa lệ mà không phù phiếm, nhìn rõ cuộc thế nhưng không có chút "oán thiên, vưu nhân". Tuyệt diệu.

Ngô Thì Nhậm rộn rã cả lòng vì bất ngờ gặp được người tri kỷ, nhưng vẫn cố nhún nhường.

- Ngài mến chút tài mọn nên quá khoan dung đó thôi.

Trần Văn Kỷ hăng hái nói:

- Không đâu. Giữa ông với tôi, khách sáo chỗ đâu moi chót lưỡi làm gì! Lại còn mấy câu này nữa:

Khắp vùng vũ trụ nhà ta đó

Đôi cánh chim hồng buộc được nao?

Núi này xin dành lại

Đợi ta về tiêu dao.

Đời người gặp gỡ do tiền định

Há chỉ Đào nguyên mới gặp đào?

Tiêu dao phóng dật mà vẫn giữ nguyên phong thái thung dung tự tin của nho gia! Đọc xong không ngậm ngùi như đọc phú Xích Bích. Ngược lại, ta khinh khoái, say mê cuộc đời đến độ điên cuồng. Như thế mới đúng "đường danh giáo", phải không ông?

Giọng say sưa nhiệt tình của Trần Văn Kỷ cuốn hút được kẻ thất chí. Ngô Thì Nhậm quên cả dè dặt. Hai người bàn sa đà hết chuyện văn chương đến đạo học, quên cả mấy chén nước trà đã nguội trên bàn khách. Ngô Thì Nhậm nhớ đến mục đích của mình, nhưng câu chuyện đang sôi nổi quanh các vấn đề cao xa tít mù, làm sao chuyển mạch để nhờ vả những điều tầm thường? Cũng may giữa lúc Trần Văn Kỷ đang nói đến Phật pháp, đột nhiên quan Trung thư khượng lại, bối rối, nhìn về phía Nhậm, áy náy hỏi:

- Tôi lơ đãng quá lắm. Chắc ông đến đây vì có điều gì cần chỉ giáo?

Ngô Thì Nhậm lúng túng, nhưng cũng gắng đáp:

- Thưa vâng. Quả thực tôi có việc cần nhờ ngài giúp đỡ.

Rồi Nhậm kể một mạch vụ rắc rối ban sáng ở nhà Lễ bộ. Trần Văn Kỷ mau mắn đáp:

- Từ lâu "tôi đã nghe ông là bậc kỳ tài, chẳng may bị tiếng dèm pha, phải trốn tránh hơn năm sáu năm, sự súc tích của ông chắc cũng tinh túy thêm nhiều. Ngày nay, đã đến lúc ông nên ra cho đời dùng. Tôi đã có đem tên ông trình với Chúa Thượng, và khen tài ông có thể dùng vào những việc to lớn. May thay Chúa Thượng trông xuống, có lòng mến tiếc. Thế này là tôi tìm đến ông, ông không phải cần gì đến Vũ Văn Ước nữa". [4] Thảo nào hôm nay ông ấy đưa các quan sang đây gặp tôi nhiều bận, nhưng không nhắc nhở gì đến ông cả.

Ngô Thì Nhậm tò mò hỏi:

- Tôi hỏi điều này chắc không phải phép, xin ngài miễn chấp cho.

Trần Văn Kỷ ân cần đáp:

- Được, được. Ông cứ tự nhiên.

Ngô Thì Nhậm nói:

- Thưa từ sáng đến giờ, những vị nào đã được ngài tiếp kiến?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Đầu tiên có Hoàn quận công (Nguyễn Hoàn) và Kiến Xuyên hầu. Sau đó có thêm các ông Phan Huy ích, Hiến sát sứ Thanh Hoa, Ninh Tồn Bồi tụng, Nguyễn Bá Lan Phủ doãn, Nguyễn Thế Lịch, Nguyễn Du... Ngoài ra có thêm vài vị khác làm chức nhỏ hơn, tiếng tăm trong sĩ giới chưa được rộng nên tôi không nhớ hết. à này, ông có biết Nguyễn Huy Trạc không?

Ngô Thì Nhậm đáp:

- Thưa biết. Ông ấy làm tham tri chính sự.

Trần Văn Kỷ nhìn thẳng vào mắt Ngô Thì Nhậm, chậm rãi nói:

- Ông Trạc nghe lệnh triệu có đến kinh, nhưng đã tự tử ở đài ngự sử đêm qua.

Ngô Thì Nhậm hơi kinh ngạc, nhưng trấn tĩnh ngay, đáp chậm và nhỏ ra vẻ than tiếc:

- Việc gì đến nỗi thế! Đáng thương, mà cũng đáng giận thay!

Trần Văn Kỷ reo lên:

- Đúng. Những người như vậy vừa đáng thương vừa đáng giận. Ông thật là người hiểu đời. Thật là Trời đã run rủi cho tôi và Chúa Thượng được gặp ông. Tôi phải đưa ông đến ra mắt Chúa Thượng ngay. Nhưng sợ quá khuya rồi chẳng? Thôi, sáng sớm mai ông đến đây nhé. Tôi cũng đã hẹn các quan cự triều và tôn thất là chiều mai Chúa Thượng sẽ tiếp họ.

Sáng hôm sau, Trần Văn Kỷ đưa Ngô Thì Nhậm ra mắt Chính Bình Vương. Nguyễn Huệ nghe quan Trung thư giới thiệu Nhậm, vui mừng nói:

- "Người ngày trước vì bị chúa Trịnh không dung, một thân một mình phải bỏ nước mà đi. Nếu như ta không đến đây, bao giờ người mới được thấy bóng mặt trời? Có lẽ ý Trời muốn dành nhân tài riêng cho ta dùng. Người nên cố gắng để lo lấy đường báo đáp.

Ngô Thì Nhậm rập đầu lạy tạ.

Nguyễn Huệ ngoảnh lại phía Kỷ, bảo:

- Người này đã do ta gây dựng lại, nên thảo ngay một tờ chế phong làm Lại bộ Tả thị lang, tước Tình thái hầu, cùng với Vũ Văn Ước coi tất cả các quan văn võ nhà Lê.

*

* *

Lãng xin phép được ra phố để tìm mua lụa làm quà cho chị và... Lãng không dám nghĩ tiếp, mặt đỏ vì tự thẹn với mình. Tặng cho nàng xấp lụa Bắc có tiện không? Quan Trung thư sẽ nghĩ thế nào? Lấy "dan nghĩa" gì để tặng? Lãng không tìm được câu trả lời thỏa đáng, nhưng cái ý mua lụa làm quà khiến anh rộn rã vui sướng. Anh tự nhủ: nhận hay không là việc về sau. Bây giờ hãy cứ mua hai xấp lụa thật đẹp, thật tốt cái đã!

Rút kinh nghiệm lần trước, Lãng không mặc binh phục Tây Sơn. Anh ăn mặc giống y một anh tú tài Bắc Hà để đi lại được tự do thoải mái, khỏi bị dân Thăng Long e ngại, cảnh giác.

Lãng hỏi khắp nơi không tìm đâu ra lụa để mua. Người ta nhìn anh như nhìn một hiện tượng lạ. Một chỗ, người ta trợn mắt hỏi Lãng:

- Cái gì, anh hỏi lụa à? Mua về cho vợ may áo à? Anh có muốn chúng nó rình ngay đầu ngõ nhà anh

lột trần vợ anh để cướp áo lụa hay không? Hôm kia, bọn vô lại bịt miệng chị hàng cau ở bến đò để cướp cái váy vải sô cũ, bỏ chị chàng tổng ngồng giữa thanh thiên bạch nhật, anh chưa biết ư?

Chỗ khác, người ta bảo:

- Thời buổi này mà anh còn hỏi mua lụa, lạ thật! Không lo mua ít gạo để dành đó, ít bữa nữa đói nhẵn răng ra. Mặc áo lụa có quên cái bụng rỗng được không?

Người tử tế thì khuyên Lãng:

- Anh không nên hỏi thế nữa. Bọn trộm cướp nghe được, đoán thế nào anh cũng có nhiều tiền. Nguy lắm. Thời buổi này, cẩn thận thì hơn anh ạ.

Lãng chán nản, lang thang giữa các dãy phố kín cửa. Ngoài đường, người đi lại lác đác, phần lớn là đàn ông. Họ đi vội vã, nếu có bạn đồng hành thì câu chuyện trao đổi với nhau có vẻ bí mật do lối nói thì thào, lối nhìn dáo dác như sợ có người lạ nghe thấy. Đi một lúc, Lãng mới nhận thấy nhiều người đi về một hướng. Anh đi theo họ. Hóa ra dân Thăng Long kéo nhau đến cửa Đại Hưng để nghe ngóng tin tức.

Lãng thấy họ chen chúc nhau, xô đẩy nhau để vào được sát cửa đọc tờ chỉ dụ ủy cho Sùng nhượng công làm giám quốc. Các lời bàn tán quanh Lãng thật lắm vẻ:

- Sao, bác? Ông ấy vẫn được giữ lại làm ông từ giữ đền chứ?

- Thì vẫn!

- Thế sao chỉ dụ dài thế?

- Ông không chen vào xem à?

- Cái áo tôi cũ quá, sợ rách về nhà mẹ nó la lối om sòm lên.

- Rách cũng bỏ công. Nhiều chuyện hay đáo để.

- Ô kìa, sao bác bỏ đi!

- Ông nhắc tôi mới thấy lạnh ở lưng. Cái áo tôi bị rách toác một đường dài. Ông chen vào xem nhé.

Tôi phải về thay áo đây.

Ở một đám khác:

- Thôi, chuyện này thì nhà Lê đi đứt rồi. Không còn ngờ gì nữa!

- Nhà vua đi thì đã có giám quốc. Ông chú còn chín chắn hơn cháu nhiều.

- Ồi dào! Giám quốc! Chỉ "giám" được lũ vàng hương với bấy hạc gỗ. Ông không đọc kỹ câu thứ ba ư?

- Câu nào?

- Thì cái câu: "Nay đương lúc vận nhà Lê đã hết, đạo trời mới đổi, trăm dân đều không kính sợ Trời để cùng thiên hạ đổi mới".

- Gớm thật! Ông đọc vanh vách, giọng hùng ghê! Xứng trăm y như bậc đế vương.

- Biết đâu đấy!

- Chỉ nói đại. Ông nên coi chừng cái mồm của ông. Ông nhớ câu thứ ba mà không chịu nhớ câu cuối: "Phạm đến phép Trời làm mê hoặc dao động lòng dân thì vương pháp rất nghiêm quyết không dung thứ".

- Vì hiểu rõ lòng nhau tôi mới ba hoa cho vui thế thôi. Bác khuyên chí phải. Ta nên về thôi!

Lãng đến gần một nhóm nhà nho đứng tuổi:

- Thế mới xứng đáng chứ. Ít ra còn được một người dám chết cho đại nghĩa. Chẳng lẽ phủ chúa sập có được một Lý Trần Quán, lần này điện vua sập lại chẳng có ai tử tiết. Ông ấy rửa mặt giùm cho tất cả bọn nhà nho Bắc Hà đấy!

- Chọn ngự sử đài làm chỗ tử tiết, thâm nhĩ!

- Nhất định rồi! Chẳng lẽ tự vẫn trong buồng vợ.

- Bác ăn nói thế mà nghe được à?

- Chết là hết. Chắc gì quan tham tri (Nguyễn Huy Trạc) đã nghĩ như bác nghĩ.

- Đừng lấy cây gậy lão của mình đo khí tiết bậc quân tử. Không nên đâu. Sĩ phu Bắc Hà không thiếu gì kẻ trung quân. Tôi nghe nhiều người không thèm đến ra mắt Chính Bình Vương, như quan phó đô ngự sử Nguyễn Đình Giản, quan tham tri Lê Duy Đản, quan thiêm sai Phạm Quý Thích, quan khu mật viện Nguyễn Duy Hợp. Quan tham tụng Bùi Huy Bích cũng không đến.

- Này, phủ doãn Nguyễn Bá Lan có đến không?

- Hình như có thì phải.

- Nếu thật thế thì quá lắm. Hoàng thượng đã gia ân đặc cách tha tội cho ông ấy, bây giờ trả ân như thế hả? [\[5\]](#)

Lãng chán nản bỏ cửa Đại Hưng trở về đường cũ. Anh đi về phía đê sông Phú Lương. Càng đi xa phố phường, anh càng thấy cuộc sinh hoạt của dân chúng êm ả, đơn giản hơn. Đường như ngoài kinh thành, cuộc sống trở nên rộng rãi, mệnh mông. Gió thổi trên đồng lúa vàng. Buồm căng đưa thuyền lướt êm trên mặt sóng. Trẻ chăn trâu nằm dài trên lưng trâu, để mặc cho trâu thong thả gặm cỏ dưới chân đê. Lãng cảm thấy lòng lâng lâng, anh ngừng mặt hít mạnh hơi thơm của đồng ruộng. Lãng hối tiếc không có người nào bên cạnh để anh san sẻ niềm vui trinh khiết mới mẻ ấy.

*

* *

Cũng vào buổi chiều hôm ấy, Chính Bình Vương tiếp các quan văn võ cự triều ở điện Chính Trung. Lễ quan Vũ Văn Ước và Ngô Thì Nhậm chịu trách nhiệm hướng dẫn các quan vào lạy chào. Vũ Văn Ước hơi ngượng với Nhậm vì hành động nóng nảy hôm trước, nên cứ tránh né không muốn đứng gần Nhậm. Phần Ngô Thì Nhậm thì hơi nhột nhạt trước cái nhìn dò dẫm và các lời thì thào của các quan cự triều, thái độ mất cả tự nhiên. Do đó quan Trung thư cáng đáng phần lớn việc thù tiếp. Chính Trần Văn Kỷ đứng ra giới thiệu tên tuổi, chức tước của từng người cho Chính Bình Vương biết. Mỗi lần có một người vào lạy mừng, Nguyễn Huệ mỉm cười gật đầu chào lại:

- Không dám. Xin mừng ông.

Đến lúc các quan ra mắt xong, Chính Bình Vương đòi hết lên thêm vào bảo:

- Ta mừng các ông, vì các ông đến đây đều là kẻ thức thời. Các ông đã hiểu vận nhà Lê đã hết. "Tự hoàng nhà Lê chính do ta lập nên. Nhưng ông ấy là người tối tăm, nhu nhược không thể gánh nổi việc nước,

cho nên sau khi ta về nam, liền bị Nguyễn Hữu Chinh sai khiến, đến nổi tự rước lấy vạ bại vong. Ta không tham đất Bắc Hà, nay mai ta lại sắp về nam. Sợ Tự hoàng và Giám quốc lại tranh giành nhau gây ra loạn, ta phải để đại tư mã Ngô Văn Sở lại đây chủ trương việc binh. Đợi đến khi bốn cõi tạm yên, ta sẽ gọi về".
[6]

Rồi Vương loan báo ngay những quan lại cựu triều được tin nhiệm giao phó các trọng trách mới: Phan Huy Ich được chức Hình bộ thị lang tước Thụy nam hầu; Ninh Tồn, Nguyễn Thế Lịch, Nguyễn Bá Lan, Nguyễn Du đều nhận chức Hàn lâm trực học sĩ.

Vài hôm sau, trước khi về nam, Nguyễn Huệ gọi đại tư mã Ngô Văn Sở, nội hầu Phan Văn Lân, chương phủ Nguyễn Văn Dụng, đô đốc Nguyễn Văn Tuyết, Hộ bộ Trần Thuận Ngôn và Ngô Thì Nhậm đến giao cho trách nhiệm cùng nhau cai trị Bắc Hà. Để cho họ giữ tình đoàn kết, Vương bảo:

- "Sở, Lân là nanh vuốt của ta. Dụng, Ngôn là tâm phúc của ta. Tuyết là cháu ta. Nhậm vừa là bề tôi vừa là khách của ta, vả lại thuộc dòng văn học Bắc Hà, rất am hiểu việc đời. Nay ta giao các người cả 11 trấn, những việc quân quốc quan trọng cho phép các người tùy tiện mà làm, nhưng phải họp nhau bàn bạc, không được vì kẻ cũ người mới mà chia rẽ. Ai nấy đều phải đồng lòng hợp sức cho xứng đáng với kỳ vọng của ta".
[7]

Sắp xếp xong mọi công việc, Chính Bình Vương rời Thăng Long trở về nam.

[1] Năm 1780, Trịnh Tông lập mưu diệt trừ phe cánh Đặng Thị Huệ để giành ngôi chúa với Trịnh Cán. Âm mưu bị lộ, dư luận đương thời bảo do Ngô Thì Nhậm cùng với Nguyễn Huy Bá tố cáo. Trịnh Sâm trừng phạt nặng nề những đại thần liên can: Nguyễn Khắc Tuyên, Chu Xuân Hán bị buộc uống thuốc độc chết. Sau đó, Nhậm được thăng: công bộ hữu thị lang.

[2] Hoàn quận công nhại lời chỉ dụ của Nguyễn Huệ.

[3] Trích lại trong Tuyển tập thơ Ngô Thì Nhậm, trang 42, tập 2, Nxb KHXH 1978

[4] Hoàng Lê nhất thống chí, bản Ngô Tất Tố, trang 248.

[5] Tháng giêng mùa xuân 1787. Theo lệ cũ khi tế giao, xa giá nhà vua từ cửa Đại Hưng đi ra. Mờ đóng cửa này do phủ doãn phủ Phụng thiên giữ chìa khóa. Bấy giờ Nguyễn Bá Lan làm phủ doãn theo ngự giá nhưng đi sau. Kịp khi nhà vua hồi cung phải chờ chìa khóa hồi lâu không vào được. Triều thần muốn trị tội Bá Lan nhưng nhà vua đặc cách tha cho. (Cương Mục, quyển 47-1)

[6] Hoàng Lê, trang 249.

[7] Hoàng Lê, hồi 13, tờ 19a. Liệt truyện quyển 30, tờ 29a.

Chương 86

Đây là lần thứ hai Phan Huy Ích vào thành Phú Xuân!

Mười một năm về trước, ở cái tuổi hai mươi sáu phơi phới danh vọng, ông đã được Tỉnh vương

Trịnh Sâm giao trọng trách vào Phú Xuân giải quyết vấn đề biên giới với Tây Sơn^[1].

Bây giờ sau mấy năm chán chường vì hoạn lộ thăng trầm, gần kề cái tuổi "tứ thập nhi bất hoặc", ông trở lại Phú Xuân với mái tóc đốm bạc và đôi mắt mệt mỏi.

Trong nhóm nho sĩ Bắc hà theo Chính Bình vương về Phú Xuân lần này, Phan Huy Ích là người có kiến thức và danh vọng cao nhất. Bạn bè xét nét ông để tìm một lỗi cư xử vừa đỡ mất thể diện "ông nghề Đàng Ngoài" vừa khỏi nguy hiểm. Các quan văn võ Phú Xuân thì đẩy đưa với ông, luôn luôn giữ một khoảng cách vừa phải nào đó trong giao tiếp để ông nhớ rằng dù được vương thượng cho làm tả thị lang bộ Hình tước Thụy nam hầu, ông vẫn cứ là người ngoài như thường. Ông không đến nỗi lơ láo như một hàng thần, nhưng, giữa cảnh xe ngựa rộn rịp nghi vệ oai dũng hơn cả Phú Xuân năm Bính thân, Phan Huy Ích cảm thấy lạc loài. Ngôi nhà vắng chủ nằm sâu trong khu vườn chuối xanh um ở Phủ Cam dành riêng cho nhóm nhà nho Bắc hà, công đường của bộ Hình, điện Triều Dương nơi ông được Vương thượng vời đến hỏi han công việc, cái bến đá bên bờ sông đào nước xanh màu rêu thẫm nơi ông thường đến mỗi chiều để nhớ tiếc da diết cái thời làm quan ở trên mặt sông^[2], không chỗ nào Phan Huy Ích thấy là "của ông" cả.

Điều ông khổ tâm là không tìm ra được lý lẽ xác đáng để giải thích tâm trạng lạc lõng ấy. Ông nhớ tiếc thời vàng son cũ chẳng? Không. Ông đã bị thất sủng ngay từ khi vua Lê chúa Trịnh còn tại vị, khiến ông chán nản đến nỗi không thềm ngõ ngang gì đến việc quan, không tới dinh làm việc mà ghép mấy chiếc thuyền bè làm nhà ở, trên bờ dựng vài gian cho nha lại lính tráng đóng, văn án không tra xét, chỉ khi nào có việc quan trọng mới đến giải quyết^[3]. Ông ray rứt khốn khổ vì lòng trung chẳng? Có lẽ không, vì nếu vậy ông đã

hành động cần vương dứt khoát như bọn Nguyễn Đình Giản, hoặc bạo hơn nữa như Nguyễn Huy Trạc. Ông bất phục chế độ mới chẳng? Cũng không. Dù tìm thấy ở cung cách hành động, cư xử của quan lại Tây Sơn nhiều điều thiếu văn nhã, Phan Huy Ích cũng phải thầm kính phục sự quyết đoán, tài thao lược, và tầm hữu hiệu của họ. So với bọn tham tụng, bồi tụng, thị lang, thêm sai đồng liêu của ông trước đây, các quan văn võ Phú Xuân tự tin và khí khái hơn nhiều. Vậy thì tại sao ông lạc loài? Một hôm đứng bên bờ đá, ông thấy đám con nít bơi lội, té nước vui vẻ với nhau dưới sông, và các cô gái nhà nghèo tíu tít đem đồ giặt xuống bến cười nói luôn miệng, ông chợt nghĩ mình bị cuộc sống hồn nhiên rộn rã (cuộc sống tiến về phía trước như thời gian, vươn lên cao như khói tỏa) bỏ lại đằng sau, phía dưới, nên mới lạc lõng hoang mang vì sự yếu đuối. Đó là nỗi lạc loài của kẻ chồn chân mỗi gối đứng nép bên lề nhìn kẻ đi người lại tấp nập trước mặt mình. Ý nghĩ đó khiến Phan Huy Ích khổ sở hơn. Ông thầm ao ước được dứt khoát chọn phía như Nguyễn Đình Giản hoặc Ngô Thì Nhậm anh vợ của ông. Chọn một lần rồi thôi, sau đó mạnh bạo, tự tin,

nếu cần thì quyết liệt hành động để tiếp tục phụng sự cho mục tiêu đã lựa chọn. Ông cũng có lựa chọn đấy. Nghe lời tuyên triệu, ông cũng đã vội vã rời Phương Liệt ra Kinh trình diện với Chính Bình vương. Nhưng ra đi trong dửng dăng, ra mắt giữa lúc rứt rề và giờ đây, về Phú Xuân trong lạc loài.

Ông tiếc Ngô Thì Nhậm phải ở lại Thăng Long, không được về đây với ông. Nhậm đối với ông có cái gì hơn cả một người bạn học, một người anh vợ, một đồng liêu, một văn hữu. Do tuổi tác, kiến thức, tài năng, nhất là do sức mạnh của ý chí, Nhậm là cái mẫu hiển hiện gần gũi (phải, gần gũi đến nỗi Phan Huy Ích tưởng chỉ cần cố thêm một chút nữa thì thế nào cũng theo kịp Nhậm) của Ích. Là chỗ dựa êm ái của một phút mệt mỏi, là cái lều đủ tạm tránh gió. Ngô Thì Nhậm không vượt hẳn lên cao, khoảng cách nhỏ nhoi giữa ông và Nhậm mới nhìn tưởng không quá cái nhón gót. Thế mà... Phan Huy Ích tự thẹn với mình.

*

* *

Cả nhu cầu việc công lẫn tâm tư riêng đều thúc đẩy Phan Huy Ích gần gũi Trần Văn Kỳ. Ông có quá nhiều điều để nói với quan Trung thư: những gợi ý rứt rề về cách tổ chức chưa được hợp lý ở các bộ; những lời tự khai dè dặt về vai trò của mình trong chuyến công cán vào Phú Xuân năm Bính thân (để phòng trường hợp một vài chức sắc Thuận Hóa còn nhớ cảnh đưa rước rầm rộ mười mấy năm trước nên tâm tình nói xấu Ích), những suy nghĩ về văn chương, đạo học giữa thời loạn; những bài thơ vừa làm xong cần một người đồng điệu thẩm định giá trị... Cuối cùng, vào những lúc hiểm hoi, cả hai quên vị trí xã hội của mình, Phan Huy Ích có thể thổ lộ với quan Trung thư những cảm giác hoang mang chưa định, những nỗi buồn vô duyên cớ, những yếu đuối đẩy đưa đến tâm trạng lạc lõng, nói chung là những tình cảm xa lạ với cảnh rộn rã lạc quan chung của Phú Xuân. Có một đề tài hai người rất thích thú khi bàn luận với nhau là thơ văn Ngô Thì Nhậm. Phan Huy Ích giữ được khá nhiều các bài đường luật, phú, ký của Ngô Thì Nhậm. Trần Văn Kỳ rất thích bài Mộng Thiên Thai phú, nên muốn được đọc phần trước tác còn lại của tác giả. Kỳ không thể tìm được một người sưu tầm, diễn giải, phê bình văn chương Ngô Thì Nhậm nào thích hợp hơn viên tân thị lang Hình bộ. Cho nên hễ gặp nhau là họ có sẵn những điều cần nói cho nhau nghe. Một lần sau buổi chiều, Trần Văn Kỳ vội vã tìm cách gặp cho được Phan Huy Ích để hào hứng bảo:

- Đêm qua tôi ngồi một mình đến quá khuya để đọc đi đọc lại mãi tập phú của ông Hi Doãn. Thật lạ lùng. Ông có nhớ bài Lâm Trì phú không?

Phan Huy Ích mỉm cười lễ phép đáp:

- Thưa quan Trung thư, nhớ ạ.
- Lâm Trì ở đâu thế? Tôi nghe đây chỉ là cái tên mượn.
- Thưa không ạ. Theo ông Hi Doãn (Ngô Thì Nhậm) cho biết, thì ao này ở làng Đông Nhuế, vùng Vũ Thư, trấn Sơn Nam.
- Ông ấy làm bài này lúc nào?
- Lúc đi lánh nạn, sau vụ án Canh tý.
- Tôi cũng đoán thế, nhờ dựa vào các câu như:
Dựa cành cây chừ, cho qua ngày

Mong người đẹp chừ, chưa thấy được.

Đạo lớn mất chừ, về đâu?

Cá trong chậu chừ, cạn nước

Ý tạo hóa chừ, mông lung

Nhớ thánh hiền chừ, xa lắc

Ôi! Tháng ngày như quán trọ

Trời đất chiếc bè trôi

Cứ gì quê ta nhỉ?

Cảnh đẹp ở nhà ai?

(Bài dịch của Ngô Linh Ngọc trong Văn thơ Ngô Thì Nhậm.)

Ông thấy không? Tôi đọc mãi đến thuộc lòng cả bài. Phong vị giống y như phong vị Tiền Xích Bích phú.

Phan Huy Ích thấy các quan khác đã về gần hết, nên đối đáp về văn chương trở nên thoải mái, tự nhiên hơn. Ông nói:

- Thưa đúng như vậy. Quả là có phong vị Xích Bích phú, nhưng Lâm Trì phú không phải là bản sao chép nhập nhèm của Xích Bích phú. Đọc kỹ, ta thấy có cái gì ấm cúng, gần gũi.

Trần Văn Kỷ thích thú đến nỗi reo lớn tiếng:

- Đúng đấy. Tôi cũng cảm thấy như thế mà không nói được gãy gọn chính xác như ông. Hai câu của Tô Đông Pha:

Điều điều hề dư hoài

Vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương.

về ý cũng giống như hai câu của ông Hi Doãn:

Ý thụ chi dĩ di thời

Vọng mỹ nhân hề vị kiến

Cũng là "vọng mỹ nhân", nhưng một bên thì canh cánh hoang mang, một bên thì như tằm ngấn, hay cái gì tương tự như thế.

Phan Huy Ích nói:

- Tôi có được nghe ông Hi Doãn giải thích về điều này. Cái ý muôn thuở vẫn là cuộc phù sinh. Tô Đông Pha được cái may mắn thả thuyền trên dòng Xích Bích, nên cảm giác bập bênh trôi nổi dễ diễn tả bằng sự hoang mang bé bỏng trước trời đất vô cùng. Ngài có nhớ cả một đoạn dài sau hai câu thơ của Tào Mạnh Đức không? Vâng, hai câu: "Nguyệt minh tinh hi, ô thước nam phi" (nghĩa là trăng sáng sao thưa, quạ bay về nam). Sau hai câu thơ đó, Tô Đông Pha viết: "Đương khi Tào Mạnh Đức phá đất Kinh Châu, xuống thành Giang Lăng, thuận dòng mà sang mặt đông, tàu bè muôn dặm, cờ tán rợp trời. Rót chén rượu đứng trên mặt sông, cầm ngang ngọn giáo ngâm câu thơ, đó thực là anh hùng một đời, mà nay thì ở đâu? Huống chi tôi với bác đánh cá kiếm củi ở trên bến sông này, kết bạn cùng tôm cá, chơi bời với hươu nai, bơi một chiếc thuyền nho nhỏ, nhắc chén rượu để mời nhau, gửi thân phù du ở trong trời đất, nhỏ nhặt như

một hạt thóc ở trong bể xanh, thương cho sự sống của ta không bao lâu mà khen cho con sông này dài vô cùng" (3) Ông Hi Doãn thì chỉ được ngồi "tần ngần"; đúng như ngài nói vừa rồi, là tác giả ngồi tần ngần bên bờ ao hẹp, nhưng vẫn phải làm thế nào viết được cái ý phù du. Chờm ngợp trước trời đất bao la, hay cảm thấy cùng quẩn trong cảnh tù túng chật hẹp, vẫn thế thôi. Chẳng những thế, ông Hi Doãn vẫn cố nói được cái lớn qua cảnh chật hẹp:

Đạo lớn mất chừ, về đâu?

Cá trong chậu chừ, cạn nước!

Ý tạo hóa chừ, mông lung

Nhớ thánh hiền chừ, xa lắc

Ôi, tháng ngày như quán trọ

Trời đất chiếc bè trôi!...

Trần Văn Kỷ cắt lời Ích:

- "Đạo lớn mất chừ, về đâu? Nhớ thánh hiền chừ, xa lắc!" Không được. Có dịp gặp lại ông Hi Doãn, tôi sẽ nói thẳng cho ông ấy biết là ý hai câu này không được. Đã là đạo lớn thì không bao giờ mất. Còn thánh hiền xa hay gần là tùy ở ta. Có những kẻ thuộc lâu tứ thư lục kinh, nhưng xa thánh hiền vì không thể hiểu được lời dạy của thánh nhân. Đọc bài phú Lâm Trì đến chỗ này tôi khựng lại, hơi thất vọng cho ông Nhậm. Nhưng đọc tiếp sang đoạn cuối thì mới biết ông ấy đánh lừa mình. Không. Hoang mang thất vọng chỉ là tâm trạng yếu đuối của một vài khắc chán nản. Phần còn lại của nhà nho ta vẫn là trọn tin ở thiên mệnh, vững chãi, sáng suốt "kiến cơ nhi tác". Phần kết đầy cả nao nức. Tôi còn nhớ được mấy câu:

Ta đứng ngắm ao

Lòng vui chẳng ngớt

Gió thoảng mát chừ hiu hiu

Sóng gợn vân chừ lớp lớp

Chẳng có gương mà sáng ngời

Không có lầu mà cao vót

Không hư sự vật suy rành

Máy tạo xưa nay tỏ rạng.

Phan Huy Ích cũng hứng thú đọc nối:

Tắm sông Nghi^[4] chừ, ai kia?

Ở ngõ hẻm^[5] chừ, sá quản.

Huống đây ao nước trong ngời

Rửa muộn giúp ta thanh thản.

Chương cuối Thiên Hương đang giờ xem

Thời vậy thay!

Thời vậy thay

Kêu ba tiếng, rồi chim bay đi"^[6]

Cả hai không hẹn mà cùng reo lên "Thật tuyệt" rồi cười lớn. Vài viên quan nhỏ, thuộc hạ của Trần Văn Kỷ nghe tiếng cười ồn, quay lại ngơ ngác. Quan Trung thư vẫn cười tự nhiên, nhưng Phan Huy Ích thì làm mặt nghiêm, bối rối như vừa làm điều quấy.

*

* *

Điều đáng tiếc là tại bộ Hình, nhiệm sở của Phan Huy Ích, không bao giờ có những khắc thoải mái như vậy.

Hình bộ thượng thư Hồ Công Thuyên không giao cho quan Hình bộ tả thị lang Phan Huy Ích công việc gì cụ thể. Cách đối đãi, cư xử của Thuyên thật hòa nhã, kính cẩn. Không thể chê trách điều gì được. Ngay sau khi Phan Huy Ích đến bộ Hình, Thuyên bắt các quan lớn nhỏ trong bộ vào lạy ra mắt quan Tả thị lang. Sau đó là một tiệc rượu linh đình. Thuyên nhường cho Ích chỗ ngồi vinh dự nhất trong tiệc rượu. Vài hôm lại có lính bộ mang đến chỗ Ích ở quà biếu của quan thượng thư, nào trà tàu thơm, rượu ngon, nào gạo trắng, thịt, tôm, cá tươi, đồ sứ pha trà, ống nhổ thau, chiếu hoa... Có thể nói suốt cuộc đời làm quan của Phan Huy Ích, chưa bao giờ ông được trọng vọng, cung phụng đầy đủ như thế. Nhưng ngoài tiện nghi xa hoa đó, Thuyên không giao cho Ích việc gì cả. Phan Huy Ích có mạnh dạn đề nghị vài điểm cần sửa đổi trong cách tổ chức nhân sự, hoặc trong thủ tục ngục tụng, cốt làm sao cho việc xét xử được nhanh chóng hơn. Quan thượng thư chăm chú lắng nghe, rồi cảm ơn rồi rút. Ngày hôm sau, hôm sau nữa, Hồ Công Thuyên không hề nhắc lại câu chuyện trao đổi hôm trước, giả lờ như chưa bao giờ họ nói chuyện với nhau. Mỗi lần Phan Huy Ích lấy bạo nhắc lại, Hồ Công Thuyên hơi nhú mày, rồi hỏi:

- Nhưng ông đã nói với quan Trung thư lệnh chưa? Nói với ông ấy đi. Tôi thì... ông thấy đấy, tôi có quyền hành gì ở đây đâu. Có phải quan Trung thư tâu với Chúa thượng bố ông về bộ Hình không? Tại sao không bố về bộ khác mà lại bố về bộ Hình? Có phải quan Trung thư nghĩ rằng tôi đã già yếu (Thuyên cười, trỏ lên mái tóc dày và đen mượt của mình), tóc sắp bạc hết, nên phải gửi một nhân tài Bắc hà đến giúp sức? Ông đã từng vào Phú Xuân, từng đảm đương nhiều việc lớn, thì cái bộ Hình tồi tàn nhỏ xíu này đâu phải là chỗ xứng đáng. Hay là vì chức Trung thư lệnh không có cấp phụ tá?

Càng nói giọng Hồ Công Thuyên càng mỉa mai, cay đắng. Phan Huy Ích không dám nói thêm gì nữa, cũng không dám léo hánh đến bộ Hình. Ngoài các buổi chiều, ông chỉ nằm khoèo ở nhà đọc sách hoặc thơ thần bên bờ sông. Ông bắt đầu thấy những điều phức tạp của triều đình Phú Xuân như đã thấy các cuộc tranh chấp điên đảo ở Thăng Long. Phan Huy Ích có thừa khôn ngoan để dè dặt, cố đứng ngoài các cuộc tranh chấp.

Nhưng người ta không để cho ông yên. Một hôm Lại bộ Hồ Đồng tìm đến hỏi Ích:

- Lâu nay ngài vẫn đi lại với quan Trung thư đấy chứ?

Phan Huy Ích đáp lơ lửng:

- Chỉ thỉnh thoảng thôi. Quan Trung thư có mượn tôi tập thi tuyển của các danh sĩ Bắc hà.

Hồ Đồng cười, ranh mãnh hỏi:

- Thảo nào sau mỗi buổi chiều, các ngài cứ quần lấy nhau để xướng họa, không thấy gì đang xảy ra chung quanh cả. Ngài đã đến thăm tư dinh Bùi tướng công chưa?

Phan Huy Ích ngơ ngác hỏi:

- Tướng công nào họ Bùi đấy ạ?

Hồ Đồng cười to:

- Tôi biết thế nào ngài cũng hỏi câu ấy, nên mới đến đây. Tôi dốt nát vô học, nhưng cũng có nghe thiên hạ trầm trồ tài học của ngài, nên tuy chưa thân đã kính phục. Ngài có biết không, mỗi lần ngài nói chuyện với quan Trung thư, ông Bùi Đắc Tuyên đều cố ngồi nán lại để... để làm gì, chắc ngài đã đoán biết.

Phan Huy Ích lo sợ hỏi:

- Thật thế ư? Thật thế ư?

Hồ Đồng nghiêm nét mặt, hạ giọng nói:

- Chỗ thân tình, tôi khuyên ngài nên chăm thăm hỏi Bùi tướng công hơn. Dĩ nhiên đồng thời ngài nên bớt thân thiết với quan Trung thư. Ngài không cần hỏi vì sao, vì thế nào ngài cũng phải biết điều rắc rối phức tạp đó rồi. Chúng tôi ở bên bộ Lại nên biết được nhiều việc ở các bộ khác. Có phải lâu nay ngài rảnh rồi lắm phải không?

Phan Huy Ích hơi khó chịu, hỏi lại:

- Ông hỏi làm gì vậy?

Lại bộ Hồ Đồng cười, không chút bối rối:

- Dĩ nhiên không phải tự ý tôi đến đây. Tôi đang làm việc quan đấy, vì "an nguy của xã tắc" đấy. Ngài thử nghĩ mà xem: nếu không khéo có thể vì sự sơ ý của ngài mà thành Phú Xuân bị xẻ làm hai, làm ba. Ngài không nghe người ta xì xào rằng Chúa thượng bắt đầu "mê hát chèo" rồi hay sao (Hồ Đồng lại cười). "Mê hát chèo!" Miệng lưỡi thiên hạ thật là... thật là phi thường. Không có cách ví von nào hay hơn! Ngài nên giữ ý tứ, nếu không người ta sẽ nghĩ là ngài cũng thuộc gánh hát chèo Bắc hà đấy!

*

* *

Phan Huy Ích vào Phú Xuân vào đầu mùa thu. Mãi đến khoảng giữa mùa thu, bộ Hình mới tìm được việc để giao cho ông. Thượng thư Hồ Công Thuyên mời Phan Huy Ích đến bộ hỏi:

- Hình như trước đây ông đã từng làm thêm sai tri hình ở phủ Chúa thì phải?

Phan Huy Ích đáp:

- Vâng. Tôi về triều thay cho Phạm Nguyễn Du đi án sát Kinh Bắc.

Hồ Công Thuyên thắc mắc:

- Làm đốc đồng Thanh Hoa sướng hơn chứ, sao ông lại xin về triều? Thanh Hoa không khổ vì việc phòng vệ như Nghệ An, cũng không quá gần mặt trời. Tôi nghe nói được về làm quan ở Thanh Hoa, người nào cũng "đẩy đà" lên.

Phan Huy Ích mím môi không nói gì. Quan thượng thư thấy Ích bất bình, nên vội chuyển sang chuyện

khác:

- Tôi mời ông tới vì bộ Hình ta đang gặp khó. Việc này ngoài ông ra, không ai kham nổi đâu. Xin ông chớ khiêm nhường. Sự thật đúng như vậy. Không phải các quan Hình bộ đều là hạng thiếu khả năng đâu. Họ xuất thân võ biên, nên có điểm hơn các văn thần là dám mạnh bạo. Bộ ta chuyên coi các án tụng, hình ngục, thì sự cương quyết, mạnh bạo càng cần hơn nữa. Tuy vậy, riêng vụ án này thì chỉ có ông mới giải quyết được.

Phan Huy Ích nói:

- Tôi sợ vì mới chân ướt chân ráo vào đây...

Hồ Công Thuyên cắt lời:

- Chính vì thế mà được việc. Nói thật với ông, vụ này dây dưa lâu rồi vẫn chưa ngã ngũ. Kẻ liên can có nhiều thế lực che chở, nên nhiều lần bộ Hình định làm án mà không xong. Chúng tôi hiện đang ở cái thế tiến thoái lưỡng nan. May mắn có ông vào kịp thời. Ông nhận xét án thì không ai dám bảo ông thiên vị bên nào cả.

Rồi Hồ Công Thuyên thuật sơ lược vụ Lợi liên can với các ghe buôn Đồng Nai. Phan Huy Ích thắc mắc:

- Hẳn chỉ là một viên quan nhỏ bộ Công, lẽ nào hai ba lần bộ Hình làm án mà không được? Hẳn là hoàng thân quốc thích chăng?

Thượng thư Hồ Công Thuyên lắc đầu đáp:

- Không. Nhưng hẳn giúp việc buôn trâu của nhà vua thời hàn vi. Vợ hẳn cũng không xa lạ gì với Vương thượng.

Phan Huy Ích vỡ lẽ, nói:

- Thế à!

Thuyên cười nhỏ một tiếng, mắt liếc tinh ranh:

- Ông sợ rồi phải không? Sĩ phu Bắc hà mỗi lần gặp trường hợp cậy thế lộng hành như vậy thì làm gì?

Phan Huy Ích lừ mắt nhìn Hồ Công Thuyên, hỏi lại:

- Các quan bộ Hình đã làm đến đâu rồi?

Hồ Công Thuyên không hiểu thâm ý câu hỏi đó, với tay lấy xấp hồ sơ vụ án gao Đồng Nai đưa cho Ích:

- Bộ Hình đã tra án mấy lần, được bao nhiêu đây. Nếu ông muốn tự mình xem xét từ đầu, thì cứ ra lệnh. Vụ này liên quan đến Qui Nhơn và Đồng Nai, nếu ông làm sáng tỏ thì công lao không phải nhỏ. Nhưng chỗ đồng liêu tôi có điều này nói riêng với ông, là ông không nên nói gì với quan Trung thư cả. Cứ lẳng lặng làm việc. Chắc ông đã hiểu vì sao rồi!

Phan Huy Ích chỉ hiểu lời mờ, nhưng Hồ Công Thuyên đã đứng dậy để tiễn khách nên ông không thể hỏi gì thêm.

Ngày buổi chiều hôm đó, Phan Huy Ích ra lệnh cho quan giữ ngục giải từng tên lái buôn Đồng Nai

lên bộ Hình để hỏi cung. Không cần tra khảo gì cả, quan Tả thị lang cho phép các tội phạm được ngồi đối diện với mình, mời uống trà, ăn trầu, và từ tốn hỏi thăm công việc buôn bán của họ. Ông ghi nhận được một điều đáng ngờ: số gạo bọn lái buôn đã bán cho Phú Xuân quá lớn, so với trọng tải các ghe bầu. Phan Huy Ích cho đòi các chức sắc phụ trách việc nhập kho để hỏi thể thức nhập kho thế nào. Thủ tục xuất nhập có nhiều sơ hở, khiến việc kiểm soát số lượng chỉ có giá trị tương đối. Lần tìm người chịu trách nhiệm các sơ hở đó, Phan Huy Ích nhận thấy cách tổ chức luộm thuộm không do sự dốt nát, mà do có chủ ý. Ông không thể đi sâu thêm nữa vì các chức sắc từ chối xuất trình tất cả sổ sách, lấy cớ chưa được quan thượng thư bộ Công chuẩn y. Ngay Hồ Công Thuyên cũng nói xa gần khuyên Phan Huy Ích chú ý đến các tội nhân, đừng tra hỏi các quan bộ Công gây nên bất hòa giữa hai bộ.

Phan Huy Ích lại thẩm vấn các con buôn, chất vấn họ vì sao có sự chênh lệch giữa khả năng vận tải tối đa của đoàn ghe bầu và số gạo nhập kho. Ban đầu họ chối. Về sau, Phan Huy Ích hỏi họ có dám trở về Đồng Nai trên một chuyến ghe đã chở từng ấy gạo đúng như lời họ khai hay không, thì cả bọn do dự. Cuối cùng họ thú nhận đã dùng gạo rải đều từ bến lên kho nên phải thông đồng với các quan bộ Công khai dôi số gạo bán. Họ phải làm như vậy, nếu không phải lỗ vốn vì chi phí chuyên chở cao, chi phí giao tế lại càng cao hơn nữa. Phan Huy Ích hỏi họ đã hối lộ cho ai, và hối lộ bao nhiêu để việc buôn bán được thuận lợi suốt mấy năm liền. Họ từ chối trả lời, khai rằng đã thú hết với quan thái sư Bùi Đắc Tuyên. Phan Huy Ích không tìm thấy tờ tự khai này trong xấp hồ sơ.

Không còn cách nào khác, Phan Huy Ích phải gặp Trần Văn Kỳ để xin lệnh của Vương thượng cho phép bộ Hình được kiểm soát tất cả sổ sách xuất nhập kho của bộ Công. Ông nhớ lời dặn trước của thượng thư Hồ Công Thuyên, nhưng tự ái của một viên đại thần không cho phép Phan Huy Ích dừng lại ở lưng chừng. Ông ngờ ngợ hiểu rằng chẳng những đây là một cuộc thử thách cho ông, mà còn là cuộc thử thách cho tất cả các quan văn võ cựu triều, về khả năng lần ý chí. Nghĩa là Phan Huy Ích không có một con đường nào khác, ngoài việc bậm môi chấp nhận cuộc thử thách!

*

* *

Thái bảo Phạm Văn Hưng vừa ở Gia Định về, chưa kịp ghé qua tư dinh đã có lệnh triệu vào châu ngay. Đích thân quan Trung thư lệnh và thượng thư bộ Binh chờ Hưng ở bến thuyền để đưa viên tướng vừa viễn chinh vào gặp Nguyễn Huệ.

Biết chủ tướng nóng lòng muốn biết tình hình Gia Định, nên vừa sụp xuống lạy Chính Bình vương xong, Phạm Văn Hưng đã nói:

- Tâu Chúa Thượng, tình hình trong đó...

Nguyễn Huệ xua tay nói:

- Không việc gì phải vội. Bọn thằng Chúng có theo sát thuyền ông về đây ta vẫn còn thì giờ uống với nhau một chén trà thơm. Đi đường có nhọc không, hãy ngồi xuống đây đã.

Phạm Văn Hưng ngồi ghé vào góc chiếc sập Chính Bình vương đang ngồi. Vương quay về phía Trần Văn Kỳ và quan thượng thư bộ Binh:

- Các ông kéo ghế ngồi dịch lại đây.

Hai người vâng lời Nguyễn Huệ, nâng hẳn hai chiếc ghế khảm xa cừ nặng lên, đem đến đặt nhẹ sát chiếc sập thếp vàng, để khỏi gây tiếng ồn. Trong phòng không ai nói với ai lời nào. Chính Bình vương chăm chú rót nước ra bốn cái chén nội phủ bịt vàng. Tiếng nước thanh và ấm. Rót nước xong, Nguyễn Huệ đẩy coi trầu về phía Phạm Văn Hưng:

- Ông ăn trầu đi đã.

Phạm Văn Hưng không khách sáo, lắc đầu từ chối:

- Xin Vương Thượng ban cho chén nước.

Nguyễn Huệ cười:

- Miếng trầu của các cô các bà trong Gia Định tèm khéo hơn hay sao? Ông già đi đấy. Má hóp, mắt thâm quầng.

Phạm Văn Hưng tưởng đã đến lúc phải bẩm báo tình hình trong nam, ngồi ngay người thưa:

- Tàu Vương Thượng, khi chúng tôi vào đến Gia Định...

Một lần nữa, Nguyễn Huệ cười lớn, cản lại:

- Chưa cần bẩm báo vội. Ông uống cho hết chén nước này đi!

Phạm Văn Hưng vâng lệnh Chính Bình vương, một tay che mặt, một tay nâng chén nước lên uống cạn. Nguyễn Huệ chú ý thấy cánh tay áo của Phạm Văn Hưng bị cháy xém vì thuốc súng. Vương cảm động, giọng nói hơi run run:

- Ta trông tin ông còn hơn trẻ con trông mẹ về chợ. Thấy ông và anh em trở về mạnh khỏe ta rất mừng. Quan Trung thư lấy giùm cho ta tấm bản đồ Gia Định. Cuốn giấy cứng cao nhất trong cái lọ sứ ấy. Không phải, cuốn kia kìa. Đúng rồi. Quan thái bảo khỏe rồi chứ?

Cả bốn người quây quần quanh tấm bản đồ. Nguyễn Huệ ngồi thẳng lưng trên sập, tay cầm một thanh gỗ mun đen hai đầu có bịt bạc dùng để chặn giấy, nghiêm mặt theo dõi báo cáo của Phạm Văn Hưng. Hưng dùng ngón tay trỏ chỉ lên bản đồ nói:

- Lúc tôi vào tình thế đã khá nguy ngập rồi. Thượng Sâm phải một mình chống cự với thuộc hạ của tên Chung từ khi Đông Định vương bỏ về Qui Nhơn. Tháng 10 năm trước, Hồ Văn Lân đánh ở sông Lương Phú, đô đốc Nguyễn Văn Mân không cự nổi phải rút về giữ Thang Trông. Chương cơ Chân, tả hiệu Huấn đầu hàng giặc rồi làm tiền phong cho chúng.

Nguyễn Huệ hỏi:

- "Thang Trông"? Bản đồ ghi "Thán Lung" mà?

Phạm Văn Hưng nói:

- Tàu chúa thượng, "Thán Lung" là tên chữ, dân địa phương gọi theo cách nôm là "Thang Trông". Vâng, chỗ đó thuộc Bến Tranh tên chữ là Tranh Giang, Định Tường. Trong lúc đó thì Nguyễn Văn Trương, Đỗ Văn Hựu đánh tập hậu ở sông Mỹ Lung, đuổi chương cơ Từ khỏi Mỹ Lung. Bộ hạ của chương cơ đầu hàng, đem theo cả mấy mươi chiến thuyền. Giặc cứ tiến dần, tiến dần như tằm ăn dâu. Thượng Sâm rút về sông Mỹ Tho, rồi lại phải rút về Sài Côn, vì Nguyễn Phúc Hội đã chiếm Ba Giồng; Hoàng Văn Khánh,

Trương Phú Ngan, Nguyễn Văn Trương, Tô Văn Đoái đắp lũy ở Nước xoáy^[7]. Cho đến đầu năm nay (Mậu thân 1788), giặc đã chiếm giữ vùng Trà Lọt, giồng Triệu, giồng Sao. Ta chỉ còn kiểm soát được vùng Sài Côn, Mỹ Tho.

Nguyễn Huệ nóng ruột, dùng cây thước mun chỉ lên bản đồ hỏi:

- Còn phía dinh Trấn Biên?

Phạm Văn Hưng buồn rầu đáp:

- Lưu Thủ Khoa, bộ hạ tên Chùng đã chiếm mất rồi. Thượng Sâm chỉ còn biết dựa vào thủy binh làm lực lượng phòng ngự chính yếu.

Nguyễn Huệ dăm chiêu bần thần không nói gì, cả phòng hoàn toàn yên lặng. Một lúc sau, Vương nói:

- Mất Ba Giồng với Trấn Biên là đường bộ đã bị cô lập rồi. Khi thủy binh của ta kéo vào, tình thế có gỡ được rồi không?

Phạm Văn Hưng nói:

- Bẩm có. Cả bọn địch lẫn Thượng Sâm đều hoang mang không hiểu ta vào làm gì. Ban đầu chúng tưởng Qui Nhơn đưa viện binh vào. Thượng Sâm cũng tưởng thế. Sau biết là thủy binh Phú Xuân, Thượng Sâm lo ngại. Ông ấy đóng chặt cửa thành không cho tôi vào. Nhiều lượt thư qua thư lại, kèm theo thề thốt, ông ấy mới tin là tôi vào để cứu viện. Ông ấy rơm rớm nước mắt nói với tôi: "Đông Định vương ngờ tôi làm phản nên mới bỏ về Qui Nhơn. Hoàng thượng có lẽ cũng ngờ tôi nết. Tôi mà có lòng nào thì Trời tru đất diệt ba họ nhà tôi. Tình thế nguy ngập thế này mà Bề Trên không trọn tin thì làm sao chống giữ được đất Gia Định. Tôi còn biết trông chờ về phương nào đây?"

Nguyễn Huệ hấp tấp hỏi:

- Lúc ông về tình thế đã tạm yên chưa?

Phạm Văn Hưng không giấu được bối rối khi đáp:

- Bẩm chưa ạ. Giặc vẫn cố thủ ở các điểm quan yếu như Ba Giồng, dinh Trấn Biên. Thủy binh của ta có làm cho chúng nao núng, nhưng về sau có một thổ hào người Gò Công (Võ Tánh) đem thuộc hạ đông cả vạn quân lên giúp tên Chùng. Chúng loan truyền trong dân chúng cái tin sẽ hạ thành Gia Định vào tháng 6 này.

- Dân có tin lời chúng phao truyền không?

- Tâu Chúa thượng, lòng dân Gia Định dao động lắm. Tên Chùng cho tay chân rao khắp nơi: ai nuôi một lính Tây Sơn bỏ chạy về làng thì binh dịch được miễn một nửa, hai người thì được miễn hết, ba người trở lên thì được thưởng. Đối với binh lính gốc Thuận Hóa thì bọn chúng nhắc nhở đến dòng họ Nguyễn Gia Miêu để vượt ve tỵ ái địa phương. Ai muốn mau về xứ thì nên đầu hàng bọn Chùng, lập công phò tá để chóng về đất cũ.

Nguyễn Huệ quay về phía Trần Văn Kỷ nói:

- Lại vẫn cái chiêu bài chính thống! Các ông thấy không, muốn gỡ rối ở Gia Định lẫn Bắc hà chỉ còn một cách là làm sao cho dân hiểu rõ rằng mệnh Trời đã đổi. Rằng bọn ruồi nhặng từng rước quân Xiêm về

dày xéo Gia Định lẫn bọn con cháu họ Trịnh họ Lê ở Bắc hà đều là những thân cây mục, không còn dùng làm gì được nữa. Ta biết thuyết phục cho được điều đó, không phải dễ. Phía nam, ta còn vương Hoàng đế thành. Phía bắc, các ngài khoa bảng thuộc lâu kinh truyện còn ôm khư khư lấy chữ "trung quân". Ta có nghe báo lại các lời bàn tán của giới sĩ phu Bắc hà, khi họ đọc tờ chỉ dụ ủy cho Sùng nhượng công làm giám quốc dân tại cửa Đại Hưng. Ta không ngạc nhiên, cũng không vội vã nôn nóng. Cái gì mục nát tất nhiên phải gãy đổ. Có chút gió thổi thì đổ nhanh hơn. Thế thôi. Chẳng lẽ các ngài cứ khư khư bám lấy những điều lỗi thời, thậm chí còn chết đại như bọn Lý Trần Quán, Nguyễn Huy Trạc. Phải có người thức giấc chứ! À này, lâu nay mấy ông nghề Đàng Ngoài làm việc thế nào, quan Trung thư? Ông đã sai đem biểu quế cho La Sơn phu tử chưa?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Thưa đã gửi quế cho quan trấn thủ Nghệ An rồi ạ.

Trần Văn Kỷ tránh trả lời câu hỏi thứ nhất, vì không dễ gì trả lời cho đúng và gọn một vấn nạn quan trọng như thế. Nguyễn Huệ cũng quên ngay câu vừa hỏi, quay về phía Phạm Văn Hưng ân cần dặn:

- Bây giờ ông về gấp cho gia đình mừng. Khao thưởng số anh em vừa vào Gia Định cho xứng đáng. Việc này quan thượng thư bộ Binh sẽ lo. Ông gầy hăn đi, thế nào bà vợ ở nhà cũng oán ta.

Cả Nguyễn Huệ lẫn Phạm Văn Hưng đều cười. Vương tiền quan thái bảo đến tận thêm diện Triều Dương. Lúc quay vào, Nguyễn Huệ đã thấy Phan Huy Ích chờ đợi từ lâu ở tiền sảnh để được chào hầu.

*

* *

Chỉ còn lại Chính Bình vương, Trần Văn Kỷ và Phan Huy Ích trong văn phòng. Trần Văn Kỷ thắc mắc không hiểu do đâu quan Tả thị lang xin ra mắt Chính Bình vương mà chưa hỏi gì ông cả. Nguyễn Huệ thì thích thú, nhớ lại câu mình vừa hỏi quan Trung thư về các ông nghề Đàng Ngoài. Vương nghĩ: "Sẵn tiện hỏi thẳng xem các ông nghĩ sao trước vận hội mới". Trần Văn Kỷ cố giữ thế chủ động, ân cần mời Phan Huy Ích ngồi lên chiếc ghế cầm xa cừ gần sập ngự, rồi thưa với Nguyễn Huệ:

- Tâu Chúa thượng, từ lâu quan tả thị lang vẫn có ý xin được riêng ra mắt Chúa thượng để tạ cái ơn tái tạo...

Nguyễn Huệ gạt phắt cung cách khách sáo của quan Trung thư:

- Thôi, ân với huệ cái gì! Chính ta cũng muốn được gặp riêng các ông để nghe những lời nói thẳng thắn, chín chắn, nhìn xa trông rộng. Nhất là những ông nghề Bắc hà am hiểu việc đời như quan thị lang đây.

Phan Huy Ích nhún nhường đáp:

- Vương thượng dạy quá lời. Chúng tôi chỉ vớ vẩn được vài ba câu kinh truyện, thi phú, làm sao am tường được hết nhân sinh như Vương thượng. Giữa sách vở với cuộc thế, khoảng cách thật khôn lường, vì sách vở chỉ ghi những điều con người mơ ước, chứ không phải những gì sẽ xảy ra để ứng phó.

Nguyễn Huệ gật gù, rồi hỏi Phan Huy Ích:

- Xưa nay thiên hạ không phải của riêng một dòng họ. Ở nước ta, mệnh trời chuyển từ họ Ngô, Đinh đến Tiền Lê, từ Tiền Lê đến Lý rồi đến họ Trần. Họ Trần suy vi để cho họ Hồ chuyên quyền, đất nước suy

yếu dẫn đến cái họa bị quân Minh xâm lược. Lê Thái Tổ đánh đuổi giặc Minh sáng lập nhà Hậu Lê. Ta không đọc sách được nhiều, nhưng cũng dám lấy bạo đoán già đoán non rằng, mỗi lần thay đổi triều đại, không thiếu gì kẻ bắt chước Bá Di, Thúc Tề trốn lên núi Thù Dương để khỏi ăn thóc nhà Châu. Trong bọn đó, có bậc hiền triết, cũng có bọn ngu xuẩn. Có thời mệnh Trời chuyển mà nhân tâm ít động. Có thời dao động dữ dội. Ông đọc sách nhiều, có hiểu vì sao hay không?

Phan Huy Ích suy nghĩ một lúc mới đáp:

- Một vương triều đổ xuống, cho một vương triều khác dựng lên, tất nhiên phải gây dao động. Phải có kẻ mất quyền lợi đâm oán hờn và kẻ trở nên phú quý giàu sang nhờ vận hội mới. Điều đó không tránh được. Sự dao động nhiều hay ít là tùy cái được và cái mất mà vương triều mới đã đem đến cho thiên hạ. Sự so sánh này thực khó khăn. Những kẻ càng có học thức bao nhiêu càng dễ lâm lẩn trong việc cân đo được mất.

Nguyễn Huệ thích thú cười to:

- Ông nói hợp ý ta. Đúng lắm. Kinh truyện dễ khiến cho các ngài đâm ngờ mọi sự, đến nỗi các ngài sợ sự thay đổi như người bệnh sợ gió. Cuộc đời đổi thay thì các ngài không còn yên tâm với chữ nghĩa nữa. Cái gì cũng phải đặt lại từ đầu và tự mình quyết định điều đáng làm và không đáng làm. Các ngài run tay và khổ sở. Bọn chân đất chúng tôi cư xử đơn giản hơn. Ai đem đến cho chúng tôi cơm ăn áo mặc, cho chúng tôi được hy vọng sẽ sống khá hơn, kẻ đó xứng đáng được tôn vương.

Phan Huy Ích nói:

- Tâu Chúa thượng, ở các buổi giao thời, không bao giờ nhà sáng nghiệp có khả năng đem ngay cơm no áo ấm đến cho thiên hạ. Họ chỉ phá tan được cái ách đè nén thiên hạ, chứ chưa cải thiện ngay được đời sống thiên hạ. Đôi khi do đổi đời mà thiên hạ phải đóng góp sức lực, của cải nhiều hơn cả thời trước, nói trắng ra là khổ hơn thời trước. Nhưng cái mà nhà sáng nghiệp như Lưu Bang đem lại cho thời đại là nguồn hy vọng được sống khá hơn thời bạo Tần. Và vì mới chỉ là một nguồn hy vọng, chưa có gì cụ thể, nên sự so sánh được mất trở nên khó khăn. Đối với hạng người được triều cũ ưu đãi, thì cái mất quá lớn lao, còn cái được thì nhỏ nhoi, bẽ bàng. Quan lại, nhà nho, tôn thất, dễ hoang mang dao động hơn bọn con buôn và người lao động là vì vậy.

Nguyễn Huệ liếc về phía Trần Văn Kỷ mỉm cười. Trần Văn Kỷ hiểu ngụ ý của cái nhìn ấy, hiểu quan thị lang đang bộc bạch tâm sự thầm kín của mình và các quan lại cự thần nhà Lê. Trần Văn Kỷ chen vào hỏi:

- Có lúc nào phần được phần mất chênh lệch rõ ràng đến nỗi ai ai cũng hân hoan chào đón vận hội mới không?

Phan Huy Ích do dự một lúc lâu mới đáp:

- Khó lắm. Ngay cả bọn hôn quân như Kiệt, Trụ vẫn còn có bọn bề tôi cố chấp như Bá Di, Thúc Tề.

Nguyễn Huệ vui vẻ nói lớn:

- Có chứ. Ông nghe quên mất trường hợp các nhà sáng nghiệp giành đất nước, thiên hạ lại từ tay bọn xâm lăng, như Lê Thái Tổ chẳng hạn. Lúc đó thì sự được mất thật rõ ràng. Mất gì? Mất ách nô lệ, mất cái

nhục làm tôi mọi cho ngoại bang. Được gì? Được tất cả. Trời đất, cây cối, nhà cửa, ruộng vườn, cả đến câu ca, lời hát, kiểu áo mặc, kiểu đội khăn, trở thành của ta. Lúc đó, cả thiên hạ làm thành một khối sức mạnh vô địch. Ta đã nghiệm ra được điều đó khi cầm quân diệt bọn Xiêm La ở Rạch Gầm, Xoài Mút. Ta nghĩ trong Bắc sử, Nam sử còn nhiều trường hợp chứng minh điều đó.

Trần Văn Kỷ và Phan Huy Ích thật sự bị ý tưởng của Nguyễn Huệ thuyết phục, nên từ đó về sau họ lục hết sử sách để tìm bằng chứng sức mạnh của một dân tộc bị ngoại xâm lúc một bậc anh hùng hô hào toàn dân đứng dậy đánh đuổi bọn xâm lược. Họ nói nhiều đến Lê Thái Tổ và Nguyễn Trãi. Đà câu chuyện đưa đẩy họ quay sang bàn đến sức mạnh của những áng văn như Bình Ngô đại cáo. Phan Huy Ích sung sướng tìm được các lý lẽ đủ nâng cao địa vị nhà nho trong thời loạn, càng nói ra càng quên được những bực dọc, bẽ bàng trong mấy tháng qua. Ông chỉ bút rút khi nhớ lại mục đích buổi chiều này. Làm sao quay trở lại một điều tầm thường vụn vặt như vậy? Phan Huy Ích nhất định chờ dịp khác, và chỉ nên gặp riêng Trần Văn Kỷ cũng đủ. Nhờ thế về sau, ông nhớ buổi chiều hôm ấy như một kỷ niệm đẹp nhất của đời ông, vì chưa lúc nào ông được hào hứng bênh vực cho tầng lớp nho sĩ, cho văn chương, cho đạo học như vậy!

(1) Theo "nguyên dẫn" của chính Phan Huy Ích trong bài thơ Phụng mệnh nam hành (Nam trình tạp vịnh).

Giữa mùa thu (Bính thân 1776), sứ giả Tây Sơn đến trấn Phú Xuân, dâng trình tờ biểu, đồng thời tiến sản vật quý của địa phương để cầu được giao hảo, trong đó có nhiều uẩn khúc khó phân biệt được thực hay giả. Theo chỉ dụ thì phải chọn một quan văn mẫn cán xứng đáng để sai đi cùng các quan địa phương giải quyết vấn đề ở biên giới. Lúc đó thân phụ tôi làm việc ở đồn Động Hải, chính phủ định tuyển vào chức đó. Khi trình lên, Bề Trên đặc biệt đổi tên thân phụ tôi ra tên tôi, lại triệu tôi vào để dặn dò công việc, khi vào xong việc phải về triều trình bày, lại được tiện đường về thăm phụ thân, như vậy càng thỏa đáng đôi đường. Tôi mới nhận chức thêm sai hơn một tháng, nhiều lần được gọi vào hầu để chỉ bảo phương lược, được Trên ban cơm, khen thưởng yên ủi đầy đủ, và truyền xuống để cho các trấn cử quan binh lần lượt bảo vệ nghinh tiếp. Ngày 2 bắt đầu ra đi, cả đi lẫn về gần ba tháng có tập thơ Nam trình tạp vịnh.

(Thơ văn Phan Huy Ích tập 1. Dụ am ngâm lục. Nhà xuất bản KHXH Hà Nội 1988, trang 70-71)

Tiếp theo đó, trong nguyên dẫn bài Đáo Phú Xuân thành, Phan Huy Ích viết: "Tôi xuất phát từ kinh thành, qua các trấn Sơn Nam, Thanh Hoa, Nghệ An, đến đâu cũng được các trấn giao cho hai viên thuộc tướng đem 50 người lính mang theo vũ khí, đợi tiền, lại bắt dân phu ở dọc đường thay nhau gánh hành trang qua các trạm. Đến địa giới Thuận Hóa, quan trấn thủ trước đó đã lấy dân phu ven đường san bằng đường xá, giao cho thuộc tướng đem binh và voi chờ đón. Lính ở cơ Trung bố của đồn Động Hải, lính hai cơ Tả nhuệ, Trung kiên ở đồn Cát Doanh đi từ sông Bái đáp vào. Lính mười cơ của bản đạo chinh đồn binh khí đợi để đón rước. Đến ngoài cửa thành Phú Xuân, quan đốc suất đại tướng là Tào quận công, quan đốc lĩnh phó tướng là Dĩnh quận công, quan đốc thị là Nguyễn Mậu Dĩnh, quan hiệp đồng là Nguyễn Lệnh Tân cùng người cũ vua sai là Phan Trọng Phiên khi ấy đã được chỉ vua gọi về, nhưng lại được lưu lại cùng tôi làm việc. Ông đem theo thuộc tướng là Trân quận công, thuộc sai Cấp sự trung là Phạm Nguyễn Du ra đón vào thành, đến gác Triều Dương nghỉ ngơi cùng nhau bàn tính công việc. Lúc đó, tôi nghe vua ban ba

đạo sắc có ẩn sẵn và hai đạo lệnh dụ đóng dấu sẵn, cho tôi được quyền tùy tiện xử trí. Nhân đó, tôi điền vào sắc lệnh ban xuống phong cho trưởng hiệu Tây Sơn là Nguyễn Nhạc làm lưu thú Quảng Nam, tước Cung quận công. Người được phái đến là Đỗ Phú Tuấn làm hộ bộ lang trung, Nguyễn Mân làm binh bộ viên ngoại lang. Lại viết lời dụ cùng các hạng kiếm vàng, chiêng vàng của vua ban, giao cho các sứ giả đem về. Qua mười ngày thì xong việc. Nhân lúc rỗi đi thăm các cảnh ở Thiên Mục, Hà Khê, Phủ Cam, Phố Lữ. Mồng một tháng chạp thì từ chỗ đóng quân về triều.

Đáo Phú Xuân thành

Mãn lộ biên thân nhạ sứ huy

Triều Dương các thượng thụ cơ nghi

Địch tình vị tất thâm cung thuận

Thần toán như kim trọng phủ tuy

Vạn lý ân luân dao quản thúc

Tam đông sứ tiết cố uy trì

Xuân thành sơn thủy đa giai cảnh

Công hạ, thường cung phóng lãm kỳ.

Dịch nôm:

Đầy đường các quan văn võ đón cờ sứ thần

Trên gác Triều Dương được tùy cơ làm việc

Quân địch chưa chắc đã thật lòng kính thuận

Ý muốn của vua là coi trọng việc vỗ yên

Lời vua lo không chế ở ngoài muôn dặm

Cờ sứ phải chần chờ suốt ba đông

Non nước thành Phú Xuân nhiều cảnh đẹp

Rồi việc công, thường được đi xem cảnh lạ.

[1] (Dụ am ngâm lục, tập 1, trang 76, 77)

[2] Xem nguyên dẫn bài thơ Giang Cư Tích Sự, Dụ am ngâm lục, tập 1, trang 112

[3] Bản dịch bài phú của Phan Kế Bính (Đông Dương tạp chí, bộ mới số 63)

[4] Chi Tăng Điểm, học trò Khổng Tử, tính tình phóng khoáng.

[5] Chi Nhan Hồi, học trò Khổng Tử, nhà nghèo.

[6] Khổng Tử khen con chim trĩ biết thời nên bay, nên đậu. Trĩ Lộ không hiểu, muốn bắt con chim ấy, con chim liền kêu lên ba tiếng, rồi bay đi. Đó là chỉ con chim kia còn biết "kiến cơ nhi tác" nữa là người mà lại không biết lẽ nên đi, nên ở sao? (Thiên Hương đăng, Luận Ngữ)

[7] Tức là Hồi Oa của Thực Lục. Đó là địa điểm Vàm Nao ở Tân Châu (chú thích của Tạ Chí Đại Trường, Lịch sử nội chiến ở Việt Nam trang 191).

Chương 87

Điều dễ đoán là từ khi quan Tả thị lang Phan Huy Ích trực tiếp tra xét vụ án gạo Đồng Nai, Lợi theo dõi diễn tiến vụ án được dễ dàng hơn. Nó không còn là việc nhà của Bùi Đắc Tuyên nữa. Phan Huy Ích biết rõ những nguy hiểm mình phải đương đầu, nhất là những lời xuyên tạc về đức liêm khiết và vô tư của mình nên làm việc gì cũng thận trọng. Ông công khai hóa tất cả việc điều tra. Dù đã xin được lệnh của Chính Bình vương cho phép bộ Hình kiểm soát sổ sách xuất nhập của bộ Công, Phan Huy Ích còn cẩn thận đến mức cho lập hẳn một ban xét cung nho nhỏ, gồm đủ đại diện của bộ Hình, bộ Công, Tầu vụ và Trung thư đường. Lợi không cần nhờ đến Lãng cũng theo dõi từng ngày công việc của tiểu ban ấy.

Mấy hôm đầu, Lợi hí hửng về khoe với vợ:

- Xong rồi. Chúng nó có độn thổ cũng không khỏi được nhục. Có thể chứ. Dù sao người có ăn học vẫn biết điều hơn bọn võ biền tham lam nhà nó. Ha ha! Cứ tưởng tượng bộ mặt bí sị của chúng nó là không nín được cười.

An mừng rỡ hỏi:

- Thật không mình? Nhưng đầu đuôi ra sao kể em nghe với.

Lợi cười ha hả, đáp lời vợ:

- Lại không thật! Chúng nó cố ép cho anh cái tội làm phản. Hết dọa nạt đến dụ dỗ, cuối cùng mới ép được một tên lái buôn ký vào tờ khai viết sẵn như em đã biết. Nhưng nội vụ chuyển qua tay Tả thị lang, thì tên kia phản cung. Chẳng những thế, hẳn còn khai rành mạch ai dọa những gì, ai hứa những gì, tờ thú tội do ai đưa tới, hẳn ký vào đó lúc nào. Nghe nói tay chân lão Tuyên nhí nhố như đĩa phải vôi, mắt lườm tên lái buôn hồng cứu vãn tình thế. Cứu thế nào được. Giấy trắng mực đen rành rành ra đó. Anh chỉ sợ chúng vu cho cái tội làm nội ứng cho Gia Định. Còn những chuyện khác, thậm gì! Tay ai cũng dính chàm cả. Chúng nó khai ra, có khác nào "lạy ông tôi ở bụi này".

Hôm sau, Lợi vui hơn nữa:

- Anh đoán như thần, anh đi guốc trong ruột chúng nó, đoán không đúng sao được. Bọn con buôn có khai vụ nhập kho như anh đoán, không khai làm sao gỡ tội! Quan Thị lang đòi xét sổ sách. Ha ha, có cho kẹo chúng nó cũng không dám trình sổ sách ra. Minh khỏi cần làm gì cả. Bây giờ chính chúng nó phải cứu hỏa. Chúng nó...

An sốt ruột chen vào hỏi:

- Tại sao họ lại sợ trình sổ sách. Sổ sách trong tay họ, họ vẽ thế nào chẳng được. Anh coi chừng họ gài bẫy đấy.

Lợi nhìn vợ, cười khinh nhờn:

- Đúng là trí óc đàn bà "sâu thẳm như cõi định trầu". Vẽ! Em tưởng vẽ dễ lắm sao! Sổ sách có mù mờ lộn xộn thì mới đổ thừa cho bọn thừa hành kém cỏi, bê trễ được. Kém cỏi đâu phải là cái tội đáng

đóng gông.

- Nhưng họ làm gì được?

- Chúng nó làm khó, làm dễ quan Thị lang. Chúng nó phao lên nào ông ấy ăn không bao giờ biết no, nào ông ấy từng bị Nguyễn Hữu Chinh đem nhốt vào cái trống rồi cho quân lính đánh vào mặt trống liên hồi, đến nỗi ông ấy hóa ngớ ngẩn, nhút nhát. Ôi thôi, không biết bao nhiêu chuyện bịa đặt để bêu xấu quan Thị lang. Nghe đâu chúng nó đang vận động để bộ Công từ chối cung cấp sổ sách cho bọn xét án. Quan thượng thư bộ Hình cũng nói xuôi. Không biết chừng chúng nó muốn cho vụ này chìm xuống, vì muốn hại anh, chúng nó cũng không thoát nạn. Đáng đời bọn nham hiểm. Sao anh ghét cha con lão Đắc Tuyên, Đắc Trụ thế!

Hai hôm sau, Lợi đi dò tin, trở về không nói năng liếng láu như trước. Anh tránh gặp vợ, lặng lẽ vào nhà nằm một mình trên sập, gác tay lên trán. An lo lắng nhón chân lên chỗ sập chồng nằm, hỏi nhỏ:

- Minh.

Lợi vờ ngủ không trả lời. An hỏi tiếp:

- Minh đau phải không?

Lợi giả vờ uốn mình khó chịu, nhăn nhó đáp:

- Ừ. Có lẽ anh bị cảm gió. Nhức lưng ghê.

An không kiên nhẫn được nữa, hỏi:

- Có chuyện không hay phải không?

Lợi giật mình, chống tay ngồi dậy, bối rối:

- Có gì đâu. Em chỉ được nghỉ quán. Bảo tụi nó nấu cho anh nồi nước xông đi.

An ngồi hẩn xuống góc sập cạnh chồng, giọng nói đã run run:

- Không. Anh không nên giấu. Có phải chuyện mình gặp chỗ nguy không? Đừng giấu em.

Lợi vuốt tay vợ, cúi mặt đáp:

- Ừ. Không xong rồi em ạ. Có lẽ anh nên trốn thôi!

An mếu máo khóc:

- Nguy đến thế sao anh? Có thật không? Kể cho em nghe đi.

Lợi sửa lại thế ngồi, cầm hai tay vợ để lấy thêm hơi ấm can đảm:

- Ông ấy đã xin được lệnh của Vương thượng để bộ Công trình hết sổ sách.

An cố bám vào một chút hy vọng:

- Nhưng hôm trước chính anh bảo là nếu xét đến gốc ngọn, thì chúng nó cũng bị tội mà! Chẳng lẽ Hoàng hậu để mặc cho cha con Đắc Tuyên mang gông!

- Làm sao lão Tuyên mang gông được. Có dính chăng là thằng Đắc Trụ con lão.

- Vâng, Đắc Trụ cũng vậy. Anh... (An định nói "anh Huệ" nhưng kịp dừng lại)... Vương thượng muốn cứu Đắc Trụ thì phải cứu luôn anh.

Giọng Lợi tuyệt vọng, trở nên lời rên rì:

- Nhưng Đắc Trụ đã đi mất rồi!

An hoảng hốt hỏi:

- Trốn đi đâu?

Lợi đau khổ đáp:

- Chúng nó lấy cứ vùng Duy Xuyên chưa yên, nên cho Đắc Trụ vào đó. Lão Tuyên chỉ nói với bộ Hình một tiếng là mọi việc xong xuôi. Chỉ còn một mình anh ở đây gánh hết tai vạ.

An uất ức lớn tiếng:

- Chúng nó xảo quyệt như thế mà Trời để yên hay sao! Quan Thị lang đâu phải người mù. Cả... cả anh Huệ nữa, chẳng lẽ anh ấy không biết hành tung của cha con lão Tuyên. Nếu thật sự anh ấy chưa biết thì em phải cho anh ấy biết. Em liều vào cung nói hết, nói hết. Không thể như thế được!

Lợi thấy vợ dợm đứng dậy, vội níu tay An lại, cố can ngăn:

- Em đừng nóng. Anh chỉ mới nghe như thế, sự việc chưa chắc đã hoàn toàn tuyệt vọng. Em nóng quá, đôi khi anh càng bị vạ.

An nhìn vẻ sợ hãi của chồng, trong lòng cảm thấy khinh khi Lợi. An cười nhạt hỏi:

- Vậy anh muốn em làm gì?

Lợi buồn rầu suy nghĩ, rồi đáp:

- Hay là anh đi trốn.

An tức giận nói:

- Dù có trốn cũng phải làm cho sáng tỏ, để em và các con còn dám nhìn thiên hạ chứ.

Lợi nói nhỏ:

- Làm cho sáng tỏ? Em nói gì thế?

Bấy giờ An mới thấy mình vô lý. Chị cảm thấy hổ thẹn, tủi nhục. An bật khóc. Lợi không biết nói gì, cũng không biết làm gì, ngồi trân nhìn vợ gục đầu vào đầu gối, đôi vai run theo từng tiếng nấc. An vừa khóc vừa nói:

- Bấy lâu nay em cứ lo sẽ đến ngày như hôm nay. Bao nhiêu lần em can anh, anh cứ bảo không hề gì. Của phi nghĩa, em biết! Đã đành anh lo lắng cho vợ con, nhưng ăn bát vàng mà lòng dạ thế này thì thà ăn cơm hẩm bằng chén đất.

Lợi bực dọc, nói:

- Khóc có ích gì!

An không đáp, tiếp tục gục đầu vào gối thút thít. Lợi e dè hỏi:

- Hồi sáng Lãng nó có ghé đây không?

An vẫn gục đầu, đáp qua tiếng nấc:

- Không.

- Em rán tìm cho được Lãng. Còn nước còn tát. Có lẽ không ai muốn cho vụ này lở rộng ra đâu.

An hơi nghiêng mặt liếc nhìn chồng. Thấy vẻ mặt Lợi khổ sở, đôi mắt Lợi van lơn, An đâm thương hại. Đưa tay áo gạt bớt nước mắt trên má, An nói:

- Để em đi tìm nó ngay. Anh đừng đi đâu cả. Ở nhà chờ em về. Cũng đừng nghĩ quẩn làm điều đại

dột. Rán chờ em.

*

* *

Từ lúc vụ gạo Đồng Nai vỡ ra, thành cái bung xung cho cuộc tranh chấp giữa các phe phái ở thành Phú Xuân, Trần Văn Kỷ tìm cách xa dân Lãng. Nại có quá bận việc quan, Kỷ nói thẳng với Lãng là ông không có thì giờ dạy thêm thơ phú sử truyện cho anh nữa. Vài lần Lãng tìm có đến nhà quan Trung thư "vì chính việc quan", ông đồ Kỷ bảo gia nhân ra tạ khách, nói dối hoặc quan đang ngủ, hoặc quan vừa đi vắng.

Lãng đau khổ, ray rứt, cố nghĩ xem mình có làm điều gì phật lòng quan Trung thư hay không. Anh chỉ nhớ được những điều lật vặt như một lần tan châu Lãng vô ý đi trước Trần Văn Kỷ không tránh đường nhường lối cho vị lão thần, một lần anh nghĩ vợ vẫn không đáp ngay câu hỏi của quan Trung thư, một lần khác anh đem trả cuốn Tổng thi cho ông đồ trước buổi châu hầu làm cho bọn võ quan ít học khó chịu. Lãng không tin những chuyện vụn vặt ấy khiến cho Trần Văn Kỷ lạnh nhạt với mình. Anh băn khoăn, đào bới trí nhớ để tìm các lý do khác, đôi khi cố ý tô đậm những sự việc vụn vặt nhạt nhẽo để cố tin đó là duyên do. Công việc giả tạo ấy không thuyết phục được chính Lãng. Đến một lúc, Lãng nghĩ, rồi không dám nghĩ vì nó ghê gớm quá, rồi lại quyết đoán rằng chính vì cô con gái quan Trung thư "trở lòng", nên bắt buộc Trần Văn Kỷ cũng phải "trở mặt" để Lãng khỏi hy vọng hão. Lãng lẩm bẩm:

- Vô lý. Ta có làm gì cho nàng khó chịu đâu. Ta chưa hề được nói thẳng với nàng câu nào. Cũng chưa hề được nhìn thẳng vào mắt nàng để ngắm nàng e lệ bối rối, đôi má đỏ au vì then thùng. Hay là có kẻ xấu miệng nói ra nói vào? Phải, chúng nó, bọn tranh hôi, chúng nó phao truyền rằng nàng đã từng bị chồng chê không thêm cười, thì về phía ta, nhất định chúng nó cũng đã đặt điều để khiến nàng hiểu lầm ta. Nhưng chúng nó là ai? Thì còn ai nữa? Bọn trai tráng của cả thành Phú xuân này đứa nào không mê nàng, và ghen tị với ta. Chính miệng lưỡi dơ dáy của chúng nó đã đặt điều chia rẽ ta với nàng. Không còn nghi ngờ gì nữa!

Lãng hơi yên lòng vì tin rằng đây là duyên cớ chính. Anh như người lòa, không nhìn thấy gì khác ngoài tình yêu của mình. Anh không thấy được những sự thực đơn giản ai cũng thấy là: ở vào địa vị của Trần Văn Kỷ, quan Trung thư rất sợ bị xuyên tạc là cố ý bao che cho gia đình Lãng trong vụ gạo Đồng Nai.

Làm gì Trần Văn Kỷ không biết lý luận thâm độc mà phe Bùi Đắc Tuyên âm thầm loan truyền từ lâu để tìm cách bảo vệ quyền lợi và địa vị của phe nhóm mình. Ban đầu là những lời than vãn lơ lửng chen vào giữa cuộc rượu về thể thái nhân tình như "vắt chanh bỏ vỏ", "tham đó bỏ đặng". Về sau mức độ các lời bông đùa chua chát có tăng lên, thành lời trách móc, lo âu cho an nguy của xã tắc. Nếu Bề Trên cứ mê văn tự, thi phú, kinh sử, để cho gươm giáo rỉ mục, thì thế nào xã tắc cũng lâm nguy. Rồi đến các giai thoại kể rằng sau hai lần ra bắc, nhất là do những lời nỉ non bên gối của một nàng công chúa Đàng Ngoài, Bề Trên bắt đầu "mê hát chèo". Bọn đào kép Bắc hà (lấy ranh giới là đèo Hải Vân) quây quần chung quanh Vương thượng ngày càng đông đảo, giọng hát Thuận Hóa phụ họa với giọng hát Thăng Long, ở ngoài triều hát vào, ở trong cung hát ra, khiến cho Bề Trên mê mết điên đảo. Bằng chứng hùng hồn của bấy nhiêu xếp đặt điên đảo ấy, là Vương thượng đã giao vụ án gạo Đồng Nai cho một "tên kép Bắc hà", để hấn bôi xấu "anh em

chân đất từng theo Vương thượng từ thời củ khoai lùi bẻ làm đôi". Nếu không có sự xếp đặt từ Thăng Long thì tại sao bổ hãn làm Hình bộ tả thị lang? Nếu không có một thế lực tối cao che chở thì làm gì một hàng thần dám mạnh dạn đòi xét sổ sách của bộ Công, hạch sách đủ điều? Một bà công chúa giỏi làm thơ, một quan Thị lang cũng giỏi thơ, một trung thư lệnh mê thơ phú, làm gì có sự trùng hợp hi hữu như vậy, nếu không phải do sự sắp xếp công phu lấy văn thơ làm chiêu bài che giấu âm mưu tiềm quyền?

Nguyễn Huệ cũng biết lỗi xuyên tạc đó, nên Vương nhất quyết muốn điều tra tận gốc vụ gạo Đồng Nai. Cách lập hãn tiểu ban tra xét và công khai hóa các cung từ của Phan Huy Ích rất hợp ý của Nguyễn Huệ. Công việc tiến triển đều đặn, đến lúc Bùi Đắc Tuyên gửi Đắc Trụ vào Duy Xuyên thì Vương phải xét lại vấn đề. Đã đến lúc mỡ cái ung nhọt này chưa? Tin tức Gia Định mỗi lúc mỗi thêm bi đát. Thành Gia Định bị vây chặt. ở Đồng Nai, quân của thái bảo Phạm Văn Sâm bị Nguyễn Văn Nghĩa phá tan. ở lũy Ngũ Kiêu, đốc chiến Lê Văn Minh bị Nguyễn Phúc Hội vây chặt rồi lại phải thua trận hỏa công do thủy binh Nguyễn Ánh từ Ba Giồng tiến lên. Trận bao vây thành Gia Định bắt đầu. Nguyễn Ánh đóng binh ở rạch Thị Nghè trong khi Phạm Văn Sâm dàn binh từ chợ Điều Khiển đến chợ Khung Dung. Ánh sai Võ Tánh đi vòng phía nam đồng Tập trận thẳng tới bến Nghé để chặn đường lui quân của Sâm. Hai bên giáp công, Phạm Văn Sâm không địch nổi phải bỏ chạy. Quân Nguyễn Ánh vào thành ngày đình dậu tháng 8 Mậu thân (7-9-1788). ^[1] Phía Bắc, Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân đã dẹp được các đám cần vương, nhưng Chiêu Thống vẫn còn lẩn lút đâu đó chưa bắt được, đám quan lại và tôn thất nhà Lê đã trốn được sang Tàu, chưa biết họ đang mưu tính chuyện gì, và phản ứng của nhà Thanh thế nào. Nói chung tình thế đang bấp bênh, sự im lặng ở Bắc hà chẳng khác nào không khí căng thẳng trước một cơn bão lớn sắp tới.

Đã đến lúc thích hợp để mỡ xẻ cuộc tranh chấp nội bộ nhỏ nhen ở đây chưa? Nguyễn Huệ chọn nhanh được một quyết định. Khi biết quan thái sư đã gửi Đắc Trụ vào Duy Xuyên, Nguyễn Huệ ra lệnh cho Phan Huy Ích ngưng cuộc xét án lại.

*

* *

Lãng mù mờ không hay biết nhiều về những điều phức tạp, nguy hiểm đang xảy ra quanh mình. Anh không biết nhiều, rất nhiều người theo dõi thái độ của anh, ghi nhận từng cử chỉ, lời nói, ánh vui buồn trong mắt anh để suy đoán này nọ. Thấy anh ray rứt, thắc thỏm, ngơ ngẩn, đứng ngồi không yên, họ suy đoán rằng "phe hát chèo" đang lâm nguy. Mỗi lần Lãng tất tả lấy ngựa ra khỏi thành họ đều cho người đuổi theo để dò cho đích xác Lãng đi đâu. Họ kinh ngạc thấy Lãng không về nhà chị, cũng không đến tư dinh Trần Văn Kỷ. Lãng không đi đến đâu cả. Anh lang thang trên những bờ sông, thả dây cương cho ngựa khỏe mặc sức thông dong đi đâu thì đi. Có khi Lãng phi ngựa lên các ngọn đồi, đứng trên đỉnh nhìn mông lung xuống các cánh đồng, các dòng sông, lòng hoang mang vô định. Những kẻ theo dõi anh cũng hoang mang không kém!

Một lần họ thấy anh giữ cương cho ngựa dừng lại ở ngã ba đường. Con ngựa dậm vó bực dọc còn Lãng thì ngần ngừ. Anh rẽ về phía tư dinh Trần Văn Kỷ. Bọn do thám mừng thầm. Có thể chứ! Có lẽ những lần trước hãn biết chúng ta theo dõi nên đi lang thang để đánh lạc hướng. Nhưng Lãng đi được một đoạn

lại dừng, rồi đi tiếp, rồi lại dừng. Lãng cột ngựa vào một gốc tre, lom khom cúi qua nhiều lớp gai dại để đến một mô đất cao nhìn vào khu vườn nhà quan Trung thư. Thấp thoáng bên kia rào có bóng ai áo trắng. Bấy nhiêu đủ rồi. Lãng trở ra đường, mỉm cười chào những người lạ mặt vì thấy họ có vẻ tử tế, đáng yêu quá chừng. Lãng nín một nhánh tre định rút đọt lá non để nhai khúc mềm nõn nà cho vui miệng, nhưng đến nửa chừng, bỗng thấy thương cho lá. Bọn người lạ vội vã trở về hướng chợ, Lãng cho ngựa bước chậm theo họ. Thân ngựa nhấp nhô đều đặn nhẹ nhàng ru ngủ tâm hồn anh. Lãng lim dim mắt, mỉm cười. Lúc ngựa phóng qua một chỗ lộ hẹp, suýt chút nữa Lãng ngã xuống đường. Rồi đột nhiên anh thấy nổi vui mong manh, vô nghĩa. Chẳng lẽ mãi mãi thế này sao? Nhìn trộm được một bóng áo trắng. Trời hời! Ba mươi tư tuổi đầu mà vẫn bông lông, phù phiếm như một đứa trẻ ham chơi! Lòng ta có gì thất thường chẳng? "Tam thập nhi lập" ta đã lập được gì? Lãng cảm thấy khổ sở y như lúc lấy ngựa ra đi!

Một lần khác, Lãng lấy bạo đón đường để gặp cho được cô con gái Trần Văn Kỷ lúc cô cùng đi chợ với hai đứa hầu gái.

Hôm ấy Cúc mặc một cái áo dài lụa màu hồng, chân đi guốc sơn, đầu đội chiếc nón mới còn mướt màu dầu. Lần đầu tiên Lãng được ngắm Cúc trọn vẹn, thỏa thuê. Anh núp sau một chái lều, nhìn Cúc đang xì xầm bàn luận gì đó với hai đứa hầu gái, dưới một mái lều khác. Hai đứa hầu gái có lẽ tính rất lí lắc và được cô chủ xem như người quyến thuộc, vì Lãng thấy cách ăn nói của họ tự nhiên, linh hoạt, lâu lâu cười thật lớn. Còn Cúc thì không chịu rời chiếc nón lá dù đứng dưới mái lều. Ba người nói với nhau một lúc, hai đứa hầu gái quàng vai nhau đi qua lều khác. Cúc ở lại giữ hai giỏ mây đã đầy rau quả và thức ăn. Lãng ước mong Cúc quay mặt về hướng mình, nhưng anh thất vọng. Cúc không chịu bỏ nón. Người bán trầu thuốc thấy anh cứ đứng chùng chình mãi bên hàng mình, đuối khéo Lãng bằng cách tươi cười mời chàng mua trầu. Lãng đỏ mặt, lí nhí đáp:

- Cảm ơn cụ. Tôi... tôi...

Bà cụ càng lấn tới:

- Thầy không mua cho già thì làm ơn tránh chỗ cho người khác mua.

Lãng đành phải rời chỗ núp. Anh sợ Cúc ngừng lên trông thấy anh, nên đi thật nhanh đến chỗ đang có nhiều người chen chúc. Bước vài bước, anh lại nghĩ: "Tại sao ta không dám đến nói chuyện với Cúc thử một lần? Ta sợ gì?" Chỗ đám đông đột nhiên ồn ào vì có đám cãi lộn. Những người đứng gần giật ra vì sợ liên lụy nếu có đánh nhau, trong khi những kẻ tò mò ở xa lại bu đến. Lãng lúng túng chưa biết xử trí ra sao. Đúng lúc đó, Cúc nhìn về phía anh. Không còn lối nào khác, Lãng phải đi về phía Cúc.

Trong khoảnh khắc ngắn ngủi được nhìn vào mắt Cúc, Lãng đọc thấy ở đó sự cuống quýt mừng rỡ, tiếp theo là vẻ hốt hải như mắt đứa trẻ chập chững đột ngột bị mẹ rời tay dịu dặt phải lo liệu lấy một mình. Lãng không hiểu vì sao Cúc thay đổi tình cảm lạ lùng như vậy. Anh cũng ghi nhận được làn da trắng, đôi má ửng, và chiếc nón quai nhung tím nâng lấy một cái cằm nhỏ. Chỉ được bấy nhiêu! Vì Lãng đến gần thì Cúc đã cúi đầu xuống, vành nón che hẳn khuôn mặt.

Lãng hồi hộp, hỏi:

- Cô Cúc đi chợ?

Đằng sau vành nón, có tiếng "dạ" nhỏ ngọt ngào. Lãng lúng túng không biết hỏi gì thêm. Trước mắt anh, Cúc đang dùng đầu guốc di di một cái vỏ bắp trên nền chợ. Lãng lại hỏi:

- Cúc thường đi chợ không?

Cúc vẫn giấu mặt sau vành nón đáp:

- Dạ ít lắm.

- Chắc chỉ đi chợ phiên thôi?

- Không phải thế ạ.

- Mọi lần đến nhà tôi vẫn thấy cô đi chợ đều đều.

- Dạ vì độ trước...

- Độ này tôi bận quá. Với lại... Muốn đến học thêm ở quan Trung thư lắm, nhưng...

Có lẽ Cúc chờ Lãng nói "nhưng" thế nào, vì chiếc nón thôi lay động. Lãng tưởng tượng phía sau chiếc nón đó có một nụ cười lém lỉnh, một đôi mắt chớp ngóng đợi. Anh bạo dạn hỏi:

- Nhưng... tôi đến Cúc lại phải lo trà lo thuốc, phiền lắm.

Tiếng Cúc đáp nhỏ:

- Không có đâu ạ.

Lãng không tìm được gì để hỏi thêm nữa. Anh nhìn hai chiếc giỏ, hỏi Cúc:

- Cô đã mua đủ thức ăn chưa?

- Gần đủ rồi ạ.

Lãng hơi bực vì Cúc chỉ trả lời cậm chừm, hỏi lại:

- Sao cô chẳng nói gì cả?

Có lẽ Cúc ngạc nhiên vì cái giọng hơi xẵng của Lãng, nên một lúc sau, Cúc mới hỏi nhỏ:

- Dạ?

Lãng mím môi, cố gắng hỏi một câu cho xứng đáng. Anh tìm lời một lúc lâu khiến Cúc định ngừng lên. Vành nón hơi nghiêng, Lãng thấy được cả quai nón và cái mũi dọc dừa thanh nhã. Nhưng Cúc đã cúi xuống đúng lúc Lãng tìm được ý để hỏi:

- Đừng nói chuyện thế này, Cúc có phiền không?

Giọng Cúc hấp tấp như lo sợ:

- Không đâu ạ.

Lúc đó hai đứa hầu gái đã trở lại. Một đứa nhận ra được Lãng lễ phép chấp tay chào, ánh nhìn dò hỏi, ngạc nhiên. Lãng áy náy, nói trước:

- Tôi có việc quan vừa qua đây. Thôi, tôi phải đi đây. Chào cô Cúc nhé.

Cúc vội ngừng lên, lí nhí:

- Dạ. Hôm nào...

Lãng lại được dịp nhìn thấy đôi mắt cầu khẩn, hoảng hốt và đôi má hồng ửng. Hai đứa hầu gái xách hai giỏ thức ăn đi trước. Cúc gật đầu chào Lãng rồi bước nhanh theo. Bấy giờ Lãng mới để ý thấy chân Cúc có quần xà cạp trắng, giống như những phụ nữ Tàu bó chân theo tục lệ nhà quyền quý.

Vào những lúc hốt hoảng tuyệt vọng nhất, An không tìm được Lãng. Đến khi có tin vui (Chính Bình vương lại cho ngừng cuộc điều tra), Lãng lại ghé thăm nhà. An không dẫn được giận dữ, hỏi em:

- Mấy hôm nay Lãng chui rúc ở xó nào vậy? Sợ liên lụy đến mình nên không dám bước chân đến đây phải không?

Lãng ngơ ngác không hiểu chị nói gì:

- Sợ liên lụy? Ai liên lụy ai? Chị nói gì em không hiểu.

An tưởng Lãng giả vờ, càng tức giận hơn:

- Chị em quý hóa chỉ vào những lúc hoạn nạn. Có thất thế mới biết lòng người. Em sợ chúng nó dọa, nên không dám đến đây, có đúng thế không?

Lãng thành thực hỏi:

- Chúng nó là ai mà em sợ?

An bắt đầu ngờ có điều hiểu lầm giữa hai chị em. An hỏi, giọng dịu dàng hơn:

- Thế mấy hôm nay em có vào triều không?

- Có chứ ạ.

- Nhưng em được giao làm những gì?

- Chẳng làm gì cả. Em vào, không thấy ai hỏi han gì tới nên lại về.

- Về đâu? Sao không về đây?

Lãng đỏ mặt:

- Em đi quanh quất.

An hấp tấp hỏi:

- Họ không nói gì với em cả à?

- Họ là ai?

- Cánh Bù Đắc Tuyên. Kể cả quan Trung thư nữa.

- Không. Thấy rộn ràng ra vào, chắc là có nhiều việc quan trọng. Hình như tin Gia Định xấu lắm. Và hình như các quan không muốn nhiều người biết chuyện cơ mật, nên em biết ý, lánh đi.

An thở ra, như trút được gánh nặng:

- Thảo nào. Nhà vừa trải qua một cơn phong ba chết người, em biết không?

Lãng giật mình hỏi:

- Thật à? Chuyện gì vậy?

An lắc đầu chán nản, lòng còn sợ hãi:

- Vẫn chuyện ấy. Dây dưa không biết lúc nào mới được yên.

- Chuyện gao ấy à?

- Vâng.

- Chúng nó còn bịa thêm điều gì nữa?

- Không. Chúng nó không bịa. Chỉ có điều đáng sợ là càng ngày sự thực càng rõ hơn.

- Chị nói gì em không hiểu.

An kể lại diễn tiến vụ xét án. Lãng bần thần cả người, nói như người đang mơ:

- Thảo nào ông ấy tránh không muốn cho em gần gũi thân mật như trước. Mọi người đều không muốn nói chuyện với em. Em cứ tưởng vì việc Gia Định. Ai ngờ...

An căn dặn:

- Nhưng như em thấy đó, việc chưa êm đâu. Em phải chú ý mới được. Khổ. Nếu biết chồng con thế này thì...

An bắt đầu thút thít. Một lúc sau, An bảo em:

- Chị chẳng hiểu được đàn ông. Tại sao cuộc sống gia đình đơn giản như vậy, vợ chồng thương yêu nhau, con cái ngoan ngoãn, đủ ăn đủ mặc, họ còn đòi cái gì nữa. Kể cả em cũng vậy. Không bao giờ trong bữa cơm gia đình, các ông chịu chú ý xem con cá con tôm vợ con kho thế nào, bát cơm có được thơm dẻo là nhờ ai. Hình hài thì tạm ở bên vợ con, mà trí óc thì chực dịp bay nhảy đến những chỗ độc địa, hiểm nghèo. Họ mê cái gì kia chứ? Chém giết nhau vì một chức vị, lừa lọc nhau do quyền hành. Nắm quyền thì được cái thú gì? Chỉ được người khác sợ. Thật nực cười. Được kẻ khác khiếp sợ là một cái thú hay sao? Chị, chị không hiểu nổi bọn đàn ông.

Lãng không còn lòng dạ nào để tranh luận với chị như mọi lần, chỉ nói xuôi:

- Vâng. Kể ra cũng vô lý lắm.

An được khuyến khích, hăng hái tiếp:

- Cả em cũng thế. Chị có cảm tưởng cả đời, em chạy theo đuổi bắt một cái gì đó, cái gì phù phiếm vô cùng. Tại sao em không chịu lập gia đình? Em chờ cái gì? Lãng nghĩ lại xem, cả gia đình ta không ai được cái may mắn trọn vẹn, hạnh phúc. Anh Kiên nghe nói đã được tha, bây giờ làm thầy pháp, cái nghề trước đây chúng ta mỉa mai cười chê biết bao nhiêu. Anh Chinh chỉ còn năm xương trắng, và khoảng thời gian ngắn anh ấy sống cũng không để lại được gì vẻ vang. Chị thì thế này, em thấy hết cuộc đời chị rồi, khỏi cần nói thêm nữa. Chỉ còn hy vọng ở em. Người nối dõi tông đường là con trai em. Người còn chút hy vọng tiến thân là em. Em để cho chị nói hết đã. Đừng khiêm nhường. Chị thấy trước thế nào anh Huệ cũng làm nên nghiệp lớn. Và chị hy vọng do tình thân thiết, em sẽ được cất nhắc. Cha có ngậm cười nơi chín suối là nhờ em, chỉ còn em thôi. Lãng đừng quên điều đó.

Lãng cảm thấy phấn khởi vì thỏa mãn tự ái, trong lòng rộn rã. Anh quên cả dè dặt, khoe với An:

- Thì em vẫn có ý định lập gia đình đấy chứ. Hôm qua em có gặp cô Cúc.

An ngơ ngác hỏi:

- Cúc nào?

Lãng thấy mình vội vàng, bất cần, nhưng không còn lối lùi, đỏ mặt đáp:

- Con gái quan Trung thư Trần Văn Kỷ đó.

An hốt hoảng bảo:

- Chị đã bảo em lần trước, sao em còn...

- Chị có bảo gì đâu?
- Nhưng thiên hạ rì rầm khắp thành, em không nghe thấy sao?
- Chị muốn nói chuyện nhà trai hoãn lễ chứ gì?
- Vâng.

Lãng cười, thách đố cả thiên hạ:

- Nói xấu con gái nhà quan bằng chuyện lẩm cẩm đó... thật là... thật là...
- Nhưng vì sao có chuyện rắc rối, em biết chưa?
- Thì chuyện ganh tị.

An nhìn thẳng vào mắt em, không tin Lãng thành thực. Cuối cùng, chị nhất quyết nói, dù biết trước Lãng sẽ khố sở:

- Thôi. Em chưa biết thì chị cho em biết. Cô Cúc bị ngờ có bệnh phong đấy. Hai má cô ấy đỏ au khác thường, vài người quen thân còn bảo vành tai cô ấy cũng đỏ và dày...

Lãng ngồi yên chờ chị nói hết. Anh chết lặng vì đột nhiên mọi sự trở nên rõ ràng, không thể nghi ngờ gì được. Đúng như thiên hạ đồn, Cúc có dấu hiệu của bệnh phong. Anh nhớ lại thái độ khác thường của Cúc hôm gặp anh ngoài chợ, nhớ đến ánh mắt đổi từ vui mừng sang hốt hoảng chới với. Nhớ cách nghiêng nón giấu mặt, nhớ đôi chân quần xà cạp...

An thấy em ngồi sững, tìm cách an ủi:

- Thôi, số phận cô ấy hẩm hiu thì còn biết làm gì nữa. Đầu tiên chị cũng tưởng thiên hạ ganh tị nên đặt điều. Về sau, chị mới biết tất cả sự thực. Em thương người ta, đôi khi càng khiến người ta tủi thân. Lãng nên nghĩ lại.

Lãng ngồi lặng lẽ thật lâu, mắt nhìn lên trần nhà như sợ phải nhìn thấy sự thực ngang tầm cuộc đời. An lẳng lặng đi pha nước trà. Lúc trở lên, chị vẫn thấy Lãng giữ nguyên cách ngồi ấy. An nhắc:

- Em uống nước!

*

* *

Lãng xấu hổ vì sự khác thường của mình.

Anh không hiểu người khác nghĩ về mình như thế nào, chứ riêng anh, anh không tìm được cái lý nào đủ vững để biện giải cho sự thờ ơ trước vận hội mới.

Làm sao quanh anh mọi người đang lảng xảng, cuống quýt, đang dăm chiêu lo lắng, đang hăng hái rộn ràng, đang quần quai đau đớn mà Lãng không hay biết gì? Giá anh xa lánh chỗ ồn ào bụi bặm, sống riêng biệt nơi một chùa vắng chỗ hang núi thì còn hiểu được. Đẳng này anh vẫn chạm mặt họ hàng ngày. Nói cười với họ. Chịu đựng các va chạm với họ. Phải nghe tiếng lao xao của một cuộc sống lúc nào cũng hối hả, hoặc ngửi mùi mồ hôi của đồng loại. Tự nhiên trước mắt anh mỗi người không còn giữ được những nét riêng biệt, sắc sảo đủ để phân định rõ ràng người này với người khác. Họ nhòa đi, nhập thành cái gì trừu tượng, trở nên một ý niệm chung chung. Đối với Lãng chỉ có một điều cụ thể mà huyền diệu như một giấc mơ có thực: đó là tình yêu của anh. Phần còn lại nhòa đi như một ảo ảnh. Tình yêu ấy đã trải qua cơn thử

thách tàn nhẫn, nghiệt ngã. Lúc An báo cho Lãng biết căn bệnh nan y của Cúc, Lãng chết lặng cả người vì điều bất ngờ. Nhưng buổi tối hôm ấy nằm một mình suy gẫm về mình, Lãng vẫn thấy lòng mình không đổi. Hơn thế nữa, hình như màu sắc của mối tình ấy đậm lại do cách trở không thể vượt nổi, và lạ lùng thay, cảnh huống éo le ấy khiến Lãng ngây ngất như uống rượu say. Anh đã nếm qua cảm giác say đại ấy một lần, lúc gặp Thọ Hương ở nhà chị. Lần này Lãng tìm lại đầy đủ niềm khoái lạc trước kia. Anh tự hỏi: Thế là thế nào? Ta thực sự yêu người, hay chỉ yêu một hình bóng? Ta mơ ước đoàn tụ, hay ta yếu đuối đến nỗi sợ chạm trán với thực tế, quay sang thờ phượng cách trở? Ta có bình thường như mọi người hay không?

Sau hôm gặp chị, Lãng tránh né không dám trở lại nhà An. Anh vẫn lén lút nhìn trộm bóng Cúc bên kia vườn. Hình như chuyện đó bị khám phá nên về sau, Cúc chỉ ở trong nhà. Anh phải tháp tùng viên Thị lang bộ Lễ ra Nghệ An biếu quà cho La Sơn phu tử mất nửa tháng. Trở về Phú Xuân, anh được tin bệnh của Cúc phát nặng. Vết lở ở chân loang ra làm co rút mấy ngón, da mặt sượng sần, mí mắt bắt đầu húp. Trần Văn Kỳ khổ sở, và mỗi lần gặp Lãng, quan Trung thư nhìn anh vừa xót xa vừa ái ngại. Nhưng tuyệt nhiên họ không nói xa nói gần gì đến chuyện Cúc. Lãng nhận thấy cách đối xử của Trần Văn Kỳ đối với mình đổi khác, gần như thân ái bao dung như cha đối với đứa con bất hạnh. Quan Trung thư trở lại bàn luận với Lãng về văn chương, về đạo học, về tình thế. Đi xa hơn nữa, ông dám thổ lộ với Lãng nhận xét của ông về các quan trong triều. Lúc đó, Lãng mới ý thức trở lại tất cả sự phức tạp của đời sống, sự bất trắc của đường đời, và gần hơn hết là dấu hiệu báo trước những biến cố vĩ đại sắp xảy đến như cơn bão làm đảo lộn toàn cõi đất nước. Như người vừa đau dậy, Lãng nao nức được sống trọn vẹn, được tham dự, được xông pha giữa cõi bất trắc. Nhớ đến lời An hôm trước, Lãng tự hỏi: "Ta sắp đuổi theo cái gì nữa đây?" Anh không vội tìm câu trả lời, nhưng đã tự tin hơn nhiều. Như một kẻ có khả năng đoán trước thời tiết, anh tin sẽ có cái gì mới mẻ, vĩ đại, đẹp đẽ, trọn vẹn, như một giấc mơ có thật đang thành hình. Đó là tâm trạng của Lãng khi mùa đông Mậu Thân bắt đầu.

^[1] Theo tóm tắt chiến sự của Tạ Chí Đại Trường trong *Lịch sử nội chiến ở Việt Nam*, trang 194.

Chương 88

Khoảng đầu mùa đông năm ấy, theo đề nghị của Trần Văn Kỳ, Phan Huy Ích được trở ra Thăng Long giúp đỡ Ngô Thì Nhậm trong việc bang giao với triều đình phương Bắc. ^[1]

Trước ngày lên đường, ông đã phải dự liên tiếp các cuộc đãi đằng, thơ và rượu đổ vung vãi trên mâm tiệc. Tất nhiên ở các cuộc thù tiếp giả tạo ấy, dù rượu có ngon, ông vẫn cảm thấy nhạt nhẽo, và thi từ ứng đối thì càng nhạt nhẽo hơn. Về sau nhớ lại cái thời bề bàng lơ lảo ấy, Phan Huy Ích chỉ xúc động ngùi ngùi vì ba cuộc tiễn hành: bữa rượu tiễn nghèo nàn lạng lẽ của các ông nghè Bắc Hà cùng vào Phú Xuân với ông, bữa tiệc ở nhà Trần Văn Kỳ, và hôm đến lạy chào Chính Bình vương để phụng mệnh trở ra Bắc.

Bạn bè cùng chung nhà với ông lấy bữa cơm cuối cùng làm tiệc tiễn hành. Sở dĩ được gọi là tiệc, vì ngoài thức ăn đạm bạc thường ngày, có thêm một đĩa gà luộc và một nậm rượu. Năm ông nghè ngồi vào chiếu rượu đã lâu, mà chưa ai nói với ai lời nào. Mãi về sau, người phụ trách luộc gà gấp miếng gan bỏ vào bát Phan Huy Ích vừa cười xởi lởi vừa nói:

- Ông xơi miếng này. Hình như thịt chưa được mềm lắm. Củi bị mưa tạt ướt cả, các bác ạ. Mai ta chịu khó dọn hết vào phía trong đi. Tôi thôi mãi, bụi tro bay mù mà lửa cứ liu riu. Cháy hết một vạt râu đây rồi!

Ông đồ già cười, một mình. Một người bạn khác hỏi:

- Ngày mốt bác đi sớm không?

Phan Huy Ích đáp:

- Vào triều lạy chào Chúa thượng xong, tôi khởi hành ngay.

- Tiếc quá, giá như...

Ông nghè người Bắc Ninh không nói hết câu. Người này liếc nhìn người kia, mỗi người suy nghĩ giả thiết của người nói theo một cách. Ông nghè Bắc Ninh bần thần một lúc, rồi cầm chén rượu lên mời:

- Các bác bắt đầu uống đi chứ.

Ông đưa chén rượu lên môi trước. Chỉ có Phan Huy Ích nhấp rượu cho vui lòng ông. Ông nghè Hải Dương nói:

- Giá có đậu phụ rán và mắt tôm nhỉ!

Ước mong đơn sơ ấy giúp cả mâm tiệc cười vui một lúc. Họ đưa nhau so sánh cách nấu món ăn nhắm rượu của Bắc Hà và Thuận Hóa. Ai cũng đồng ý món nhắm miền trong có nhiều thịt hơn, mỡ đến béo ngậy, nhưng lạ quá, mọi người vẫn không thấy thú bằng nhắm rượu với miếng đậu phụ rán chấm mắt tôm. Rồi có người so sánh mắt tôm Thuận Hóa với mắt tôm Bắc, tranh luận dài dòng để tìm hiểu vì sao người nam gọi mắt tôm là mắt ruốc, và cách gọi nào đúng. Ông nghè Thanh Hoa nói:

- Gọi mắt ruốc đúng, nhưng không trang nhã. Dù thế nào chẳng nữa, điều quan trọng là cốt cách văn nhã, chứ không cần thực vị.

Nhưng dù tìm đề tài nào để nói, nói, nói, trong lòng mỗi người vẫn canh cánh một mối buồn rầu. Họ khổ sở tránh né, cho nên vị rượu có gì đắng đắng. Nhấp một hớp nhỏ, cổ nuốt chút rượu vào cổ cho lòng thêm ấm áp nhưng rượu không chịu xuống. Gần cuối tiệc, có người hỏi:

- Bác về Thăng Long chắc bận nhiều việc. Giá về được các trấn thì chúng tôi gửi được vài chữ cho gia đình.

Phan Huy Ích sốt sắng đáp:

- Các bác cứ gửi thư. Tôi không đích thân đem tới được thì nhờ người quen chuyển lại.

Ông nghề Thanh vui mừng hỏi:

- Bác ghé Thanh Hoa chứ?

- Vì tôi theo đoàn lính trạm đem văn thư ra Bắc thành, nên có lẽ không được tùy tiện.

Ông nghề Bắc Ninh nói:

- Bốn chúng tôi đã viết thư sẵn cả rồi. Giá ông gặp được gia đình để kể rõ chuyện ăn ở trong này nhỉ.

Phan Huy Ích hỏi đùa:

- Nếu tôi có dịp tìm đến tận nhà, thì các bác nhả những gì?

Bốn ông nghề nhìn nhau, ngơ ngẩn chưa tìm ra câu đáp. Gương mặt họ bần thần, ông nghề Bắc Ninh nói:

- Phần tôi, tôi chỉ nhả thẳng trưởng nam nên cố mà chăm sóc việc giỗ kỵ. Chúng tôi gửi thân nơi xa xôi này, biết lúc nào...

Ông nghề già ghen lời. Mọi người im lặng. Chỉ có ngọn đèn dầu cháy lèo xèo, lâu lâu quẩn quại ngả nghiêng vì gió lọt vào phen trúc thưa.

*

* *

Trần Văn Kỷ mời rượu Phan Huy Ích vào chiều hôm sau. Trong nhà khách rộng rãi, sang trọng, bàn kỷ toàn bằng gỗ gụ khảm xa cừ, câu đối, liễn trướng thêu bằng kim tuyến trên nhung quý, chỉ có hai người là chủ và khách. Phan Huy Ích không đến nỗi ngỡ ngàng giữa cảnh quyền quý, nhưng khung cảnh ấy đã khiến hai người loanh quanh mãi trong chuyện khách sáo, dãi bôi. Trần Văn Kỷ nói nhiều đến sự thất bại của các đám cần vương Bắc Hà, chê trách các sĩ phu không thức thời, khen ngợi thái độ quả cảm và sáng suốt của Ngô Thì Nhậm. Quan Trung thư nói say sưa, đến nỗi không thấy được phản ứng của người đối diện, khi thì áy náy, khi thì dọ dẫm hoài nghi. Họ chỉ thực sự "đối thoại" với nhau khi câu chuyện xoay qua văn chương. Trần Văn Kỷ gửi trả hai tập văn, thi tuyển cho Phan Huy Ích, hãnh diện nói:

- Tôi đã sai thư ký chép hết hai tập này lên giấy hoa tiên. Hiện chỉ chép vội được một tập lưu. Thế nào tôi cũng cho sao làm nhiều bản, để gửi biếu ông và ông Hi Doãn mỗi người một tập. À, tôi có cho chép riêng bài thơ Văn Khiển Cảm Tác để tặng ông đây [\[2\]](#)

Trần Văn Kỷ đến chỗ án thư lục tìm một lúc, đoạn đem đến cho Phan Huy Ích tờ giấy hoa tiên màu vàng nhạt có chép bài thơ cảm tác của ông. Nét chữ chép thơ chân phương mà uyển chuyển, cách bố trí hài

hòa. Phan Huy Ích run tay vì xúc động khi nhận bản sao bài thơ của mình, không tìm được lời nào để cảm ơn quan Trung thư. Ông bối rối vì những điều phức tạp đang hiện ra trong trí ông: ông có niềm hãnh diện của người sáng tạo đã tìm được kẻ hiểu mình, lại có nỗi xấu hổ của một kẻ trần trườg không nơi ẩn núp. Ông vừa hân hoan vừa chới với, hay nói cho đúng hơn, Phan Huy Ích chới với giữa một nỗi hoan lạc đắng cay.

Giọng Trần Văn Kỷ trách móc nhẹ nhàng:

- Ông kín nhiệm quá lắm! Không bao giờ đem những bài cảm tác liên quan đến thời thế ra bàn luận.

Nếu tôi không chịu đọc cả toàn tập...

Phan Huy Ích bối rối đáp:

- Văn chương làm trong lúc xa quê, không hưởng phần được ai, thì làm sao dám khoe.

Trần Văn Kỷ liền nói:

- Nhưng nó quý ở chỗ thực ^[3]. Đầu mùa thu vừa qua nghe ông cáo bệnh lưu lại doanh Cầu ít lâu, tôi đã nghĩ đến căn bệnh của ông. Đó là căn bệnh chung của Bắc Hà. Căn bệnh của buổi chuyển, buổi nổi nên đầy cả khúc mắc, mâu thuẫn. Hãy đọc lại hai câu đề của ông:

Hối bất ly trần tảo bình cư

Nhập giang ninh đắc vị phi ngư?

Thật đúng quá! Câu phá khiến cho bước chân phía trái của ông chùn lại. Nhưng câu thừa lại thúc chân phải dậm bước. Một chân chùn, một chân dậm bước, nên ông bất đắc dĩ phải quanh quẩn ở doanh Cầu. Có điều tôi chưa hiểu, là mấy chữ Phú nghĩa và Trung hòa trong hai câu thực.

Phan Huy Ích hơi do dự trước khi đáp:

- Lúc đợi mệnh ở doanh Cầu, tôi thường đến đền Thánh tiên xã Phú nghĩa đốt hương cầu được như nguyện. Đến khi nhận thánh chỉ, tôi vội rời bến Trung hòa trên sông Gianh để vào nam. Lúc qua đò, tự nhiên lòng bồi hồi xúc động...

Trần Văn Kỷ vội nói:

- Đó cũng là lòng chân thực. Tôi hiểu ông. Nhà nho cũng có lúc yếu lòng phải đến thắp hương ở đền Thánh tiên, tôi cũng đã trải qua kinh nghiệm ấy. Chẳng qua chỉ vì trong lòng ông còn có sông Gianh. Khi người chèo đò nhổ sào ở bến bắc và giơ mái chèo khua nước, cả lòng ông là bão tố, như lòng một quả phụ phải tục huyền vậy. Ông không có cảm giác ấy lúc vượt sông Phú Lương ^[4] hay qua sông Lam. Có đúng thế không ạ?

Phan Huy Ích gật đầu, nụ cười ngượng ngịu. Trần Văn Kỷ hăng hái tiếp:

- Chung qui không có gì ngoài hai chữ "chính thống". Nó đã thành một nếp suy nghĩ quen thuộc của các ông, đến nỗi trở thành hiển nhiên. Nhưng có thật hiển nhiên không? Ông nghĩ lại xem. Lúc Tĩnh vương Trịnh Sâm xua quân vượt Lũy Thầy vào chiếm kinh thành Phú Xuân này, hơn mười năm về trước, có nhà nho Bắc Hà nào rơi lệ lúc qua đò Trung hòa? Tôi chưa có thì giờ đọc hết sách của ông Quế Đường (Lê Quý Đôn) nhưng biết chắc rằng ông không có chút mảy may áy náy khi vào làm hiệp trấn tại kinh đô họ

Nguyễn. Vì sao vậy? Vì các ông cho rằng Thuận Hóa là đất cũ của Bắc Hà thuộc Thăng Long tận thời còn mang chữ Ô châu, Lý châu, nay Tĩnh vương có lấy lại là lẽ đương nhiên. Cũng như khi chính ông mang sắc chỉ của Tĩnh vương vào đây phong cho "hoàng đế" làm Quảng Nam trấn thủ, có lẽ ông cũng không thấy điều gì khác thường. Ranh giới Nam Việt với xứ Chàm ở tận dãy Thạch bi cơ mà. Phải chờ đến lúc Vương thượng đem quân đánh Phú Xuân, tiến thẳng ra Thăng Long diệt Trịnh và nhà Lê yếu đuối không giữ được nước, các ông mới chịu nhớ tới cái ranh giới sông Gianh thời xa xưa. Lúc mạnh, các ông đem ranh giới Nam Việt vào tận Thạch Bi hay Hà Tiên. Lúc yếu các ông mới chịu trở lại sông Gianh. Những đổi thay đó, các ông có lưu ý không? Xoay ngược cái hiển nhiên, các ông sẽ thấy lẽ bất thường. Nhưng được mấy người chịu nhìn ngược để thấy sự thực trọn vẹn? Mấy người?

Phan Huy Ích bắt đầu cảm thấy hai thái dương nóng bừng. Lúc ấy Trần Văn Kỷ đang mỉm cười kiêu ngạo, nhìn thẳng vào mắt ông, thách đố ông trả lời. Phan Huy Ích đáp:

- Thưa, ít lắm. Người ta thường thấy rõ sắc diện kẻ khác, thấy từ trước mặt ra đến sau ót, nhất là lúc người ta có quyền bắt kẻ khác xoay đủ bốn hướng để quan sát cho rõ. Nhưng, cùng lúc đó, người ta không chịu soi gương để nhìn sơ qua khuôn mặt mình.

Trần Văn Kỷ kinh ngạc, dăm dăm nhìn Phan Huy Ích. Ông hy vọng những câu vừa nghe không có thực. Nhưng Phan Huy Ích đã tiếp:

- Ngài có cho phép tôi được nói thẳng những gì tôi suy nghĩ hay không?

Trần Văn Kỷ vội đáp:

- Có chứ. Sao ông hỏi thế! Tôi vẫn lấy làm tiếc là mấy tháng qua do địa vị của tôi, do bắc nam cách biệt mà tôi với ông chưa bao giờ được thành thực trọn vẹn với nhau. Nhất là ông. Lúc nào ông cũng gật gù chấp thuận, tuy mắt ông buồn rầu dăm chiêu. Hôm nay chỉ có ông với tôi ở đây. Ngày mai ông đi rồi, biết chúng ta có còn duyên gặp nhau trở lại không. Xin ông cứ nói thẳng những điều chân thật. Cũng như khi tôi đọc bài Văn Khiển Cảm Tác, tôi chỉ đọc bốn câu đầu. Những câu còn lại chỉ là ước vọng, hoặc là sự sợ hãi diễn ra thi ca.

Phan Huy Ích nói:

- Tôi cũng mong ước những giờ khắc nói sự thật như vậy. Ngài cho phép thì tôi xin hỏi: Ngài trách chúng tôi đứng ở Thăng Long để nghĩ về hai chữ chính thống. Ngài còn trách chúng tôi dựa vào mấy trăm năm để tự lừa dối mình, an tâm sống bằng những ý niệm, nguyên tắc có vẻ hiển nhiên. Bây giờ tôi xin hỏi ngài: Ngài đứng ở đâu để nhìn lẽ chính thống? Gia Định? Qui Nhơn? Phú Xuân?

Trần Văn Kỷ đáp ngay:

- Dĩ nhiên là từ Phú Xuân.

Phan Huy Ích hỏi tiếp:

- Họ Nguyễn Gia Miêu cũng đứng từ Phú Xuân như ngài. Họ còn được dựa dẫm vào thời gian hơn hai trăm năm, từ thời Đoan quận công vào làm trấn thủ Thuận Hóa (1558). Nghĩa là nền chính thống của họ đã dày những 200 năm như chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Thời khởi nghiệp, chính Trung ương hoàng đế (Nguyễn Nhạc) cũng phải xưng là "họ ngoại của chúa Nam Hà" cho dễ thu phục lòng người. Liệu ngài có

thể cùng đứng ở Phú Xuân để tranh danh vị chính thống với họ Nguyễn chăng?

Trần Văn Kỷ cười nhỏ một tiếng, đáp chậm và chắc:

- Được chứ. Thứ nhất: là vì những con cháu họ Nguyễn, họ Trịnh và cả họ Lê nữa, hiện nay chỉ là những thân cây mục nát vật vờ. Cả Trời lẫn người đều bỏ họ. Điều đó ông đã tận mắt chứng kiến. Thứ nhì: chúng tôi (Trần Văn Kỷ cười e dè, rồi tiếp), chúng ta có một thể dựa vững chắc hơn hết, đó là lòng dân. Chúng ta đem tới cho họ một niềm hy vọng lớn lao, giúp họ thêm sức mạnh để sống: hy vọng mọi người - kể cả những người chân đất, nhất là những người chân đất - đều được no ấm, con cái được vui chơi, người già được an dưỡng. Chưa bao giờ họ Trịnh, họ Nguyễn đem đến cho dân nghèo niềm hy vọng đó.

Phan Huy Ích liền hỏi:

- Có thể thực hiện được điều hy vọng đó không?

Trần Văn Kỷ cười to vì đã đến được điều chính yếu:

- Tôi tin chắc chắn. Còn ông thì, thành thực mà nói, còn ngờ vực lắm. Mấu chốt ở chỗ đó. Ông chưa tin cái mới, mà cũng không tin cái cũ, nên phải cầu nguyện ở đền Phú Nghĩa, nhỏ lệ lúc người chèo đò nhỏ sào tại bến Trung hòa, dùng dâng cả bước chân đi. Cầu chúc chuyến này về Bắc thành gần gũi với ông Hi Doãn, ông được vui vẻ thoải mái hơn. Nào, ông cạn với tôi chén rượu tiễn này!

*

* *

Như đã ấn định trước, sáng hôm sau, thượng thư Hồ Công Thuyên dẫn quan thị lang Phan Huy Ích vào lạy từ biệt Chính Bình vương tại điện Triều dương.

Nguyễn Huệ sai Trần Văn Kỷ đến nâng Phan Huy Ích dậy, ân cần mời ngồi ở cái đôn sứ đặt sát tấm bình phong bằng gỗ vàng bóng loáng. Hồ Công Thuyên theo nghi lễ cũng ngồi ở cái đôn sát bên Ích. Nguyễn Huệ hỏi:

- Các ông đã sẵn sàng lên đường chưa?

Hồ Công Thuyên thay Phan Huy Ích đáp:

- Tâu Vương thượng, mọi sự đã xong. Chỉ còn chờ lệnh của Vương thượng.

Nguyễn Huệ hơi nhíu mày khó chịu, cố ý hỏi thẳng quan thị lang:

- Các ông nghề Bắc Hà cùng ở với ông thế nào? Có nóng ruột không?

Phan Huy Ích đáp:

- Tâu Vương thượng, tuy nặng lòng quê hương nhưng người nào cũng mong lập chút công để khỏi phụ ơn tái tạo của Vương thượng.

Nguyễn Huệ cười, nói đùa:

- Các nhà khoa bảng Bắc Hà khéo nói lắm. Các ông lạc lõng, khổ tâm ở đây, ta biết. Không phải lỗi ở các ông cả đâu. Suy cho cùng, phần lỗi chính là ở Phú Xuân. Các ông suy nghĩ, làm việc mà lòng còn thấp thỏm, chưa được trọn tin ở mình. Ngược lại, các quan ở đây cũng còn rụt rè dò chừng, chưa dám giao việc. Đôi bên chưa tin nhau. Phần lỗi thuộc về chủ hơn là khách, vì chủ có thành thực mới mong khách tự nhiên thoải mái, sau đó tận tình đóng góp. Ta mong có ngày khỏi cần phân biệt chủ khách nữa. Ngày ấy gần

kề rồi. Tuy vậy, ông về Bắc thành làm việc với Ngô thị lang chắc được việc hơn ở đây. Ngoài đó các ông không thể làm khách được. Các ông phải tự lo liệu lấy mọi việc cùng quan đại tư mã Ngô Văn Sở, vì là quê hương của các ông. Dân chúng ngoài đó là bà con của các ông, là học trò của các ông. Mỗi quyết định của các ông trực tiếp làm cho họ vui hay buồn, cho nên mọi người đều xét nét việc các ông làm. Các ông khỏi phải lạc loài giữa người lạ như ở đây, nhưng chắc chắn là không thoải mái đâu.

Quay về phía quan Trung thư lệnh, Nguyễn Huệ hỏi:

- Các chỉ dụ đã xong xuôi cả chưa?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Tâu Vương thượng, đã xong cả ạ.

Nguyễn Huệ cười, bảo Trần Văn Kỷ:

- Cái nợ văn chương với Phan thị lang, ông đã dứt được chưa?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Tâu Vương thượng, còn nhiều vấn vương lắm.

Cả bốn người trong điện Triều dương cùng bật cười. Không khí bớt nhạt nhẽo vì nghi thức triều đình. Vương lại quay sang phía thượng thư bộ Hình hỏi:

- Còn bộ Hình? Phan tiên sinh còn nợ gì không?

Hồ Công Thuyên không dám đối đáp tự nhiên như Trần Văn Kỷ, chắp tay thưa:

- Tâu Chúa thượng, quan thị lang đã hoàn tất cuộc xét án.

Nguyễn Huệ nói ồm ồm:

- Nhưng nội chuyện ông ấy đòi về Bắc là đầu dây mối nhợ cho một vụ án mới đấy.

Hồ Công Thuyên hơi xanh mặt, liếc nhìn Chính Bình vương dò dẫm, Nguyễn Huệ vội nói:

- Ta đùa cho vui đấy thôi. Ông thay ta đưa tiền quan thị lang đến cửa thành nhé. Chúc ông thượng lộ bình an. Cho ta gửi lời vấn an ông Nhậm.

Nguyễn Huệ đưa Phan Huy Ích ra đến thềm điện. Theo sau là Trần Văn Kỷ. Chờ cho Hồ Công Thuyên và Phan Huy Ích đi khỏi cửa điện, Chính Bình vương mới nói với Kỷ:

- Ta đã quen với cái vẻ tần ngần đăm chiêu, với thái độ dửng dăng của các ông nhà nho lắm rồi. Thêm một người nữa, cũng thế thôi. Dĩ nhiên nếu bớt được một ông nghề lừng khừng, lòng ta sẽ vui. Xưa nay ta ghét cay ghét đắng những kẻ lừng khừng. Cuộc đời không bao lâu, chỉ do lừng khừng mà mọi việc bê trễ, cái xấu cứ bám được vào đời ta như loài đĩa. Thế mà bây giờ ta phải chịu đựng họ. Ta bắt đầu ngờ rồi đó. Chẳng lẽ sự an nguy của xã tắc tùy thuộc vào những kẻ cẩn thận rẽ cỏ trước khi đặt bước đó hay sao?

Trần Văn Kỷ không biết trả lời thế nào, đành hỏi lại:

- Tâu Vương thượng, nếu không tin cậy vào nho sĩ để trị nước thì tin ai? Chẳng lẽ cứ ngồi mãi trên lưng ngựa để thiết triều?

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc, rồi bảo:

- Thuở niên thiếu, thầy ta - ông đồ Hiến - dạy riêng cho ta cách nghi ngờ những giá trị có sẵn. Ông

đọc "bài tựa truyện du hiệp" trong Sử Ký Tư Mã Thiên rồi chứ?

Trần Văn Kỷ vội đáp:

- Tâu vâng ạ. Nhưng ông Tử Trường uất hận vì cái vạ Lý Lăng, nên đây đó trong sách Sử ký vẫn có vài đoạn thiếu bình tĩnh, hoang mang giữa phải trái, sáng tối...

Nguyễn Huệ hơi giận, cắt lời Kỷ:

- Ông nói gì thế? Chính nhờ cái vạ Lý Lăng mà Tư Mã Thiên thoát được cái câu chấp của bọn hủ nho. Phải trái, sáng tối? Lấy gì để biện biệt những cái quan hệ ấy? Lấy cái gậy của kẻ già nua để đo chẳng? Hay lấy cặp mắt của kẻ không dám ra khỏi bốn bức tường gấm? Ta không nhờ những lời phẫn nộ của Tử Trường, thì đến nay vẫn đi thu thuế giùm cho ông biện lại Vân Đồn. Ta nhớ đã đọc ở đâu đó câu: "Biết ngờ là gốc của trí".

Trần Văn Kỷ đánh bạo hỏi lại:

- Vương thượng ngờ vực khả năng của nhà nho, thì tin ở ai?

Nguyễn Huệ đáp:

- Thuở khởi nghiệp, các nhà nho không giúp ta. Bao nhiêu năm gian khổ đánh nam dẹp bắc, ta gặp một số nhà nho chết đại như Nguyễn Đăng Trường, Lý Trần Quán, Nguyễn Huy Trạc, số còn lại phần lớn đều giống như Phan Huy Ích, La sơn phu tử. Được như ông hay Ngô Thì Nhậm chỉ đếm đủ trên đầu ngón tay. Nhờ ai mà ta dựng được nghiệp? Càng ngày ta càng thấy rõ: nhờ những anh em đi chân đất, mặc áo vải như ta trước đây. Chính họ mới là những kẻ quyết định sự an nguy của xã tắc. Ta nói đi nói lại mãi điều này hóa nhàm tai ông, phải không?

Trần Văn Kỷ vội đáp:

- Vương thượng dạy quá lời.

Nguyễn Huệ nói:

- Ta mong đến ngày chứng nghiệm sức mạnh của anh em chân đất. Thế nào rồi thiên hạ cũng phải thấy sức mạnh ấy thôi. Nhất là các nhà nho lừng khừng.

^[1] Theo Nguyên dẫn bài thơ Tây trình lữ muện , Dụ am ngâm lục tập 1, trang 170: "Đầu thu tôi phụng mệnh vào Phú Xuân, đến đầu mùa đông ra Bắc thành ứng đáp văn thư với triều đình phương Bắc. Giữa mùa đông thì quân Thanh đưa Chiêu Thống về phục quốc, vì thế tôi phải lánh về chốn lâm dã, có làm tập Vân sơn khiến hứng lược ghi vào đây".

^[2] Bài thơ Phan Huy Ích làm năm Mậu Thân như sau:

Văn Khiển Cảm Tác

Hối bất ly trần tảo bình cư

Nhập giang ninh đắc vị phi ngư

U trung Phú nghĩa phần hương xứ

Cơ lệ Trung hòa phát tạo sơ

Thánh độ bao hàm khoa phủ chất

Nho y phiêu đảng lữ canh sừ

Tâm thân chính kiến cầu biên lệ

Ban vũ nhàn lai thảo cổ thư.

Cảm khái khi nghe tin bị khiển trách

*Tự hối không biết sớm rời cảnh trần đi ở ẩn
Vào nơi sông nước sao bảo không phải là người câu cá?
Tâm tình u uất, là lúc thấp hương trong đèn Phú nghĩa
Giọt lệ tha hương khi mới nhổ neo bến Trung hòa
Độ lượng thánh thượng bao dung tha cho rìu búa
Áo nhà nho phiêu giạt bạn với cây bừa
Lòng này thân này chính cần tìm phương rèn dũa
Múa chiếc áo sặc sỡ, lúc nhàn thì nghiền ngẫm cổ thư*

(Dụ am ngâm lục, tập 1, trang 181, 182)

[3] Nguyên chú bài Văn Khiển Cảm Tác của Phan Huy Ích: "Tháng sáu mùa hạ, tôi được vua Quang Trung triệu về Phú Xuân, đến doanh Cầu thì cáo bệnh rồi ủy người vào nam xin lưu lại Nghệ An để điều dưỡng, lúc đó tôi vẫn trú tại lữ điểm chợ Cầu đợi mệnh và thường đến thánh tiên xã Phú nghĩa đốt hương cầu khẩn mong được như sở nguyện. Sau đó ít lâu, Phú Xuân lại xuống chiếu sai lính ra doanh chợ Cầu hộ tống về kinh và không được chậm trễ. Lúc đó tôi đành dứt tình lên đường, bồi hồi ngoảnh lại. Khi tới bến Trung hòa vượt sông Gianh, trong lòng bỗng xúc cảm giữa cảnh lữ thứ, bất giác rơi lệ. (Dụ am ngâm lục, quyển 1, trang 182).

[4] Tên cũ của sông Hồng Hà.

Chương 89

Chỉ mới cách nhau có hơn ba tháng mà khi gặp lại, Phan Huy Ích thấy anh vợ của mình đổi khác. Khuôn mặt Ngô Thì Nhậm ốm hơn, hai gò má nhô cao bên đôi mắt sâu. Hai nếp nhăn chạy dài từ chân sống mũi xuống hai bên hàm. Tóc trán rụng nhiều khiến cho khuôn mặt vuông vức thời trẻ biến thành hình lưỡi cày. Đôi môi hơi thâm thường mím lại khi nghe người khác nói. Những nét khắc khổ đó, Phan Huy Ích đã thấy trên gương mặt Ngô Thì Nhậm sau vụ án năm Canh Tý. Cuộc sống kham khổ và phiền muộn của mấy năm trốn nấp lao đao hằn dấu lên khuôn mặt Nhậm thật sâu, vài ba tháng chưa đủ để xóa hết được.

Nhưng chính đôi mắt Ngô Thì Nhậm đã khiến cho Phan Huy Ích bối ngỡ. Lúc bình thường, đôi mắt ấy hơi lơ dờ mệt mỏi gần như dại đi vì làm việc quá sức. Nhưng khi Ngô Thì Nhậm nói thì bỗng chốc vẻ mệt mỏi biến mất. Một thứ đam mê nhiệt tín ngời sáng ở đó. Ánh nhìn thách đố không nhượng bộ, liêu lĩnh đến hung bạo của Nhậm làm cho Phan Huy Ích lo ngại. Ích tiếc nuôi cái nhìn dịu dàng hiền hòa của người bạn học, người anh vợ, bạn đồng liêu trước đây, cái thời mỗi lần đọc thơ cho Phan Huy Ích nghe, Nhậm còn giữ nụ cười ngượng nghịu và đôi mắt rụt rè, như muốn xin lỗi trước về sự vụng dại lãng mạn của mình. Cách nói của Nhậm cũng đổi. Ông nói nhanh hơn trước, vội vã, hấp tấp như sợ không đủ thì giờ nói hết, hoặc chưa nói đủ để Phan Huy Ích hiểu mình. Quan nội hầu Phan Văn Lân vừa bước khỏi phòng, Ngô Thì Nhậm đã nói:

- Chú khỏi cần than vãn tôi cũng biết ở trong đó chú lạc loài. Chú tưởng ở đây thiên hạ dang tay chờ chú về như mẹ hiền chờ con hay sao? Không. Tôi báo trước để chú khỏi thất vọng. Các ông ấy hầu hết là con nhà võ. Ăn nói được như quan nội hầu Lân lúc nãy, thực quá sức bình sinh của họ rồi. Vả lại, thú thực với chú qua bao nhiêu biến đổi, nay tôi thích những lời bộc trực nôm na như thế hơn là những lời hoa mỹ giả dối. Chú làm việc ở đây ít lâu, chú sẽ thấy: Chúng ta lạc loài cô độc giữa bà con, anh em Bắc Hà chúng ta hơn là giữa các quan văn võ Nam Hà. Tại sao chú nhìn tôi như vậy? Chú không tin ư? Thôi được. Chú đọc hộ tôi hai lá thư của ông chú ruột chúng ta, của chú Ngô Tưởng Đạo đấy. Chú ngồi tạm lên cái ghế đầu này. Văn phòng mới dọn nên bàn ghế còn thiếu. Chú đọc đi. Tôi sẽ tự tay pha trà ngon đãi chú, rồi còn hỏi chú nhiều việc nữa. Tin nhà, tin Phú Xuân, nhận xét của chú về dân tình dọc đường quan lộ. Ôi thôi không biết bao nhiêu chuyện quan trọng cần kíp! Chúng ta sắp chứng kiến nhiều điều ngoạn mục, tôi dám nói với chú là chưa bao giờ có trước đây và sẽ không bao giờ có sau này. Sử ký sẽ không phẳng lặng nhàm chán với những chuyện cảm mạo ho hen của các ông hoàng bà chúa. Sử quan sẽ không tiếc giấy mực cho giai đoạn sắp tới. Từng chữ, từng dòng đều ghi bằng máu. Lật một trang giấy chép sử giai đoạn này chú sẽ nghe được tiếng reo hò, tiếng súng nổ, tiếng gào thét. Nhưng thôi, tôi làm cho chú quay cuồng điên đảo mất. Hãy từ từ. Chúng ta sẽ còn nhiều thì giờ để bàn với nhau. Ngay bây giờ tôi cũng chưa có thể xếp đặt ý tưởng cho có đầu đuôi. Tôi làm việc không biết mệt, đêm ngủ ít, nhiều hôm quên cả bữa ăn. Chú thấy đấy, mắt tôi thâm quầng. Giá không phải nhận những bức thư như hai bức thư này, tôi đã có thể tự hào là sống

trọn vẹn, đầy đủ, mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Thật đáng buồn, chú ấy còn không hiểu mình, làm sao thiên hạ... Nhưng thôi, chú đọc đi đã. Tôi đi sai chúng nó nấu nước sôi đây.

Ngô Thì Nhậm nói một thôi dài, rồi đột ngột ra khỏi phòng. Phan Huy Ích tò mò nhìn quanh căn phòng bày biện đơn sơ của Ngô Thì Nhậm: một cái chõng tre đan trải chiếu trắng, cái gối vuông cũng đan bằng mây, khay trà bằng gỗ có đặt bốn cái chén nhỏ bằng đất nung, một cái bàn vuông thấp la liệt đủ loại giấy tờ, ba cái ghế đầu... nói chung, cách bày biện chứng tỏ chủ nhân không chú ý gì đến những tiện nghi của cuộc sống thường ngày. Sợ Nhậm trở lại sớm, Phan Huy Ích cúi xuống đọc vội hai lá thư của Ngô Tử Đạo. Lá thư trước đem cuộc đời của Khổng phu tử ra bàn về hai chữ "sự thế" để trách móc Ngô Thì Nhậm theo "giặc" làm hại đến danh giáo. Lá thư sau dài hơn, dẫn lời Tả Khâu Minh và Mạnh Tử để khuyên cháu nên sáng suốt phân biệt được họa phúc ở đời, cuối thư nhắc nhở Ngô Thì Nhậm phải giữ đạo hiếu, phải mở mang gầy dựng cho gia phong, đừng làm hoen ố danh dự gia đình. Lời lẽ tuy cố giữ ôn tồn chừng mực nhưng Ngô Tử Đạo không giấu được sự tức giận gay gắt.

Phan Huy Ích vừa đọc xong thì Ngô Thì Nhậm trở về. Thấy Ích băn khoăn, Nhậm hỏi:

- Chú đã chùn bước chưa?

Phan Huy Ích không dám nói thật cảm tưởng của mình, hỏi lại:

- Anh đã phúc đáp chưa?

Ngô Thì Nhậm chợt nhớ ra, vui mừng nói:

- Chú nhắc tôi mới nhớ. Đã viết rồi nhưng chưa gửi. Viết một lượt với lá thư gửi ông hoàng giáp Bảo triện (Trần Danh Án). Tôi viết một mạch cả hai lá thư trong vòng một đêm. Chú muốn đọc không?

Tuy hỏi thế, nhưng Ngô Thì Nhậm đã đến chỗ bàn giấy lục tìm lá thư trả lời đưa cho Phan Huy Ích. Trong lúc Ích đọc, Ngô Thì Nhậm bứt rứt đi đi lại lại trong phòng, cố gắng chờ người em rể đọc xong để nói cho hết những điều dang dở.

Phan Huy Ích đọc lá thư gửi Ngô Tử Đạo.

"Cuối thu đầu đông, cháu nhận liên tiếp được hai lá thư của chú gửi đến dạy bảo.

Bàn về hai chữ sự thế, chú có nhắc tới thánh nhân dứt khoát đảm đương việc đóng quân ở ấp Lai, đẩy lùi ấp Phì, nhưng lại bị tuyệt lương ở đất Trần, mặc áo thường qua nước Tống, cũng không phải là điều không thể xảy ra. Ý chừng chú có điều muốn so sánh. Lời bàn này rất rõ ràng, thấu lý, cháu đã kính cẩn ghi dạ.

Thư sau bàn tới hai chữ họa phúc, cháu đã suy đi nghĩ lại, đại để trong sách các học giả đem họa phúc bàn về con người, trong đó có nhiều chỗ sai. Cháu trộm thấy Chu tử bàn về Tả truyện nói tác giả sách đó là người hiểu rõ lợi hại, thì đại khái cũng chỉ nói được những lời họa phúc lợi hại rõ ràng mà thôi. Chú lại nói rằng: Tác giả sách ấy là người thích lấy việc thành bại để đánh giá con người. Gặp lúc họ làm được điều tốt liền bảo họ là người tốt, gặp lúc họ làm điều không tốt liền bảo họ là người không tốt, chứ không phân tích được cái lý phải trái, đó là cái bệnh lớn của ông. Chú lại nói đến cái thuyết "Cong một thước để đuổi một tầm" của Mạnh tử. Nói chung, người ta làm việc phần nhiều chỉ xông vào cái lợi mà tránh cái hại, không hiểu rằng hễ có cái lợi liền có cái hại, tuy ta nắm được mười phần lợi nhưng vẫn có cái hại theo

sau, không bằng hãy xét nó trên mặt nghĩa lý. Đó là thánh hiền đem họa phúc của họa phúc gác ra một bên, chỉ nhìn họa phúc trên mặt nghĩa lý mà thôi. Thí dụ như vua nhân, tôi trung, tam cương chính cửu trù thuận, thế là cái phúc của nước; cha hiền con thảo, anh kính em nhường, chồng hòa vợ thuận, thế là cái phúc của nhà. Trái những điều đó là họa. Bọn nhà nho chúng ta nên thể nhận cho rõ điều này, mới thấy được thấu suốt việc lánh họa tìm phúc. Sự mất còn nào đó, mặc cho sự gió bụi nào đó; sự sống chết tất nhiên phó cho buổi sớm tối tất nhiên, thì sự vật sẽ đều lằng lằng.

Cháu gần đây ăn náu nơi bóng tối mới lý hội được ý ấy. Riêng nhà ta gặp vận tai ách, chú cháu, anh em đương ở lúc sợ sệt, lo âu. Kinh Thi nói: "Cầu phúc, phúc không trở lại" thật có ý vị. Những lời bàn trong thư gửi tới đều là những lời mở mang gây dựng gia phong, thật đúng là những điều cốt tử, mở rộng ra và làm cho sung túc thêm, khai mở tấm lòng thành, công bố cái đạo chung, đó là sự dạy bảo ngày nay của chú. Người đi trốn còn cái gì là quý, nhân với người thân mới quý. Đó là bài học ngày nay của cháu. Yêu người thân, kính kẻ trưởng, tĩnh tâm đọc sách, ở trong cái kiệm ước, làm sáng tỏ điều thiện, là việc làm ngày nay của các em. Gia đình lấy đấy khuyến khích nhau, thì cái phúc ở trong đó. Trong Kinh dịch quẻ Vị tế ở sau quẻ Ký tế. Thoán nói rằng: "Vị tế thì hanh thông". Cái nghĩa hanh thông này bao quát rất rộng, chớ đem cái hanh thông của Ký tế mà cho là hay hơn cái hanh thông của Vị tế.

Đó là sở kiến ngu hèn nông cạn của cháu. Kính mong chú chỉ giáo cho."^[1]

Phan Huy Ích đọc xong nhưng chưa vội ngừng đầu lên. Ngô Thì Nhậm thấy hướng nhìn của em rẽ đã đổi, bước lại gần nôn nóng hỏi:

- Chú thấy thế nào? Điều quan trọng hơn hết là... nhưng chú đã đọc cả lá thư tôi viết gửi cho Trần Danh Ấn rồi chứ? Ngần thôi, chú đọc rồi chúng ta hãy bàn. Chú uống nước đi đã.

Phan Huy Ích hớp một ngụm nước trà ướp sen, rồi cúi xuống đọc tiếp lá thư của Nhậm.

Thư trả lời hoàng giáp họ Trần ở Bảo triện:

"Tưởng ông nhớ tôi, cũng như tôi nhớ ông. Tóm lại không phải là những kẻ lừa đàn, nhưng xa nhau lâu thì nhớ nhau càng đậm. Những điều ngày nọ ông dặn cháu nói với tôi v.v... Kinh Dịch nói rằng: "Quẻ Khuê tượng trưng cho cô đơn. Thấy con lợn lấm bùn, chở một xe ma. Lúc đầu trương dây cung định bắn nó, sau lại buông dây cung ra, không phải là thù địch mà là thông gia. Khi đi gặp mưa thì tốt lành". Có lẽ người ở vào cảnh chia lìa và ngờ vực, không ai là không thế. Nhưng lòng tôi ưa "cái cung" tức là tôi đi sẽ "gặp mưa", dù kẻ khác có cái ý "ma, lợn", tôi vẫn cứ vững tâm; huống chi loài ma lợn vô hình, thì hơi đâu mà đem cái nhìn của quẻ Khuê mà nhìn nó. Đó là điều bậc đạt nhân tự nên thấu suốt. Tôi đã dặn cháu về thừa lại tất cả mọi điều. Tháng hoa lan trông ngóng, mong được gặp nhau, nhà rách thư nhàn, quét ngõ chờ đợi. Ngoài ra không nói được hết."^[2]

Phan Huy Ích không chờ Nhậm hỏi, đã nói trước:

- Anh có đưa những bức thư này cho họ xem không?

Ngô Thì Nhậm ngạc nhiên hỏi:

- Đưa cho ai?

Phan Huy Ích đáp:

- Cho mấy quan đại tư mã, nội hầu.

Ngô Thì Nhậm trở mắt nhìn em rể, mãi một lúc sau mới hỏi lớn tiếng:

- Chú nói gì thế? Việc gì phải đưa.

- Anh giao thiệp với bạn bè Bắc Hà, thư từ qua lại, họ không ngờ vực ư?

Ngô Thì Nhậm bật cười, điệu khinh bạc:

- À, ra chú đã nghĩ như vậy! Tôi hiểu rồi. Tháng trước tiếp được thư chú, tôi đã thắc mắc tự hỏi không biết vì sao chú đặt bút viết được câu: Nho y phiêu đảng lữ canh sừ (áo nhà nho phiêu giạt, bạn với cày bừa - Bài Văn Khiển Cảm Tác). Phiêu đảng, lạc loài, lữ thứ, cô đơn! Chú chỉ toàn rên rỉ. Vì sao chú biết không? Vì chú cảm thấy xa lạ với họ. Vì sao chú cảm thấy xa lạ với họ? Vì chính chú thiếu lòng tự tin. Đưa những lá thư của chú Ngô Tường Đạo và Trần Danh Án cho họ xem, phần mình, mình đã nghĩ: "Này nhé, các ngài rộng xét cho nhé, họ viết thư chửi tôi chứ không phải liên lạc nội ứng gì đâu". Phần họ, họ sẽ nghĩ thầm: "Biết đâu hẳn không giấu những lá thư khác. Nếu không tại sao hẳn có vẻ bối rối thế kia". Còn đưa thư phúc đáp cho họ xem thì chắc chắn họ sẽ nghĩ tệ hơn nữa. Lòng ta ngay thẳng, chí ta bền, ta cứ tự tại thung dung mà làm những điều phải làm. Đó là phương châm của tôi.

Phan Huy Ích hơi chột dạ, chuyển sang chuyện khác:

- Ông hoàng giáp Bảo triện dám viết bằng giọng mạ lỵ như thế sao? Ông ta sai con đến nói với anh những gì?

Ngô Thì Nhậm cười chua chát:

- Chú đoán cũng dễ thôi. Chú ở ngoài này ít lâu sẽ thấy thấm thía thế nào là cô đơn ở ngay trên quê hương mình. Ta vừa giận, vừa thương cho những kẻ mê muội đó. Biết làm sao được. Viết cho chú Đạo như thế là tận ngôn rồi. Còn đối với Trần Danh Án, chú thấy đấy, tôi thách thức. Chẳng còn bao lâu nữa lịch sử sẽ chứng tỏ cho nhà nho chúng ta thấy ai là "ma lợn". Gần kề lắm rồi. Chúng ta sắp được chứng kiến những đảo lộn dồn dập, từng bừng, đủ để tỉnh ngộ những kẻ mê ngủ. Chiều nay dự lễ tiếp chỉ xong, tôi sẽ cho chú biết tình hình Bắc Hà hiện nay. Chú nằm đây nghỉ tạm cho khỏe đã!

*

* *

- Tôi vô tâm quá. Đáng lẽ phải hỏi thăm chú xem cô và các cháu thế nào. Có được mạnh khỏe không? Chú có được ghé thăm nhà trước khi lên đây không?

Ngô Thì Nhậm vừa hỏi vừa cười bẽn lễn, như muốn xin lỗi. Phan Huy Ích sung sướng tìm lại được nụ cười hiền hậu ngày xưa của anh vợ. Ích đáp:

- Vâng. Em có ghé ập Tả được một buổi ^[3]. Các cháu vẫn mạnh. Riêng thằng thứ ba sinh năm Nhâm dần (1782), thằng Chú (Phan Huy Chú) đấy, anh còn nhớ không, nó kháu và thông minh đáo để. Em có chấm số tử vi, thấy lá số của nó giống y lá số ông nội. Chắc chắn sau này nó làm rạng rỡ được nghiệp nho chứ chẳng không.

- Còn cô thế nào?

Phan Huy Ích buồn rầu đáp:

- Nhà em độ này ốm hẳn đi. Một mình lo cho bao nhiêu miệng ăn, anh tính...

Ngô Thì Nhậm vội bảo:

- Bên tôi cũng thế. Tiếc là mình ở ngay đây mà không giúp gì được. Mọi người đều khổ. Mùa màng thất bát. Vả lại, mở miệng nói chuyện áo cơm, sao mà khó khăn. Thôi, đừng nói chuyện ấy nữa.

Rồi đột nhiên, Nhậm đổi qua giọng nghiêm nghị:

- Vương thượng đoán trước cuộc biến sẽ diễn ra ở Bắc Hà, nên gửi chú ra giúp tôi. Gần như Vương đoán trước được nét chính của tình thế. Lạ thật. Trong tờ dụ, có nói thế nào nhà Thanh cũng lấy cớ Tự hoàng trốn đi để can thiệp, hoặc cách này hay cách khác. Đúng y như vậy. Chú biết không, hiện hai đoàn cầu viện đã qua "nội địa"^[4]. Một đoàn đưa Hoàng thái hậu từ Cao bằng qua hiện ở Long châu, gồm đốc đồng Nguyễn Huy Túc, Lê Quýnh, Hoàng Ích Hiến, Nguyễn Đình Quân, Nguyễn Quốc Luyện, Nguyễn Đình Mai. Đoàn kia do Tự hoàng cử đi, gồm tham tri chính sự Lê Duy Đản và cái ông nhà nho "ma lợn" Trần Danh Án, đi qua phủ Thái Bình Quảng Tây. Lâu nay nhà Thanh vẫn nhòm ngó Nam Việt, chờ mong có cơ hội xâm lấn để biến nước Nam trở thành quận huyện của Thiên triều như thời Bắc thuộc. Có bọn tôn thất và quan lại cự triều đại diện nhà Lê sang van xin, cầu khẩn, chắc thế nào nhà Thanh cũng chộp lấy cơ hội tốt. Cảnh núi xương sông máu không tránh khỏi.

Phan Huy Ích lo lắng hỏi:

- Đã có kế chống giữ nào chưa? Phú Xuân có biết rõ không?

Ngô Thì Nhậm cười:

- Dĩ nhiên phải có. Quan đại tư mã Ngô Văn Sở giỏi cầm quân, điều đó chú biết rồi. Ông ấy có thêm một đức quý khác là sẵn lòng nghe lời bàn luận không giống mình. Chỉ vài tháng thôi, ông ấy đã xếp đặt việc văn võ Bắc Hà đầu vào đó. Ngày nhàn rỗi, ông ấy thường cưỡi ngựa đi rong ngoài phố cho vui. Ông ấy cũng mắc cái chứng thường thấy ở con nhà võ là dễ tự đắc. Một hôm, ông ấy họp các quan ăn tiệc ở nhà hiệp nghị. Giữa tiệc, ông ấy bảo với nội hầu Lân và đô đốc Tuyết: "Chúa công đem một thành phố lớn giao phó cho ta, cũng như sai kẻ thợ may cắt cái áo gấm mà chưa tin hẳn đã biết cầm kéo hay chưa. Các ông coi thử ra sao. Nếu có Tề Thiên đại thánh ở trên trời xuống, hay Diêm vương ở dưới đất lên, ta chỉ vét một mẻ lưới là hết. Huống chi cái lũ tạp nhạp chẳng qua chỉ để cho người ta thử gươm xem có sắc không, chứ làm được gì!" Rồi ông ấy ngoảnh lại bảo tôi: "Quan thị lang thật giỏi nghề văn mực, không biết có quen việc cung kiếm hay không?" Tôi đáp: "Có văn thì có võ, văn võ không phải hai đường. Nhưng cổ nhân hành binh vẫn thường "tới việc mà lo" sao ngài lại cho việc binh là trò đùa mà coi thường? Tôi nghe trong bọn quan lại cự triều chạy sang Tàu cũng có kẻ muốn dắt họ sang xâm lấn bờ cõi gây ra binh đao. Ngài đã nhận ký thác việc ngoài cửa, không khỏi có phen phải lo đến đầu bạc. Lúc ấy ngài sẽ nghĩ lại lời tôi nói hôm nay". Ông ấy cười và nói: "Khi ấy sẽ phải phiền ông làm một bài thơ để đuổi quân giặc. Nếu không được, thì túi dao bao kiếm vẫn là phận sự của con nhà võ, can chi ông phải quá lo!"^[5]. Nói thế nhưng

ngay hôm sau, ông ấy đã mời tôi đến bàn cách mời thêm các văn thần cựu triều ra giúp việc nước.

Phan Huy Ích vội hỏi:

- Anh dám nói thẳng như thế sao?

Ngô Thì Nhậm lại kinh ngạc nhìn Ích:

- Tại sao chú hỏi vậy? Đó là việc của tất cả chúng ta mà! Quân Thanh tràn qua đây thì tất cả nước Nam này trở lại cảnh lên rừng tìm ngà voi xuống biển mò ngọc trai, đâu có phân biệt Đảng Trong hay Đảng Ngoài.

Một lần nữa, Phan Huy Ích cảm thấy hổ thẹn. Cái ý định buổi trưa của Phan Huy Ích (ý định đem cảnh bề bàng lạc lõng của mình ở Phú Xuân tâm sự với Ngô Thì Nhậm, mong ước được chia sẻ niềm lạc loài, được cảm thông sự dùng dằng bất quyết) bây giờ ông mới thấy không thích hợp. Ông định ra đây để tìm một người cũng yếu đuối như ông để cùng dìu nhau mà đi. Phan Huy Ích lầm. Ông thấy rõ mình cách biệt Ngô Thì Nhậm không phải một tầm tay, một nhón chân, mà hàng dặm. Ông có vượt qua dặm đường nhấp nhô gai góc ấy được không?

Phan Huy Ích chưa dám trả lời.

^[1] Mai Quốc Liên dịch. Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm tập 2, trang 220

^[2] Mai Quốc Liên dịch. Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm tập 2, trang 204.

^[3] Làng Tả thanh oai, Quê vợ của Phan Huy Ích

^[4] Tức là đất Trung Quốc, theo cách nói của thời đó

^[5] Hoàng Lê, trang 286,287

Chương 90

Trước hôm nhận được tin quan đại tư mã triệu gấp các quan văn võ cự triều lên kinh đô, ông nghề chế khoa (khoa Đinh mùi 1787) Trần Bá Lãm ở Vân Canh có nhận được một bức thư của quan thị lang Ngô Thì Nhậm. Thư như sau:

Thư gửi chế khoa Trần hầu ở Vân Canh.

Đạo chỉ có một mà thôi, khi nên làm quan thì làm quan, khi nên nghỉ thì nghỉ. Người quân tử phải tìm cái chỗ đúng nhất của nghĩa này. Hiền hầu là người trong khoa bảng, tất nhiên tự mình có chủ kiến. Người sĩ quân tử ở vào thời kỳ đại quá nên cân nhắc cho đúng về mặt nghĩa lý. Có người có thể đứng một mình không sợ; trốn đời không buồn, được thua còn mất, gian dối dữ lành không mảy may để bụng, sống chết bằng cái đó cũng là một lý. Còn như kẻ tự cho mình là làm theo việc nghĩa nhưng lại còn muốn lưu tẩm thân này để mưu cái lợi về sau, thì tất nhiên đứng một mình mà có lòng lo sợ, trốn đời mà có lòng buồn, kẻ sĩ cao minh há không thấy điều đó sao? Xét ở bậc tiền bối trốn đời như tiến sĩ họ Cao ở Phú Thị, coi khinh giàu sang mà tiêu dao tự tại, đó là trốn đời mà không buồn; đứng một mình như đại vương họ Trần ở Vân Canh, có con đường có thể sống mà ung dung đi con đường chết vì nghĩa; như thế là đứng một mình mà không sợ. Những bậc khoa bảng triều trước, hai vị này là những người không thể sánh kịp. Nếu không được như vậy mà còn muốn lưu tẩm thân ở đời, gửi dẫu ở suối rừng, làm thầy thuốc, thầy bói, đó cũng chỉ là lấy cái ở ẩn để làm cái cơ may xuất hiện. Phàm đã ôm cái cơ may trong lòng thì thường ngay ngáy với cơ may, cơ may đó là cửa quan ải của lợi hại, khe hở không lọt sợi tóc.

Đại phàm kẻ đứng một mình, điều đáng sợ là hiềm nghi, kẻ trốn đời điều đáng buồn là gian khổ. Náu mình giấu họ nường tựa người, tình cảnh này tôi từng chịu đựng. Nhưng, thời thế lúc ấy sự thể của tôi không cho phép tự đứng vào danh nghĩa gì. Ở vào thời tiểu quá, cố nhiên không khác gì con chim bay trốn tránh.

Ngày nay, cái mà hiền hầu bảo là "độc lập", "trốn đời", thì lại khác hẳn thế. Hiền hầu nói rằng "nghĩa phải bảo tồn nước cũ", rằng "không thờ hai họ", rồi đem cái đó khích động lòng người mà mình nường tựa để làm cái vốn liếng nhờ cậy trong khi buồn bã sợ sệt. Thực là khó biết con người mà hiền hầu nường tựa có quả thực không cho hiền hầu là món hàng quý lạ đem bán rao ở chợ, cá lười, chim cung hay không? Nếu vậy thì sợ lại càng sợ, buồn lại càng buồn, tôi e rằng sự tính toán của hiền hầu có phần lầm lẫn.

Tôi cùng hiền hầu đã từng có lúc bàn thơ ở trước lầu Ngũ Long. Tôi thấy hiền hầu là người cao minh lanh lợi, cho nên việc sứ mệnh năm trước mời hiền hầu cùng đi một thể. Bản ý hiền hầu là người ra ứng dụng với đời, chứ không đem cái cục diện của hai vị hiền giả ở Phú Thị và Vân Canh làm kim chỉ nam cho mình. Nay hiền hầu còn đó, thì kim chỉ nam lấy lưu tẩm thân mình làm phương Tý Ngọ. Vì sao không dốc hết tâm lực của mình đối với sự biến hóa của khí vận là nơi bền vững nhất của việc tàng thân? Ôi! đời giường để xa khách, khách có thiệt thòi gì đâu, nhưng chân giường bị xước. Nếu quả lấy việc ngoảnh lưng

lại với đời làm cái lợi lưu lại tấm thân, thì so với cái hại tránh khách xước chân giường cũng không xa là mấy. Kẻ hiền đạt ăn ở với nhau, nên bảo cho nhau bằng điều tâm huyết, đâu phải là đem chuyện hình hài mà trói buộc lẫn nhau? Mặc dù vụ án năm trước, hiền hầu có lúc dùng lời không đẹp gán cho bản chức, việc đó nếu đặt mình vào địa vị ấy, thì từ xưa vẫn có. Bảo tử há cho Quản tử là người tham và nhát mà thay đổi cái nghĩa tương tri? Riêng nghe quan bộ Hình gửi thư kính mời, rốt cuộc hiền hầu vẫn chưa dám tới.

Hoặc có người cho rằng: Hiền hầu và bản chức có chỗ nghỉ ngơi, đủ làm cho hiền hầu sắp đi tới mà lại chần chừ. Ý tôi cho rằng không phải như vậy. Đó ắt là hiền hầu đã có chủ kiến đối với thời cơ tiến lui xuất xử, cho nên thác ra như vậy để làm điều từ chối.

Xa nhau lâu ngày, nghe nói chỗ hiền hầu lui tới có nhiều bậc hiền nhân quân tử, tôi tạm thổ lộ tâm can, xin hiền hầu nên đem điều đó trao đổi với các bạn hiền đạt mới được. Quan Hình bộ là người hiền hòa độ lượng, ông đối với bọn ta mọi việc đều làm chu đáo lắm. Nếu như gặp mặt, hẳn hiền hầu không cho thiên nghị luận này của bản chức là điều vu khoát. Mong hiền hầu mau ứng nhận mệnh vua, sớm tới thăm hòe, tay bắt mặt mừng, dù bao nhiêu tặng vật cũng chưa đẹp bằng.

Nhấn nhủ tha thiết, trông đợi ân cần. Nay kính thư. ^[1]

Trần Bá Lãm nhận được thư, đọc đi đọc lại nhiều lần nhưng giấu không cho các bạn bè biết. Đọc lần đầu, ông giận đến nỗi lá thư run rẩy trên tay. Lòng tự ái của ông bị tổn thương trầm trọng, vì chưa, phải, chưa có ai dám nói những điều trắng trợn như vậy về ông: "... khích động lòng người mà mình nương tựa để làm cái vốn liếng nhờ cậy trong khi buồn bã sợ sệt", "món hàng quý lạ đem bán rao ở chợ". Ông định xé ngay lá thư, nhưng kịp nghĩ lại, ông xếp thư cẩn thận cất riêng một chỗ. Ông nghĩ: "Phải cho các bạn ta xem, để họ biết miệng lưỡi độc địa của tên "sát tử phụ nhi thị lang". Xác láo, tự cao, tự đại đến thế là cùng". Ở thi xã bạn bè ông tụ họp để ngâm thơ vịnh nguyệt, để nhớ tiếc "cổ quốc", để so sánh trước kia và bây giờ, để mĩa mai các quan Tây Sơn méo miệng mím môi mỗi khi cầm cái quản bút, để kể đủ thứ chuyện tiểu lâm bù khú về chế độ mới, Trần Bá Lãm đã nhiều lần định rút lá thư ra, lại do dự, rồi lẳng lặng ấn vào đáy túi. Ông tự giận mình, đêm khuya, đem lá thư ra đọc lại. Ông đối diện với chính ông, bình tĩnh, khách quan phán xét chính ông. Càng đọc ông càng thấm. Những điều chính ông sợ phải nghĩ đến vì nó quá thực, lạ lùng thay, Ngô Thì Nhậm đã nói đúng và gọn trong một vài câu. Bảo tồn nước cũ? Không thờ hai họ? Thử ngẫm cho cùng xem có thực ông tin còn có thể vực dậy một triều đại lão nhược mục nát như triều Lê Trịnh hay không? Ông vác lều chõng đi thi vào chế khoa Đinh Mùi (1787), tận mắt chứng kiến cảnh xô bồ chen lấn của vài trăm sĩ tử trong sân điện chật hẹp để vớt vát chút danh cho đạo học ở buổi chợ chiều. Ông bóp trán chau mày trả lời các đối sách để làm gì, nếu không phải là để bôi phẩn cho Nguyễn Hữu Chỉnh! Mà Bằng quận công (Nguyễn Hữu Chỉnh) có thực bụng phù Lê không? Ngô Thì Nhậm đã nói những điều mà nếu ông, Trần Bá Lãm, can đảm soi gương thật gần để nhìn cho rõ gương mặt mình, ông cũng phải nói. Sự liêm khiết trí thức buộc ông phải công nhận cái sự thực phũ phàng ấy. Vâng, quả thực ông đã mượn

tiếng phũ Lê làm vốn liếng nhờ cậy, lừa mình và lừa người. Ông và bạn bè trong cái thị xã đã gian dối nhau để sống, thành thời trong giai đoạn khó khăn kham khổ chung. Từ đó, ông không thể sống tự nhiên như trước được nữa. Ông thấy các bạn ông cười nói, than thở, thất vọng, hy vọng, mĩa mai, mừng rỡ, một cách giả tạo đến kịch côm.

Ông càng tin ở nhận xét của mình hơn, khi từ Thăng Long, đưa tin về: đại tư mã Ngô Văn Sở triệu gấp các quan văn võ cựu triều lên kinh. Các tao nhân mặc khách trong cái thị xã hoài Lê ấy đột nhiên mất hết vẻ khí khái cao ngạo hoặc nét trầm tư ưu thời. Mọi người cuống quýt lên, người này đổ lỗi cho người kia, hoặc dùng miệng lưỡi đùn cho kẻ khác các việc khó khăn. Một ông nghề, một ông làm chức viên ngoại lang, một tri phủ và một ông cử nhân thất chí hóa gàn vội vã ra bến tìm thuyền. Không có thuyền đi thẳng lên kinh, họ phải đi đò dọc, rồi đi bộ, rồi lại thêm một chặng đò dọc. Chặng vạng hôm đó, họ chờ đò dọc mãi không thấy, phải vào trú đêm tạm trong cái quán tranh cất gần bến đò. Trần Bá Lãm cũng ở trong số đó. Trong túi áo trong của ông, lá thư Ngô Thì Nhậm vẫn nằm yên dưới đáy túi.

*

* *

Cái lều thấp lợp tranh, chung quanh dửng phen tre, mỗi bề gần bằng một con sào. Quầy hàng nước và vài thứ hoa quả vật vãnh chiếm gần nửa căn lều hẹp. Phía sau chủ quán dựng tạm một cái nong rách làm bình phong, che lấy khoảng hẹp riêng tư làm chỗ nấu bếp và chỗ ngủ cho hai mẹ con. Đêm phũ xuống, buồn bã theo từng giọt mưa rả rích. Khách lữ đò khá đông. Ngoài Trần Bá Lãm và ba người bạn, còn có ông đồ (hoặc thầy lang) lạ mặt vận áo the thâm, cặp tráp sơn then, bốn người đàn ông làm ruộng lên kinh tìm mua lưỡi cày ở phường đúc, và hai người đàn bà ăn mặc khá tươi tắn, mang tay nải ăn nói nhanh nhẹn đốp chát ra dáng con buôn. Hơn mười người phải ngồi qua đêm trong khoảng quán hẹp, bên ngọn đèn dầu lạc lù mù.

Người đàn bà chủ quán mừng rỡ được một món lời bất ngờ, vừa bưng đĩa cơm đến bán cho từng người, vừa suýt soa xin lỗi. Chỉ có năm người mua cơm của hàng quán, số còn lại hoặc nói dối đã ăn ở nhà, hoặc mua lấy một quả chuối cho phải phép. Chì hàng không lấy thế làm buồn. Thực ra, chì không có gạo để nấu đủ cho chừng ấy người. Thức ăn thì chỉ có dưa khú và tương. Để khách hàng khỏi xót xa về giá cả, chì chủ quán mau mắn nói:

- Các ông các bà hiểu cho. Độ này gạo thóc kém lắm. Mua đến khó quá đi mất. Không mấy khi các ông các bà ghé đêm ở đây. Thôi thì tạm tạm cho qua bữa. Vâng, thêm chút dưa khú. Có ngay đấy ạ. Cả đến rau quả cũng đắt như vàng. Chừng này cũng khá tiền đấy ạ. Chì dịch vào đây, kéo mưa tạt. Cái Tẹo, đưa cho bu cái que khêu tim đèn nào!

Hai chì con buôn ăn hết hai đĩa cơm đầy, uống cạn hai bát chè vối, rồi lấy trầu ra nhai ngon lành. Một chì nhổ toẹt cò trầu qua tấm phen thưa, suýt chút nữa văng lên áo ông nghề Lãm. Ông nghề thu vạt áo lại, nhăn mặt khó chịu. Chì con buôn không thèm để ý thái độ ông nghề, quay sang phía bạn hỏi:

- Đi đò dọc chuyển sớm có lên kịp chợ không?

Người kia đáp, sau một cái ngáp dài:

- Kịp chán. Định bê cả chợ kinh về hay sao mà lo thế!

- Mai hẹn nhau về một lượt nhé.

- Để xem đã, giá có các ông ở đây cùng về thì tiện nhỉ!

Chị con buôn kia phá lên cười, giả vờ trách:

- Ăn nói ý tứ nào! Các bác, các cụ đây toàn là nhà nho. Không được hỗn.

Chị kia nói giọng chán nản, khinh thị:

- Ối dào! Chỉ tổ dài lưng tốn vải.

Cụ cử gàn, bạn ông nghề Lãm bực tức gắt:

- Chị kia! Chị nói gì thử nhắc lại xem!

Hai chị con buôn tự cảm thấy đùa nghịch quá lỗ, không dám nói gì, chụm đầu vào nhau cười rích rích.

Ông cựu tri phủ buột miệng than:

- Đúng như cổ nhân nói: "phụ nhân nan hóa".

Ông đồ lạ mặt ngồi gần Trần Bá Lãm quay về phía ông nghề tìm nụ cười đồng tình. Ông nghề lắc đầu chán nản. Người kia được dịp nói nhỏ:

- Trước kia, phong hóa đâu có suy đồi như vậy, bác nhỉ!

Trần Bá Lãm gật đầu thay câu trả lời. Bác nông dân liếc thấy hai chị con buôn đã dựa lưng nhau bắt đầu ngủ gật, nên mạnh dạn nói đủ cho cả quán nghe:

- Hạng mua già bán non ấy thì lúc nào chả thế. Chỉ khác là bây giờ họ kiếm ra khối tiền.

Ông đồ lúc này nói:

- Ấy đấy, bọn lương đảo giàu có trong khi con nhà thư hương chúng ta đói dài mặt ra. Như thế là phong hóa suy đồi rồi. Cái thời kỳ cực chưa từng thấy, bác nhỉ!

Trần Bá Lãm gật đầu:

- Vâng. Kể cũng kỳ cục!

Ông đồ lạ mặt hơn hờ hỏi:

- Bác có đọc các tờ cáo của... của họ không?

Trần Bá Lãm kinh ngạc hỏi:

- Có điều gì mới à?

- Có... à... à không. Tôi chỉ muốn nói đến cách viết nửa nôm nửa chữ của họ. Giống y như gà què. Thà viết toàn nôm cho đỡ tức. Đằng này cứ pha phách phừa phứa, như trẻ con nói ngọng. Chúng nó dốt nát mà cứ tưởng...

Trần Bá Lãm lo sợ hỏi:

- Ông nói gì thế?

Người kia liếc quanh, thấy phần lớn đã thiu thiu ngủ, nên kề sát mặt ông nghề Lãm nói:

- Tôi trông qua, biết bác không ông nghề cũng là ông cống. Bác đừng nhún. Tôi cũng là người đồng hội đồng thuyền của bác, xin chớ ngại. Bác đã biết tin gì chưa?

Trần Bá Lãm gật mình hỏi:

- Tin gì vậy?

Người lạ mặt kề sát tai ông nghe thì thào:

- Sắp đổi đời rồi.

- Ai bảo bác thế?

- Thế bác chưa biết gì sao?

- Chưa biết gì cả. Chỉ biết phải lên kinh gấp, thế thôi.

- Sao lại lên kinh? À phải, lên kinh là phải. Ai cho người liên lạc với bác đấy? Nhóm của bác được mấy người?

Trần Bá Lãm bắt đầu thấy có gì bất thường. Ông còn đang băn khoăn thì ông đồ bên cạnh đã kéo vạt áo the rút ra một tờ giấy:

- Bác đọc cái này chưa?

Ông nghe e dè hỏi nhỏ:

- Cái gì thế?

Người kia cười, bí mật:

- Cứ đọc đi đã. Thế mà tôi cứ tưởng bác đọc rồi mới rủ nhau lên đón ở kinh thành. Để tôi ngồi tránh ra một chút cho sáng nhé. Phen này chúng nó lại trở về xứ mán mọi thôi!

Trần Bá Lãm cố nheo mắt đọc thầm: (dịch nôm)

"Dấy nước đã liệt, nổi giòng đã tuyệt, việc đáng làm chi kể mang hoang. Vớt người bị chìm cứu kẻ bị cháy, dùng chẳng được mới dùng binh cách.

Nay nghĩ họ Lê nước An Nam, vốn là cội thần của thiên triều, ba trăm năm vật phẩm tiến dâng tính theo chức phận; Mười lăm lộ đất phân chia cắt, gồm có nước nhà.

Thế mà khoảng năm Càn Long, tù trưởng trong nước là bọn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ cất quân làm loạn, đánh úp La Thành, vua Lê trước vì lo sợ mà phải qua đời, tự tôn là Lê Duy Kỳ đến nỗi phải xiêu bạt ra ngoài. Bề tôi cũ là Nguyễn Huy Túc đem mẹ và vợ tự tôn chạy sang nội địa khẩn cấp cứu xin. Đã hỏi bọn Túc, Tự tôn hiện nay ở vùng Kinh Bắc, Lạng Sơn, tôi dân vẫn nhớ chúa cũ. Nguyễn Nhạc là dân mọi rợ như giống chó dê, quen thói hung tợn của loài chồn sói, đến đâu cướp đấy, trăm họ oán đến xương tủy. Tội một tên dân ở biên thùy dùng lòng nổi lên, phạm vào luân thường, làm trái nghĩa lý, đạo trời đã không thể tha, lại dám hoành hành ở nơi nội địa tàn hại nhân dân, bạo ngược chúng thú, phép vua cũng cần phải đánh. Hiện đã đệ tâu và được Đại hoàng đế thương xót họ Lê tan nát, không nỡ để cho châu gieo lằm than. Ngài đã sai quan đốc phủ đeo ấn Chinh Nam đại tướng quân, đem 50 vạn binh mã thẳng tới La Thành, trừng trị tội ác bọn Nhạc, không cho lũ chúng trốn thoát hình phạt của Trời. Nước Nam đời đời tôn đội vua Lê, nhờ ơn quyền uy nuôi nấng đã lâu, trí năng còn chưa mất, cảm kích bởi trong lòng, không thể tự mình bỏ mất thiên lương của mình, đến nỗi quên vua theo giặc. Kẻ nào trước xưng tước nghĩa, tựa sức cứu giúp của thiên triều, tập hợp người đồng chí, ra sức trừ diệt quân thù, thì khi ải tía hát khúc khải hoàn, màn soái tính sổ quân công, sẽ được cắt đất chia phong, hưởng chung phúc lộc với họ Lê như Trịnh đại gia ngày trước.

Hịch này đưa tới, đâu đó đều phải hăng hái, mài dũa gươm đao, chống lại kẻ thù nhà vua. Ai nấy một lòng giốc sức thì mới có công, mới được lĩnh thưởng ở trong quân, hưởng phúc ở trong nước. Hãy cố gắng lên"^[2]

Trần Bá Lãm đọc xong, phần nộ trộn lẫn với lo sợ, hỏi vợ:

- Ông nhật thứ này ở đâu vậy?

Người đưa hịch không chú ý về khó chịu của ông nghè Lãm, trả lời bằng giọng khoe khoang:

- Chính tôi chép lại đấy. Nhận được tờ hịch, mỗi người chép lại mười bản để phân phát cho bè bạn, cứ thế mà loang rộng ra.

Thấy Trần Bá Lãm định trả lại tờ hịch, ông đồ lạ mặt vội xoa tay:

- Không. Bác giữ lấy bản đó.

Rồi hãnh diện vỗ tay vào túi áo trong, ông ta nói:

- Tôi còn những bảy tờ. Vì tôi hứng chí chép ra đến hai chục bản. Bác lấy thêm ít bản nữa, ngộ nhờ...

Trần Bá Lãm cương quyết trả tờ hịch lại:

- Ông giữ lấy!

Người kia ngơ ngác hỏi:

- Bác sợ à?

Trần Bá Lãm nghiêm mặt đáp:

- Không. Công rắn cắn gà nhà...

Ông đồ đưa hịch cướp lời ông nghè:

- Bác nói gì thế! Bọn mán mọi ở cái xó rừng Tây Sơn đem quân xâm lấn nước ta, thì ta phải nhờ thiên triều xua đuổi chúng đi. Đó chỉ là vạ bất đắc dĩ. Cũng là người ngoài, nhưng phía bắc còn có văn hiến, lễ nghĩa...

Trần Bá Lãm cương quyết nhét tờ hịch vào tận tay ông đồ lạ, nói nhỏ nhưng dần từng tiếng:

- Ông giữ tờ hịch này để sau này có bằng cứ xin làm quan với bọn Tàu. Chép những hai mươi bản, ông xứng đáng lắm.

Từ đó hai người không nói với nhau gì nữa. Họ giả vờ ngủ. Lâu lâu hé mắt liếc về phía ông đồ lạ, Trần Bá Lãm bắt gặp ông ta cũng hé mắt dò xét ông nghè. Bị bắt gặp đang giả vờ ngủ, ông đồ lạ giơ tay đập muỗi, rồi thu vạt áo về, xoay lưng về phía ông nghè Lãm. Gió bên ngoài thổi lạnh buốt, lọt qua khe phen liếp tạo tiếng vi vu át mất tiếng ngáy của khách lỡ đường.

*

* *

Tình sương, hai chị con buôn dậy sớm nhất. Họ sửa soạn quang gánh lịch kịch bất chấp giấc ngủ của kẻ khác, nên mọi người phải thức dậy với họ. Trần Bá Lãm không thấy người đưa hịch tối hôm trước bên cạnh mình, đoán có lẽ ông ta ra phía sau đi giải. Đến lúc chị chủ quán tìm thấy một tờ hịch đặt dưới đĩa đèn và ông cử gàn tìm ra một tờ khác gài trên tấm phen trúc, ông nghè mới quyết là hãn đã trốn rồi. Chị chủ

quán thấy tờ giấy nhằng nhít những chữ, lo lắng hỏi:

- Có thầy nào quên tờ giấy ở đây?

Viên tri phủ lấy tờ hịch đem sát đèn để đọc. Ông cử cũng đã gỡ được tờ hịch gài trên phen cửa. Ông cử đến gần ông tri phủ hỏi:

- Có phải cùng một nội dung không?

Họ đọc vội vàng dòng đầu, rồi nói:

- Giống nhau mà!

Mọi người dù biết chữ hay không, đều đoán ngay hai tờ giấy kia nói những điều rất quan trọng, rất nguy hiểm, và tốt hơn hết là nên dè dặt. Do đó không ai bảo ai, những kẻ sốc nổi hiếu kỳ lần lượt tản xa chỗ đặt đĩa đèn. Ông nghe Lâm tự thấy phải có trách nhiệm trấn an mọi người. Ông nói:

- Có lẽ của cái ông khách khi hôm ngồi cạnh tôi. Sáng nay, ông ấy trốn đâu mất rồi.

Nhiều tiếng lao xao mừng rỡ, vì đã tìm ra kẻ chịu trách nhiệm về hai tờ giấy bí hiểm kia. Một bác nông dân mạnh dạn nói:

- Các thầy hay chữ, thử đọc xem chúng nó nói những gì. Đi đứng mờ ám như vậy, tôi biết trước không phải dân lương thiện.

Viên cựu tri phủ rụt rè tiến thoái lưỡng nan, nửa muốn trở về chỗ, nửa muốn đọc tiếp vì tò mò. Cuối cùng, ông cử gàn đọc khá to cả tờ hịch. Mấy bác nông dân và hai chị con buôn đề nghị ông cử dịch lại sang tiếng nôm cho họ hiểu. Ông cử hỏi Trần Bá Lãm:

- Có nên không bác?

Trần Bá Lãm nói:

- Ông cứ dịch. Chuyện quốc sự đâu có dành riêng cho người biết chữ nho.

Ông cử vừa đọc vừa dịch cả bài hịch của triều Thanh. Ông đọc xong, cả quán đều lặng yên, như sững sờ. Chị chủ quán hỏi trước:

- Lại sắp có giặc phải không các thầy?

Một chị con buôn hốt hoảng kêu:

- Chết! Hay là ta quay về?

Chị kia bĩu môi nói:

- Sao lại quay về? Hồi tháng chạp năm ngoái ^[3] có khối người mua được nhiều thứ rẻ. Của ăn trộm ở các nhà quan ấy mà. Các thầy, các bác tính, một cái tủ cần xa cừ mà giá chỉ bằng nửa thúng gạo. Lúc lên vác có một bao, lúc về phải thuê cả thuyền.

Chị chủ quán lại hỏi:

- Có sắp phải cấm sông không các thầy?

Ông cử cười đáp:

- Chị khỏi lo. Cấm sao nổi! Cấm sông thì hai chị này lấy gì chở tủ chè, phản gỗ về quê.

Một bác nông dân bức dọc nói:

- Nông nổi này mà thầy còn đùa cợt! Giặc Tàu qua đây, thì thầy tính sao?

Ông cử gàn không chịu lép, quay sang phía bác nông dân cật vấn:

- Ấy chết! Sao bác dám gọi là "giặc Tàu". Thiên triều chứ! Bác không muốn "hưởng chung phúc lộc với họ Lê như Trịnh đại gia ngày trước" hay sao?

Khi nhại y nguyên lời hịch, ông cử cố ý nói ngọng như cách nói của các khách trú Phố Hiến, khiến cả quán bật cười. Bác nông dân hiểu lập trường của ông cử, vui vẻ đáp:

- Vâng. Thì quân thiên triều. Các ngài ấy kéo những 50 vạn sang ta thì lúa thóc đâu cho đủ cung phụng? Mùa màng cứ thế này, bọn nhà nông chúng tôi chỉ còn nước gặm đất cầm hơi!

Vẫn ông cử tiếp tục đùa nghịch:

- À ra thế! Bác sợ thiên triều giành mất bát cơm hẩm. Đừng lo. Họ dẫn mất bát cơm của bác, nhưng trả lại một ông vua. Vua thật chứ không phải vua phường chèo đầu nhé.

Viên ngoại lang từ nãy đến giờ giữ vẻ lầm lì, lúc đó mới nhắc khéo ông cử:

- Ông nên giữ mồm giữ miệng. Dù sao chúng ta cũng là con dân Bắc hà.

Trần Bá Lãm thấy cuộc bàn luận lan man trở nên nguy hiểm, nhất là bên ngoài trời đã sáng tỏ, trên đường đã có nhiều người qua lại, ông bảo các bạn:

- Chúng ta sắp sửa đi thôi.

Ông cử gàn không chịu nghe lời ông nghề Lãm, quay hỏi cả bốn bác nông dân:

- Các bác vẫn giữ ý định lên phường đúc đấy chứ?

Một người đáp:

- Vâng. Dù gì chẳng nữa, việc cày bừa không thể bỏ được.

Ông cử lại hỏi:

- Nhỡ giặc... "giặc thiên triều" đến thật thì các bác tính sao?

Mấy bác nông dân đáp:

- Thì đánh cho chết!

- Thì dẫn cho chúng một trận nên thân!

- Thì đem dao, rựa, gậy gộc ra đuổi chúng nó về.

Ông cử cười hể hả, nói thêm trước khi chạy theo các bạn:

- Nhớ rủ chúng tôi với nhé. Phải. Đánh cho chúng nó chừa cái thói tham. Giặc Tàu! Đúng là giặc Tàu.

Ra đến đường cái, ông nghề Lãm trách ông cử:

- Tôi xem tờ hịch thấy cũng có nhiều điều khả tín. Như việc quân Tàu đem vua Chiêu Thống về phục quốc chắc là có thật. Những người còn nhớ tiếc triều cũ còn đông lắm. Ông nên giữ gìn một chút.

Ông cử cự lại:

- Chúng nó rước voi về dầy mã tổ mà các bác buộc tôi lễ phép!

Viên ngoại lang nói:

- Ông chỉ được cái gàn. Hơi đâu ăn cơm nhà vác ngựa voi. Thiên triều dùng đến binh cách, thì đã có

các ông nhà võ họ lo đối phó. Việc gì đến ông?

Viên cự tri phủ thì bảo:

- Vả lại họ có giao việc cho mình lo đâu!

Ông nghề Lãm thọc tay vào bọc áo suýt soa cho đỡ lạnh. Ông cử hỏi:

- Bác nghề nghề thế nào? Ta phải làm gì đây?

Trần Bá Lãm bối rối:

- Hãy cứ lên kinh đã. Chắc gì thời thế đã đúng như lời hịch. Ồi giờ, rét! Đồ dọc xuống chậm quá nhỉ!

Ông thọc tay sâu vào túi áo. Mấy ngón tay phải chạm lá thư của Ngô Thì Nhậm. Trần Bá Lãm dón dác nhìn quanh, nhột nhạt như có đôi mắt vô hình nào đó đang chăm chăm nhìn vào gáy mình.

*

* *

Ở Lạng Sơn, bài hịch có sức tàn phá của một trận bão. Trong khoảng một ngày, quân lính trốn đi mất quá nửa. Tướng Phan Khải Đức sợ quá lén sai người đưa thư qua cửa ải xin đầu hàng. Trấn tướng còn lại là Nguyễn Văn Diễm người Quảng Nam cảm thấy cô thế: lính trốn, tướng đầu hàng, mình là người Đảng Trong dù có theo gót Phan Khải Đức cũng không ai dung. Cho nên ngay trong đêm, Diễm thu xếp binh mã rút lui về Kinh Bắc, cùng với Nguyễn Văn Hòa hợp lực giữ thành rồi sai k binh chạy về Thăng Long cấp báo.

Đại tư mã Ngô Văn Sở nhận được tin, vội họp ban tham mưu lại để bàn kế chống giữ.

[4]Chưởng phủ Nguyễn Văn Duyệt nói:

- Tôi nghe hồi cuối đời Trần, quân mạnh của phương bắc sang xâm lấn nước nam. Hoàng Phúc, Trương Phụ, Mộc Thanh, Liễu Thăng đều là những tướng hung tợn của Tàu; vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở vùng Lam Sơn, cả thế và lực đều không thể địch lại chúng được. Nhưng nhờ hành binh qui quyết, không kiêng những sự quyền mưu, Thái Tổ đã khéo mai phục, rồi thừa cơ đánh úp quân giặc. Nhờ vậy, Ngài chỉ có ít quân mà thắng được kẻ đông quân, vây Vương Thông ở bến Đông Bộ, giết Liễu Thăng ở núi Mã Yên, chiến công rực rỡ, nghìn đời ngợi khen. Nay quân nhà Thanh ở xa đến đây, trèo đèo lặn suối cực kỳ khó khăn, ta nên dùng cách "dĩ dật đãi lao", các chỗ quan yếu đều cho quân đi mai phục, chờ khi họ đến thì đánh. Như thế lo gì không được?

Ngô Thì Nhậm chờ các võ quan nói trước, nhưng từ Ngô Văn Sở đến Phan Văn Lân chưa ai có ý kiến nào rõ ràng. Vì thế Ngô Thì Nhậm bắt đầu nói:

- Tôi e ý kiến của quan chưởng phủ không được thích hợp. Quan chưởng phủ có nhắc lại cuộc kháng chiến chống giặc Minh của Lê Thái Tổ để minh chứng cho kế mai phục. Việc trong thiên hạ tình tuy giống mà thế lại khác, thì được hay hỏng cũng phải khác. Khi xưa, nước ta lệ thuộc nhà Minh, người Tàu hết sức tàn ngược, cả nước ai cũng muốn đuổi họ đi. Cho nên vua Lê Thái Tổ chỉ gọi một tiếng xa gần đều theo, hào kiệt trong nước như mây ùn ùn kéo đến. Mỗi lúc đánh nhau với giặc, người trong nước chỉ sợ quân

mình bất lợi. Nghe tin mình thắng ai cũng vui mừng. Lòng người được như thế, cho nên hễ có phục binh núp ở chỗ nào, dân chúng giấu giếm thật kín, bên giặc không hề biết. Sở dĩ mai phục mà thắng là nhờ thế. Ngày nay, những bề tôi nhà Lê đi trốn đâu đâu cũng có, nghe tin quân Thanh sang cứu, họ đều ngẩn ngơ mong ngóng. Sĩ dân cả nước tranh nhau chạy đi đón chúng. Quân ta...

Chương phủ Nguyễn Văn Duyệt không kiên nhẫn được nữa, cắt lời Nhậm:

- Quan thị lang đã đâm ngại hay sao? Ông nhìn chuyện xưa đúng lắm. Giá khi nhìn chuyện trước mắt cũng được như thế thì hay biết mấy! Tôi xin hỏi ông: căn cứ vào đâu ông dám bảo hiện giờ sĩ dân Bắc hà đều ngẩn ngơ mong quân Thanh, chờ dịp là cả nước tranh nhau chạy đi đón chúng?

Không khí trong phòng trở nên ngột ngạt. Mọi người dồn về nhìn ông. Ngô Thì Nhậm bình tĩnh hỏi lại:

- Các ngài muốn nghe những điều có thực, hay muốn nghe những lời đẹp lòng?

Ngô Văn Sở muốn giải hòa, tươi cười bảo Nhậm:

- Điều chân thực đều đẹp lòng cả. Tình thế khẩn trương thế này, ta phỉnh nịnh tâng bốc nhau làm gì! Ông cứ nói thẳng, khỏi cần quanh co gì cả!

Ngô Thì Nhậm sửa lại thế ngồi trước khi tiếp:

- Muốn biết sĩ dân Bắc hà nghĩ về chúng ta như thế nào, trước hết ta cứ thành thực xét mình, xem bao lâu nay ta đã làm những gì để thuyết phục họ. Tiết chế Vũ Văn Nhậm đã làm được gì, các ngài biết rồi: lùng xét khắp kinh thành để lấy của, bắt phu phen đắp thành lũy ngày đêm không nghỉ, dân họ chỉ sợ và oán chứ không phục. Đối với sĩ phu thì "truyền bằng mắt, khiến bằng hơi". Ai lờ ra giúp việc quan đều chán nản. Kẻ còn đứng ngoài lo trốn lánh, xem việc ra cộng tác với chế độ mới như một điều xấu hổ. Vì bấy nhiêu cái tội lớn lao ấy mà Vương thượng phải thân hành ra đây trị tội. Mấy tháng nay chúng ta gây lại được cái đồ vỡ, vá chỗ rách, dậm chỗ hở. Công phu đổ ra nhiều nhưng thời gian còn ít quá, chưa đủ phục hồi lòng tin của sĩ dân. Đó là chưa kể: đối với bọn câu nệ hẹp hòi, thì Đảng Trong vẫn là nước ngoài.

Nội hầu Phan Văn Lân hỏi:

- Nếu sĩ dân Bắc hà còn nặng tình với Lê Trịnh, thì tại sao mấy lần chúng tôi kéo quân ra đây dễ dàng như vào chỗ không người? Tự tôn trốn tránh, cố dấy việc cần vương, nhưng ông thấy đấy, có làm nên cơ may gì đâu. Họ Lê tự mình đứng chủ trương còn thế, huống chi nay dắt quân Tàu về, rước voi dày mả tổ, thì còn chút chính nghĩa nào cho sĩ phu khắp nước "ngẩn ngơ mà mong". Ông có nghĩ quá đáng gì cho họ chăng?

Ngô Thì Nhậm đáp:

- Đối với lớp nhà nho không dám nghĩ gì ngoài kinh sử, thì không có gì quá đáng. Số lần tránh, trốn nấp chờ thời còn quá đông đảo. Những kẻ dạn dĩ hơn ra giúp việc nước, thì cứ nhấp nhóm, đứng ngồi chưa yên. Dân chúng còn hoang mang. Thời thế hiện nay khác thời Lê Thái Tổ chính ở lòng dân còn bất quyết đó. Ta không thấy trước, cứ theo kế mai phục thì địa thế, quân số ta thế nào, bọn đón gió mang hết ra báo cho giặc để tâng công. Nhân kế của mình, mà thành kế của giặc, chúng chỉ việc vây kín bốn mặt mà bắt. Quân cơ của mình đã bị tiết lộ, tự nhiên mình phải mất tiện nghi, hãm mình vào chỗ chết, còn hòng đánh úp

ai được! Binh pháp nói rằng: khéo mai phục thế nào cũng được, lằm mai phục thế nào cũng thua.

Ngô Văn Sở hỏi:

- Thế thì nên làm thế nào?

Ngô Thì Nhậm đáp:

- Trong phép dụng binh, có đánh có giữ. Bây giờ quân Thanh sang đây thanh thế rất lớn. Ngoài nước, những kẻ đi làm nội ứng cho giặc lại còn nói phao cho thanh thế của chúng to thêm, hòng làm kinh động lòng người. Quân ta hễ có việc gì, kẻ sai phái vừa ra khỏi thành liền bị bắt giết. Những người Bắc hà bị làm lính chỉ chực dịp là trốn. Dem hạng quân đó mà đánh nhau, không khác nào xua đàn dê đi đánh con cọp, không thua sao được? Còn muốn đóng cửa thành cố giữ, thì lòng người đã không vững rồi, cái lo bên trong chắc sẽ xảy ra, dẫu đến Tôn Ngô sống lại cũng phải bó tay không tính được kế gì. Như vậy khác nào đem con trạch bỏ vào giỏ cua. Xin nghĩ cho kỹ lại xem, đánh chẳng được, giữ chẳng được. Cả hai chuyện đánh giữ đều không phải thiện sách.

Ngô Văn Sở lo lắng hỏi:

- Chẳng còn kế nào khác ư?

Ngô Thì Nhậm nói:

- Bất đắc dĩ chỉ còn cách này: Sớm cho thủy quân chở thuyền lương lui về giữ Biện Sơn, bộ binh thì lui về giữ núi Ba Dội (Tam Điệp). Mặt thủy mặt bộ thông nhau giữ lấy chỗ hiểm cho vững thế thủ, rồi cho người chạy giấy về bẩm Chúa công. Thử coi quân Thanh đến đây cư xử với việc nhà Lê thế nào, vua Chiêu Thống sau khi phục quốc tính mưu kế gì nữa, đợi Chúa công ra sẽ đánh cũng chưa muộn.

Có nhiều tiếng xôn xao bất đồng trong phòng họp. Ngô Văn Sở ở vai chủ tọa cũng cảm thấy tự ái bị thương tổn như các bạn nhà võ, nên lớn tiếng nói:

- Chúa công về nam, đem cả thành này giao phó cho ta. Giặc đến thì phải quyết sống chết với thành. Có thể trên không then là bề tôi giữ đất, dưới không phụ với chức trách cầm quân. Chưa thấy bóng giặc đã trốn, bỏ thành cho giặc, thì chẳng những đắc tội với Chúa công mà dân Bắc hà còn coi ta ra cái gì nữa!

Ngô Thì Nhậm bị cả phòng phản đối vẫn không núng, ông đáp:

- Tướng giỏi thời xưa, thường phải lượng thế giặc mà đánh. Phải nắm phần thắng mới đánh. Theo thế lập mưu giống như đánh cờ vậy. Trước có nhin người ta một nước, sau sẽ hơn một nước, rồi đem nước sau làm nước trước mới là cờ cao. Nay ta cho toàn quân rút lui, không bị mất một mũi tên, cho nó ngủ trọ một đêm rồi lại đuổi đi, cũng như ngọc bích nước Tấn đem cho nước Ngưu rồi lại vẫn về nước Tấn, có mất gì đâu. Nếu có vì thế mà mắc lỗi, tôi dám xin đứng ra bộc bạch rõ với Chúa công, chắc là ngài sẽ rộng xét. Xin các ông chớ ngại.

Ngô Văn Sở quay về phía nội hầu Lân hỏi:

- Ý ông thế nào?

Nội hầu Lân đáp:

- Tôi xin tuân lệnh quan đại tư mã.

Ngô Văn Sở lại hỏi chương phủ Dụng:

- Còn ông?

Nguyễn Văn Dung đáp:

- Tôi đã trình bày từ đầu cái kế mai phục. Xin ngài cứ ra lệnh.

Ngô Văn Sở mím môi suy nghĩ, rồi nắm chặt hai tay lại, ông nói chậm cho mọi người chú ý:

- Ta theo cái kế của quan thị lang. Ngay đêm nay, ta họp bàn kế hoạch rút quân. Phải làm thế nào cho an toàn, và nhất là không làm dao động nhân tâm. Các ông nhà võ biết rồi, bao giờ lui quân cũng nguy hiểm hơn là tiến quân. Không được sơ sót bất cứ điều gì. Các ông nhớ cho nhé!

*

* *

Sau khi Chính Bình Vương về nam, bộ Lễ được chuyển tới một ngôi nhà rộng rãi khang trang hơn, nhà khách có chỗ chứa gần bốn mươi quan văn võ cưỡi triều đến trình diện theo lệnh triệu của Ngô Văn Sở. Sắc mặt người nào cũng lo âu. Có thể nói là lo âu gấp mấy lần trước. Đa số các quan đều đã đọc bài hịch của triều Thanh, nên cả quyết đây là biện pháp tập trung giới sĩ phu Bắc hà quản thúc một chỗ, đề phòng việc thành hình các nhóm nội ứng do nhà nho chủ xướng.

Có lẽ trước lúc ra đi đã có cảnh khóc lóc, dằn dò, trăn trối, y như mọi cảnh tử biệt, sinh ly. Trên trán từng người có thêm nếp nhăn. Tóc bạc thêm dưới vành khăn xếp lệch. Áo quần vì vậy cũng nhếch nhác, thiếu vẻ tề chỉnh đáng lẽ phải có. Trước cổng bộ Lễ, sau khi các ông nghè, ông cống vào rồi, đám đông thân nhân lóng ngóng chờ tin dữ cũng đông đảo hơn lần trước. Đến mấy cậu lính lệ lo việc canh gác cũng trở thành quan trọng. Người ta nịnh bợ, dâng bốc, sẵn đón, mời trầu các cậu, để moi vài cái tin mừng. Các cậu không biết quan đại tư mã mời các quan cưỡi triều đến làm gì, ai hỏi thế nào cũng gật đầu ý trước mâu thuẫn ý sau. Đám thân nhân càng hoang mang, khóe mắt rớm đỏ.

Phần các quan khi vào nhà khách bộ Lễ mới tin được rằng người ta không triệu mình đến đây để bỏ tù. Nhà khách được trang hoàng uy nghiêm. Ngoài chiếc sập chạm dành cho quan chủ tọa, người ta đã trải chiếu trên sàn nhà, mỗi chiếu đặt sẵn khay nước trà và ống điếu thuốc lào. Tùy theo phẩm trật mà quan phụ trách Lễ bộ lễ phép mời quan khách lên ngồi ở chiếu trên hay chiếu dưới. Nói chung, cách tổ chức đón tiếp cực kỳ trân trọng, không có vẻ nào đe dọa hoặc khinh thường.

Trần Bá Lãm và mấy người bạn đến khá sớm và tuy phẩm trật của họ khác nhau, cũng được lễ quan trân trọng mời ngồi chung ở hàng chiếu đầu. Họ khiêm nhường xuống ngồi ở hàng chiếu thứ hai.

Viên tri phủ thấy nét mặt ủ rũ hoang mang của các quan khác, nói thầm với ông nghè Lãm:

- Sao họ rũ ra như chiếc lá úa thế ? Đẳng nào cũng phải giữ chút khí hạo nhiên chứ!

Ông cử nói khá lớn:

- Họ sợ bị đóng gông cả đấy.

Viên ngoại lang ngậy thơ hỏi:

- Có tội gì mà đóng gông?

Ông cử cười, hỏi lại:

- Không có gì sao lại triệu đến đây? Cả nước này không triệu ai, chỉ triệu có chúng mình.

Ông cự tri phủ thì thảo:

- Lúc này, tôi nghe hình như... hình như Lạng Sơn đã vỡ rồi. Trấn thủ phải chạy về ghé tạm ở Kinh Bắc. Không biết đúng như thế hay là phao ngôn. Gớm, thiên hạ bịa ra không biết bao nhiêu tin đồn nhảm. Nhiều khi vô lý không chịu được, nhưng nhiều kẻ có học văn sáng cả hai mắt hỏi dồn: "Thế à? Thế à?" Chỉ vì hợp với tì vị của họ mà!

Họ lục tục kéo vào khá đông, và không ai chịu ngồi vào các hàng chiếu đầu, dù những người đến muộn phải đứng, hoặc chen chúc tám, chín người trên các chiếu cuối. Quan Lễ bộ đi đến từng nhóm, từng người mời họ lên trước. Ai cũng lễ phép gật đầu. Nhưng hàng chiếu đầu vẫn trống. Có lẽ đã quen với hiện tượng ấy, quan Lễ bộ không thèm mời mọc thêm, sai lính đến cuốn bớt những chiếc chiếu trống ấy đi. Nhóm Trần Bá Lãm bất đắc dĩ trở thành hàng đầu, đối diện với sập chủ tọa.

Tiếng rì rầm trong nhà khách chỉ chấm dứt khi lễ quan lớn giọng báo có quan đại tư mã đến. Ngô Văn Sở mặc triều phục, chậm rãi đi vào, theo sau là nội hầu Phan Văn Lân và thị lang Ngô Thì Nhậm. Phan Văn Lân mặc nhung phục, còn Nhậm chỉ mặc cái áo tú tài đơn sơ. Sau khi chủ khách vái chào với nhau theo lối thông tục, Ngô Văn Sở cau mày hỏi viên lễ quan:

- Sao không có trầu cho các cụ?

Bị hỏi bất ngờ, viên lễ quan lúng túng đáp bừa:

- Bẩm... vì trầu-không độ này khó mua quá ạ!

Ngô Văn Sở tươi cười nói với mọi người.

- Thôi, các cụ chịu khó nhịn trầu cho một buổi sáng. Không, chỉ độ nửa buổi sáng mà thôi, vì tôi xuất thân ít học, cầm gươm thì thạo nhưng ăn nói thì dở lắm. Nói vài câu đã hết chuyện rồi. Do đó tôi phải nài cho được quan thị lang Ngô Thì Nhậm đi theo, để ngộ nhờ tôi nói cộc lốc trần trụi thì có ông nghề Nhậm gia giảm thêm bớt gia vị. Nếu tôi có lỡ lời, hoặc dùng chữ không đúng phép tắc, các cụ các bác tha thứ cho nhé.

Trong nhà khách nổi lên nhiều tiếng cười nhỏ. Cử tọa chờ đón một thứ không khí nghiêm túc, căng thẳng, chứ không chờ đón cái giọng mộc mạc thân tình đó. Ngay các cụ khoa bảng ngồi ở hàng chiếu trước cũng thôi không thẳng lưng chấp tay ngay ngắn nữa. Vài người mạnh dạn rót nước trà ra chén. Ngô Văn Sở tiếp:

- Vâng. Quý cụ cứ dùng nước cho đỡ khát. Lúc chúng tôi đến đây, chúng tôi thấy các thân nhân của quý cụ, quý bác vẫn còn tụ họp lóng ngóng trước bộ Lễ. Hình như họ quá lo lắng cho quý cụ. Và tôi biết hiện quý cụ cũng băn khoăn tự hỏi: "Không biết ông Sở gọi mình lên đây làm gì?" Xin đáp ngay để các cụ rõ: đây là một cuộc hội nghị Diên Hồng thứ hai. Các cụ đã từng dự việc quan, lâu nay về ẩn cư gần gũi dân chúng, thế nào cũng hiểu rõ những điều phải làm khi nước gặp biến. Phải. Chúng ta đang gặp cơn biến nguy hiểm chưa từng thấy, lớn lao chưa từng thấy. Quân Thanh sắp tràn qua đây, các cụ biết rồi. Quân số của chúng, theo như lời phô trương, lên đến năm mươi vạn. Mấy trăm năm nay nước ta độc lập, tự đứng chúng tràn qua đây chiếm nước người, đốt phá làng xóm, vợ vét tài vật, chẳng lẽ không tìm cái cơ gì để vin hay sao? Thừa có đấy. Bọn tôn thất, cự tộc nhà Lê, trước đây đã từng là bạn đồng khoa, đồng liêu của quý cụ,

chính bọn công rắn cắn gà nhà đó đã dắt díu nhau qua Tàu gào khóc, van xin để các quan lớn thiên triều rū lòng thương, cất công đem quân và phu qua đây vớt của cải, xâm chiếm làng xóm, quê hương mình. Tôi nghe ông nghề Nhậm đây thường nhắc đến hai chữ "danh giáo", tôi còn nghe nói rằng đối với nhà nho, lẽ sống của mình là không làm như danh giáo. Bọn chúng làm như vậy là đúng với danh giáo chẳng, thưa quý cụ?

Cả nhà khách im lặng phăng phắc. Ngô Văn Sở nhìn khắp lượt, rồi nói tiếp bằng giọng ít gay gắt hơn:

- Đây không phải là lần đầu tiên Trung Quốc có tham vọng nhòm ngó, xâm lăng nước ta. Tôi không thuộc sử Nam, nhưng cũng nhớ lõm bõm được tên bọn cướp nước phương Bắc: bọn Tống đời Lý, bọn Nguyên Mông đời Trần, bọn Minh đời Hồ. Thời nào chúng cũng bị dân ta muôn người như một đứng lên cầm dao, cầm rựa, cầm cuốc, cầm cả guốc dép nữa, xua đuổi chúng đi. Thời trước oai dũng như thế, chẳng lẽ bây giờ gặp biến chúng ta lại hèn nhất? Quý cụ chịu khó đến đây, tức là đã trải nhiều đêm ngày suy nghĩ chín chắn và dứt khoát không theo bọn Lê Duy Án, Nguyễn Huy Túc, Nguyễn Đình Giản làm như danh giáo rồi. Các cụ đứng về phía Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Thái Tổ, Nguyễn Trãi. Các cụ không quen cầm gươm, nhưng các cụ có một vũ khí còn sắc bén hơn cả gươm giáo của bọn nhà võ chúng tôi, là trí óc và uy tín của các cụ. Các cụ nghĩ một khắc, bằng con nhà võ chúng tôi khổ nhọc múa kiếm một năm (có nhiều tiếng cười). Quý cụ đừng cười nhũn. Thật vậy. Có những điều tưởng là khó nhưng thật dễ. Giặc đến ta làm gì đây? Câu hỏi đó ta tưởng khó nhưng dễ trả lời lắm. Con nhà võ chúng tôi đáp liền: Đánh. Chúng đến thì đánh đuổi chúng về. Vài người nhẹ dạ không tin ta mà tin địch; nên vài hôm nữa, chúng tôi sẽ tổ chức một cuộc duyệt binh vĩ đại ở bãi sông, có đủ quân sĩ các trấn Kinh Bắc, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Sơn Tây, Hải Dương, vừa để phô trương lực lượng khiến bọn hay khóc nhè thôi làm ồn phố phường (có tiếng cười lớn), vừa để họp lực đắp lũy đất ở sông Như Nguyệt. Còn một việc khác tưởng dễ mà thực ra quá khó, bọn võ biên chúng tôi không làm nổi.

Ngô Văn Sở quay về phía Ngô Thì Nhậm nói đùa:

- Tôi đem hỏi ông nghề Nhậm. Ông Nhậm bóp trán cũng không nghĩ ra cách nào thích hợp, mới gợi ý cho tôi mời các cụ đến hỏi. Câu hỏi thế này. Quan nội hầu, cho tôi mượn tờ hịch của "thiên triều".

Phan Văn Lân cầm một tờ giấy đặt sẵn trên sập đưa đến cho quan đại tư mã. Ngô Văn Sở nói:

- Câu hỏi thế này: Theo bài hịch thì "Đại hoàng đế thương xót họ Lê tan nát, không nỡ để cho châu giegoo lằm than" nên mới phải chinh nam. Tự hoàng yếu đuối, hèn nhất đã trốn đi, nhưng họ Lê còn có Sùng nhượng công làm giám quốc. Chúng ta không sợ dùng binh cách, nhưng nếu có thể dùng lý để khởi động đến gươm đao thì vẫn hơn. Việc này thì con nhà võ chúng tôi phải khép nép rút lui để nhường cho quý cụ. Sĩ dân Bắc hà tránh được cảnh khói lửa hay không là nhờ cuộc họp mặt hôm nay. Các cụ có thể dùng tài lý luận để can bước giặc hay không? Xin quý cụ bàn giúp cho.

Ngô Văn Sở dứt lời. Mọi người hoàn toàn im lặng. Các quan cựu triều hầu hết đều cúi mặt xuống như sợ phải thấy gánh nặng đột ngột của trách nhiệm đặt lên đôi vai hẹp của mình. Quan đại tư mã mỉm cười nhìn khắp cử tọa, nắm tay đặt chắc nịch trên mặt sập. Chờ một lúc lâu như gắng thừa hưởng niềm khiếp phục sợ hãi của bọn nhà nho thất thế, Ngô Văn Sở mới nói:

- Bây giờ tôi có chút việc cần phải đi. Vả lại, tôi nán lại đây cũng bằng thừa vì có ích gì đâu. Quý cụ bàn thảo cho kỹ với ông nghệ Nhậm. Tình thế gấp lắm, không cho phép chúng ta chần chừ nữa. Kính chúc các cụ khỏe để tận mắt chứng kiến ngày tàn của bọn cướp nước.

Không ai bảo ai, mọi người cùng đứng dậy chào từ biệt Ngô Văn Sở và Phan Văn Lâm. Hai võ quan đi khỏi, đột nhiên căn nhà khách bộ lễ ồn rộ lên. Mạnh ai nấy nói, quên mất quan thị lang Ngô Thì Nhậm.

*

* *

Ngồi một mình ở góc sập chạm, nhìn cảnh xô bồ ồn ào trước mắt, Ngô Thì Nhậm cảm thấy chua chát, ngao ngán. Ông nghĩ: "Chẳng lẽ sĩ phu Bắc hà sa sút đến như thế này ư!" Ý nghĩ ấy ám ảnh ông suốt cuộc họp sau đó.

Ông không cố lấy lại uy quyền của người điều khiển, nên sau khi viên lễ quan lớn tiếng nhắc nhở mọi người giữ trật tự, dù nhiều người thiếu tự trọng tiếp tục cười đùa, Nhậm vẫn ăn nói nhỏ nhẹ chậm rãi. Ông kinh ngạc thấy trước mắt ông, các quan lại cựu triều, các nhà nho ẩn dật được nhiều tầm tiếng trong văn giới đột nhiên biến dạng. Họ trở thành những cái hình nộm múa may vụng về, nhiều khi lố lãng, kịch cớm. Ông nhìn họ khinh thị như đang xem một màn múa rối. Có người rụt rè mở lời, nhưng càng nói càng mê chính âm vang lời mình, hứng chí phát biểu quá đà, cưỡng từ đoạt lý để thành trò cười cho cử tọa. Có người nói xong thì bẽn lèn như vừa phạm tội, mặt cúi gằm, hai tay cuống quýt giấu sau vạt áo the cũ. Chung quanh Ngô Thì Nhậm, người ta đua nhau tranh khéo tranh khôn. Người ta dốc hết điển tích meo mốc trong cái trí nhớ mù mờ để đắp bồi thêm cho lập luận. Ông thấy rõ các lời lẽ om sòm ấy đều vô ích. Đều giả dối. Phí thì giờ. Ông chịu đựng hội nghị như là một thứ phiền nhiễu không tránh được trong công việc. Càng về sau, số người quay ra nói chuyện riêng càng nhiều. Cuộc bàn luận nhì nhăng trở nên trò chơi chữ nghĩa giữa những tay bạo mồm và những người thích tấn mẫn chẻ sọ tóc làm tư. Lâu lâu ông cử gàn trong nhóm Trần Bá Lãm nói được một câu dí dỏm nghịch lý, thế là cả nhà khách cười ầm, thoải mái.

Cuộc bàn luận hỗn độn cuối cùng cũng đến được một điểm cuối: tất cả các nhà nho hiện diện đều đồng ý nên soạn thảo một lá thư chung, xác nhận với nhà Thanh là sĩ dân Bắc hà đã tôn Sùng nhượng công lên làm giám quốc. Công việc nhỏ mọn còn lại là đề cử người soạn lá thư ấy. Chưa kịp nhìn quanh để tìm người đáng tin nhiệm, thì có người hỏi bấy nhiêu nhà nho có mặt đã đủ túc số đại diện tất cả sĩ dân hay không? Bắt đầu một cuộc bàn luận mới với đầy đủ các trò chơi chữ, chơi ý đố chất hoặc ranh mãnh. Giải quyết xong vấn đề đại diện, lại có người thắc mắc về nghi thức bang giao với nước ngoài, e rằng ngoài Sùng nhượng công ra, không ai đủ chính danh để gửi thư cho triều đình Trung Quốc. Danh không chính thì ngôn không thuận v.v... và v.v... Lại tranh khéo tranh khôn om sòm về thuyết chính danh của Đức Khổng phu tử.

Gần giờ Ngọ, nhờ những tay hùng biện đều mệt lả và ruột bắt đầu cồn cào, nhờ các chuyện đầu cua tai nheo cạn dần, họ mới để cho cuộc hội họp đi đến một kết quả: các văn thần Nguyễn Quý Nha, Trần Bá Lãm và văn thuộc Vũ Huy Tấn được ủy nhiệm thảo thư. Phái bộ mang lên cửa ải trao cho nhà Thanh gồm ba nhà nho nói trên, cộng thêm võ thần Nguyễn Đình Khoảng, Lê Duy Chữ, và võ thuộc Nguyễn Đăng Đàn.

Chưa bao giờ Ngô Thì Nhậm xấu hổ cho nghiệp nho bằng buổi họp hôm ấy.

^[1] Mai Quốc Liên dịch, *Tuyển tập thơ văn Ngô Thời Nhậm*, tập 2, trang 214, 215, 216.

^[2] Hoàng Lê, trang 284-285

^[3] Lúc Vũ Văn Nhậm đem quân ra giết Nguyễn Hữu Chỉnh

^[4] Dựa theo Hoàng Lê, từ trang 287-289.

Chương 91

Khoảng cuối tháng 9, An được Ngọc Hân công chúa cho vời vào cung. Ân huệ bất ngờ đó khiến An lo lắng, không hiểu còn tai họa nào sắp ập lên đầu mấy mẹ con chị nữa. An như con chim sợ tên nên thấy cảnh công nào cũng hốt hải, hoang mang. Lợi sáng suốt hơn, thấy đây là điềm lành. Quan thị lang bộ Hình (Phan Huy Ích) đã về bắc, vụ án gạo đã xếp lại. Tuy bộ Công không giao công việc gì cho Lợi cả, nhưng những chỗ quen biết đã bớt e dè khi giao thiệp với vợ chồng Lợi. Lần này cửa hoàng cung đã mở rộng đón An, chứng tỏ trong cái guồng máy bí hiểm đáng sợ là hệ thống nha bộ ở kinh thành, đã có một quyết định nào đó về vụ Lợi, một quyết định thuận lợi, đáng mừng.

Ngọc Hân thân mật đưa An vào tận phòng mình, ái ngại bảo:

- Độ này chị ốm và xanh lăm.

An cảm động, rơm rớm nước mắt. Cố dẫn xúc động, An mỉm cười nói với Ngọc Hân:

- Còn Công chúa thì đẹp hẳn lên. Thoạt mới nhìn tôi phải kinh ngạc, ngỡ ngàng.

Ngọc Hân sung sướng đến hồng cả mặt, vội nói khiêm nhường:

- Không đâu. Tôi mãi lo con cái đến nỗi quên cả chải tóc.

Nói thế nhưng chính Ngọc Hân cũng biết mình đẹp. Sau kỳ sinh nở, dường như Công chúa hưởng được một nguồn sinh lực kỳ diệu đến nỗi mỗi sáng soi gương, Công chúa đều bên lên, mừng rỡ ghi nhận thêm nét đẹp mới. Đôi vai hẹp thời con gái bây giờ trở nên đầy đặn. Chiếc cổ cao và trắng có ngấn. Da mặt căng lên như đúc bằng sáp và đôi mắt long lánh một niềm hớn hởi, xôn xao mỗi lần nhắc đến tên con. Hình như sau mười sáu năm âm thầm chờ đợi, người mẹ ẩn nấp trong tấm thân nhỏ nhắn của Công chúa đột nhiên thức dậy, hân hoan đón nhận thiên chức sáng tạo như những nhụy hoa mùa xuân run rẩy đón gió phấn. An vui lây trước niềm vui của Ngọc Hân, quên hết nỗi lo âu riêng. Công chúa đuổi hết thị nữ ra khỏi phòng, rồi mới bồi hồi nói với An:

- Chị phải vào giúp tôi mới được. Chúa công thật kỳ. Chúa công một mực bảo phải tự tôi khâu thì chiếc áo cổn mới mang may mắn. Chúa công còn tự vẽ lấy kiểu mũ miện nữa. Mong ba tháng 10.^[1] Không kịp mất! Chị phải giúp tôi mới được.

Công chúa đem ra một chiếc áo bào đang khâu dở. An ngạc nhiên hỏi:

- Như vậy là thiên hạ đồn đúng, phải không thưa Công chúa?

Ngọc Hân vội hỏi:

- Họ đồn những gì?

- Họ đồn Chúa công sắp tế cáo trời đất để đăng quang.

- Thật thế à? Sao họ nhạy vậy?

- Họ thấy quân lính đắp đàn ở phía núi Bân nên đoán như vậy. Nay nếu họ biết thêm chính Công chúa đang khâu áo cổn thì...

Ngọc Hân vội xua tay, giọng lo ngại:

- Đừng. Chính Chúa công cũng dặn không nên để cho bọn thị nữ biết. Chúa công bảo muốn dành cho mọi người sự ngạc nhiên, nhưng tôi không dễ tin thế đâu. Việc đăng quang liên hệ vận mệnh của đất nước, đâu phải chuyện đùa mà làm lúc nào cũng được. Vả lại...

Nói đến đây, Công chúa do dự. An ngược lên nhìn Ngọc Hân chờ đợi. Ngọc Hân lúng túng vâng về một vạt áo bào đang đặt trên đầu gối, mãi một lúc sau mới hỏi An:

- Lâu nay chị có nghe bên Hoàng hậu nói gì không?

An thành thật đáp:

- Thưa không ạ. Hôm... hôm gia đình tôi gặp chuyện không may định vào cung cầu cứu Hoàng hậu, nhưng Hoàng hậu không tiếp.

Ngọc Hân vội hỏi:

- Chuyện gì không may thế? À, tôi nhớ ra rồi. Chính từ vụ đó mà có lời huyền truyền bảo rằng Chúa công bị tôi mê hoặc, bị tôi dẫn "đi xem hát chèo". Miệng lưỡi con người thật là... Có lẽ vì vậy mà Chúa công không muốn ai biết chuyện thâm áo cổn. Tôi nhờ chị, chị phải kín đáo cho nhé. Cứ bảo với mọi người là vào đây để tôi hỏi thăm cách nuôi con nhé. À, chị cho tôi hỏi thăm chuyện nuôi con nhỏ luôn. Có phải mỗi khi sắp biết lật hoặc biết bò cũng như sắp mọc răng, đứa bé thường bị sốt phải không?

- Đúng thế ạ.

- Ngộ nhờ đúng vào lúc ấy nó bị bệnh thì làm sao biết mà chữa. Như bị cảm mạo chẳng hạn. Thấy nó nóng, mình cứ nghĩ sắp mọc răng, không lo chạy chữa...

An cười, cắt lời Ngọc Hân:

- Trong cung có ngự y, Công chúa đừng quá lo. Hơn nữa, trẻ con mạnh khỏe ít khi mắc chứng bệnh nào hiểm nghèo. Bị nóng mình hay đi tướt là chuyện thường.

- Nói thế chứ lúc con nó ốm mình, tôi không tài nào chợp mắt được. Lúc nào cũng nghĩ Trời không thương mình, không cho mình được thấy con lớn lên. Hồi mới có con, chị có thế không?

- Dạ ai cũng vậy.

- Thế mà tôi cứ tưởng Trời chỉ bắt tội một mình mình mà thôi. Chị tính, tôi vào đây như vào xứ lạ, Chúa công đa đoan công việc, chỉ còn niềm vui được đùa giỡn với con. Nhiều hôm thương nó quá, ôm chặt vào lòng đến nó phải khóc. Chị có như thế không?

An kiên nhẫn đáp:

- Dạ cũng thế ạ.

Ngọc Hân nhận ra điều lẩn thẩn của mình, hơi ngượng, vội nói qua chuyện khác:

- Thôi, chị xem chuyện thâm thù giúp tôi nào! Mẩu áo cổn và mũ miện đều do chính tay Chúa công vẽ ra đấy. Cũng hay hay đấy chứ. Nực cười thật. Chúa công bảo: "Việc gì phải bắt chước bọn Tàu. Ta tự tay dựng nước thì cũng phải tự tay vẽ áo cổn được". Lúc đó, tôi muốn trêu: "Thì Chúa công hãy tự tay thêu áo mũ đi, sao lại nhờ người khác", nhưng thấy nét mặt Chúa công nghiêm nghị quá, tôi không dám đùa.

An tò mò hỏi:

- Lúc bình thường, Công chúa có hay đùa cợt với Chúa công không?

Ngọc Hân đỏ mặt, khẽ đập vào tay An trách:

- Chị hỏi làm gì. Hãy liệu xem mẫu chỉ này viền tà áo cổn có thích hợp không. Ba tháng Mười! Chắc không kịp đâu. Chị rán vào đây hằng ngày giúp tôi, may ra...

*

* *

Thấy vợ đi đi về về mỗi ngày mà không nói rõ vào cung làm gì, Lợi càng sốt ruột. Lòng tự ái của đàn ông nổi dậy, sau nhiều lần tra gạn không kết quả, Lợi không thêm hỏi nữa. Anh xem như công việc của vợ không có lợi mà cũng không có hại gì cho mình. Đôi lúc anh ngờ vực vu vợ, hay hờn ghen bóng gió. Tự ái lại thêm bị va chạm. Lợi ray rứt trong cảnh không bạn bè, không công việc. Anh nhớ tiếc cái thời đi đâu cũng được người ta săn đón, chiều chuộng. Ngày nào cũng có một cuộc say. Cuộc đời trống rỗng, nhạt nhẽo. Lợi không phải là người dễ dàng chịu nhận sự thiệt thòi với hai cánh tay xuôi. Anh không thể chịu đựng mãi cuộc sống vô định bấp bênh thể này. Ba lần anh bị mưu hại, ba lần thoát nạn. Nhưng vụ án gao vẫn còn đó, lơ lửng như một lưỡi dao bén có thể bổ xuống đầu anh bất cứ lúc nào. Chỉ cần một cái gạt đầu, hoặc một cuộc vận động kín đáo nào đó của kẻ thù. Anh có thể nằm đẳng lưỡi cái dao nguy hiểm đó chăng? Không. Anh nhắm mắt chờ đợi sự may rủi chăng? Không. Phải vùng vẫy, bằng cách nào đó.

Lợi nằm nhà tần mẩn nhổ râu một thời gian, rồi lại lân la tìm đến các chỗ quen biết cũ. Sự lạnh nhạt của đám bạn bè và mối lái làm ăn trước đây chẳng khác nào một gáo nước dội vào mặt Lợi. Anh choáng váng, lằm bằm chửi rủa thế thái nhân tình. Chỉ có đám thân nhân các chủ ghe Đồng Nai bị giam bấy lâu, vì mới chân ướt chân ráo đến Phú Xuân, tưởng Lợi còn có thể lực nên tìm đến tận nhà để mong Lợi cứu giúp.

Lợi choàng dậy như có phép lạ. Anh vồn vã chào đón họ, nhận lời họ mời đi chè chén, rồi như con ngựa lâu ngày cuồng chân trong chuồng hẹp được gập lại đường dài, Lợi huênh hoang hứa hẹn với họ đủ điều. Qua họ anh biết rõ thêm tình hình bi đát của thái bảo Phạm Văn Sâm ở Gia Định, cùng cuộc sống sung túc ở Đồng Nai. Cái ý tưởng phải vùng vẫy để thoát lầy nhiều lần hiện ra trong óc Lợi, giữa các tiệc rượu, hoặc sau khi tàn cuộc. Phải vùng vẫy! Phải làm cái gì cho "chúng nó" sững sờ! Từ đó Lợi thường bỏ nhà cho hai con và mấy đứa hầu gái (hai người lính Lợi đem về giữ cổng và tắm ngựa đã bị đòi lại), suốt ngày đi đâu không ai biết. Lâu lâu có người lạ đến tìm Lợi, vẻ mặt dớn dác lo lắng. An nghe hai con thuật lại, nghĩ chồng bắt đầu gây dựng lại các mối làm ăn. Chị yên tâm cùng với Ngọc Hân chăm chút đường thêu trên tấm áo cổn, vừa làm việc vừa bù ngùi nhớ lại các kỷ niệm cũ thời An Thái. Đôi lúc, An xúc động đến hoa mắt, phải dừng kim lại. Công chúa ngược lên dò hỏi. An giấu quanh chuyện lòng, nói với Ngọc Hân:

- Đang thêu, tôi chợt nhớ đến thời sinh tiền, cha tôi rất thích một bài thơ tứ tuyệt của sư Huyền Quang. Công chúa đã đọc bài thơ đó chưa?

Ngọc Hân cười đáp:

- Nhất định là chưa. Các nhà sư thời Lý Trần làm thơ tuyệt mệnh để truyền y bát, tôi đọc chả hiểu gì cả.

- Không. Bài này đơn giản lắm. Tôi đọc cho Công chúa nghe nhé:

Nhị bát giai nhân thích tú trì

Tử kinh hoa hạ chuyển hoàng ly

Khả liên vô hạn thương xuân ý

Tận tại đình thâm bất ngữ thì.

(Trên tay giai nhân mười sáu tuổi, đường kim bỗng chậm lại. Mấy chú hoàng anh thỏ thẻ trong lùm tử kinh hoa rộ. Thương quá đi, bao nỗi nhớ lòng thương xuân vô hạn đang trút cả vào giây phút ngừng kim và im phắc.)

Ngọc Hân Công chúa thích quá, reo lên:

- Thật hay quá. Có chắc là của sư Huyền Quang không? Chị thuộc thơ cũng nhiều lắm phải không? Thế mà tôi cứ tưởng...

Công chúa ngơ ngác, khi thấy An cúi gằm mặt xuống tấm áo bào, nước mắt nhỏ từng giọt.

*

* *

Bấy giờ mùa mưa dầm đã bắt đầu ở Phú Xuân. Ở các công sở, người ta lo dọi lại các mái dột hoặc kê cao các rường gỗ dựng giấy tờ công văn. Những trận mưa thê thiết, dai dẳng biến các đường phố thành những vũng lội nhớp nháp. Đoạn nào có trải đá thì đỡ lồi lõm hơn, nhưng đất sét dẻo quánh cứ dính chặt vào đế guốc. Bước chân ra khỏi nhà là gặp nỗi ngại ngùng. Quần áo ướt dính vào da thịt, gió lạnh thổi hết đợt này đến đợt khác, khiến các cậu lính lệ ở các chòi canh ủ rũ nhớ nhà.

Giữa cảnh mưa gió ấy, tin kho lúa Phủ Cam bị cháy chẳng khác nào một chuyện khôi hài khó tin. Kho này xây trên đồi đất cao, xa khu dân cư nên khó bị cháy lây vì sơ ý bếp núc. Quanh kho, hai ba lớp rào tre gai bao quanh, ngoài các quan quân bộ Công có phận sự, không ai được bén mảng đến gần. Thế mà cháy được! Khó tin lắm. Dân Phú Xuân đã quá chán cái cảnh nằm dí ở xó nhà nghe mưa rả rích trên mái tranh, nên nhiều người đội mưa lên Phủ Cam xem hư thực. Kho Phủ Cam bị cháy thật. Chưa kịp truyền hết cái ngơ ngác cho bạn bè để bàn tán quên rét, họ đã nghe thêm tin kho An Cựu cháy. Điều bất thường rõ ràng gặp nhiều bàn tán xôn xao. Và hoang mang. Từ khi tình hình Gia Định xấu, các ghe gạo Đồng Nai đã vắng trên bến sông Hương. Gạo Quảng Nam cũng không vượt qua đèo. Giá gạo tăng vọt nhanh chóng, viễn ảnh trước mắt là ngoài cái lạnh ẩm ướt đã quen chịu đựng từ thuở lọt lòng, dân Phú Xuân sắp chịu thêm cái đói. Lâu nay kho gạo thường bình vẫn bán nhỏ giọt cho dân để hãm bớt đà gia tăng của vật giá. Gạo ở thị trường khó mua, nhưng ai có tiền thì mua bao nhiêu cũng có, hoặc từ các kho gạo công rả rích tuôn ra mỗi đêm, hoặc từ các trại lính đóng quanh thành. Bây giờ hai kho gạo lớn liên tiếp cháy, báo hiệu cuộc biến nào đây? Ai đốt? Đốt để làm gì? Rồi triều đình sẽ có biện pháp nào để trấn an nhân tâm? Dưới những mái nhà thấp dột nát ẩm ướt, bọn đàn ông tụ họp nhau bàn cãi ồn ào quên phắt cả đói, rét. Bọn hiểu sự không sợ đường trơn và mưa ướt nữa. Họ chạy khắp nơi để săn tin. Ai đốt? Đốt để làm gì? Họ nghĩ nơi an tường hết thấy diễn biến phải là bộ Hình. Ngày nào trước cổng bộ cũng có những đám đông lóng ngóng chờ tin. Họ không bỏ công chút nào. Những câu nói úp mở của các cậu lính lệ gác trước bộ Hình thật đáng gấp hai

gấp ba cái giá túi trâu, cút rượu bọn hiếu kỳ phải trả. Đúng như mọi người dự đoán: có một âm mưu phá hoại các kho chứa thóc. Kẻ chủ mưu không ai khác là Nguyễn Ánh ở Gia Định. Bọn trực tiếp tổ chức phá hoại gồm vài tên đội lốt con buôn, vài tên thuộc hoàng tộc lâu nay giả vờ khoan tay rũ áo để che mắt quan quân Tây Sơn. Và điểm hấp dẫn nhất là bọn họ đã lôi kéo, mua chuộc được một số quan quân Tây Sơn làm nội tuyến. Một trong những kẻ phản trắc nguy hiểm đó là Lợi!

*

* *

Nguyễn Huệ giờ xem các tờ biểu tấu từ Bắc thành vừa gửi vào. Liên tiếp mấy hôm nay làm việc quá sức nên Chính Bình vương uể oải lật xem mớ công văn với đôi mắt ơ hờ. Chỉ có tờ mật tâu của đại tư mã Ngô Văn Sở báo cáo chi tiết hai đoàn cầu viện của Lê Chiêu Thống và bản thảo tờ chiếu lên ngôi do Ngô Thì Nhậm viết là được Vương chú ý. Nguyễn Huệ sửa lại thể ngôi, chăm chú đọc bản thảo bài chiếu Vương đã sai Ngô Thì Nhậm soạn cho phù hợp với tâm lý sĩ phu Bắc hà. Bài chiếu như sau:

"Trẫm nghĩ: Ngũ đế đôi họ chịu mệnh trời, tam vương nhân thời mở vận nước. Đạo có thay đổi, thời phải biến thông, nhưng đấng thánh nhân vâng theo đạo trời để làm vua trong nước, yêu dân như con thì cái nghĩa cũng chỉ là một.

Nước Việt ta, từ Đinh Lê Lý Trần mở nước đến nay, bậc thánh minh dấy lên chẳng phải một họ. Nhưng phế, hưng, dài, ngắn, vận mệnh trời cho, chẳng phải sức người làm được.

Trước đây nhà Lê mất quyền, họ Trịnh và họ Nguyễn cũng chia nhau cương vực hơn hai trăm năm, giềng mối rối loạn, ngôi vua chỉ là hư vị, mỗi họ tự ý gây dựng bờ cõi riêng mình, kỷ cương trời đất một phen đổ nát không dựng lên được, chưa có thời nào quá quắt như thời này. Thêm nữa, những năm gần đây, nam bắc đánh nhau, dân sa vào chốn lầm than.

Trẫm là kẻ áo vải đất Tây Sơn, không có một tấc đất, vốn không có chí làm vua. Chỉ vì lòng người chán ghét loạn lạc, mong có vị minh chúa để cứu đời, yên dân. Cho nên tập hợp nghĩa quân, xông pha chông gai, phá núi mở rừng, giúp đỡ Hoàng đại huynh dong ruổi binh mã, gây dựng nước ở cõi Tây, dẹp Tiêm La, Cao Miên ở phía nam, rồi hạ thành Phú Xuân, lấy thành Thăng Long. Bản ý chỉ muốn quét trừ loạn lạc, cứu dân trong chốn nước lửa, rồi trả nước cho họ Lê, trả đất cho Đại huynh, ung dung áo gấm hài thêu, ngắm cảnh yên vui ở hai cõi đất mà thôi.

Nhưng việc đời dờn dỗi, rốt cuộc trẫm không được như chí nguyện. Trẫm dựng lại nhà Lê, nhưng Lê tự quân để mất xã tắc, bỏ nước chạy trốn. Sĩ dân Bắc hà không theo về họ Lê lại dựa vào Trẫm. Đại huynh vì khó nhọc mà mỏi mệt, chỉ muốn giữ một phủ Qui Nhơn khiêm nhường xưng làm Tây vương. Mấy nghìn dặm đất ở cõi nam thuộc về Trẫm cả. Trẫm tự nghĩ mình lượng bạc, tài đức không theo kịp cổ nhân mà đất đai rộng lớn như thế, nhân dân đông đúc như thế, nghĩ đến việc cai quản, lo sợ như cầm dây cương mục mà giong sáu ngựa!

Vừa đây, tướng sĩ văn võ, thần liêu trong ngoài đều muốn Trẫm sớm định vị hiệu để thu phục lòng người, dâng biểu khuyên mời đến hai ba lần. Các tờ biểu vàng suy tôn, không hẹn nhau mà cùng một lời. Trẫm nghĩ: nghiệp lớn rất trọng, ngôi Trời khó khăn, Trẫm thật lòng lo không đương nổi. Nhưng ức triệu

người trong bốn bể trồng cây vào một mình Trẫm. Đó là ý Trời, há phải việc người? Trẫm ứng mệnh Trời, thuận lòng người, không thể cố chấp nhún nhường mãi, lấy ngày ... tháng ... năm nay lên ngôi thiên tử, đặt niên hiệu là... nguyên niên.

Hỡi trăm họ muôn dân các người!

Lời nói lớn lao của ngôi hoàng cực là lời giáo huấn phải thi hành^[2] Nhân, nghĩa, trung, chính là đầu mối lớn của đạo làm người. Nay Trẫm cùng dân đổi mới, theo mưu mô sáng suốt của tiên thánh để trị và dạy thiên hạ!

Than ôi! "Trời vì hạ dân, đặt ra vua, đặt ra thầy là để giúp Trời vỗ yên bốn phương"^[3]. Trẫm có cả thiên hạ, sẽ dắt dìu dân lên con đường lớn, đặt vào đài xuân.

Hỡi thần dân các người!

Ai nấy hãy yên chức nghiệp, chớ làm những điều không phải đạo thường. Người làm quan hãy giữ phong độ hòa mục, người làm dân yên trong lệ tục vui hòa, trị giáo mở mang hưng khởi đến chỗ rất thuận, để vẫn hồi thời thịnh trị của Ngũ đế, Tam vương, khiến cho tông miếu xã tắc được phúc không cùng, há chẳng đẹp ẽ sao?"^[4]

Đọc xong bài chiếu, Chính Bình vương mỉm cười, gật gù một mình, rồi đọc lại lần nữa. Lần này vương đọc thật chậm, sau một câu dừng thật lâu để suy nghĩ rồi mới đọc tiếp câu khác. Đến đoạn "Bản ý chỉ muốn quét trừ loạn lạc, cứu dân trong chốn nước lửa, rồi trả nước cho họ Lê, trả đất cho Đại huynh, ung dung áo gấm hài thêu, ngắm cảnh yên vui ở hai cỗi đất" Nguyễn Huệ bật cười, đưa tay với bút son số dọc theo hai hàng chữ, miệng lầm bầm:

- Tay nhà nho này ranh ma lắm! Nói thế này con nít cũng không tin được. Nhưng phải nói, không nói không được. "Ung dung áo gấm hài thêu"! Hẳn tưởng ta đã chán cái yên ngựa! Phải nhận là hẳn viết khéo thật. Quả là Trời đã dành hẳn riêng cho ta dùng.

Nguyễn Huệ đọc tiếp xuống dưới. Đến chỗ Ngô Thì Nhậm chữa trống để vương tự định ngày lên ngôi cùng vương hiệu, Nguyễn Huệ bậm môi suy nghĩ thật lâu:

- Ngày mồng 3 tháng 10 chắc chắn là không được rồi. Kinh thành rối loạn thế này, mưa dầm thê thiết đến ê ẩm thân thể thế này, lòng dân lo rét, lo đói, lên ngôi sao được. Phải dẹp cho sạch bọn phá hoại đang gieo rắc hoang mang khắp Thuận Hóa, rồi sau hãy tính. Dẹp luôn cả những bọn tham lam, bọn nhị tâm chờ thời. Phải dời ngày xưng vương lại thôi. Còn vương hiệu thì đã chọn xong xuôi rồi. Quang Trung! Quang Trung! Nghe hơi êm ái, nhưng ta thích hai tiếng đó.

*

* *

Đích thân thượng thư bộ Hình Hồ Công Thuyên dẫn giải Lợi vào thành trình diện với Nguyễn Huệ.

Mới bị giam vào ngục tối có hai ngày mà Lợi đã xơ xác thiếu não như người từng bị giam tù lâu năm. Tóc Lợi bị xổ ra, bù rối và hôi hám, trên trán phía trái, một mảng tóc bị dính chặt vào một vết thương đã khô máu. Đôi mắt thảng thốt hốt hải. Khuôn mặt xanh tái hốc hác có nhiều vết bầm. Môi dưới sưng vều

lúc bị tra khảo, khiến mới thoát nhìn, Nguyễn Huệ không nhận ra được Lợi. Hồ Công Thuyên cho tháo cái gông gỗ lim nặng lúc đến cửa thành, nhưng Lợi vẫn giữ dáng đi khom khom như lúc chưa thoát khỏi gánh nặng của tù tội.

Chính Bình vương muốn được nói chuyện riêng với Lợi, nên Trần Văn Kỳ và Hồ Công Thuyên vội vã ra khỏi phòng. Nguyễn Huệ lừ mắt nhìn Lợi, hỏi gần:

- Sao lại trốn một mình?

Lợi vẫn cúi gằm mặt xuống, không đáp. Nguyễn Huệ tức giận hỏi:

- An có biết trước chuyện này không?

Lợi ngừng lên, ánh nhìn cầu khẩn, sợ hãi. Cái môi sưng vù khiến anh chỉ trả lời phều phào được mấy tiếng:

- Dạ không biết.

Nguyễn Huệ hơi nguôi giận, giọng nói êm dịu hơn:

- Nếu "cô ấy" biết, "cô ấy" có để cho anh làm chuyện tà trời thế này không?

Lợi đáp liền vì đó là sự thực:

- Dạ không.

Nguyễn Huệ trầm ngâm một lúc, rồi buồn rầu nói với Lợi như với một người bạn:

- Ta tin lời anh. "Cô ấy" không khi nào chấp nhận một việc phản trắc hèn hạ như vậy. Cái gì cũng có cái mức của nó. Đây không phải là lần đầu, anh nhớ chứ? Tính tình của anh, ta còn lạ gì nữa. Nhưng lần này, anh quá quắt. Hôm qua cô ấy có khóc lóc xin vào ra mắt ta. Có lúc yếu lòng, ta muốn tiếp cô ấy. Nhưng nhờ ơn Trời! Ta sợ thấy cô ấy khóc.

Nguyễn Huệ nhìn lên trần điện khi nói với Lợi, nên không thấy nụ cười ranh mãnh méo xệch của người trọng phạm. Lợi rên rỉ:

- Xin Chúa công thương hại An và hai đứa bé. Tôi liều thân để tìm đất sống, chỉ vì thấy ở đây, tôi chỉ làm khổ An. Mọi người xa lánh tôi. Tôi không dám gặp ai, chỉ biết quên bằng rượu. Tôi làm khổ An đã nhiều lắm rồi. Thà tôi chết đi, hoặc trốn biệt một nơi xa thật xa, cho khuất mắt nàng. Xin Chúa công thương lấy mấy mẹ con góa bụa, côi cút.

Nguyễn Huệ run giọng hỏi:

- Anh muốn trốn cứ việc trốn, sao lại còn dẫn đường cho chúng đốt kho? Để làm gì? Sao không cùng trốn đi với vợ con?

Lợi trở nên hoàn toàn bình tĩnh. Anh cân nhắc cẩn thận từng lời trước khi đáp:

- Chúa công lo đánh nam dẹp bắc, đâu còn thì giờ biết đến những chuyện đàn bà. Chúa công nghĩ lại mà xem. Nàng liều chết vượt biển ra đây, nên bây giờ chỉ có cái chết mới buộc được nàng rời khỏi nơi đây. Tôi chỉ còn biết liều thân một mình.

Lợi liếc lên nhìn Nguyễn Huệ. Lúc ấy Chính Bình vương vẫn nhìn lên trần điện, nên Lợi không đoán được tâm trạng của Nguyễn Huệ. Anh chỉ thấy bàn tay phải của Vương bấu chặt vạt áo bào phủ trên đầu gối, sau đó mấy ngón tay duỗi ra, bàn tay xoa nhẹ nhẹ lên làn vải gấm. Hai người im lặng hồi lâu. Cuối

cùng Nguyễn Huệ nói nhỏ và nhẹ, như tự bảo mình:

- Không còn cách nào khác. Ta lấy làm tiếc. Anh đâu biết rằng lúc nào ta cũng lo lắng cho gia đình anh. Đây không phải là lần đầu.

Đột nhiên Nguyễn Huệ đổi giọng, hỏi khá lớn và chậm:

- Lúc bị bắt, thuyền anh đã ra khỏi cửa xa chưa?

Lợi điềm tĩnh trả lời:

- Dạ họ chỉ có bốn tay chèo, nên mới cách cửa Thuận vài dặm.

- Chúng nó hứa với anh những gì?

Lợi cúi mặt đáp nhỏ:

- Dạ hứa là sẽ tận tình tiến cử lên ông Chủng.

- Anh đã khai hết cho bộ Hình rồi chứ?

- Dạ. Tôi không dám giấu điều gì nữa.

Nguyễn Huệ cười nhạt:

- Chỉ bấy nhiêu cũng quá đủ rồi.

Lợi bắt đầu sợ hãi. Giọng anh run rẩy:

- Lần cuối cùng, xin Chúa công nghĩ đến tình quen biết từ thời An Thái để tha tội cho tôi. Xin Chúa công cứu vớt gia đình tôi. Cảnh góa bụa! Chúa công chỉ cần gặt đầu một cái là mẹ con nàng được sống lại.

Nguyễn Huệ không nói gì, lừ mắt nhìn Lợi uốn éo cúi rạp người van xin được sống. Vương đành mặt, nói:

- Đáng lẽ ta nên tiếp An hơn là gặp anh. Nhưng ta sợ tiếng khóc của đàn bà. Thôi, đủ rồi. Anh có thể lui.

Nguyễn Huệ khẽ đập lên mặt sập sơn son. Người lính hầu được lệnh đi mời quan thượng thư bộ Hình. Lợi bị đeo gông trở lại, và theo đường cũ, về ngục. Lòng Lợi hoang mang, không biết cuộc gặp mặt ấy có chút mầm hy vọng nào không. Anh bắt đầu nghĩ đến điều ghê gớm nhất: cái chết.

*

* *

An sững sờ khi nghe tin dữ. Mọi sự vượt quá sức tưởng tượng của chị. Thấy chồng vắng mặt lâu ngày, An lo lắng, nhưng chỉ dám nghĩ đến một sự liều lĩnh buông thả có giới hạn. Tham dự vào vụ đốt kho thóc, rồi xuống thuyền trốn vào Nam với mấy tên phản loạn! Trời hỡi! Có thực không? Hay lại một trò vu cáo đê hèn của phe Bùi Đắc Tuyên? Lúc biết đích xác sự thật, An chết điếng cả người. Từ đó, ba mẹ con An trải qua một kinh nghiệm cô độc và tuyệt vọng chưa từng có.

Mọi cánh cửa đều đóng sập lại trước mặt chị. Hai đứa hầu gái trốn khỏi nhà chủ vì sợ liên lụy. Chị và hai con trở thành đối tượng căm thù và ghê tởm của hàng xóm, phố xá. Ban đầu An giao nhà cho hai con để chạy khắp nơi nhờ vả cứu vớt tính mạng của Lợi. Thăng Phát và con Thái đóng chặt cửa lại, sợ bộ Hình nhân lúc mẹ chúng đi vắng đến bắt giam chúng vào ngục để xử tội. Cửa lớn cửa sổ đóng kín nên bên trong tối om như giữa đêm. Con Thái sợ mọi thứ tiếng động. Bạo gan như thăng Phát mà cũng xanh xám mặt mày

lúc nghe tiếng chân ngựa hoặc tiếng ồn ào phía trước đường. Tin tức loan truyền nhanh khắp kinh thành, nên chỉ nội hai hôm, nhiều người đã biết nhà cửa "tên phản trắc". Đám đông ban đầu còn lảng vảng trước cổng để nhìn mặt vợ con tên phản trắc. Về sau, thất vọng vì thấy cửa đóng im ỉm, vài đứa trẻ rắn mắt nhặt đá chọi vào nhà. Rồi cả người lớn cũng bắt chước, xem đó là một trò chơi cảm thù. Hai đứa bé sợ quá, ôm lấy nhau chui đầu vào gầm bàn, mặt cắt không còn chút máu. Mỗi lần một hòn đá rơi xuống nóc nhà, Thái run lập cập, ôm chặt lấy anh, mếu máo nhưng không khóc được thành tiếng. An tuyệt vọng không tìm được cánh cửa nào chịu mở, thất thểu trở về thấy hai con gần như mất hồn vì sợ. Con Thái thấy mẹ về, khóc nức nở không ai dỗ được. Thăng Phát thì ngồi gục đầu ở chỗ cửa ngăn, nơi một viên đá to bằng nắm tay rơi xuống làm thủng cả mái ngói.

Từ đó An không dám đi đâu nữa. Ba mẹ con ôm lấy nhau, tiếp tục chịu đựng cơn lốc phản nộ. Họ không dám ra khỏi nhà nên không biết có cuộc càn quét thanh trừng bọn tham quan và bọn tình nghi nội ứng cho Gia Định ở kinh thành Phú Xuân. Lửa cháy ở hai kho gạo lớn đã nhen nhúm lửa phản nộ của dân chúng. Phú Xuân hừng hực cảm thù, mỗi người náo nức chạy quanh tìm kiếm một cái gì đó đáng ghét để thỏa sức hò hét, lăng mạ, chửi bới. Từ căn nhà kín cửa, ba mẹ con An hồi hộp theo dõi những tiếng chân bước rầm rập trước đường, tiếng la ó, cãi vã; dĩ nhiên họ vẫn tiếp tục nghe tiếng gạch đá rơi trên mái ngói.

Tình cảnh cô lập dù sao cũng tránh cho họ chứng kiến một cảnh đau lòng: cảnh hành hình các tử tội ở bãi đất bồi phía bắc sông Hương. An và hai con cứ tưởng nội vụ còn dang dai, và tin rằng Lợi còn sống, dù là sống trong xó ngục sâu.

Lăng phải thay chị lãnh nhận cái xác chết chém của Lợi để tẩm liệm, chôn cất. Theo luật lệ, xác Lợi không được tẩm liệm một cách bình thường. Cái đầu bị chém không được thắp vào cổ, mà phải đặt xuống vị trí dưới háng. Lăng nhờ Trần Văn Kỷ xin được đặc ân cho phép liệm xác Lợi bình thường, và được chôn Lợi trong một huyệt riêng.

Khi Lăng trở về nhà An, anh thấy chị và hai cháu xanh mướt, đôi mắt lơ lảo mất hết ý thức về thực tại. Khi Lăng quanh co báo tin Lợi đã bị hành quyết, An không hiểu ngay. Lúc đó thăng Phát đã dẫn bé Thái lần xuống bếp để rót nước cho cậu. Lăng lay tay chị, dịu dàng nói:

- Chị chớ buồn. Chẳng qua cũng là số phận.

An ngơ ngác nhìn em như nhìn một người lạ. Lăng lo sợ hỏi:

- Lăng đây mà. Sao chị nhìn em thế?

An giật mình, mếu máo hỏi Lăng:

- Ở ngoài đường, họ còn vây nhà ta nữa không?

Lăng thương hại chị, đáp:

- Không. Đã cho dẹp cả rồi. Về phần anh Lợi, em đã...

Mãi đến lúc đó, An mới nhớ đến câu "Chẳng qua cũng là số phận" lúc nãy. An chợt hiểu. Lăng còn hoang mang lo lắng chưa hiểu chị sẽ phản ứng thế nào, thì An đã khụy xuống, như một thân cây non bị chém ở tận gốc.

^[1] Theo chú thích số 1 trong Lịch sử nội chiến ở Việt Nam của Tạ Chí Đại Trường: "Các giáo sĩ còn cho ta biết Quang Trung lên ngôi từ 3 tháng 10 Âm lịch (8-11-1788) chứ không phải như sử Việt chép là 24-11 Âm lịch (22-12-1788). Chắc ý định lên ngôi vốn có sẵn mà ngày làm lễ thì phải dời lại vì tin tức can thiệp của quân Thanh đưa về, khiến Huệ phải định tới ngày xuất quân mới làm cho long trọng một thể (trang 168 Lịch sử nội chiến ở Việt Nam).

^[2] Kinh thư, thiên Hồng phạm

^[3] Kinh thư, thiên Thái thệ

^[4] Mai Quốc Liên dịch, Thơ văn Ngô Thì Nhậm, quyển 2, trang 108.

Chương 92

Để tránh sự dòm ngó tò mò của hàng xóm, An bảo Lãng đưa mình đi thăm mộ chồng từ sáng sớm. Tối hôm trước, hai chị em giấu không cho các cháu biết tin dữ. Lúc An ngất đi, Lãng cuống quýt gọi các cháu đến để sai đi tìm dầu. Hai đứa bé tưởng mẹ đã chết, ôm lấy mẹ khóc nức nở, vừa khóc vừa gọi "Mẹ ơi! Mẹ ơi!" Cả ba quá hoảng hốt không biết làm gì để lay tỉnh mẹ và chị, cứ xúm lại kêu khóc tuyệt vọng. Một lúc sau, An tỉnh dậy. Thấy các con nước mắt đầm đìa, An hiểu ngay điều phải làm. Chị vuốt tóc, ngồi thẳng dậy, trách Lãng:

- Em đã... rồi phải không?

Lãng hiểu ý chị, lắc đầu đáp:

- Không. Chưa chị ạ. Chị có mệt lắm không?

Con Thái thấy mẹ còn sống, càng khóc to hơn:

- Mẹ! Mẹ đừng chết nghe mẹ. Mẹ chết, hai đứa con biết sống với ai đây! Mẹ hứa với con đi! Đừng chết nghe mẹ!

Phát đã thôi khóc, bậm môi đứng xa ra một chút, vì dần dần hiểu ra rằng khóc lóc là yếu đuối, không xứng đáng với "khách anh hùng". An nhìn quanh thấy các con còn ngấn nước mắt trên má, xúc động sực sùi. Con Thái van xin:

- Mẹ đừng khóc nữa mẹ! Ráng sống với các con nghe mẹ.

An gượng cười bảo Thái:

- Ủ! Mẹ sẽ sống để nuôi các con. Mẹ bỏ các con sao được! Rồi hướng về phía Lãng, An nói xa xôi:

- Mẹ có đi đâu cũng phải đi một lượt với các con. Các con muốn đi gặp cha với mẹ không?

Lãng giật mình, vội nói:

- Chị! Chị đừng nghĩ đại.

Hai đứa trẻ không biết cha đã bị hành hình, cùng mừng rỡ nói:

- Đi mẹ. Cho tụi con đi thăm cha với!

Lãng vội bảo hai cháu:

- Thôi, các cháu xuống bếp đun cho mẹ ấm nước. Đã ăn cơm tối chưa?

An buồn rầu bảo em:

- Máy hôm nay, ba mẹ con chị có nuốt nổi cơm đâu.

Lãng liền nói:

- Nếu vậy thì hai cháu xuống nấu cơm luôn thể. Nhớ nấu nhiều nhiều cho cậu ăn với.

Chờ cho hai đứa bé đi khỏi cửa, Lãng mới bảo chị:

- Chị đừng bao giờ nghĩ quẩn như lúc này nữa. Chị nên nhớ hai đứa nhỏ không làm gì nên tội. Chúng nó được quyền sống, và sống sung sướng. Đừng bắt chúng nó gánh chịu tội lỗi của người lớn chúng ta.

An tức giận, hậm hực bảo em:

- Đến nước này mà Lãng còn nói cái giọng đó à? Tội lỗi? Lãng cũng đứng vào phe chúng nó để chửi rửa anh Lợi phải không?

Lãng vội vã bào chữa:

- Không. Ý em không phải thế. Em muốn nói tất cả người lớn đều quay cuồng trong tội lỗi vì danh, lợi, tự cao, ngu xuẩn, nên cả tội trẻ con cũng phải vạ lây.

An ngơ ngác, ngồi thừ một lúc, rồi nói như đang ở một mình:

- Chị biết thế nào cũng phải tới cái ngày này. Biết nhưng vẫn hy vọng mơ hồ, vẫn nghĩ Trời thường trớ trêu... Vâng, trớ trêu lắm! Hồi nhỏ, chị thường mơ ước được điều này, điều nọ, lúc ngồi một mình cứ mỉm cười mơ màng, vì nghĩ mình không nói dối, không thù hận ai, không gian tham, không lừa đảo, thì nhất định Trời cao phải thương mình, cho mình ước gì được nấy. Chị lầm lẫn quá. Trời cao trớ trêu lắm, không trớ trêu sao lại đem quàng lên cổ chị... rồi bây giờ chính... Trời ơi, chị đến điên đầu mất thôi. Sao trời còn bắt chị sống, hờ Lãng?

Rồi đột ngột, An nhìn thẳng vào mắt Lãng hỏi:

- Anh ấy... anh ấy mất lúc nào?

Lãng rụt rè đáp:

- Hồi trưa hôm qua, chị ạ!

An mím môi một lúc, lại hỏi:

- Lúc ấy có em ở đó không?

Lãng thú thật:

- Em không dám...

An đưa tay lên bóp trán. Hai chị em ngồi lặng lẽ một lúc thật lâu. Phía dưới bếp, con Thái hỏi vọng lên:

- Có hấp trứng luôn thể không hờ mẹ?

An không đáp, bàn tay vẫn che lấp hai mắt. Lãng đáp thay chị:

- Cháu hấp trứng luôn đi. Mẹ bảo vậy.

Lúc ấy, An mới hỏi Lãng, giọng lạc đi:

- Sao em không cố đến, xem anh ấy có nhắm gì không?

Lãng im lặng, không biết trả lời thế nào. An dặn Lãng:

- Em cố giấu đừng cho các cháu biết cha chúng nó bị... Dĩ nhiên thế nào sau này chúng cũng biết, nhưng lúc này... Cứ bảo là anh ấy bị chết bệnh trong ngục.

- Vâng ạ.

- Hoặc bảo cha chúng nó vì nhớ thương chúng nó mà sinh bệnh.

Lãng lo âu, hỏi nhỏ:

- Làm sao giấu chúng nó được mãi, hờ chị. Chỉ cần bước ra khỏi nhà, đã có người...

An hấp tấp cắt lời em:

- Không. Chị sẽ không để chúng nó ở đây. Chị sẽ...

Đến lượt Lãng hốt hoảng hỏi:

- Chị định đi đâu? Chị, đừng nghĩ quẩn nữa. Em van chị. Dù sao, chị còn có em ở đây. Em sẽ về hẳn đây, dạy dỗ chăm sóc thêm cho các cháu.

Thấy nét mặt Lãng hốt hải lo âu, An gượng cười nói:

- Nhưng chuyện đó chưa chắc đâu. Vâng. ở đây còn có chị có em còn đi đâu thì... đi đâu bây giờ? Em nói phải. Chị sợ lũ trẻ hàng xóm không để yên. Em biết không, liên tiếp mấy hôm chúng nó quăng đá vào nhà. Em không thấy cảnh hai đứa mặt mày xanh lét, sợ hãi ôm lấy nhau... thương lắm. Sống ở đây không phải dễ như em tưởng đâu...

Và một lần nữa, An đột ngột chuyển hướng câu chuyện, hỏi Lãng:

- Chúng... họ chôn anh ấy ở đâu?

Lãng đáp:

- Chính em lo liệu việc tẩm liệm và chôn cất anh ấy.

- Mai em dẫn chị đến đó nhé!

- Vâng. Nhưng chị phải hứa là...

- Cái gì chị cũng hứa cả. Em nói rất đúng. Chị phải rán sống để nuôi chúng nó, trừ trường hợp người ta... người ta muốn giết luôn cả mấy mẹ con chị.

- Chị nói gì thế?

An chưa chát nói:

- Đã đến nước này mà em còn bênh vực chằm chập thế ư?

Lãng im lặng, không tìm được ý nào thích hợp để giải thích. An lại bắt đầu khóc. Lần này chị úp mặt vào đầu gối, nên Lãng chỉ thấy hai vai An run rẩy và chỉ nghe những tiếng nghẹn.

*

* *

Họ thức dậy từ lúc gà gáy lần đầu. Hai đứa bé bị đánh thức bất ngờ nên nhướng đôi mắt ngái ngủ dò hỏi. Con Thái nhay hơn thằng anh, đoán trước sắp có điều gì bất thường, nên đến bên mẹ hỏi nhỏ:

- Sắp đi khỏi đây phải không mẹ?

An ôm lấy con cho nó khỏi thấy chị bối rối. Cổ họng An nghẹn lại. Con Thái không nghe mẹ trả lời, càng tin phỏng đoán của mình hơn. Nó lo lắng hỏi:

- Bỏ cha ở đây một mình sao, mẹ?

An òa lên khóc. Lãng phải tìm cách báo tin giùm chị:

- Các cháu đừng làm cho mẹ các cháu khổ sở thêm nhé. Cậu báo cho các cháu biết tin này, nhưng các cháu phải bình tĩnh mới được. Tối hôm qua mẹ các cháu ngất xỉu, các cháu còn nhớ không?

Thằng Phát hỏi:

- Có phải chúng ta sắp đi trốn không hở cậu? Đi bằng thuyền như hồi trước phải không cậu?

Lãng chậm rãi đáp:

- Không. Cha các cháu không may đã bị bệnh nặng, vừa mất hôm qua.

Hai đứa trẻ không có phản ứng tức thì như Lãng chờ đợi. Cả hai đều im lặng, cái nhìn ngơ ngác, không hiểu hết được tầm quan trọng của chuyện tử biệt. Con Thái ngờ vực hỏi mẹ:

- Cha đau nặng thật hờ mẹ? Hay là cậu nói thế để bắt chúng con phải đi?

An sụt sùi, nói trong nước mắt:

- Cậu nói thật, đấy con. Bây giờ, chúng ta đi thăm mộ... cha con đây!

Từ đó cả bốn người đều lăm lăm chuẩn bị đi thăm mộ, không ai nói với ai lời nào. Thăng Phát chạy đi đóng lại cẩn thận các cửa lớn, cửa sổ. Con Thái theo sát bên mẹ, đôi mắt hốt hải theo dõi mọi cử chỉ của An, sợ mẹ vì đau đớn quá mà ngất đi. Trái với dự đoán của người lớn, con bé đột nhiên trở nên can đảm, cứng cỏi, vì tự nhận phải có trách nhiệm săn sóc, bảo vệ cho người mẹ bất hạnh. Nó theo sát bên An, hỏi luôn miệng:

- Mẹ có mệt không? Để con xách giỏ đồ cúng cho mẹ.

- Coi chừng vấp đổ mẹ. Con đi trước dẫn đường cho mẹ nhé?

- Mẹ coi chừng! Ở đây có một vũng lầy!

- Mẹ bị lạnh hay sao mà tay run thế? Mẹ đi sát bên con cho ấm.

Thăng Phát cũng cố lấy giọng cứng cỏi, hỏi cậu:

- Cha con chết vì bệnh hả cậu?

Lãng nhìn cháu, đáp bừa:

- Ừ. Vì bệnh.

- Cháu không tin.

- Sao thế?

- Vì cha cháu rất ít khi bị bệnh. Quá lắm, cha cháu chỉ say rượu nằm một đêm lại đứng dậy đi đây đó. Cháu đoán được vì sao cha cháu chết rồi!

Lãng lo ngại hỏi:

- Ai nói cháu biết?

Phát càng tự tin thêm, kiêu hãnh nói:

- Cậu tưởng cháu không biết sao? Cháu không cần ai cho biết cả, cũng đoán ra được. Cha cháu dám đốt kho thóc, thì cũng phải dám đánh lại cai ngục. Cha cháu chẳng bệnh tật gì đâu. Cai ngục không cự nổi cha cháu, nên lén giết cha cháu đấy.

Lãng tò mò và thích thú, hỏi Phát:

- Hẳn dám giết tù mà không sợ tội chết hay sao?

Phát cười một tiếng nhỏ, mặt đành lại:

- Hẳn sợ chứ. Vì sợ nên mới giết lén, rồi báo lên quan trên là cha cháu bị bệnh nặng. Cháu đoán hẳn bỏ thuốc độc vào cơm của cha cháu.

Lãng thấy lối hiểu của Phát thật tiện lợi, nên nói hàng hai:

- Ý của cháu đáng kể lắm. Để cậu xin bộ Hình xét lại. Đằng nào thì cha cháu cũng chết rồi. Từ đây,

cháu phải ngoan hơn, đừng lêu lổng như trước, cho mẹ cháu khỏi buồn. Cháu có thương mẹ cháu không?

- Dạ, cháu thương mẹ cháu lắm chứ. Nhưng bây giờ cha cháu bị kẻ thù ám hại, cháu càng phải học thêm võ nghệ để trả thù cho cha cháu. Ở nhà, cháu sẽ nhờ con Thái săn sóc giúp đỡ mẹ. Chốc nữa, cháu sẽ kể hết với nó.

- Tại sao lại phải chờ đến chốc nữa? Chốc nữa là lúc nào?

- Lúc ra thăm mộ cha. Cháu sẽ dắt con Thái đến trước mộ, hai đứa lạy xong sẽ lần lượt thề trước mộ cha cháu.

Lăng bị cuốn hút bởi lòng tò mò, và những ý nghĩ lạ lùng của thằng bé 13 tuổi, nên hỏi:

- Cháu sẽ thề những gì? Nói trước cho cậu biết được không?

Phát ngược nhìn Lăng, hơi khinh nhờn:

- Hai đứa cháu chỉ thề trước mộ cha cháu mà thôi. Không ai được nghe những lời thề đó. Nhưng nếu cậu muốn biết, sau khi cha cháu nghe xong, cháu sẽ thuật lại.

Lăng cười nhỏ vì sợ chị nghe thấy, rồi nói:

- Cháu thề sẽ cắt đầu tên cai ngục để đem tế trước mộ cha cháu chứ gì?

Phát hô hoán:

- Sao cậu biết?

- Cái gì mà cậu không biết. Cháu đi chậm lại để chờ mẹ cháu và con Thái. Đến ngã ba phía trước thì rẽ phải.

- Chôn ở chân núi hử cậu?

- Ừ!

- Từ đây đến đó có qua nhiều trạm canh không cậu?

- Nhiều. Cháu hỏi làm gì?

- Không. Cháu hỏi cho biết thế thôi!

Phát đang nghĩ đến lúc sẽ dẫn tên cai ngục (đã bị bịt mắt, nhét giẻ vào miệng và trói tay bằng sợi dây thừng thật chắc), qua khỏi các trạm canh để đem giết trước mộ cha thay cho lễ vật.

- Cháu dừng lại đã, sắp đến trạm canh đầu tiên rồi đấy.

*

* *

Lúc trở về, Lăng ngạc nhiên thấy đường sá vắng hoe. Quân lính đi lại tấp nập, người nào cũng mang theo giáo mác và chiểu. Lăng theo theo kinh nghiệm đoán tình hình có điều gì nghiêm trọng nên việc bố phòng ở các điểm then chốt trên trục giao thông được tăng cường. Đưa chị và các cháu về đến nhà xong, Lăng vội vào thành. An còn dặn:

- Thế nào tối em cũng phải ghé về đây nhé!

Lăng tưởng chị sợ, vội nói:

- Vâng. Em vào xem có gì lạ, rồi trở về đây liền.

An hỏi:

- Có gì mà lạ?

- Em thấy các toán lính tỏa ra canh gác nghiêm ngặt lắm.

An ơ hờ như người ngoại cuộc:

- Thế à! Nhưng em đừng quên tối nay phải về đây nhé. Chị chờ em về mới ăn cơm tối đấy.

Lãng vào thành càng thấy không khí khẩn trương rõ hơn. Từng toán lính tùm năm tùm ba bàn tán, câu chuyện họ đang trao đổi có vẻ hào hứng vì họ vung tay và lớn tiếng cười cợt. Lãng hỏi một người quen, mới biết được hai tin quan trọng: Chiêu Thống đã rước quân Thanh vào Thăng Long, và Chính Bình vương sẽ chính thức lên ngôi vào sáng mai.

Lãng xúc động đến nỗi phải dừng bước, để lấy lại nhịp thở đều. Đầu anh nóng ran. Có thể như thế chẳng? Có thể nào cái tin vui lớn và tin buồn lớn cùng rủ nhau đến một lúc, nhất là lúc này? Việc Nguyễn Huệ chuẩn bị lên ngôi để thống nhất đất nước thì Lãng đã nghe phong thanh từ hơn tháng nay. Ở chỗ chính thức, công khai, Lãng chưa hề nghe Nguyễn Huệ hoặc Trần Văn Kỷ nói đến việc ấy. Nhưng các dấu hiệu chuẩn bị thì rõ ràng lắm, khắp kinh thành ai cũng nao nức chờ đợi. Việc triều đình nhà Thanh có thể can thiệp cũng đoán trước được. Khoảng đầu tháng mười, tin tức từ Bắc hà đưa vào tuy thuộc loại cơ mật nhưng ở vào địa vị của Lãng, anh chỉ cần nghe các quan đại thần nói chuyện với nhau, hoặc nghe Nguyễn Huệ căn dặn Trần Văn Kỷ cũng có thể đoán được gần đúng. Có điều khiến Lãng choáng váng, là ước mong được thấy Nguyễn Huệ chính thức lên ngôi, oái oăm thay, lại đến đúng vào lúc gia đình anh đang tang tóc, và nước nhà ở trong nguy cơ ngoại xâm. Phải chờ đến lúc nhận ra rằng chính vì nguy cơ ngoại xâm mà Nguyễn Huệ phải lên ngôi vào lúc đầu sôi lửa bỏng này, chính vì an nguy của xã tắc mà Nguyễn Huệ phải công khai và chính thức nhận thiên mệnh cao cả, đến lúc đó Lãng mới thực sự vui mừng.

Trong triều, không khí cũng khẩn trương rộn rịp như ngoài thành. Người lính cấm vệ đầu tiên gặp Lãng đã mừng rỡ reo lên:

- A, gặp ông đây rồi! Gớm, chúng tôi tìm ông khắp nơi. Có lệnh Vương thượng triệu ông vào gấp.

- Thật ư?

- Xin ông nhanh bước cho. Chúng tôi dám đùa vào lúc này sao!

Lãng vào điện Triều Dương đúng lúc quan trung thư, thượng thư bộ Lễ đang hầu chuyện với Nguyễn Huệ. Thấy Lãng vào, Nguyễn Huệ vội giục Trần Văn Kỷ:

- Ông đọc lại xem có cần thêm gì không?

Trần Văn Kỷ cầm tờ giấy lên đọc:

- Tâu Chúa công, bài chiếu có ghi thêm năm điều sau đây:

1- Các địa phương trong mười ba đạo, thuế ruộng, thuế thân, thuế lực dịch về vụ đông năm nay, mười phần tha cho năm phần, những nơi bị binh hỏa làm điêu tàn, thì cho các quan phân tri khám thực, tha miễn cho cả.

2- Quan dân triều cũ, người nào liên lụy vào tội đã bị án nặng, trừ những tội đại nghịch vô đạo, còn thì đều thả cả.

3- Các đền thờ bách thần mà là thờ nhảm, đều bị xóa bỏ thần hiệu trong tự điển , còn các thiên thần và tôi trung, con hiếu, đàn bà tiết nghĩa đã được các triều phong tặng thì nay đều cho thăng trật.

4- Quan viên văn võ triều cũ, người nào vì chạy trốn theo vua mà phải trốn tránh, đều cho về nguyên quán. Người nào không muốn ra làm quan, thì cho tùy theo chí của mình.

5- Quần áo dân gian ở Nam hà hay Bắc hà đều cho theo tục cũ, duy có áo châu, mũ châu thì nhất luật phải theo qui chế mới [2]

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc, rồi bảo cả hai quan đại thần:

- Thôi được. Cứ y như vậy mà làm. Bộ Lễ phối hợp với bộ Binh để làm thế nào lễ lên ngôi vừa trang nghiêm, vừa có cái uy dũng của cuộc xuất quân dẹp giặc xâm lăng. Quan Trung thư cho chép bài chiếu để ngày mai yết cáo khắp các nơi quan yếu. Các ông có thể lui được rồi!

Trần Văn Kỷ và viên thư bộ Lễ vái lạy xin về. Nguyễn Huệ mỉm cười gật đầu nhận lễ, chờ họ ra khỏi điện, mới hỏi Lãng bằng giọng thân tình khác thường:

- Cậu vừa ở đằng nhà đến đây phải không?

Lãng tưởng Nguyễn Huệ trách mắng, vội đáp:

- Tâu Vương thượng, vâng ạ.

Nguyễn Huệ do dự khá lâu, mới rụt rè hỏi:

- Tình cảnh "cô ấy"... ta muốn nói "bà ấy"... cậu hiểu không? Hiện nay bà ấy ra sao?

Lãng buồn rầu đáp:

- Tâu Vương thượng, thần vừa đưa chị ấy và các cháu đi nhận mộ.

Nguyễn Huệ lại ngập ngừng hỏi:

- Bà ấy... cô ấy có trách ta không? Cậu phải hiểu ta không thể làm khác được. Tội lỗi ấy, nếu...

Nguyễn Huệ bỏ dở câu cuối. Lãng không nghe Nguyễn Huệ nói tiếp, ngừng lên chờ đợi. Nguyễn Huệ lúng túng, nói:

- Ta cũng muốn cho cậu dự trận vẻ vang này để nhớ đời đời, nhưng... cậu phải ở lại vậy. Không thể bỏ cô ấy vào lúc này. Ta có nói gì chẳng nữa, cô ấy vẫn oán hận ta. Ta tiếc lắm. Ta cũng nói thẳng với hân là ta tiếc lắm, không thể làm khác được. Cậu ráng tìm cách an ủi cô ấy. Hãy nói với cô ấy rằng, hân đã đền tội rồi, cô ấy nên yên tâm để nuôi các con. Nếu cần... à không, ta biết cô ấy tự ái không bao giờ thèm nhờ vả ta điều gì. Cậu thay ta lo liệu đời sống cho cả ba mẹ con, trong thời gian ta vắng mặt.

Lãng xúc động đến nỗi nước mắt tự nhiên ứa ra đầy cả hai khóe. Anh cố giấu sự yếu đuối nên cúi gằm mặt xuống. Vì vậy, Lãng không thấy được nét mặt bần thần của Nguyễn Huệ. Hai người im lặng trước mặt nhau, người này không dám nhìn mặt người kia. Mãi một lúc sau, Nguyễn Huệ mới nói:

- Có lẽ từ đây cho đến lúc xuất quân, ta không gặp được cậu. Bấy nhiêu lời dặn dò, cậu gắng nhớ cho.

Lãng biết đã đến lúc phải lui. Anh lạy tạ, lúc cúi xuống, Lãng cố đưa ống tay áo lên xóa ngấn nước mắt trên má. Nguyễn Huệ ngồi nhìn dáng đi chậm và mệt mỏi của viên thư ký thân cận, của người em bao

năm nay Vương bảo bọc che chở, lòng cảm thấy ngùi ngùi.

*

* *

Chờ cho hai con ngủ xong, An mới rón rén đi ra phòng ngoài gặp em. Hai ngọn đèn sáp nhỏ trên bàn thờ Lợi tỏa ra một thứ ánh sáng vàng vọt, lung linh. Lãng ngồi yên trên phản gỗ, lưng dựa vào vách tường vôi. An ngồi ghé xuống cạnh phản, cách chỗ em độ hai thước. Hình như Lãng đoán thế nào chị cũng ra nói chuyện với mình nên lúc quay về phía An, anh không có vẻ vồ vập mừng rỡ hay kinh ngạc. An hỏi cho có hỏi:

- Em chưa đi ngủ?
- Chưa, chị ạ. Các cháu đã ngủ cả rồi?
- Chúng nó mệt quá, thiếp đi.
- Chị cũng nên ráng ngủ bù lại sức. Chị gầy xọp hẳn đi.

An không nói gì, nhìn về phía bàn thờ Lợi thật lâu. Lãng muốn chị khuây khỏa nỗi đau khổ riêng, nên hỏi:

- Lúc sáng chị có để ý cảnh lính tráng vác gươm vác giáo hấp tấp tởa đi khắp nơi không?
- Có.
- Chị có biết chuyện gì đã xảy ra không?

An cười chua chát:

- Họ lại tranh ăn với nhau, chia bè chia phái để hãm he giết nhau chứ gì!
- Không. Chị bi quan quá. Quân Thanh đã xua quân xâm lấn nước ta.

An giật mình ngước lên nhìn Lãng, đôi mắt đầy ngờ vực:

- Chúng nó dám thế à? Nhưng thôi. Chuyện đó đã có người ta lo. Chị chỉ thấy trước lại có cảnh chồng xa vợ, mẹ mất con. Lại cảnh đâm chém nhau, dày xéo lên nhau.

Lãng không dẫn được bất mãn, bảo chị:

- Chúng nó vô cớ xâm lấn đất nước ta, phải đánh cho chúng nó chừa thói tham tàn chứ. Nói như chị thì...

An không muốn tranh luận, nên cắt lời Lãng:

- Phải. Chị đàn bà, chỉ thấy những chuyện mất mát trước mắt. Chuyến này em có phải đi không?

Lãng e dè vừa nói vừa dò phản ứng của An:

- Đáng lý em cũng phải theo quân, vì nghe đâu sau lễ đăng quang, sẽ xuất quân ngay.
- Lễ đăng quang? Lúc nào?

An hồi hộp, nhớ đến chiếc vương miện chính An đã thêu cho Nguyễn Huệ, nhớ đến những giọt nước mắt nuôi tiếc nhỏ lên tấm áo cổn. Lãng thấy chị thảng thốt, càng thương hại An hơn. Anh không dám thuật lại những điều Nguyễn Huệ gửi gắm, Lãng chỉ nói:

- Ngày mai, chị ạ. Chính vì sự an nguy của xã tắc mà Chúa công phải lên ngôi để ràng buộc người trong nam ngoài bắc.

Giọng An càng cuống quýt hơn:

- Sao em không nói cho chị biết từ chiều. Ngày mai em đi rồi ư? Em đã sửa soạn được gì chưa?

Lãng chậm rãi đáp:

- Không cần, chị. Em ở lại đây.

- Sao thế? Chẳng lẽ vì chuyện buồn của chị mà em...

- Không đâu. Em đã nghĩ kỹ rồi. Em chẳng có tài cán gì, có em hay không có em, cũng thế thôi. Ra đi bỏ chị và các cháu trong tình cảnh này...

An cướp lời Lãng:

- Em đừng nghĩ vậy. Chị đã quen những điều bất hạnh. Chị ốm yếu thế, nhưng khi chị đã quyết điều gì, thì chị mạnh phi thường. Em đừng nghĩ phải ở lại đây để giúp đỡ, che chở cho ba mẹ con chị. Đừng. Nói thật điều này em đừng giận, nhiều khi em chỉ làm vướng chị mà thôi.

Lãng lo âu, thì thào:

- Chị An. Chị tính gì vậy? Chị đừng nên liều thân. Các cháu có tội tình gì.

An cười nhẹ, trấn an em:

- Lãng tưởng chị chán nản đến nỗi phải tự vẫn chứ gì? Em lầm, không bao giờ chị hèn nhát như thế đâu.

- Thế sao lúc này chị nói nhiều câu dễ sợ quá!

- Lúc nào?

- Hồi ăn cơm tối.

- Chị đã nói những gì?

- Chị dặn dò em đủ điều, như là trấn trối. Dặn đừng nên uống rượu. Dặn đừng để cho đồng tiền sai khiến mình. Dặn phải cố tìm chỗ đàn ông để lập gia đình, đừng bông lông như bao lâu nay. Chị làm như chị sắp xa cõi đời này, chị em không có lúc nào gặp nhau nữa.

An cố cười lớn để giấu bối rối:

- Lãng hiểu lầm chị rồi. Lúc trước chị biết em không thích anh Lợi, nên chị dâm ngại. Nói điều gì làm phật ý em, em lại tưởng có anh Lợi xúi giục chị, đặt điều nói xấu em sao đó. Nhưng bây giờ chỉ còn lại hai chị em ta với nhau, chị không ngần ngại nữa. Chị lo lắng đủ điều, chị sợ em lầm lỡ, rủi có điều bất hạnh nào thì chị thêm bơ vơ. Thế thôi. Hai chị em ta hiểu nhau từ thuở nhỏ, chẳng lẽ bây giờ em không biết đến nỗi lo âu của chị!

Lãng cảm động tin ngay lời An. Cố dằn xúc động, Lãng nói:

- Nhưng chị phải hứa là từ nay, có muốn làm điều gì, phải bảo cho em biết.

An cười nói:

- Được. Phần em, em cũng phải hứa với chị điều này.

- Điều gì thế chị?

- Em phải lấy vợ.

Lãng đỏ mặt, ấp úng:

- Em vẫn tìm kiếm hoài mà chưa được đấy chứ!

- Đâu có. Em chỉ tìm những chỗ chông gai mà đi. Trước kia thì Thọ Hương. Bây giờ... tại sao em biết cô ấy bị ác bệnh mà còn tìm cách lui tới, đeo đẳng hoài?

Lãng thành thực bảo:

- Em cũng chẳng hiểu nổi mình nữa. Có thể vì em nghĩ mình không ra gì. Có thể... có thể... làm sao nói cho đúng điều kỳ cục này nhỉ! Như người ta biết ớt cay mà vẫn thích ăn ớt vậy mà. Chị hiểu em không?

An lắc đầu. Lãng cố giải thích tiếp:

- Mỗi lần biết một số phận bi thương, cả người em run lên, em có thể làm bất cứ điều gì để kẻ bất hạnh đó vui hơn, sung sướng hơn. Chị có nhớ cái miếu thờ người bà con bị phong của chúng ta ở An Thái không?

- Nhớ. Nhưng em nói gì lộn xộn như mớ chỉ rối, chị không hiểu gì cả.

- Em cứ nhớ mãi lúc nghe kể chuyện cái miếu ấy, em xúc động đến nổi tê dại cả người. Một mình sống giữa đồng vắng, thân thể sượng sần, nhứt nhối, mọi người ghê tởm, xa lánh. Có số phận nào ghê gớm bi thảm như thế chẳng? Một lần em trốn nhà ra cái miếu đó giữa đêm khuya, để mong gặp cho được hồn ma người quá cố. Dĩ nhiên em không gặp được gì, nhưng cả đời em không quên được đêm ấy. Em vừa sợ hãi vừa hãnh diện, vì trên khắp cõi đời này, chỉ có em là người không vì ích kỷ mà xa lánh kẻ xấu số. Chị hiểu em không?

An lắc đầu. Lãng thất vọng nói:

- Em chẳng biết phải nói gì thêm cho chị hiểu. Có lẽ em là một người bất thường.

- Chị không tin thế đâu. Em có lòng tốt, tuy nhiều khi dễ tin người, đến ngây thơ. Lâu nay em được che chở, bảo vệ. Vả lại, em cũng chẳng tranh giành điều gì với ai nên không ai xem em là kẻ thù. Nhưng bây giờ "người ta" đã lên ngôi rồi, em phải coi chừng. Anh Lợi thì còn xa lạ gì với "người ta" nữa. Đến lúc cần xuống tay lập uy, "người ta" có ngần ngại đâu. "Người ta" cũng thừa biết mẹ con chị sẽ thế nào khi anh Lợi chết chứ! Em đã thấy rồi, cảnh chị góa bụa có làm "người ta" nhú mày do dự đâu! Từ đó chị nghĩ đến thời trước, và hiểu hết mọi điều. Chị trông mọi sự sáng tỏ hơn, từ việc cha chúng ta bị thất sủng, cho đến chuyện chính nhà vua đứng ra làm mai mối cho chị lấy anh Lợi. Họ tính toán đời chị, như tính lời lỗ của một chuyến buôn trầu. Cả con gái cưng của họ, họ còn dám hy sinh, hưởng chi cuộc đời hèn mọn của chị. Anh thế nào thì em thế ấy. Dám chửi rủa anh ruột mình là loài sài lang cấu trệt! Sao bấy lâu nay chị mê muội đến thế!

Lãng không thể để mặc cho An chua chát tuyệt vọng, nên nói:

- Đừng tự làm khổ mình bằng lòng ngờ vực, chị ạ.

An đáp ngay bằng giọng bi phẫn:

- Còn em, em đừng tự làm khổ mình bằng lối cả tin. "Vì sự an nguy của xã tắc"! Những tiếng kêu như chuông ấy chỉ đánh lừa được bọn đàn ông ngu ngơ như Lãng mà thôi. Đừng dễ tin người. Em hãy ráng nhớ lời chị để giữ thân. Chị ở xa, nhưng lúc nào cũng lo lắng cho em..

Lãng giật mình hỏi An:

- Chị định đi đâu xa lắm sao?

An vội chữa:

- Không. Chính em sắp đi xa nên chị cần dặn thế chứ. Khỏi lo cho ba mẹ con chị, Lãng ạ. Em cứ đi ra bắc với "người ta" đi. Chị biết thế nào ta cũng thắng oanh liệt, vì ai không căm giận khi đất nước bị xâm chiếm. Có thể nhờ trận này mà em khỏi bị bọn vô biên khinh khi. Hãy gắng lập công, Lãng nhé!

Lãng không biết trả lời chị thế nào. Trong thâm tâm, anh bị giằng co giữa một bên là trách nhiệm gia đình, một bên là nghĩa vụ đối với đất nước. Anh không dám tin lời chị là hoàn toàn thành thật, khi suốt buổi tối, An luôn luôn ray rứt, chua chát, cực đoan đối với mọi sự trên đời. An thấy em im lặng suy nghĩ, nói thêm:

- Lãng đừng ái ngại cho số phận mẹ con chị. Ngược lại, chị ái ngại cho em. Thôi, em ngủ đi. Mai hãy tính. Nếu có lạnh, lấy cái chăn dày ra mà đắp.

Họ ngủi ngủi nhìn nhau, rồi hai chị em lặng lẽ đi ngủ.

Sáng hôm sau, Lãng thức dậy hơi muộn. Ba mẹ con An đã đi từ lúc Lãng còn say ngủ. Đi đâu? Lãng không biết gì cả!

^[1] *Sổ nghị sự trích các Thần được thờ.*

^[2] *Mai Quốc Liên dịch, Thi văn Ngô Thì Nhậm, quyển 2, trang 109.*

Chương 93

Núi Bân ở về phía đông nam thành Phú Xuân

[1] Đó là một quả đồi không cao lắm ở các cồn mồ thuộc xóm Hành, ấp Tứ Tây xã An Cựu, phía đông tiếp giáp với động Trọc và núi Ngự Bình. Hai phía tây và bắc giáp với thôn Tường Cởi. Phía nam là khu vực cư trú của dân ấp Tứ Tây. Xa hơn nữa là vùng núi trùng điệp gồm núi Thiên Thai, Động Lữ, Động Lăng, Động Ba, Động Bồng và Động Tranh.

Chung quanh ngọn đồi có nhiều đồn trại của quân Tây Sơn. Về phía nam tây nam, cách đồi gần một dặm, là một khu đất bằng phẳng làm nơi diễn binh tập trận với đầy đủ nỏ chuồng voi, chuồng ngựa, kho súng. Hằng ngày, quanh núi Bân có tới ba vạn quân thường xuyên luyện tập. Họ trang bị bằng dao găm, giáo mác, súng điều thương, và rất nhiều súng lớn có miệng loe. [2]

Từ thành Phú Xuân lên núi Bân có hai con đường. Đường thứ nhất từ An Cựu vòng qua phía Bắc núi Ngự Bình, dẫn đến khu tập trận cạnh đồi. Đường thứ hai là con đường đất khá rộng chạy từ Phủ Cam qua An Lăng rồi gặp đường Ngự Bình. Trước đó, cả hai con đường đều nhỏ hẹp, gồ ghề, uốn lượn ngập ngừng tùy theo dấu chân dân làng Tứ Tây đi đi về về, hoặc những khách nhàn tản xa tạm nơi đô hội đi tìm khoảng rộng. Từ khi Chính Bình vương định đô tại Phú Xuân và ra lệnh quân sĩ phải thường xuyên luyện tập đao kiếm ở khu tập trận, hai con đường nhỏ ấy không còn đủ sức chịu đựng lượng voi ngựa và mấy vạn con người đi về nữa. Nội những dấu chân đất không thôi cũng đủ mở rộng hai con đường. Sau đó, bộ Công huy động nhân lực san bằng những chỗ lồi lõm, phát bỏ gai góc, cỏ dại, biến hai đường mòn thành hai đường quan rộng rãi. Về mùa khô, từ đỉnh đồi Bân nhìn xuống, lúc nào hai con đường ấy cũng tỏa lên một đám bụi hồng do nhịp đi về của người, voi, ngựa; và tiếng quân lính tập trận hò reo, tiếng ngựa hí, tiếng voi hét cũng theo gió dội lên tận đỉnh đồi. Nguyễn Huệ thường bỏ nhiều buổi chiều đứng đấy, ngắm những đám bụi tỏa theo nhịp quân đi, lắng nghe âm thanh tỏ mở của quân sĩ, hít thứ không khí trong lành của trời đất rộng rãi, tận hưởng đến ngây ngất cái thú sống hết cung bậc của cảm giác và mơ ước. Vương thường tâm sự với Trần Văn Kỷ rằng chính những giây phút đứng trên đỉnh đồi Bân đó, Vương đã tìm được những lựa chọn đúng giữa mớ bòng bong của tình thế, đã xóa hết những chán nản mệt nhọc, và đạt được niềm hạnh phúc tràn đầy. Nguyễn Huệ cảm thấy an toàn giữa ba quân, gần gũi cuộc sống đang sôi động mà cũng gần gũi với đất trời bao la. Chỉ có một điều Vương không được hài lòng, là về phía ấp Tứ Tây, các cồn mồ mà cứ dần dần loang rộng ra, theo với năm tháng. Nguyễn Huệ đã định bàn với Trần Văn Kỷ tìm cách dời khu mồ mà ấy đến vùng khác, nhưng vì nhiều việc quá, Vương quên ý định ấy hoài. Còn cái ý phải đứng ở giữa đỉnh cao này để "chính danh định vị", Vương không quên. Từ giữa tháng chín, những người lính tập trận quanh đồi Bân bắt đầu thấy nhiều dân phu hằng ngày theo đường mòn trôn ốc leo lên đỉnh đồi đào xới, khiến bụi hồng lại tỏa mù ngay trên chóp cao. Công việc ấy gây nên nhiều cuộc bàn tán. Giữa hai cuộc tập võ, quân sĩ thường tụ năm tụ ba nhìn về phía đỉnh đồi tỏa bụi, phỏng đoán thế này thế khác. Người thì đoán sẽ lập

một doanh trại ở đỉnh đồi để phòng vệ mặt tây nam kinh thành. Người thì đoán Vương thượng muốn xây một vọng lâu ở đấy để quan sát các cuộc tập võ. Đa số thạo tin đoán rất đúng rằng Nguyễn Huệ chuẩn bị lập đàn tế cáo trời đất trên đỉnh Bân để lên ngôi.

Công việc tiến hành gấp rút một thời gian, ngưng vài ngày, tiếp tục một cách cầm chừng, rồi lại hồi hã bất kể mưa nắng. Kết quả công lao nhọc của mấy ngàn dân phu rất dễ nhận ra nếu đứng từ dưới chân đồi mà nhìn. Dần dần, quân sĩ tập trận trông thấy một đỉnh đồi được san bằng, rồi một vành đỏ, hai vành đỏ, ba vành đỏ hiện ra quanh đồi xanh, làm thành ba tầng hình nón cụt chồng chất lên nhau thật kỳ vĩ, đẹp mắt. Đồi Bân mau chóng bị đổi tên. Quân sĩ đặt ngay cho nó cái tên mới: Ba Tầng. Dân phu thì đùa cợt gọi là núi Ba Vành.

*

* *

Từ tờ mờ sáng ngày 25 tháng 11 Mậu thân (1788), bảy vạn quân điều động ở phủ Thuận Hóa, theo hàng ngũ tề chỉnh, đã đổ về đen nghịt vùng đất bằng quanh núi Ba Tầng. Quân lính có gì mặc nấy, chân đi đất, nên không khác bao nhiêu với đám dân chúng tụ họp hai bên đường để đưa tiễn những người con người chồng ra đi cứu nước. Đối với từng người lính, đó là điều khổ tâm. Được lựa chọn chiến đấu trong trận này là niềm hãnh diện lớn. Cho nên dù việc điều quân cấp bách, mỗi người cũng tự tìm cách xoay xở để làm cho mình một cái nón lính. Họ lấy mo cau khô cắt thành một cái nón dẫu, chóp có sơn một vòng đỏ, còn mép nón thì viền một vòng vàng. Quai nón tạm làm bằng dây lạt, dây mây, hoặc cọng chiếu. Vì vậy, dưới vành nón trắng còn thơm mùi cau, màu đỏ của cờ xí cộng với màu chóp nón nhuộm hồng những khuôn mặt rạng rỡ, phấn khởi.

Dòng người áo vải chân đất nối tiếp mãi từ các làng xóm, các khu phố, các bến đò đổ về núi Ba Tầng, tưởng không thể nào dứt. Cờ đào bay phần phật trong gió, bụi đường tủa lên bám vào thân áo vải, bước chân dồn dập che lấp cả những tiếng rì rầm nói chuyện, tiếng thở leo dốc, tiếng ới ới gọi người thân, lời dặn dò cuối cùng. Lâu lâu đám bộ binh phải tránh giạt sang hai bên đường nhường bước cho kỵ binh và các đội voi trận. Bụi đường lại bốc lên nhiều hơn. Ho sặc sụa. Cười nói lớn tiếng. Thấp thoáng phía sau màn bụi dày, vẫn những khuôn mặt hân hoan, ánh mắt rạng rỡ. Gương giáo không được giữ ngay tầm người mà được giơ cao lên hết tầm tay, tua tua hướng về phía trời cao. Năng sớm mai tô thắm màu cờ đào phất phới, đồng thời cũng chiếu lên những ngọn giáo mài sáng, khiến từ chóp Ba Tầng nhìn xuống, người ta có cảm tưởng đang nhìn một con rắn dài uốn mình bò chậm chạp để khoe những chiếc vảy bạc óng ánh.

Ở một khúc đường quanh, mấy bô lão lấy vạt áo che miệng mũi cho đỡ bụi, và nói chuyện với nhau qua màn vải the cũ:

- Gớm! Không biết voi ở đâu mà nhiều thế! Từ nãy đến giờ tôi đếm được trên hai mươi thớt voi rồi.
- Hơn nữa chứ. Chúng ta ra đây thì đã có mấy đội voi trận đi qua đây rồi. Phải thế không cháu?
- Cậu bé đứng bên cạnh cố nhón gót để trông cho rõ, quay lại đáp:
- Dạ. Từ sáng đến giờ đã có bốn lượt voi qua.
- Voi ngựa thế này thì "tụi chó Ngô" phải phát khiếp. Không biết chúng nó có dùng voi không nhỉ?

- Có chứ!
- Voi chúng nó có lớn bằng voi ta không?
- Có lẽ lớn hơn. Nhưng nhất định không quen xông trận như voi ta.
- Sao bác biết?
- Còn hỏi! Tôi mà việc gì chả biết.
- Bác chỉ giỏi nói bừa.
- Có bác nói bừa thôi. Tôi nói có sách, mách có chứng.
- Chứng cứ đâu? Đâu? Lại bịa.
- Này nhé. Bác biết thằng em thứ sáu nhà tôi là lính cấm vệ đấy chứ?
- Biết. Rồi sao nữa?

- Khi hôm, về thăm nhà, nó bảo đô đốc Tuyết có đem về Phú Xuân bản quân luật của bọn chó Ngô. Trước khi xua quân sang xâm lấn nước ta, tên tổng đốc Lưỡng Quảng có căn dặn quân lính kỹ càng lắm. Có đến tám điều quân luật, trong đó có một điều chỉ về kỹ cách chống lại voi trận của ta.

- Đúng là rau nào sâu nấy. Em bác, dù là lính cấm vệ, làm sao biết được những điều cơ mật như vậy?

- Bác biết một mà chưa biết hai. Sở dĩ nó biết, không phải nhờ đọc lên được giấy tờ của ông đô đốc. Không đâu. Bác ngờ là phải. Nhưng chính Chúa công đã cho đọc điều quân luật ấy cho các đội tượng binh nghe. Thằng em tôi còn thuật là theo thú nhận của quân Ngô, bên đó không quen đánh voi như bên ta. Nào, lại một đội voi nữa. Cả thấy mấy đội rồi nhỉ?

Cậu bé bên cạnh đáp:

- Năm đội tất cả. Đó là chưa kể các đội voi đi ngã Phủ Cam.

Cụ già quay nhìn thẳng bé, thấy hay hay, vuốt đầu tóc khét nắng của nó hỏi:

- Lớn lên cháu thích đánh giặc bằng voi không?

Mắt cậu bé sáng lên khác thường, giọng háo hức:

- Thích chứ. Cưỡi voi cao hơn cưỡi ngựa.

Người bạn này giờ vẫn kháo chuyện với cụ già, chợt nhớ ra điều quan trọng, vội hỏi:

- À quên, tôi chưa hỏi bác bên nhà có ai đi kỳ này không?

Cụ già đáp với vẻ hãnh diện:

- Có chứ! Những ba đứa đấy.

- Ấy chết! Đi hết cả à. Còn vụ đám cưới thằng cả?

- Nó xin hoãn lại.

- Bên nhà gái chịu à?

- Sao không chịu. Bên đó cũng định như vậy. Chờ lũ anh thắng trận trở về đông đủ, dự đám cưới em gái út mới vui.

- Nếu lỡ...

- Bác đừng nói đại. Không lỡ được. Chúa công cầm quân trăm trận trăm thắng. Lòng dân lòng quân

thế này, bác chỉ cần nhìn nét mặt từng người cũng đủ biết. Còn bên bác, không có ai đi à?

- Tôi chỉ được có một trai, còn bao nhiêu là gái cả.
- Vì vậy nên bác cố nài cho nó ở lại?
- Không. Nó đi chứ.
- Khá lắm. Bác đã trông thấy nó qua đây chưa?
- Chưa. Bác đứng xê vào trong này cho đoàn voi kia qua. Đội thứ mấy rồi nhỉ?

Cậu bé đáp:

- Dạ đội thứ sáu.

*

* *

Ở một ven đường khác, có một chị đàn bà trạc ba mươi tuổi, mặc cái áo đen vá còn lấm bùn, mặt mày hơi hải, ngấn nước mắt còn rõ trên đôi má lấm bụi, đang tìm cách an ủi một chị đàn bà mắt đỏ hoe:

- Rồi sẽ tìm ra thôi, chị ạ. Đừng sốt ruột.
- Làm sao tìm được! Cha thằng Chút nhà tôi nhỏ người, đi vào đám đông hút mất khó tìm lắm. Và lại, sao người nào người nấy giống nhau như đúc.

- Tại cái nón dẫu chứ gì? Chị có nhớ cái nón mo cau anh ấy ra sao không?
- Không. ổng giấu không cho xem, sợ tôi chế nhạo. Đêm qua...
- Anh ấy về được à?

Chị đàn bà đỏ mặt, đáp lúng ta lúng túng:

- Có gì đâu. Anh ấy nhân việc công tạt qua nhà. Chỉ tạt qua được đủ thì giờ chăm nón thôi, vì lén lút nên sợ trễ.

- Vậy là chị mau mắn hơn tôi. Anh ấy chỉ kịp nhăn gập nhau sáng nay ở đây thôi.
- Nãy giờ chị có trông thấy người lính nào thấp và có nốt ruồi ở mép trái hay không?

Chị đàn bà kia cười, quên cả lo lắng riêng:

- Chị rõ lẫn thẩn. Làm như đang tìm người ngựa mặt lên mà hóng mát.
- Ừ, tôi lảm cẩm quá rồi. Đêm qua tôi khóc, cha thằng Chút cũng chê tôi lẫn thẩn. Này, chuyến này đánh nhau với quân Tàu, có nguy hiểm không chị?

- Có chứ. Nghe nói chúng nó đông những mấy chục vạn.
- Chết. Thế mình được bao nhiêu?
- Hình như khoảng mười vạn thì phải.
- Chỗ đầu tên mũi đạn, tôi lo quá. Lỡ có việc gì, ai lợp lại mái nhà cho khỏi dột mùa đông này đây.
- Ối! Đàn ông biết lợp nhà còn thiếu gì. Vừa lợp nhà, vừa biết làm nhiều chuyện ghê gớm hơn nữa

kia!

- Chị thì lúc nào cũng đùa được. Tôi lo quá đi mất! Lúc này chị bảo chồng chị thuộc toán quân ngựa phải không? Có một đội ngựa đến kia kìa.

Người vợ chàng kỵ binh vô danh vội quay tìm chồng. Giống như bạn, chị thấy người lính nào cũng

giống nhau như đúc: chiếc nón dẫu, nụ cười, mắt hăm hờ, bộ ngời hơi ưỡn ngực trên lưng ngựa khỏe. Bụi đường che mờ dẫu ngựa và người. Chị ta thất vọng, quay bảo bạn:

- Chịu. Không tìm ra được. Hoài công đi tìm mua quế và dầu cả đêm!
- Chị mua được quế tốt không? Mua ở đâu thế?
- Ở chỗ cái quán đầu cầu.
- Tôi cũng mua ở đấy. Phải đổi những mười bát thóc mới được một thỏi bằng ngón tay út.
- Thế à! Tôi thì phải mất đến mười lăm bát.
- Chị mua hồi nào?
- Hồi chạng vạng.
- Phải rồi. Càng về sau, giá càng cao. Tôi mua hồi xế.
- Làm sao chị biết tin sớm thế?

Chị đàn bà bẽn lễn đáp:

- Nhờ cha thằng Chút lén về trước.
- Như vậy là chồng chị về nhà được hai lần.
- Phải. Lần trước về bảo tôi đi mượn bộ quần áo dày, sợ ra bắc mùa này rét.

Chị vợ lính kia lo lắng nói:

- Chồng tôi chẳng mang theo quần áo gì khác ngoài bộ áo lính. Cũng chẳng có thuốc men gì phòng thân. Tôi nghiệp quá. Làm sao tìm anh ấy bây giờ?
- Hay là ta lên núi Bân?
- À phải. Đến đó có lẽ tìm dễ hơn.

Hai người vợ lính vẫn lại tóc, lúp xúp chạy theo đoàn người đang ùn ùn kéo về chân núi Ba Tăng dự lễ đăng quang.

*

* *

Lăng lấy ngựa chạy đến các chỗ quen biết tìm An và các cháu. Không có. Ra bến đò. Không ai biết. Hốt hoảng quên cả suy tính, Lăng chạy vào thành để báo tin cho Chính Bình vương.

Vào thành, Lăng mới thấy mình lầm. Giữa cảnh tấp nập, hối hả chuẩn bị cho hai cuộc lễ trọng diễn ra cùng một lúc (lễ đăng quang và lễ xuất quân chống xâm lăng), xin được gặp Chính Bình vương đã là việc khó. Gặp để nhờ vả chuyện tìm mẹ con An, chao ơi, có thể tưởng tượng được điều gì lố bịch hơn chẳng? Dù hoang mang cực độ, Lăng vẫn không dám hé môi kể cho ai biết chuyện đau khổ riêng.

Trần Văn Kỷ gặp Lăng mừng rỡ reo lên:

- A, tìm được người thích hợp đây rồi. Quan Lễ bộ đang lúng túng chưa biết chọn ai làm cái việc đơn giản mà tối quan trọng này. Chỉ có cậu là thích hợp hơn cả.

Lăng được quan Trung thư kể cho biết các sự việc đang diễn ra: phần điều động binh lính dự lễ đăng quang cũng như xuất quân ngay sau đó, do các đô đốc Đông, Bảo, Lộc và Tuyết, phối hợp với bộ Binh đảm nhiệm. Đô đốc Đông và đô đốc Bảo lo bộ binh, đặc biệt là tượng binh và kỵ binh vì hai binh chủng ấy giữ

vai trò chủ yếu trong buổi lễ và khi xuất phát. Đô đốc Lộc và đô đốc Tuyết phụ trách thủy binh, vừa chỉnh đốn ghe thuyền (kể cả thuyền chở khí giới, lương thực và thuyền bầu chở voi) sẵn sàng ở bến, vừa gửi một bộ phận thủy binh tham dự cuộc lễ. Trung thư đường và bộ Lễ thì phối hợp nhau bố trí tổ chức từ đầu đến cuối lễ đăng quang. Trần Văn Kỷ phải ở lại triều từ sáng hôm 24, thức một đêm trắng, và sáng nay, vẫn còn lo âu vì những yếu tố bất ngờ, có thể làm giảm hiệu quả của buổi lễ.

Lãng được giao cho cái nhiệm vụ được bưng cái mâm bạc trên đó đặt tấm áo cổn và mũ miện của Chính Bình vương. Trần Văn Kỷ vỗ vai Lãng khuyến khích:

- Cả tình lẫn lý, cậu đều xứng đáng để lãnh phận sự vinh quang này. Không có quan nào xứng đáng hơn cậu. Gắng giữ phong thái nghiêm chỉnh nhưng đừng quá gượng ép. Làm sao đi đứng, quì xuống hoặc đứng dậy cho khoan thai, thung dung. Cậu thử bưng cái mâm này đi vài bước cho tôi xem...

Lãng bị cái guồng máy khổng lồ vô hình cuốn hút vào cuộc, không còn chủ động suy nghĩ hoặc lo âu gì nữa. Anh theo các quan bộ Lễ lên núi Ba Tầng, cùng với họ diễn tập nhiều lượt các nghi thức của lễ lên ngôi tại đàn Nam Giao, trí óc ngây ngây như trong một cơn say dài. Lần đầu tiên trong đời, Lãng chờm ngợp trước một khung cảnh bao la, kỳ vĩ chưa từng thấy.

Những cơn mưa đầu mùa đông đã giúp cho lớp cỏ cây thấp trên sườn đồi bỏ lớp áo héo úa, màu lá xanh mơn như tấm thảm vui trải bọc lấy ba vòng đồi. Bảy vạn quân thủy bộ đã tụ họp đông đủ ba mặt dưới đàn Nam Giao. Từ trên chóp Ba Tầng nhìn xuống, trước hết là hăng hà sa số những chấm đen di động liên tục, như một đàn kiến xếp trật tự theo từng vạt vuông vức. Cờ đào nhuộm hồng khoảng cách sát chân đồi, và mỗi khi mặt trời chui ra khỏi những đám mây lác lơ lửng, thì nắng sáng chiếu lên các lườn gươm giáo, biến vùng đất bằng phẳng dưới đó thành một vùng dát bạc lấp lánh.

Trên đàn Nam Giao, màu cờ sắc áo sặc sỡ đập vào mắt Lãng, khiến anh choáng váng diên đảo. Lá cờ đào thật lớn phất phới trên kỳ đài, ngay đỉnh đồi biến mọi vật trên đàn trở nên hồng hào, hớn hờ. Rồi những lá cờ đào hình đuôi nheo cắm quanh lễ đài. Rồi màu áo thêu của phẩm phục đại lễ. Tiếng chiêng, tiếng trống giục giã, hồi đáp, hưởng ứng phụ họa với nhau từ bốn phía. Cuộc sống ngồn ngộn, rục rờ và sôi sục, chói chang hừng hực như ánh sáng và hơi thở mặt trời. Lãng cảm thấy mất mình, tan loãng vào cái chung thành một tiếng trống, một sắc cờ. Anh không thể ý thức rõ rệt đang làm gì, anh bị cuốn hút vào cái vĩ đại chung quanh. Anh vừa rạo rức vì ngoại cảnh, vừa hoang mang lo sợ không thể nào giữ được, từ đây, chút gì riêng tư cho cái thú được lặng lẽ đếm bước chân mình trên đường vắng, cái thú được lạc lõng giữa những cảm giác nhẹ hẫng thanh thoát lúc cô độc. Anh cũng ngỡ ngàng thấy mọi người đối khác. Quan Trung thư có nét mặt bất động như mặt tượng. Quan Lễ bộ đọc bài chiếu lên ngôi với cái giọng trẻ trung phấn kích ít thấy nơi một cụ già quen nhỏ nhẹ. Trên từng khuôn mặt, cái nhìn mọi người đều bừng sáng do một thứ lửa nội tâm nào đó làm sôi các mạch máu. Mỗi người bị màu cờ đào và tiếng chiêng trống giục giã, đều phải rướn cao hơn, cao hơn gấp bội bình thường. Ai nấy đều thắc thỏm, chờ được dẫn tới trước, muốn được vượt qua một trở ngại nào đó, làm được điều gì khác thường. Màu cờ, tiếng chiêng trống càng ngày càng giục giã mạnh mẽ. Chân ngựa nóng nẩy, nện vó một chỗ. Tay người nắm chặt cán giáo để nén một tiếng hò reo quá sớm. Chờ. Chờ. Thời gian như chậm lại. Chính Bình vương và các quan đại thần văn võ

đến. Mọi người nô nức, tưởng cái giờ được vươn cao rướn tới đã đến. Nhưng không. Lại phải chờ. Nghi thức lễ đăng quang chậm chạp hơn mọi người tưởng. Màu cờ thúc giục. Chiêng trống tạm im trong suốt buổi lễ, nên nổi chờ đợi thêm khắc khoải. Cho đến lúc Nguyễn Huệ mặc áo cống mới, tự đội vương miện để chính thức nhận vương hiệu Quang Trung trước trời đất và toàn dân, đứng trên chóp Ba Tầng chỉ về phương bắc ứng khẩu vài lời hô hào giết giặc giữ nước, và tiếp theo đó, trống chiêng từ trên đàn Nam Giao đột ngột nổi lên rộn rã, thì lòng mọi người đều chấn động. Lễ xuất quân bắt đầu.

*

* *

Ba quân nao nức nhìn lên đỉnh Ba Tầng để tìm cho được vua Quang Trung. Mọi người đều nhón chân nghênh cổ để nhìn chếch lên đầu ngọn giáo phía trước. Họ lần lượt thấy một lá cờ đào lớn di chuyển dần từ đàn Nam Giao xuống chân đồi, theo sau có đoàn lễ nhạc đánh chiêng trống và nhiều người lính cầm cờ hiệu. Một chiếc lọng vàng đi giữa hai chiếc lọng khác nhỏ và thấp hơn, cũng dần dần xuống chân đồi. Quân sĩ xôn xao bàn tán, chỉ trở về phía chiếc lọng. Đám rước dừng lại ở chân núi Ba Tầng, ngay chỗ dàn hàng của đội tượng binh. Quân lính mất kiên nhẫn, hàng ngũ bắt đầu lộn xộn. Chợt có lời truyền miệng cho nhau lan khắp các đạo quân:

- Coi chừng hàng ngũ. Hoàng đế sắp tới.

Không ai bảo ai, mọi người đều đứng im tại vị trí cũ, mắt nhìn thẳng tới trước. Tiếng xôn xao cũng dần dần tắt lịm. Chỉ còn nghe tiếng gió thổi vào các lá cờ đào, tiếng ho khê và tiếng ngựa hí lạc lõng. Một lúc sau, có tiếng chân ngựa dồn dập: hoàng đế mặc nhung phục, đeo kiếm, cưỡi con ngựa ô cao lớn, đang dẫn đầu một đoàn các tướng lĩnh và quan đại thần đến tận các đạo quân để thị sát. Đi đến đâu, quân sĩ cũng nô nức reo to: "hoàng đế vạn vạn tuế". Lời hô lan truyền nhanh chóng khắp nơi, vang dội như sấm rền. Vua Quang Trung đi thị sát một lượt, đưa tay vẫy chào các quân sĩ, rồi trở về chỗ quân tượng.

Một phát súng thần công từ trên đỉnh Ba Tầng bắn vang rền, báo hiệu giờ xuất phát. Bộ binh theo đường An Cựu, còn thủy quân thì rẽ theo lối An Lăng qua Phủ Cam trở lại bến thuyền. Mở đầu cuộc xuất quân là các toán quân kỵ. Bụi đường lại tủa mù, từ xa chỉ thấy những đầu ngựa, chóp nón dấu nhấp nhô và những lá cờ đào. Tiếp theo là đoàn quân tượng. Vua Quang Trung chuyển qua ngồi trên bành voi đi giữa hàng quân. Dân chúng hai bên đường được dịp nhìn vị hoàng đế trẻ tuổi uy dũng, không hèn cùng hô to "vạn tuế" khi thót voi ngự đi qua. Cuối cùng là các đạo bộ binh theo đường An Cựu tiến ra bờ nam sông Hương để lần lượt lên thuyền qua bờ bắc.

Vua Quang Trung cùng các đô đốc Long, Bảo và các quan đại thần dừng lại ở bờ nam để quan sát việc đưa quân qua sông. Những người lính, biết hoàng đế đang nhìn họ bước, nên tự chỉnh đốn hàng ngũ, cầm ngay ngọn giáo, tuy trong lòng ao ước được ngoái lại nhìn nhà vua nhưng mắt cứ ngó thẳng phía trước.

Việc đưa lính qua sông hơi chậm, nên chẳng mấy chốc, binh mã dồn lại ở bến thêm đông. Hàng ngũ hơi lộn xộn. Tiếng ồn ào, tiếng ngựa hí, tiếng khí giới va chạm làm rộn cả một bờ sông. Lại thêm dân chúng đổ ra đường để trầm trồ bàn tán về biến cố lịch sử hiếm có ở kinh thành này, hoặc để tìm thân nhân dặn dò gửi gắm lần cuối. Đô đốc Lộc cho huy động tất cả thuyền chiến còn rảnh, để chờ lính bộ qua sông, nhưng

số người còn lại bên bờ nam vẫn lớn.

Đúng vào lúc đó, một toán lính bộ mất kiên nhẫn chờ đợi hoặc được phấn kích vì biết phía sau lưng hoàng đế đang quan sát, đã rủ nhau bơi qua sông. Vài người còn dám cầm theo lá cờ đào. Nhiều đám quân khác bắt chước theo. Số quân còn lại và dân chúng thích thú trước hành động liều lĩnh bất ngờ nổi lên reo hò khuyến khích. Mặt sông Hương lại phát phới cờ đào. Vua Quang Trung truyền lệnh cấm chỉ hành động liều lĩnh nguy hiểm ấy, vì mặt sông quá rộng, lại ở vào mùa nước sâu. Tuy vậy, khi quân sĩ đã qua hết bên kia sông, kiểm điểm quân số, các tướng lĩnh mới biết có khoảng hơn hai mươi người bị chết đuối vì yếu sức không bơi nổi đến bờ bắc.

^[1] *Tiết này dựa theo bài Đàn Nam Giao Tây Sơn tại Huế của Đỗ Bang, đại học tổng hợp Huế, in trong Tây Sơn Nguyễn Huệ, kỷ yếu hội nghị nghiên cứu phong trào nông dân Tây Sơn và anh hùng Nguyễn Huệ của Ty VH và TT Nghĩa-Bình, 1978, từ trang 302-312.*

^[2] *Imbert. Le séjour de l'ambassade de lord Macartey 1793. Idéo Hà nội 1924, trang 28*

Chương 94

Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết đem tin quân Thanh xâm lấn Bắc Hà về Phú Xuân ngày hôm trước, thì vua Quang Trung cấp tốc ra lệnh xuất quân ra bắc ngay hôm sau, 25 tháng 11 Mậu Thân (1788). Ngày 29, đại quân đến Nghệ An. Nhà vua cho dừng quân ở đó những mười ngày, rồi mới tiếp tục tiến ra phòng tuyến Ba Dội. Đô đốc Tuyết không hiểu nguyên nhân sự chùng chình thất thường đó, đem chuyện hỏi đô đốc Bảo. Đô đốc Bảo trả lời:

- Ông không nên cuống quýt như vậy. Ông không nhớ lời hoàng thượng bảo chúng ta hôm 24 hay sao?

[1]

Đô đốc Tuyết bẻ lại:

- Vâng, chúng ta không việc gì mà phải cuống quýt lo sợ. Nhưng tôi ở bắc về, tôi hiểu rõ tình hình hơn các ông. Gấp lắm rồi. Chính Hoàng thượng cũng nhận ra thế, nên vừa lên ngôi xong đã ra lệnh xuất sư. Tại sao bây giờ lại nằm dí ở đây? Có tin gì mới từ Ba Dội đưa về dinh Vĩnh chăng?

Đô đốc Bảo không biết trả lời thế nào, đáp qua quýt với giọng thiếu tin tưởng:

- Có lẽ thế. Hay cái ông đồ Vân trình [2] lại bày vẽ thêm cái trò mới nào đó. Như đem vòng đến Nguyệt ao mời cho được lão già điên đến đây gieo quẻ cát hung chẳng hạn.

Đô đốc Tuyết sáng mắt, hấp tấp nói:

- Đúng rồi. Sáng nay tôi có nghe quan trấn thủ sai lính đem thư đến Nguyệt ao. Đến lúc nào mới thoát khỏi cái nạn ba hoa của bọn văn nhợc đây!

Hai viên võ tướng vội im lặng khi thấy Trần Văn Kỷ vội vã đi về phía chánh đường trấn phủ Nghệ An. Quan Trung thư mỉm cười chào họ, định dừng lại nói vài câu xã giao, nhưng sau đó quyết định bước sâu vào phía trong. Đô đốc Tuyết nói khẽ:

- Hình như đã gieo được quẻ cát. Nét mặt ông già hớn hờ hơn mọi ngày.

Đô đốc Bảo đáp:

- Ông ấy vẫn thế. Khéo xử với mọi người, không ai có thể trách điều gì được, dù khối người trong bụng ghét cay ghét đắng.

- Đâu có! Bùi Đắc Tuyên đã dám mĩa mai ông đồ Kỷ trước mặt Hoàng thượng nhiều lần, ông không nhớ sao?

Đô đốc Bảo cười nhạt:

- Ối! Cái lão Tuyên! Chỉ được việc quanh quẩn giữ nhà.

Đô đốc Tuyết nói:

- Đừng xem thường mà có ngày hối không kịp! Bây giờ lão thành quốc thích rồi đấy. Hạng quanh quẩn xó nhà rảnh việc, lại hay nghĩ ra nhiều chước lạ.

- Ông sợ chẳng?

Đô đốc Tuyết vỗ tay vào bao kiếm đeo ở thắt lưng:

- Từ thời khởi nghiệp, thằng này chưa biết sợ ai. Thời ở Tuy viễn, chính mắt ông đã thấy bọn mãi võ khúm núm trước thằng này như thế nào rồi, ông quên hay sao?

Đô đốc Bảo thấy mình quá lời, vội nói:

- Tôi đùa đấy. Nếu sợ, đã không thành ông đô đốc.

*

* *

Trần thủ Nghệ An, Thận trực hầu Nguyễn Văn Thận vừa đưa La sơn phu tử đến phủ, thì Trần Văn Kỳ đã vội vã ra tận cửa đón khách. Vua Quang Trung đứng dậy ân cần mời Nguyễn Thiếp ngồi lên sập cùng với mình. Nguyễn Thiếp không dám, chỉ ngồi ghé ở góc sập, hai chân bỏ thông xuống đất. Trong một thoáng, hai người cùng quan sát nhau. Vua Quang Trung thấy La sơn phu tử ốm và thấp hơn nửa năm trước, La sơn phu tử thì thấy vua Quang Trung hơi đầy đà, tuy nhiên đôi mắt có vẻ mệt mỏi, dăm chiêu thêm.

Nhà vua trách:

- Hơn nửa năm nay thư đi thư lại nhờ tiên sinh xem giùm đất lập đô, mà tiên sinh cứ tìm có lần lừa mãi. Tại sao thế? Tiên sinh cho rằng quả nhân không đủ danh vị, khả năng để cùng tiên sinh mưu tính việc thiên hạ chăng? Hay là tiên sinh có kế riêng để cứu đời, nhưng chưa có dịp đem ra thi thố?

La sơn phu tử vội chắp tay thưa:

- Tâu Thánh thượng, có lẽ tiện sĩ quá vụng về nghiên bút, nên lời khái đệ lên thánh thượng không được rõ ràng chẳng! Tiện sĩ đâu dám không tuân thánh chỉ. Vì tiện sĩ là con dân xứ Nghệ, từ nhỏ đến già ít khi rời quê hương lâu, nên hiểu khá rõ địa thế sông núi và đời sống dân chúng quanh đây. Quả thực cả Phù Trạch lẫn Yên Trường đều không phải là chỗ đất rộng rãi trù phú để lập đô. Dân Nghệ bao nhiêu năm nay khổ cực vì thiên tai, địch họa...

Vua Quang Trung cắt lời Nguyễn Thiếp:

- Quả nhân đã biết các lý lẽ phu tử trình bày trong tờ khái. Nhưng quả nhân còn đọc được cả ý của phu tử ở chỗ giấy còn trắng. Phu tử không muốn quả nhân lập đô trên đất nhà Lê chứ gì? Tính quả nhân ưa nói thẳng và đã định làm gì thì phải làm cho kỳ được. Lần này, quả nhân muốn nói cùng phu tử cho hết ruột gan về điều phu tử đang canh cánh bên lòng. Vâng, quả nhân còn lạ gì tâm sự ấy nữa. Phu tử nghĩ lại mà xem. Như quả nhân đã viết cho phu tử trong tờ chiếu thánng chín: đế vương mà dấy lên là do mệnh Trời. Quả nhân theo thời dẹp loạn, vốn không phải lấy thiên hạ làm giàu. Ngày trước khi vào Thăng Long, lòng quả nhân không phải không muốn giữ dòng họ Lê để làm rạng việc tốt. Nhưng, xem lại thì thấy các con cháu nhà Lê đều đại hèn, không thể khiến dân chúng theo được. Và lại, mệnh triều Lê đã hết, có muốn phò cũng không thể làm sai được mệnh Trời ^[3]

Càng nói, giọng vua Quang Trung càng đượm vẻ hờn giận, chua chát. Nguyễn Thiếp thấy nhà vua nói đúng tâm sự mình, đâm lúng túng chưa biết trả lời thế nào. Ý vua Quang Trung lại xác quyết, không chừa một kẽ hở để bàn luận. Trần Văn Kỳ ngồi trên cái ghế mây cách xa sập ngự gần hai sải, muốn nói điều gì

để bầu không khí bớt gay go, nhưng không tìm ra ý. May sao, chính nhà vua mở lối bí. Vua Quang Trung cười một tiếng nhỏ, rồi đổi giọng vui mừng, thân mật:

- Thôi. Cãi với nhau xem Nghệ An là đất nhà Lê hay đất Nam hà, bây giờ thành chuyện cũ. Lê tự tôn đã bỏ nước trốn đi, phu tử biết điều đó rồi! Tự hoàng qua tận đất nhà Thanh rước voi về dày mả tổ, điều đó chắc phu tử mới biết đây. Nghệ An, và cả nước Nam này không thuộc nhà Lê nữa. Tự hoàng đã đem dâng hết cho Tôn Sĩ Nghị. Quả nhân định ra bắc giành lại nước Nam khỏi tay giặc Tôn, như Lê Thái tổ đã đuổi giặc Minh trước đây. Mẹo đánh hay giữ, và được hay thua, phu tử nghĩ gìùm xem sao!

La sơn phu tử đáp:

- Quân Thanh ở xa tới, mệt nhọc, không biết tình hình khó dễ thế nào, cái thế nên chiến nên thủ ra sao. Vả lại, chúng cũng có ý khinh địch. Nếu đánh gấp, thì không ngoài mười ngày ta sẽ phá tan. Trì hoãn một chút, e khó lòng thắng được.

Vua Quang Trung vui mừng nói:

- Ý phu tử hợp với quả nhân ^[4]. Đúng như lời cổ nhân thường bảo: "Một lời nói mà dấy nổi cơ đồ". Phải. Lần này quân phải thần tốc mới thắng chúng nó được.

Rồi quay về phía Trần Văn Kỷ, vua Quang Trung nói:

- Quan Trung thư đã sắp sẵn quà chưa?

Trần Văn Kỷ đáp:

- Tâu thánh thượng, đã sẵn rồi ạ.

Nhà vua nói với La sơn phu tử:

- Mấy lần trước, phu tử còn vương mắc, nên từ chối quà biếu Phú Xuân. Lần này chỉ có một chiếc gậy bịt bạc và một mâm đồng, nhất định phu tử không nữa chối từ như trước nữa.

Trần Văn Kỷ đứng dậy, nghiêm chỉnh chờ tiễn Nguyễn Thiếp ra về. Vua Quang Trung gật đầu mỉm cười, kín đáo tiễn khách. Nguyễn Thiếp định sụp xuống lạy, nhưng vua Quang Trung đã nhanh nhẹn rời khỏi sập đến nâng phu tử dậy. Nhà vua đưa Nguyễn Thiếp đi một đoạn, rồi dừng lại. Nguyễn Thiếp theo Trần Văn Kỷ ra khỏi sảnh đường.

Vua Quang Trung kiên nhẫn chờ Trần Văn Kỷ trở lại không được, cứ nôn nao đi đi lại lại trong sảnh đường. Vì thế, Trần Văn Kỷ vừa bước vào, nhà vua đã hấp tấp hỏi:

- Thế nào?

Trần Văn Kỷ vui vẻ thưa:

- Tâu thánh thượng, chẳng những sẵn sàng nhận quà, ông ấy còn nhờ mua hộ quế tốt nữa.

Vua Quang Trung cười lớn, ánh mắt long lanh kiêu hãnh, nói đùa:

- Thế là từ nay hết được nghe biện biệt "quí quốc" với "bản triều" nữa rồi! Ôi chao! Muốn được các thầy đồ công nhận là chính thống, khó quá! Nhất là các thầy đồ Nghệ. Đã khó nhọc như thế thì ông cứ tìm cách loan truyền cho sĩ phu Bắc Hà biết rằng ta đánh quân Thanh theo kế La sơn phu tử nhé. Điều đó, có lợi lắm. Bây giờ có một việc quan trọng hơn là phải xem dân áo vải đất Nghệ phản ứng thế nào trước nạn

ngoại xâm. Ta đã sai Hán hồ hầu cấp tuyển quân, cứ ba dân đình thì lấy một. Nếu dân áo vải Nghệ An hưởng ứng nhập ngũ, thì lời phỏng đoán mười ngày của La sơn phu tử nhất định phải ứng nghiệm. Chờ xem!

*

* *

Lăng được biệt phái sang bộ phận tuyển binh của Hán hồ hầu, phụ trách địa điểm thu quân ở phủ Hưng Nguyên. Tình thân thiết lâu ngày giữa anh và nhà vua đã giúp Lăng thắng thế trong cuộc tranh luận sôi nổi ở ban tham mưu trưng binh, về việc lựa chọn giải pháp nào có hiệu quả nhất.

Các phụ tá thân cận của Hán hồ hầu đều xuất thân nhà võ, nên tin tưởng vào các biện pháp mạnh bạo. Nội trong vài ngày phải lấy đủ một phần ba số dân đình Nghệ An làm lính, công việc ấy đâu phải dễ. Giao thông khó khăn, guồng máy hành chánh ở đây còn non yếu; phần lớn các chức sắc bị giao việc đều thối chí trong chân ngoài, quen tìm kiếm những thế đứng vô hại để lờ thời thế có thay đổi cũng không đến nỗi chuốc vạ. Quá nhiều làng xóm giáp ranh với rừng núi, thuận lợi cho những kẻ trốn lính. Cho nên nhiều võ quan đề nghị Hán hồ hầu cấp chó cho các toán tuyển binh đi săn kẻ trốn lính trong các khu rừng, đồng thời cấp thêm giáo, cuốc chia để họ xăm vào các đồng rơm tóm gọn bọn nhút nhát ^[5]

Lăng cương quyết bác bỏ các biện pháp thô bạo ấy, anh nhắc cho các võ quan nhớ rằng: khi vua Quang Trung sai Thận trực hầu đích thân đi mời La sơn phu tử đến vấn kế diệt giặc, nhà vua đã đặt hết tin tưởng vào lòng yêu nước của sĩ dân Nghệ An, quê hương của nhà vua. Chính nhà vua cũng đã quyết định dời đô về đây, vì tin tưởng ở thiên thời, địa lợi và nhân hòa qui tụ ở đất này. Dùng các biện pháp thô bạo ở một nơi sắp trở thành thang mộc ấp là một xúc phạm không thể tha thứ. Các võ quan nghe Lăng nói vậy, bắt đầu lo sợ, nhưng chưa tin rằng có thể tìm được giải pháp nào khác. Lăng thuyết phục họ bằng cách nhắc đến tinh thần yêu nước vốn là truyền thống của dân tộc trước các hiểm họa ngoại xâm. Nhà Trần nhờ thế thắng Nguyên Mông, nhà Lê đuổi được giặc Minh. Không nói đâu xa, chính nhờ lòng yêu nước mà các võ quan hiện diện đã tham dự vào chiến thắng oanh liệt ở Rạch Gầm, Xoài Mút. Tinh thần hăng hái của ba quân gốc Thuận, Quảng hôm lễ xuất sư là một bằng chứng khác. Dù ở đâu, bất cứ lúc nào, hễ một người dân nước Nam nghe tin đất nước bị xâm lấn, thì kẻ bạc nhược nhất cũng bật dậy căm giận và trở thành chiến sĩ.

Các võ quan bẻ lại, bằng cách đưa ra các đám cần vương hoạt động âm ỉ, rải rác ở Thanh Nghệ, lòng hoài Lê của đám cựu binh cũ và các gia đình vọng tộc mấy đời là công thần của vua Lê chúa Trịnh. Nếu sĩ dân Thanh Nghệ có vẻ chịu khuất phục như hiện nay, không phải vì lòng họ thành thực đón nhận vận hội mới, mà chỉ vì sợ hãi lưỡi gươm bén. Nguyễn Hữu Chỉnh thất cơ lỡ vận như vậy, nhưng nhờ đám mạnh tay đao, đã chiêu mộ được cả một đạo binh xứ Nghệ, để trở lại làm rúng động Thăng Long.

Lăng đáp:

- Các vị chưa dám trọn tin dân Thanh Nghệ cũng phải. Mới thoát nhìn, ta thấy đâu đâu cũng có dấu hiệu phản trắc, hoặc nhẹ hơn nữa, là dấu hiệu hờ hững. Nhưng quý vị nghĩ lại mà xem: Người dân Nghệ

nào không biết đến lai lịch của các cổ tích họ từng hành diện từ lúc lọt lòng: nào thành Bình Ngô, thành Lục niên nơi vua Lê Thái tổ chiến thắng giặc Minh. Dấu tích thời Minh thuộc ô nhục cũng còn đó: thành Hùng sơn ở Hưng Nguyên do Trương Phụ đắp, thành Cự lại cũng do tướng Minh đắp. Chưa có nơi nào dấu vết thời bắc thuộc và dấu vết cuộc tranh đấu chống ngoại xâm rõ ràng, hiển hiện như ở đây. Đó là chưa kể một niềm hãnh diện thật mới: nhà vua gốc gác ở ngay đây, phủ Hưng nguyên. Chỉ cần khơi dậy truyền thống chống xâm lăng của sĩ dân địa phương, cùng niềm tự hào là đồng hương của hoàng đế, tôi tin cuộc tuyển binh sẽ rất thành công. Quý vị khỏi phải dùng đến chó săn và cuộc chia.

Những gì xảy ra sau đó chứng thực niềm tin của Lãng. Lệnh tuyển binh vừa ban ra, cả Nghệ An, từ biển lên rừng, đều rộn rã. Chẳng mấy chốc, các điểm thu quân đông nghẹt. Lãng phải nhờ Hán hổ hầu gửi thêm người mới giải tỏa được bớt số thủ tục bị ứ đọng. Ban đầu, anh đặt bàn ghi danh các tân binh trong phủ l. Càng lúc số thanh niên đầu quân kéo đến càng đông, chưa kể cha mẹ, vợ con đi theo tiễn đưa. Quá ngọt ngào vì hơi mồ hôi, Lãng phải cho dời nơi ghi danh ra sân phủ. Công việc vẫn chưa thông vì nhiều ngoại lệ bất ngờ, các chức việc không giải quyết nổi. Lãng phải đích thân khiêng bàn đến chỗ sân trống để giải quyết các trường hợp đặc biệt.

Một người mẹ đến xin cho đứa con trai mười bốn tuổi được về nhà để trông nom đàn trâu. Cậu bé chưa có tên trong sổ đinh, nhưng đã đội một tên khác và khai gian thêm tuổi để tòng quân. Một thanh niên trạc trên dưới hai mươi tuổi bản khoản không biết nếu sung quân kỳ này, quan trấn thủ có bắt tội biếng nhác hay không. Anh là thợ mộc và đã được Thận trực hầu gọi đến sung vào đoàn thợ chuẩn bị xây dựng hành cung tại Yên Trường.

Một người cha đến khiếu nại xã quan ở địa phương cố ý chèn ép mình. Lãng hỏi rõ, mới biết ông là lính tam phủ trước đây. Đứa con trai độc nhất của ông đang bị lở loét nặng ở gót chân, nên xã quan không ghi tên vào danh sách tuyển binh. Người lính tam phủ xin đi thay con, bị từ chối, tức giận, lên tận phủ l để khiếu nại.

Lãng hỏi:

- Con của bác bị đau chân, người ta không gọi lính, việc gì bác phải xin đi thay cho rắc rối?

Người lính tam phủ đáp:

- Nhưng người ta sẽ bảo là gia đình tôi còn có cảm tình với cựu triều. Nhà nào cũng có người tham gia đánh giặc Thanh cả, chỉ riêng nhà tôi là không có ai.

- Con bác được miễn, chứ có phải trốn đâu?

- Biết thế. Nhưng vẫn thế nào ấy.

- Thế xã quan bảo với bác thế nào? Tại sao từ chối? Bác đã quá tuổi chưa?

- Chưa. Tôi vẫn còn khỏe mạnh. Cái ông rậm râu ở xã còn nói nhiều điều xúc phạm đến danh dự tôi nữa.

Lãng tò mò hỏi:

- Cái ông rậm râu? Ông ấy nói gì?

- Lão ta bảo: Anh là kiêu binh, theo quân để trở lại Thăng Long phá nát phố phường người ta ra

phỏng?

Lăng không giữ ý được, bật cười. Người lính tam phủ cau mày khó chịu. Lăng cố an ủi bác ta:

- Một con sâu làm rầu cả nồi canh, phải chịu thôi, bác ạ. Quả tình trước đây bạn bè của bác cũng quá quắt lắm, điều đó ai cũng biết. Chỉ có điều ít ai biết là bác khác người ta. Nhưng thôi, chuyện đời xưa nay vẫn thế. Tôi hỏi thật nhé, ngoài mong muốn được giết giặc, bác cố kéo nài sung quân, phải có lý do thầm kín nào khác chứ?

Người lính tam phủ bối rối trông thấy. Da mặt bác đỏ lên, mắt tránh nhìn thẳng vào mắt Lăng. Lăng cười, nói:

- Bác nói thật, tôi sẽ cho bác sung quân.

Bác ta mừng rỡ, nói:

- Chẳng giấu gì ông, tôi nhớ Thăng Long quá. Cả thời son trẻ của tôi, ông hiểu. Tôi có thể kể tỉ mỉ từng nhà ở phố nào có cánh cửa ra sao, sân trước, rào giậu cao thấp rộng hẹp thế nào. Ra nhìn lại một lần, chết cũng mát ruột.

- Lý lẽ ấy chưa đủ. Còn gì khác nữa cơ!

Người lính cũ càng bối rối hơn. Bác quanh co một lúc, cuối cùng thú nhận:

- Trước kia thời làm lính Nhưng kiệu, ông biết, tôi cũng có số đào hoa lắm. Bạn bè tôi thì lăng nhăng bừa bãi, riêng tôi thì tính chuyện lâu dài. Cô ấy đã có với tôi một mụn con. Sau loạn tam phủ, tôi chạy về đây, không biết mẹ con thế nào.

Lăng xoa tay nói:

- Được rồi. Tôi giúp cho bác đoàn tụ gia đình. Nhưng, muốn vào Thăng Long phải đánh nhau với giặc đấy. Và nhớ không được quên trở lại Nghệ đấy nhé!

*

* *

Chỉ trong vài ngày, Hán hổ hầu đã tuyển được hơn ba vạn tân binh. Cộng thêm với quân lính tinh nhuệ gốc Thuận Quảng, Quang Trung đã có một đạo quân đông hơn mười vạn, chưa kể kỵ binh, thủy binh và một đội tượng binh gồm vài trăm voi chiến.

Nhà vua chia quân ra làm năm doanh: tiền quân, hậu quân, tả quân, hữu quân và trung quân. Binh lính mới tuyển ở Nghệ An sung vào trung quân, đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của vua Quang Trung. Sau khi sắp xếp xong đội ngũ, nhà vua cho tổ chức một cuộc duyệt binh lớn tại trấn doanh Nghệ An. Khi Trần Văn Kỷ, Hán hổ hầu và đô đốc Bảo vào mời vua Quang Trung ra trước thềm dinh để tướng sĩ được ra mắt, nhà vua vui tươi hỏi quan Trung thư lệnh:

- Ông đã thấy dân áo vải chân đất hưởng ứng lệnh tuyển binh ra sao rồi chứ? Đâu có nhì nhằng như mấy ông đồ Nghệ! Có phải vì các ông đồ thuộc lòng sách Tàu nên e ngại không dám chống Tàu chăng?

Trần Văn Kỷ nghiêm mặt, kính cẩn gật đầu. Trong thâm tâm, ông hơi phật lòng vì giọng chế giễu nhà nho của vua Quang Trung, tuy những điều nhà vua nói không phải không đúng. Nhà vua lại quay về phía Hán hổ hầu hỏi:

- Đủ một phần ba số dinh chưa?

Hán hồ hầu kiêu hãnh đáp:

- Tâu Hoàng thượng, có dư thêm một ít đấy ạ.

Quang Trung cười:

- Dư à! Lấy gạo đâu để nuôi số dư đó. Ông lo hết nhé? Nghe nói ông định dùng chó săn để tìm lính phải không?

Hán hồ hầu bối rối đáp:

- Tâu Hoàng thượng, lúc đầu vì...

Nhà vua gạt đi:

- Ta không trách đâu. Nhưng phải nhớ không phải lúc nào cũng cần đến lưỡi kiếm. Mọi sự ngoài dinh xong xuôi cả chứ, đô đốc Bảo?

Đô đốc Bảo nghiêng mình nói:

- Vâng ạ.

Vua Quang Trung vừa ra đến thềm dinh, thì ba quân đồng loạt tung hô vạn tuế vang động cả một góc trời. Nhà vua mỉm cười nhìn khắp năm doanh, chờ cho tất cả đều im lặng, mới thân mật hỏi:

- Các người đứng lâu như thế có mỏi chân không?

Không ai dám trả lời rõ ràng. Từ thềm dinh trấn Nghệ An, nhà vua chỉ nghe một tiếng lao xao đáp lại. Nhà vua đưa tay ra trước bảo mọi người:

- Cho phép các người ngồi xuống cho đỡ mỏi.

Tiếng lao xao rộn rã vì mừng vui và khâm phục. Khi ba quân đã ngồi yên ngay ngắn, nhà vua mới nói:

- Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện chúng ở Thăng Long, các người đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao nấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương nam phương bắc chia nhau mà cai trị. Người phương bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vợ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái tổ, các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương bắc. Ở các thời ấy, bắc nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ đời nhà Đinh đến đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng.

Các người đều là kẻ có lương tri lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị giết chết ngay tức khắc. Ta không tha một ai. Lúc đó chớ bảo là ta không nói trước

Vua Quang Trung nói xong, tất cả đều im phăng phắc. Rồi đột nhiên không ai bảo ai, từ rụt rè đến sôi nổi, tất cả mọi người đều dùng hết sức mình hô to: "vạn tuế, vạn tuế".

Nhà vua vui mừng, quay lại nói với Trần Văn Kỳ:

- Cái hạn mười ngày của La sơn phu tử chắc sai rồi. Không đến mười ngày đâu, ông Kỳ ạ!

Hôm sau, vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân ra phòng tuyến Ba Dội, Biện Sơn.

[1] Nguyễn Huệ bình tĩnh và tươi cười nói: "Việc gì mà cuống quýt lên vậy. Chúng nó tự đi tới chỗ chết, ta hãy cứ lên ngôi làm cho danh nghĩa quang minh chính đại để ràng buộc lấy lòng người trong nam ngoài bắc trước đã, rồi sẽ ra bắt sống chúng nó cũng chưa muộn gì". (Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 47, trang 40).

[2] Trần Văn Kỳ người làng Vân Trình, huyện Phong Điền, Thừa Thiên.

[3] Dựa theo La sơn phu tử, Hoàng Xuân Hãn, trang 123.

[4] Dựa theo Hoàng Lê nhất thống chí, Lê quý kỷ sự do Hoàng Xuân Hãn trích trong La Sơn phu tử trang 129, 130.

[5] Thư giáo sĩ Longer gửi cho Julliard (A. Launay, III, trang 238)

[6] Hoàng Lê (bản dịch Hà nội, trang 359, 360).

Chương 95

Dù đô đốc Tuyết đã nhắc đi nhắc lại rằng vua Quang Trung không hề giận dữ khi nghe tin quân Bắc Hà đã rút lui về Ba Dội, Ngô Văn Sở vẫn hoang mang e ngại khi phải ra mắt nhà vua. Quan đại tư mã chùng chình chờ đủ mặt nội hầu Phan Văn Lân và thị lang Ngô Thì Nhậm mới chịu cùng đến gặp Nguyễn Huệ. Nhà vua không chờ cả ba yên vị, đã cau mặt trách:

- "Các người đem thân đi theo việc binh, đã lên ngôi tướng sủy, ta đã giao cho tất cả mười một tuyên, lại cho tùy nghi làm việc. Giặc đến chưa đánh trận nào, mới nghe thấy tiếng đã ù chạy. Binh pháp nói rằng: "Quân thua thì chém tướng". Tội các người đáng chết một vạn lần mới xứng"^[1]

Lúc đó Phan Văn Lân và Ngô Thì Nhậm còn trù trừ chưa biết ngồi chỗ nào, còn quan đại tư mã thấy nhà vua liếc về phía cái trường kỷ gỗ lim đặt trước sập, tưởng vua Quang Trung cho phép ngồi, đã định ghé xuống góc ngoài. Nghe vua trách cứ, Ngô Văn Sở vội đứng thẳng dậy. Cả ba người đứng trân, hồi hộp chờ đợi cơn bão kế tiếp. Trong phòng, có thể nghe cả tiếng gió thổi vi vút qua đám lá thông bên kia cửa sổ. Trừ Ngô Thì Nhậm dám nhìn thẳng về phía trước mặt, hai viên võ tướng kia cúi gằm mặt xuống. Đúng lúc căng thẳng ấy, Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân nghe giọng nhà vua dịu lại:

Nhưng ta nghĩ rằng: Các người đều là kiện tướng, tự nhiên gặp giặc là đánh, sợ đến lúc lâm cơ ứng biến thì không đủ tài. Trước kia ta phải để Ngô học sĩ ở lại cộng sự với các người chính là lo sẵn chỗ đó. Bắc Hà mới yên, lòng người chưa qui phục. Thăng Long lại là một thành trống trải có thể bị đánh bốn mặt, sông núi không có chỗ nào có thể nương tựa. Năm trước ta ra đó, quả nhiên chúa Trịnh không thể chống nổi. Đó là chứng nghiệm. Các người đóng quân trợ trợ ở đấy, quân Thanh kéo sang, người Bắc Hà nào cũng có thể làm nội ứng cho chúng, thì các người nhắc chân nhắc tay sao được? Chịu nhin để tránh sức mạnh ban đầu của chúng, đành phải chinh đồn đội ngũ rút về giữ chỗ hiểm yếu, trong thì khiến cho lòng quân kích thích, ngoài thì khiến cho giặc kiêu căng, đó là một kế rất hay. Khi mới nghe nói, ta đã đoán là Ngô học sĩ đây chủ trương. Lúc hỏi ông Tuyết, thì quả đúng như vậy.

Ngô Thì Nhậm cảm động đến ngạt thở, tiến tới trước một bước, lạy tạ hai lạy. Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân cũng mừng rỡ, ngược lên hướng về phía nhà vua cười lỏn lẻn, rồi nhớ đến nghi thức cần có, vội nghiêm mặt lại. Da mặt cả hai đều ửng hồng. Nhà vua trở chiếc tràng kỷ và một cái ghế gỗ trước mặt, ân cần nói:

- Các người ngồi xuống đi. Ngô thị lang, ông ngồi phía bên này. Nghe nói ông với Phan thị lang đã bị tên "rước voi công rắn" đó truất hết quan tước, về quê làm thứ dân, gánh vác sai dịch, có không?

Ngô Thì Nhậm đáp:

- Tâu Hoàng thượng, sự thực có như thế.

Vua Quang Trung cười lớn và nói:

- Quan tước cựu triều các ông đã vứt trả từ lâu rồi, có còn đâu nữa mà truất? Những ai cùng chịu nạn

với ông?

- Tâu Hoàng thượng: hai vị lão thần Nguyễn Hoàn và Phan Lê Phiên vì đã ra trình diện ở bộ Lễ trước đây, Trương Đăng Quĩ theo hộ giá nửa đường lại bỏ nên cả ba bị biếm xuống làm chức tư huấn. Nguyễn Quĩ Nha, Trần Bá Lãm, Vũ Huy Tấn viết thư nói việc Sùng nhượng công đã làm giám quốc theo kế hoãn binh của quan đại tư mã, nên bị hạ ngục. Ngoài ra còn có ba vị hoàng thúc từng cộng tác với chúng ta, có vị gả con cho quan Tây Sơn, nên bị chặt chân vất ra chợ cung.

Vua Quang Trung nhíu mày hỏi:

- Tự hoàng trẻ tuổi, nhút nhát, mà dám làm những việc ác độc như thế à?

Ngô Văn Sở chen vào đáp:

- Bẩm Tướng công, việc gì hãn cũng nghe theo lời xúi giục của Lê Quýnh.

Vua Quang Trung hỏi liền:

- Lê Quýnh, tên nào thế?

Ngô Văn Sở liếc về phía Ngô Thì Nhậm, nhường lời cho quan thị lang vì biết mình không thể thông thạo nhân sĩ Bắc Hà cho bằng Nhậm. Ngô Thì Nhậm đáp:

- Tâu Hoàng thượng, Quýnh quê ở làng Đại Mão, huyện Siêu Loại, vốn là tay phong lưu công tử khi trẻ chỉ biết uống rượu đánh bạc, văn sự võ bị đều ít luyện tập. Trước đây vì là con nhà quyền quý, nên được làm gia thần của vua Lê. Đến hồi quân ta kéo ra, vua Lê sai Quýnh đi hầu thái hậu chạy lên Cao Bằng. Vì bị đuổi gắt không thể không chạy sang Tàu, Quýnh có hơi biết chữ nghĩa, cho nên lúc nói chuyện với người Tàu, thốt ra nhiều câu ba hoa khoác lác. Sĩ Nghị không xét chỗ đó, liền đem lời Quýnh tâu lên. May được vua Thanh ửng chuẩn. Cả bọn theo gót quân Thanh về nước, từ đó Quýnh tự cho đó là công của mình. Sau khi về đến Thăng Long, Quýnh liền ra sức báo ân báo oán, ăn đút ăn lót, làm nhiều việc chẳng ra gì. Hết thầy hào kiệt đều không thích Quýnh, nhưng vua Lê vì thấy Quýnh có công, nên mới giao cho hãn
[2]
năm binh quyền

Vua Quang Trung gật gù, rồi nói:

- Thời suy yếu nào cũng nảy sinh bọn ăn hại đó. Luật trời buộc phải như vậy. Tôn Sĩ Nghị có tin hãn không?

Ngô Thì Nhậm đáp:

- Tâu Hoàng thượng, hãn dắt Nghị về cho vua Lê nên muốn truyền gì, Nghị cũng nói qua hãn. Ngược lại, đi đâu vua Lê cũng dắt hãn theo. Ngày ngày tan buổi hầu, vua Lê tự đến dinh Nghị ở bờ sông Phú lương, chờ nghe việc quân quốc. Lần nào cũng vậy, vua Lê cưỡi ngựa đi trước, Lê Quýnh đi sau, quân lính theo hầu chỉ vài chục tên. Người trong kinh thành không ai biết đó là vua Lê. Những ai biết thì đều lắc đầu ngao ngán, than rằng: Nước Nam từ khi có đế có vương đến nay, chưa thấy bao giờ có ông vua luôn cúi đầu hèn như thế.

Vua Quang Trung mỉm cười, nói chậm:

- Tốt. Tốt lắm. Tự hoàng do tay ta gây dựng nên, làm gì ta không biết sức hãn đến đâu. Hãn yếu đuổi

quá, nên luôn luôn phải tìm một chỗ dựa, mới yên tâm. Ta không ngạc nhiên khi thấy trên các tờ hịch chiêu mộ nghĩa quân của hãn không đề niên hiệu Chiêu Thống, mà lại đề Càn Long. Làm như nước Nam này trở thành quận huyện của triều Thanh rồi!

Có lẽ tự nhận thấy từ đầu đến giờ chỉ hỏi Ngô Thì Nhậm khiến hai viên võ tướng thân cận ngồi không yên trên tràng kỷ, nên vua Quang Trung quay về phía Sở và Lân hỏi:

- Còn tình hình quân Thanh thế nào, các ông có nắm được không?

Ngô Văn Sở vội đáp:

- Bẩm Tướng công... tâu Hoàng thượng, quân Thanh ở các đồn tự tiện bỏ cả đội ngũ, lang thang ra ngoài, không còn ước thúc gì nữa! Có kẻ đi ra khỏi thành đến hơn mười dặm để kiếm củi đun, có kẻ đi chợ búa mua bán với dân gian, sớm đi tối về là thường. Tướng sĩ thì ngày ngày chơi bời ăn uống, chẳng nhìn gì đến việc quân. Hễ ai nhắc đến việc quân ta đang mài gươm ở đây, thì chúng đáp: "Chúng nó như cá chấu, chim lồng, sống sót ngày nào hay ngày ấy, không đáng nói đến. Theo quân lệnh của quan lớn Đốc bộ (Tôn Sĩ Nghị), sang xuân, mồng sáu tháng giêng, mới kéo quân thẳng vào sào huyệt Tây Sơn. Lúc đó, đảng giặc sẽ lần lượt làm tù, không đứa nào sống sót"^[3]

Vua Quang Trung đưa tay ngăn Sở nói tiếp, hỏi dồn:

- Mồng sáu tháng giêng? Chúng nó nói khoác hay là có tin chắc chắn?

Ngô Văn Sở ngược cao mặt, đáp rõ:

- Bẩm... tâu Hoàng thượng, tin ấy chắc chắn.

Nhà vua chồm tới trước hỏi:

- Ông dựa vào đâu khác không? Chẳng lẽ cả tin vào lời bọn say rượu nói khoác?

- Tâu Hoàng thượng, tin thám tử từ Thăng Long báo về cũng nói y như thế. Thấy quân Thanh chùng chình mãi, bọn cựu triều từng rước quân Thanh về cho Chiêu Thống cũng phải đâm sọt ruột. Nghe đâu... (Sở ngập ngừng, liếc về phía Ngô Thì Nhậm, do dự một chập, rồi mím môi nói tiếp) có một viên quan từng làm phó hiến ở Kinh bắc^[4] dừng sớ thúc giục Chiêu Thống nên tốc chiến. Chiêu Thống cuống lên, sai Lê Quýnh vào thưa lại với Sĩ Nghị. Nghị mắng cho một chập, sau đó vẫn án binh bất động. Về sau, thái hậu lại giục. Đích thân Chiêu Thống cùng Lê Quýnh vào dinh khẩn khoản xin Nghị ra quân. Nghị lại mắng như tát nước cho một trận nữa, rồi hẹn đến mồng sáu năm mới sẽ xuất sư.

Vua Quang Trung trầm ngâm một lúc thật lâu, miệng lẩm bẩm: "mồng sáu tháng giêng... mồng sáu tháng giêng". Cả phòng im lặng. Thật lâu về sau, đột nhiên nhà vua hỏi Sở:

- Còn dân chúng thì thế nào? Ông có chú ý đến lòng dân đối với chúng nó hay không?

Ngô Văn Sở đáp:

- Tâu Hoàng thượng, dân chúng oán ghét quân Thanh và bọn bán nước vô cùng.

Vua Quang Trung cắt lời Sở, hỏi:

- Ông suy bụng ông phải không?

Sở liền đáp:

- Tâu... không ạ. Duyên do lòng oán ghét đó rất rõ ràng đơn giản. Quân Thanh qua đây đông, "đường tiếp tế lương thực thì xa, nên bao nhiêu lương tiền vua Lê thu được của dân đều đem cung đốn cho họ hết sạch"^[5]

Nội hầu Phan Văn Lân cũng mạnh dạn thêm lời:

- Hơn nữa, bọn khách trú cũng lộng hành quá lắm. ở phường Hà khẩu trong kinh thành, ở phố Cơ xá của trấn Kinh bắc, và phố Hiến của trấn Sơn nam, khách trú có hơn một vạn. Chúng đều theo quân của Nghị, thành lập hẳn một trại riêng. Bọn đó biết tiếng Nam, nên hằng ngày cho lòng bắt những ai từng làm việc cho chúng ta đem về khảo của, cướp hết tiền bạc rồi giết đi. Mỗi ngày số nạn nhân lên đến ba bốn chục. Ai có máu mặt giàu có, là bị chúng đặt điều vu hãm để chiếm đoạt tài sản. Nhiều hôm, chúng dám cướp bóc, hãm hiếp đàn bà con gái ngay giữa chợ, không kiêng nể ai cả!

Vua Quang Trung bậm môi, giận dữ nói lớn:

- Quân bất nhân, chúng nó tưởng Trời không có mắt ư! Các ông họp quân sĩ lại kể hết cho họ biết.

Rồi hạ thấp giọng, nhà vua ân cần bảo cả ba người:

- "Nay ta tự coi đốc tướng sĩ, phương lược tiến đánh đã tính sẵn rồi. Chẳng qua mười ngày có thể đuổi được giặc Thanh. Nhưng ta nghĩ: nó là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua trận, thế nào cũng hổ thẹn nên cố báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, thật không phải phúc cho dân. Lòng ta không nỡ làm vậy. Tới lúc đó, chỉ có một cách nói cho khéo thì mới ngăn được cái ngòi chiến tranh. Việc ấy, phi Ngô thị lang đây không ai làm nổi. Đợi mười năm nữa, ta đủ thì giờ gây nuôi, nước giàu thêm quân mạnh thêm, thì ta có sợ gì nó!"^[6]

Một lần nữa, Ngô Thị Nhậm cảm thấy máu dồn rạo rức trong người, hai thái dương nóng bừng. Mắt ông hơi hoa, nên hình ảnh vị hoàng đế trẻ tuổi uy dũng đang ngồi chống tay lên gối mỉm cười trước mặt ông hơi nhoè, và lung linh. Một thứ cảm giác ngây ngất như say rượu xâm chiếm toàn thân Nhậm. Ông nhìn đắm đắm về phía vua Quang Trung, mắt rục sáng, nhưng cổ họng ông nghẹn nên ông không thể nói được câu nào. Quan đại tư mã chấp tay thưa:

- "Hoàng thượng thật là lo xa, chúng tôi ngu đần không thể nghĩ tới chỗ đó. Hiện nay phương lược tiến đánh ra sao, dám xin Hoàng thượng chỉ bảo, để chúng tôi tuân lệnh mà làm"^[7]

Nhà vua cười to, bảo:

- Vội gì. Tối nay họp tất cả các tướng, ta sẽ nói kỹ hơn.

*

* *

Một điều khác thường có thật, là từ hôm xuất sư, đây là lần đầu tiên Lãng được nói chuyện với Nguyễn Huệ. Hôm 25 tháng mười một, Nguyễn Huệ kinh ngạc khi thấy Lãng mặc lễ phục bưng chiếc mâm bạc đựng áo cổn và mũ miện. Nhà vua không có dịp hỏi tại sao Lãng có mặt trong lễ đăng quang. Sau lễ, mọi sự xảy đến dồn dập; bị cuốn vào biển cổ lịch sử sôi sục cuồng nộ, với nhịp chiêng trống giục giã, tiếng ngựa hí voi thét, với cảnh quân sĩ ùn ùn tiến ra phía trước như nước lũ, chính vua Quang Trung cũng

cảm thấy mình mất mình. Nhà vua quên cả đói khát, đầu lúc nào cũng ngây say, lòng nôn nao. Không phải vì mệt nhọc mà ban đêm nhà vua trăn trở không an giấc. Nhà vua cảm thấy có một cái gì thật lớn lao đang thành hình, như một cơn bão, hoặc một trận lụt lớn. Cái gì làm lay đổ đến tận gốc những nền móng cổ cự, và dựng nên một trật tự mới, cái gì vượt quá sức tưởng tượng của nhà vua!

Giữa tâm trạng đó, Nguyễn Huệ còn tâm trí đâu để nhớ đến một thắc mắc nhỏ: thắc mắc về Lãng.

Cho nên dù đôi ba lần nhà vua có thấy Lãng giữa các tướng sĩ, hoặc giữa các cận thần, nhà vua vẫn không xem đó là điều bất thường.

Phải đến buổi chiều hôm ấy, một mình gặp Lãng trước doanh trại chỉ huy, vua Quang Trung mới nhận thức được hết sự khác thường. Lãng thấy nhà vua chấp tay sau lưng lững thững đi về phía mình, đã muốn tìm cách lánh sang hướng khác. Nhưng muộn rồi. Vua Quang Trung trông thấy Lãng, sau một thoáng ngỡ ngàng, đã thân mật gọi Lãng đến hỏi:

- Cậu đấy ư? Có việc gì không?

Lãng lúng túng và sợ hãi, lí nhí đáp:

- Tâu Hoàng thượng, thần...

Nhà vua cắt lời Lãng:

- Thôi, khỏi phải tâu bẩm gì cả. Nói chuyện bình thường như trước kia đi. Cậu xếp đặt xong được việc nhà để theo quân được sao?

Lãng ngược nhìn nhà vua, không dám đáp ngay câu hỏi. Thấy Lãng vẫn còn lúng túng, gần như sợ sệt, vua Quang Trung cười:

- Làm gì như gà mắc đẻ thế? Tại sao Lãng không tự nhiên được với ta như trước đây? Ta đổi khác chăng?

Lãng cúi mặt, đáp nhỏ:

- Tâu... bẩm không phải thế.

Giọng nhà vua dịu dàng hơn:

- Hay vì vụ đó mà cậu giận ta?

Lãng xúc động, đánh bạo ngược lên hỏi:

- Hoàng thượng đã biết gì chưa?

- Biết gì?

- Chị ấy đã dẫn hai con trốn khỏi Phú Xuân rồi!

Vua Quang Trung đang mỉm cười, chợt đổi sắc mặt. Nhà vua nhìn đắm đắm vào mắt Lãng, hy vọng vừa có một điều lầm lẫn nào đó. Hai người e ngại nhìn nhau, không ai nói gì. Một lúc sau, vua Quang Trung hỏi, vừa e sợ vừa hy vọng:

- Thật thế ư? Sao lại trốn?

Lãng đáp, giọng lạc đi vì xúc động:

- Tối hôm ấy, trước lễ đăng quang một ngày, chị ấy có vẻ nguôi nguôi. Chị ấy cam đoan sẽ cố gắng quên hết, để nuôi con. Nhưng...

Nhà vua bức dọc hỏi:

- Sao Lãng không báo cho ta ngay?

Lãng thú thật:

- Dạ hôm sau là ngày đại lễ...

- Lãng có gặp ta trên đàn Nam giao mà! Sao không báo cho ta biết ngay lúc ấy?

Lãng im lặng, không biết trả lời thế nào. Nhà vua càng bức dọc hơn, giọng hỏi gay gắt:

- Ta đã nhờ cậu việc gì, cậu nhớ không? Thấy cậu dự lễ lên ngôi rồi đi theo quân, ta tưởng mọi sự đều êm đẹp. Ai ngờ... sao cậu không ở lại để tìm cho ra tông tích? Ai buộc cậu theo quân đâu?

Lãng đáp nhỏ, như sợ Nguyễn Huệ nghe thấy:

- Sáng hôm ấy, tôi đã tìm khắp cả nhưng không thấy được gì. Chỗ quen biết cũ, ở bến đò, kể cả các quán trạm ngoại thành.

- Nhưng trước đó, cô ấy có nói gì về ta không?

Lãng không dám thuật lại những lời chua chát của An, nên đáp:

- Thưa không.

- Hay là... cả ba mẹ con đã đại đột...

Lãng hiểu ý, vội nói:

- Thưa có lẽ không đến nỗi thế. Chị ấy thương con, không bao giờ dám liều thân thế đâu.

Vua Quang Trung ray rứt không đứng yên được một chỗ, bỏ Lãng đứng một mình, cúi đầu chấp tay sau lưng đi qua đi lại suy nghĩ. Nhà vua dừng lại trước Lãng, do dự, rồi hỏi:

- Hay cậu quay trở lại Phú Xuân được không? Nhưng... chậm quá rồi. Mồng sáu tháng giêng... Mồng sáu... Chờ đến mồng sáu năm mới... Ý cậu thế nào?

Lãng nhớ lời chị, cảm động, giọng nói hơi nghẹn:

- Tối hôm ấy, chị dặn nên rón theo Hoàng thượng để lập công trận này. Chị ấy bảo thế nào cũng thắng lớn.

Vua Quang Trung vồ vập hỏi:

- Cô ấy cũng nghĩ thế sao? Thôi được. Ta sẽ ra lệnh cho ngựa trạm đem thư gấp về cho quan thái sư (Bùi Đắc Tuyên). Ông ấy sẽ tìm giùm cho. Còn cậu thì cứ theo quân. Hiện cậu thuộc doanh nào đấy?

- Thưa ở với đô đốc Bảo.

Nhà vua nói ngay:

- Ta sẽ bảo đô đốc cho cậu về ban chỉ huy. Cậu lại làm việc với ông đồ Kỷ, lo ghi chép tỉ mỉ diễn biến trận đánh này. Cậu đang chép sử cho đời sau đấy. Nhớ đừng ghi theo cái kiểu hồi trước, lúc cậu theo ta đánh Gia Định. Nhớ nhé!

Lãng chớp chớp mắt để nén cảm xúc, đáp nhỏ:

- Cảm ơn Hoàng thượng.

Vua Quang Trung xua tay:

- Không. Phận sự của ta đấy thôi! Ta thật có lỗi với thầy!

Hai ngọn đuốc sáng rực chiếu lên khuôn mặt răn rỏi, rám nắng của các tướng lãnh. Bóng họ hiện mờ mờ lên trên vách bản doanh. Một cái bóng khác cao hơn, in đậm lên trên tấm vách giữa tấm bản đồ trải rộng lấp cả chiếc sập thấp. Sát bên chỗ vua Quang Trung đứng, đã đặt sẵn một hộp vuông đựng nhiều thanh gỗ sơn màu xanh, đỏ; và một chiếc gậy trúc vàng có bịt bạc ở hai đầu. Nhà vua hất hàm về phía Ngô Văn Sở bảo:

- Giặc bố trí quân thế nào, ông bắt đầu đi.

Quan đại tư mã quay ra phía sau, nội hầu Lâm chuyển cho ông một thanh gỗ mun dài độ sải tay. Ngô Văn Sở cúi xuống lấy vài thỏi gỗ đỏ trong hộp, hắng giọng rồi nói:

- Tâu Hoàng thượng, ngay khi mới vào Thăng Long, Tôn Sĩ Nghị đã cho đóng quân hai bên sông Phú Lương, và đóng bản doanh ở đây, chứ không chịu đưa hết quân vào kinh thành. Để tiện việc liên lạc, hẳn cho bắc một chiếc cầu phao, ở đây.

Ngô Văn Sở dùng đầu cây thước mun đẩy hai thanh gỗ đỏ đến chỗ vẽ sông Phú Lương trên bản đồ, đánh dấu nơi đóng quân của Tôn Sĩ Nghị. Vua Quang Trung giơ tay ngăn lại, dùng chiếc gậy trúc lựa hai thỏi gỗ đỏ về phía mình. Tất cả các tướng đều ngạc nhiên, ngừng lên chờ đợi. Nhà vua lấy hai thỏi gỗ sơn xanh quăng về phía sông Phú Lương, mỉm cười bảo Ngô Văn Sở:

- Hãy dùng màu xanh. Màu đỏ là màu cờ đào, dành để chỉ đồn trại của quân ta.

Các tướng lãnh gật đầu tỏ ý tán thưởng lời nói của vua Quang Trung. Ngô Văn Sở tiếp:

- Về sau, hẳn cho đắp ba lũy đất để phòng ngự mặt nam: lũy đầu tiên ở Thanh Liêm, mạn bắc sông Thanh quyết; lũy thứ nhì ở Nhật Tảo, lũy thứ ba ở Ngọc Hồi. Hẳn chú trọng phòng vệ chặt chẽ mặt nam nên lập hai đồn thật kiên cố ở Ngọc Hồi và Hà Hồi. Hai đồn ấy ở đây và đây.

Ngô Văn Sở đẩy hai thỏi gỗ xanh về chỗ Ngọc Hồi, Hà Hồi trên bản đồ. Vua Quang Trung hỏi:

- Đồn nào quan trọng hơn?

Ngô Văn Sở đáp:

- Tâu Hoàng thượng, đồn Ngọc Hồi kiên cố nhất vì đông quân, hỏa lực mạnh, chung quanh đồn có đặt địa lôi và cắm chông sắt. Tướng chỉ huy ở đó đều là tướng giỏi như Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long, Thượng Duy Thanh. Có thể nói lực lượng chính yếu phía nam của quân Thanh dồn hết về đây.

Nhà vua lại hỏi:

- Từ hai đồn ấy về phía Nam còn những chặn nào nữa?

Ngô Văn Sở đẩy ba thỏi gỗ xanh ra phía trước, giải thích:

- Tâu Hoàng thượng, còn có đồn lũy ở Nhật Tảo và Thanh Liêm. Gần đây nhất là đồn Gián khẩu do quân của Chiêu Thống trấn giữ.

Vua Quang Trung ngạc nhiên, hỏi:

- Hẳn dám gửi quân đến tận đây làm bia đỡ đạn cho quân Thanh hay sao?

Ngô Văn Sở đáp:

- Đây là điều khổ tâm cho Chiêu Thống. Hãn và Lê Quýnh đến dinh họ Tôn xin xuất sư sớm. Sĩ Nghị hẹn mồng sáu năm mới sẽ ra quân, rồi còn giận dỗi bảo Chiêu Thống nếu nóng ruột cứ đưa một đạo quân đi trước. Hai thầy trò trở ra tiến thoái lưỡng nan, sợ Nghị chê là hèn nhát, nên Chiêu Thống đẩy việc khó cho Quýnh. Quýnh sợ, lại đẩy cho trấn thủ Sơn Tây. Cuối cùng, quân Sơn Tây phải đưa cả bản bộ xuống Gián khẩu lập đồn tiền tiêu che đạn cho bọn giặc ngoài.

Nhà vua gật đầu, suy nghĩ một lúc, rồi hỏi:

- Còn ở mặt tây, chúng đóng quân ở đâu?

Ngô Văn Sở đáp:

- Ô Đại Kinh đóng quân ở Sơn Tây. Sát phía tây nam Thăng Long, tàu Hoàng thượng, ở chỗ này, có đồn Khương thượng chứa mấy vạn quân Điền châu, Triều châu của Sầm Nghi Đống. Quân ở đây ô hợp, tướng cũng không giỏi như bên đồn Ngọc Hồi.

- Còn phía bắc?

- Tàu Hoàng thượng, phía bắc chỉ có một vài đồn nhỏ và yếu ớt của quân Chiêu thống do Lê Duy Chi chỉ huy.

Vua Quang Trung cầm gậy trúc trở vào bản đồ bảo tất cả các tướng:

- Như vậy quân giặc lo mặt thủ hơn là công. Trong việc phòng thủ, chúng chỉ chú trọng phía nam. Các người xem đây, mấy vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy ở hai bên sông Phú Lương, nếu đúng như ông Sở vừa nói, có vẻ như đang chờ lệnh xuất sư hơn là giữ vai phòng vệ. Cái cầu phao đó dùng để hóng gió mát thì tiện. Lúc giáp trận, các người sẽ thấy, không ổn đâu. Mặt tây nam Thăng Long cũng không phải là cánh chủ công. Ô Đại Kinh ở Sơn Tây càng không được việc. Hãn chỉ giữ vai dự bị, phía trước tiến thì hãn hậu tập, phía trước gặp khó, có lẽ hãn chạy trước hơn ai hết. Phía đông và bắc do quân Chiêu Thống chống giữ, không đáng kể. Nói tóm lại, cái bức tường ta phải húc cho đổ đổ vào Thăng Long, là mặt trận phía nam. Các người nắm được địch tình từ bao lâu nay, các người thấy có đúng thế không?

Nội hầu Phan Văn Lân nói:

- Tàu Hoàng thượng, Tôn Sĩ Nghị tuy ngoài mặt huênh hoang khoác lác, nhưng trong ruột cũng ngại lắm. Hãn cho thám tử len lỏi thật xa để nắm động tĩnh của ta. Mới hôm qua, ta bắt được hai thám tử là khách trú ở phố Cơ xá trấn Kinh bắc trước đây. Chúng khai có nhiệm vụ xuống tận Gián khẩu để nghe ngóng tình hình ở Tam Điệp.

Vua Quang Trung cau mày hỏi xằng:

- Ông vừa nói gì đấy? Tam Điệp ư?

Phan Văn Lân vẫn lo sợ bị vua Quang Trung chê trách vụ thua trận ở sông Nguyệt Đức, nên tưởng nhà vua bắt đầu kiểm cố trách phạt mình, cúi đầu không dám nói gì nữa. Nhà vua nghiêm mặt hỏi:

- Có phải ông vừa nói Tam Điệp không?

Phan Văn Lân đáp nhỏ:

- Tàu Hoàng thượng, vâng ạ.

Vua Quang Trung tiếp ngay:

- Tam Điệp! Dân chúng họ gọi núi Ba Dội, sao ông lại dịch ra chữ Hán làm gì!

Các tướng vỡ lẽ, mừng giùm cho Phan Văn Lân. Nhà vua nói:

- Nhưng đó chỉ là điểm nhỏ. Ý của ông Lân thật đáng chú ý. Các đồn tiền tiêu lẻ tẻ phía trước, nếu ta không diệt gọn, bọn tàn quân sẽ chạy về báo cho đại quân phía sau. Cho nên ta phải tính kỹ, và phải đánh thật mau, diệt thật gọn. Chúng đã hẹn mồng sáu tháng giêng sẽ xuất sư. Ta phải vào Thăng Long trước mồng sáu. Các người có dám không?

Cả phòng đều nhất loạt đáp:

- Tâu Hoàng thượng, dám.

- Khá lắm.

Nhà vua lại dùng chiếc gậy trúc giảng giải hướng tiến quân sắp tới:

- Ta chia quân làm năm đạo để tiến công ^[8]

Đạo quân thứ nhất là đạo chủ lực do chính ta chỉ huy, ông Sở và ông Lân làm tiên phong, Hán hồ hầu làm hộ quân đốc chiến. Đạo quân này sẽ gồm cả bộ binh, tượng binh, kỵ binh, làm nhiệm vụ đánh vào mặt trận chính của giặc, trên đường phía nam kinh thành Thăng Long. Nặng đấy! Phải đứng mũi chịu sào, húc vào Hà Hồi, Ngọc Hồi trước khi đến kinh thành, hai ông có ngại không?

Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân đều đáp:

- Tâu... Không ngại gì cả!

Nhà vua cười:

- Có ngại cũng không được. Các ông mang tội bỏ thành, bây giờ phải chiếm lại thành. Không chiếm được, phải tội chém!

Nhà vua quay về phía đô đốc Tuyết, tiếp lời:

- Đạo quân thứ hai đi đường thủy do đô đốc Tuyết chỉ huy, tiến vào sông Lục Đầu diệt cho được quân Chiêu Thống ở Hải Dương, rồi tiến lên uy hiếp cạnh sườn phía đông của quân Sĩ Nghị đóng ở bờ sông Phú Lương.

Đạo quân thứ ba do đô đốc Lộc chỉ huy, cùng đi đường thủy với đạo quân của ông Tuyết. Nhưng vào đến sông Lục Đầu rồi thì ông Lộc phải đưa quân đi gấp lên các hạt Phượng nhơn ở đây, Lạng Giang ở đây, Yên Thế chỗ này, để chặn đường chạy về của quân Thanh.

Đạo quân thứ tư do đô đốc Bảo chỉ huy, gồm tượng binh và kỵ binh, theo đường Sơn Minh ra làng Đại Áng, ở chỗ này, ngay phía tây nam đồn Ngọc Hồi. Ông Bảo phải phối hợp chặt chẽ với đạo chủ lực để đánh Ngọc Hồi. Lúc nào cần nằm yên ém quân, lúc nào khai hỏa, ta sẽ báo cho biết sau.

Đạo quân thứ năm cũng gồm tượng binh và kỵ binh do đô đốc Đông chỉ huy. Đạo quân này có nhiệm vụ đánh bất ngờ vào Thăng Long, phải tiến vào kinh thành trước tất cả các đạo quân kia, làm cho toàn bộ quân địch quanh Thăng Long phải hoang mang tan rã mau chóng. Ông Đông phải theo đường này, từ Chương Đức tiến theo hướng Sơn Tây. Không phải lên tận Sơn Tây để khiêu chiến với Ô Đại Kinh đâu. Ông rẽ quặt sang làng Nhân mục ở phía này, rồi tạt ngang sang tập kích đồn Khương thượng cho ta. Diệt

xong Khương thượng, điều đó dễ phải không, ông tiến vào Thăng Long theo cửa tây, một mặt tiến công đại bản doanh của Nghị ở Tây Long, một mặt chặn bắt tàn quân Thanh từ Ngọc Hồi, và các đồn phía nam chạy về. Có quá nhiều việc không?

Đô đốc Đông mạnh bạo đáp:

- Tâu, không ạ.

- Ông vào Thăng Long trước, nhớ không được để sống Tôn Sĩ Nghị đấy.

Cả phòng họp đều cười ồ. Đô đốc Đông hãnh diện đáp:

- Tâu Hoàng thượng, hần chạy chậm hơn tôi.

Cả phòng lại cười. Nhà vua vui vẻ nói:

- Các người chớ cười trước khóc sau đấy!

Rồi dùng gậy trúc gạt phăng tất cả các thỏi gỗ xanh trên bàn đồ sang một bên, vua Quang Trung lớn tiếng bảo:

- Ta hẹn với các người trong vòng năm ngày sẽ diệt tan quân xâm lược. Ba mươi Tết ta cho xuất quân. Vào Thăng Long trước mùng sáu. Ngày cuối năm Thân, cho quân sĩ ăn Tết nguyên đán ở đây trước. Hẹn với anh em: đến ngày mùng bảy, gặp nhau đông đủ trong thành Thăng Long sẽ mở tiệc lớn, ăn Tết lần nữa. Các người hãy ghi lấy lời ta xem có đúng thế không?^[9]

Sau đó, nhà vua ra lệnh giải tán. Các tướng rời khỏi đại bản doanh, trở về đơn vị lúc sương khuya bắt đầu xuống. Ở khắp các trại, lửa bếp nấu bánh chưng hãy còn lập lòe, làm xao xuyến cả sương khuya.

^[1] Trích Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố trang 105-106.

^[2] Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, trang 302, 303.

^[3] Hoàng Lê, trang 300.

^[4] Tức Ngô Tử Long Đạo, chú của Ngô Thì Nhậm.

^[5] Cương mục, tập XX, trang 60.

^[6] Hoàng Lê, trang 306.

^[7] Hoàng Lê, trang 306.

^[8] Từ đây trở xuống dựa theo ý của Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng trong Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ, từ trang 230-231.

^[9] Theo Đại nam chính biên liệt truyện, sơ tập, quyển 30, tờ 33

Chương 96

Công việc vua Quang Trung giao cho Lãng không dễ dàng như anh tưởng!

Trước hết, lúc nào những lời cảnh cáo nhẹ nhàng của Nguyễn Huệ mấy năm trước đây (lúc anh ghi nhật ký chiến dịch ở Gia Định), cũng luôn luôn ám ảnh Lãng. Lọc bỏ không thương tiếc các xúc động riêng tư, số toẹt những chuyện bên lề, chỉ giữ lại cái sườn biên niên của lịch sử, làm như vậy có khác nào lóc bỏ hết da thịt để lịch sử chỉ còn là một mớ xương xẩu ghê tởm đủ mùi tanh lôi cuốn lũ ruồi nhặng và làm cái cớ cho bọn bán thịt chuyên nghiệp lên mặt vênh váo. Ngày đó tháng đó nhà vua se mình! Ngày đó tháng đó, ông hoàng bà chúa này nọ ra đời. Ngày đó tháng đó có nhật thực. Ngày đó tháng đó nhà vua lập đài cầu đảo... Lãng không chịu được bấy nhiêu cái thừa thãi vô lối đầy đặc trong sử sách cổ kim. Làm như một cơn cảm mạo của vua chúa cũng đủ làm cho thiên hạ và trời đất xôn xao rúng động. Càng ngày Lãng càng có cảm tưởng như cuộc sống tràn trề sôi động quanh anh đã, đang và sẽ sinh sôi nẩy nở, trưởng thành và mai một theo qui luật bí nhiệm nào đó, cùng qui luật đã khiến cho hoa nở vào mùa xuân, kết trái dưới nắng hạ, đổi áo vào mùa thu và tạm thời héo úa trong gió đông để chuẩn bị phục sinh. Qui luật ấy ở ngoài tầm gươm giáo của vua chúa, nhà ngục không thể khiến nó khép nép quì gối, sợ hãi không khiến nó đổi hình. Nó ở ngoài tầm ước muốn hay tham vọng của con người. Bằng chứng ư? Dù là Nghiêu Thuấn hay Kiệt Trụ, hiền triết hay đạo tặc, dù có dùng hết châu báu của quốc khố để luyện đan, không ai trong khoảng trời đất này có thể chống lại được chiều năm tháng. Một nếp nhăn trên trán, một cơn thao thức mất ngủ, sợi tóc bạc trên đầu, chỉ cần vài cái nhỏ nhất thường thấy cũng đủ chứng tỏ sức mạnh tuyệt đối của qui luật ấy. Nó tràn trề sung mãn và biến đổi dưới muôn hình vạn trạng, đến nỗi chữ nghĩa thánh hiền cũng chỉ nhốt được một phần rất nhỏ của nó, như người ta ngu ngơ đưa bàn tay ra chộp gió thổi. "Đạo" của Lão tử, "Thiên mệnh" của nho gia là hạt bụi vất vơ còn dính lại trên lớp nhờn của bàn tay tham lam ngu ngơ ấy. Đáng thương thay, cái tham vọng muốn thu về một mối, muốn dựng một đài trí tuệ để bao trùm từ cái lớn như trăng sao cho đến cây tầm sợi chỉ của người dân đen. Muốn làm cái rún của trời đất, rồi sai bảo bọn văn nhược ghi chép tỉ mỉ từng cơn ho hen se mình, từng đêm hành lạc mỗi mệ vào giấy để làm sử, che giấu cả sự yếu đuối lẫn cơn hiếu sát ngông cuồng bằng "ý Trời", chao ôi, đáng thương mà cũng đáng giận biết bao nhiêu!

Có thể tính mẫn cảm đã khiến cho Lãng nhảy từ cái cực đoan này sang cực đoan khác, không cho anh bình tĩnh khiêm nhường ở chỗ vừa phải. Anh không chịu thu mình đứng yên một chỗ nào, không chí thú lo lắng một việc nào nhất định, tha thiết say mê nhưng lại ngập ngừng ở chỗ sắp thành. Lãng tự biết kẻ khác xem thường mình, cho anh là hạng bất tài, yếu đuối. Nếu không có sự bảo bọc thầm lặng kín đáo của Nguyễn Huệ, nhất định anh đã bị loại trừ ra khỏi guồng máy công quyền, bị cấm cửa ở mọi chỗ thần thế. Mà cho dù anh được người ta cho vào, Lãng cũng không làm được điều gì ra trò. Anh phát phơ cho nên trở thành vô hại, tuy anh làm vương vúi không ít.

Bây giờ Nguyễn Huệ đã trở thành Quang Trung hoàng đế! Anh còn có thể phát phơ như trước kia

không? Đây là ranh giới của lời dặn dò thân tình và mệnh lệnh? Viết thế nào cho phải? Nếu không thế ép mình ghi chép theo ý nhà vua, thì sẽ phải chịu hậu quả nào? Câu hỏi ấy ám ảnh Lãng. Lòng anh canh cánh buồn phiền, như có một sợi dây mềm mại đang ràng buộc hết chân tay anh. Ghi chép qua quýt như mọi người ư? Lãng hồ thẹn khi nghĩ đến điều ấy! Theo cảm xúc của mình ư? Lời dặn dò của Nguyễn Huệ còn đó, càng ngày càng biến đổi âm sắc để thành lời phán truyền.

*

* *

Khi bắt tay vào việc, Lãng mới thấy thêm một trở ngại khác. Ngay từ khi tự hện là phải quan sát ghi nhận cho đầy đủ những gì diễn ra trước mắt để chép lại, Lãng đã thấy rất rõ sự chậm chạp vụng về của mình. Anh luôn cảm thấy bị vượt qua, bị tràn ngập. Ghi gì được trong cảnh huống chói với ấy? Nhìn cảnh hối hả tấp nập, chen chúc rộn rã gần như mất hết trật tự, cảnh ba quân tuôn chảy như nước lũ dưới bóng cờ đào phất phới, cảnh voi ngựa gươm giáo, đêm trừ tịch, nghe tiếng quân reo tử mở vang động khắp vách núi, rồi cả đến cảnh những cánh đồng rộng, những đợt sóng trên biển cả, cây cối cuối mùa đông bắt đầu đâm chồi, và tiếng hót rộn ràng tiên báo mùa xuân của chim chóc, Lãng lại nghĩ tất cả định chế xã hội đều trở nên thừa thãi, vướng bận. Những cuốn biên niên dày cộm chỉ được mỗi một việc nuôi mỗi một, hoặc là ép những cánh hoa khô. Lãng sắp làm, phải làm cái công việc phi lý ấy chẳng?

Dù có muốn, Lãng cũng không làm nổi. Lịch sử dồn dập từng bừng suốt khoảng thời gian ngắn ngủi, từ đêm trừ tịch xuất quân cho đến chiều mùng năm tháng giêng Kỷ Dậu (1789), còn đang bốc khói, máu trong thân thể lẫn máu đã đổ ra còn hôi hổi nóng. Người chủ động nhất trong cuộc còn bàng hoàng trước sự vĩ đại bất ngờ, chưa dám tin những điều xảy ra trước mắt, hướng chỉ là Lãng. Không đủ thì giờ để sống, làm sao có thì giờ đứng giạt ra một bên để quan sát sự sống! Quan sát đã không kịp, làm sao ghi chép!

Vì thế, Lãng chỉ ghi vội vàng bằng chữ thảo những gì thoát đến trong đầu óc, không cân nhắc, lựa chọn, ghi xong không dám đọc lại hoặc không có thì giờ đọc lại. Sau năm ngày, Lãng bần thần hồ thẹn trước một xấp giấy chữ thảo nhòe nhoẹt, lem luốc, không thẳng hàng, trông bèo nhèo như một mớ giấy lộn. Sau đây là những gì Lãng ghi được:

Đêm trừ tịch.

Lễ Thệ sư ở Thọ Bạc. Ba quân đã sẵn sàng để lên đường. Đêm minh mông. Đuốc lập lòe khắp nơi như hội hoa đăng. Hai ngọn đuốc lớn rực rỡ chiếu rõ Hoàng thượng ở trên đầu voi. Ba quân hô lớn "Vạn vạn tuế". Có lẽ những vì sao đêm trừ tịch cũng rung rinh theo. Nhà vua chờ cho ba quân im lặng mới đồng dục nói:

- Bớ chư quân! Hễ ai chịu chiến đấu thì hãy vì ta giết sạch chó Ngô đi! Nếu ai không muốn chiến đấu thì hãy xem ta trong một trận giết hàng vài vạn mạng người đấy! Đó không phải là chuyện lạ lùng gì cả. Các người có tin lời ta không?

Ba quân dạ ran như sấm, làm rung động cả hang núi, trời đất biến đổi cả cảnh sắc. Chiêng trống đồng loạt vang rền. Xuất quân!

(Ghi tại đại doanh Ba đội, lúc còn có thể kê giấy lên cái bàn gỗ tạp còn lại trong bản doanh để viết.

Tiếng chiêng trống làm mặt đất run rẩy, nên nét chữ cũng run rẩy theo. Tạm biệt Ba Dội.)

*
* *

Mồng một Tết nguyên đán Kỷ Dậu:

Mặt trời chưa mọc. Sương đêm còn dày. Chân ngựa và người vẫn làm tủa lên những đám bụi ướt. Ở các xóm làng quân băng qua, các ngọn nêu đều có treo thêm cờ đào. Hoàng thượng rất thích thú. Dân đổ ra đường hoan hô. Phần lớn đều ồm xanh, quần áo rách. Nghe nói gần đây Bắc Hà bị đói to. Có lẽ đúng. Khi nghỉ chân, Hoàng thượng được các cô lão bưng trầu cau và bánh chưng đến dâng. Chỉ ăn một miếng trầu, còn bánh chưng, sai đem cho người lính cầm đại kỳ. Lúc sắp lên đường, Hoàng thượng đột ngột tiến đến gần một bà lão gầy gò, đang nheo mắt ngó cảnh tấp nập. Hoàng thượng cúi xuống hỏi bà lão:

- Chúng tôi sắp giết hết quân cướp nước, cụ có vui không?

Bà lão ngơ ngác một lúc, ngược lên hỏi:

- Há?

Hoàng thượng kiên nhẫn nhắc câu hỏi. Bà lão hỏi lại:

- Sắp hết đánh nhau chưa?

Hoàng thượng cười, bảo:

- Sắp hết rồi. Cụ có con trai ở lính phò?

- Không. Hết đánh nhau chắc lại được no nhỉ!

Từ đó về sau, Lãng quên ghi rõ ngày tháng, chỉ có số tờ ghi ở chéo trái của tờ giấy mà thôi.

*
* *

Vượt sông Gián Thủy. Quan đại tư mã đã báo đây là đồn của quân Chiêu Thống. Nội hầu Phan Văn Lân định cho voi trận và ngựa lên trước để chuẩn bị đánh đồn, nhưng Hoàng thượng bảo không cần. Cho tập trung chiêng trống khắp doanh, đưa lên phía trước. Quả nhiên đến nơi chỉ thấy đồn vắng. Hoàng thượng hỏi tên của tướng nhà Lê trấn giữ đồn này. Hoàng Phùng Tứ. Sai ghi ngay vào giấy để lập danh sách các bại tướng cho đời sau cười!

*
* *

Đang đi dọc theo sông Thanh quyết. Đội kỵ binh tiên phong cấp báo đang đuổi bắt một toán quân Thanh hình như thuộc toán do thám ở vòng ngoài. Hoàng thượng ra lệnh chia quân làm hai: đội kỵ binh do nội hầu Lân chỉ huy phải đuổi theo bắt trọn toán quân do thám nhà Thanh, bộ phận lớn còn lại tiếp tục tiến ra hướng bắc, diệt các đồn ở bờ bắc sông Nguyệt Quyết và đồn Nhật Tảo. Nghiêm lệnh: Tuyệt đối không để cho tên địch nào chạy thoát để về báo cho đồn Hà Hồi.

*
* *

Nghỉ đêm. Chuyện lữ tù binh trở thành quà vui cho quân sĩ khắp doanh. Hai tên tù binh Thanh bị bắt

ở đồn Nhật Tảo, nhân lúc quân canh lơ đãnh, suýt chút nữa giết nhau. Tên nọ định quýt tiền thua cá đá gà với tên kia, dù cả hai không còn một đồng kẽm dính túi. Định giết nhau chỉ vì lời nói khích. Và có thể vì rượu. Lúc lính canh trối gô cả hai dẫn lên gặp quan đại tư mã Ngô Văn Sở, miệng mồm chúng còn nồng nặc hơi men.

Có bắt được bảy tên lính Chiêu Thống chạy bộ từ đồn Gián Khẩu lên Thanh Liêm mà không thoát. Quân Thanh trong đồn Nguyệt Quyết nghe lính Chiêu Thống kêu cứu xin mở cửa, nhưng nhất định từ chối. Chúng mắng lính Chiêu Thống là "bọn hèn nhát"!

Đến Phú Xuyên. Bắt trọn được toán quân Thanh do thám. Chúng chậm chân là phải, vì bọn thám tử muốn nhân cơ hội đi xa, kiếm chút của cải lương thực, nên mỗi đứa đều có mang phu đi theo. Lúc bị toán quân kỵ của nội hầu Lân vây bắt, chúng vẫn còn mang xách đủ thứ gạo nếp, gà vịt, đồ đồng... Tịch thu được tấm giấy ghi tám điều quân luật của quân Thanh (có giữ lại đây). Lại có thêm một trò vui mới: Buộc bọn ăn cướp mang đủ tất cả gà vịt, gạo nếp lên người diễu qua các hàng quân, theo sau một người lính cầm loa đọc lớn điều một của tám điều quân luật do Tôn Sĩ Nghị ban bố . Điều 1: Đại binh qua ải cốt để dẹp giặc yên dân. Đi qua các nơi, đội ngũ đều phải nghiêm chỉnh, không được quấy nhiễu nhà người, cướp bóc chợ búa.

*
* *

Qua một làng buồn thiu. Không có dấu hiệu Tết nào còn lại cả. Không cấm nêu. Không cắt dọn rào giậu. Nhà cửa xiêu, dột. Không có cả tiếng chó sủa. Đói. Nghe nói mùa trước mất, mùa này lại bị triều đình Chiêu Thống cho quân đến vét sạch để cung đốn cho quân Thanh ở các đồn lân cận. Tên tù binh bị bắt ở đồn Gián khẩu gốc người vùng này đã rơm rớm nước mắt khai như vậy. Hắn xin được thả về quê nuôi mẹ già. Vì cần bảo mật, không cho phép phóng thích hắn.

*
* *

Nửa đêm mùng ba.
Đến Hà Hồi. Nghiêm lệnh: cấm lửa, cấm nói chuyện. Vẫn không nghe thấy tiếng chó sủa. Bước chân thềm, trong khi lòng nao nức. Ghi được vài hàng nhờ ánh đuốc leo lét duy nhất trong đại bản doanh, đóng tại một mái nhà tranh thấp, chung quanh vườn cây um tùm. Hoàng thượng đang cùng các tướng ngồi vây quanh tấm bản đồ đồn Hà Hồi. Lệnh truyền cho vây chặt đồn, rồi bắc loa gọi hàng. Ba quân sẽ đồng loạt reo hò cùng với trống chiêng khua vang để cướp tinh thần địch. Tên thám tử thua đá gà đã khai hết nội tình đồn Hà Hồi. Quân nhát. Tướng say. Hoàng thượng tin chắc không cần phải phí đến một mũi tên.

Giữa đêm đen, tiếng chiêng trống và tiếng hô "Sát" vang dội chẳng kém gì sấm rền. Giặc kéo cờ hàng. Lương thực và khí giới nhiều vô kể. Hoàng thượng ra lệnh đãi trà tất cả những người vừa gân cổ cầm loa gọi hàng bằng tiếng Quảng Đông, kể cả những tên tù binh người Thanh bị bắt ở Thanh Liêm, Nhật Tảo, và Phú Xuyên.

Mồng 4 tháng Giêng Kỷ Dậu:

Đến Ngọc Hồi. Ba quân ngỡ ngác khi nghe có lệnh dừng quân cắm trại. Được nấu nướng không sợ khói tỏa. Được chia nhau ngủ bù. Giữa lúc đồn giặc nằm lù lù ngay trước mặt, và từ Thăng Long, quân tiếp viện cứ đổ xuống từng chập! Chợp mắt được một chút. Choàng thức dậy vì tưởng nghe lại tiếng chiêng trống đêm Hà Hồi. Quan Trung thư lệnh đang cùng với nội hầu Lân tra hỏi bọn tù binh để vẽ địa đồ phòng thủ của giặc tại đồn Ngọc Hồi cùng các doanh trại khác chung quanh Thăng Long.

*

* *

Nhận được tin cánh quân của đô đốc Bảo đã đến Đại Áng. Hoàng thượng truyền cho thị lang Ngô Thì Nhậm soạn sẵn chiếu chiêu an và các điều lệnh cần thiết về lương thực, đi lại, giao nộp tù binh và vũ khí... Nóng ruột chờ tin của đô đốc Đông.

*

* *

Lại hạ lệnh nổi chiêng trống, ngay giữa ban ngày. Ba quân ngỡ ngàng, rồi thi nhau khua chiêng gióng trống vang dội. Quên cả đói và mệt. Điều lạ lùng, quân Thanh im thin thít trong đồn Ngọc Hồi, không dám bắn một phát súng.

*

* *

Đã có tin của đô đốc Đông đến Nhân Mục. Hoàng thượng ra lệnh triệu ngay đô đốc Bảo về đại bản doanh để bàn kế đánh Ngọc Hồi.

*

* *

Buổi chiều: Có cuộc họp lớn của bộ tham mưu.

Hoàng thượng báo trước sẽ bắt đầu tấn công Ngọc Hồi ngay khi cánh quân đô đốc Đông hạ được đồn Khương Thượng và tiến vào kinh thành theo lối cửa Tây. Như vậy chậm nhất là sáng mai, cuộc tấn công sẽ bắt đầu. Nội hầu Lân dẫn một cách quân theo đê Yên Duyên vòng phía sau đồn Ngọc Hồi, lên Văn Điển nghi binh làm nút chặn đường rút lui của quân Thanh, từ Ngọc Hồi chạy về Thăng Long. Đô đốc Bảo thì đem quân từ Đại Áng lên vùng cầu Vịnh chặn đường rút thứ hai, dồn tàn binh Ngọc Hồi về đầm Mực để tiêu diệt. Đại tư mã Ngô Văn Sở ở trung quân phải chỉnh đốn gấp các đội voi trận. Mỗi con voi có ba, bốn người lính giỏi sử dụng hỏa hổ để đốt cháy đồn địch. Ghép ván làm hai mươi tám mộc lớn có quần rơm ướt để các toán cảm tử khiêng mộc dàn hàng ngang xông bừa vào đồn. Các toán quân tinh nhuệ này, dùng đoản đao để cận chiến, phần lớn tuyển chọn trong số tinh binh từng tập luyện kỹ càng ở Phú Xuân.

Trong cuộc họp, một lần nữa nội hầu Lân lại bị quở trách vì cái tội "sính chữ". Quan nội hầu nói "Vịnh kiều" thay vì nói "cầu Vịnh" hoặc cầu Viêng như tên gọi của dân địa phương. Hết Ba Dội lại đến cầu Vịnh!

Tối mồng 4 tháng giêng.

Ba quân nao nức chuẩn bị chiến đấu. Không ai ngủ được. Ngô thị lang đã soạn xong các tờ chỉ dụ cần thiết. Hoàng thượng hớn hờ khác thường, tuy nóng ruột nóng tin Khương Thượng. Ngự trù dọn cháo gà. Nhà vua ngồi ăn chung với mọi người. Nghe quan Trung thư lệnh ca tụng bài Thiên thai phú của Ngô thị lang, nhà vua đòi Ngô thị lang phải ê a bình văn cả bài. Quá nửa đêm, có nhiều tiếng nổ và lửa cháy hừng sáng một vùng, đúng hướng Khương Thượng. Nhà vua đứng bật dậy, ba quân phía ngoài rộn rã. Cuộc chuẩn bị tiến công bắt đầu.

Sáng sớm mừng 5 tháng giêng.

Nhận được tin vui từ Khương Thượng. Đồn tan vỡ. Quân giặc chết vô số. Sầm Nghi Đống phải tự vận chết tại đài chỉ huy ở Loa Sơn. Sau khi diệt đồn Nam Đồng, đô đốc Đông đã đưa được quân vào cửa tây Thăng Long.

*
* *

Khói ùn đen ngịt phía bầu trời Thăng Long. Chắc chắn quân ta đã vào thành. Tận đây còn nghe được tiếng súng nổ. Gió mang đến mùi khói pha mùi thuốc súng hăng hắc. Say!

*
* *

Lại có tin giặc đóng ở bờ nam sông Phú Lương vì tranh nhau chạy qua cầu phao nên cầu bị đứt, số chết chìm đếm không xuể. Chưa có tin gì về Tôn Sĩ Nghị và bọn vua quan nhà Lê.

*
* *

Trời sáng dần. Hoàng thượng hạ lệnh diệt đồn Ngọc Hồi. Mặc áo bào đỏ, tự mình buộc khăn vàng vào cổ để tỏ ý quyết chiến. Đích thân cưỡi voi chỉ huy.

*
* *

Đàn voi chiến hơn trăm con do Hoàng thượng dẫn đầu ào ạt xông trận. Phía đồn Ngọc Hồi, giặc cho kỵ binh ra cản. Ngựa giặc gặp voi, hoảng sợ, lồng lên, quay đầu chạy về. Tượng binh ừa theo bắn giết, giặc phải bắn đại bác ra dữ dội để cản đường. Một vạt áo bào của nhà vua bị nám thuốc súng. Con voi nhà vua cưỡi bị thương nhẹ ở dưới cổ vì một phát đạn đại bác nổ ngay trước mặt.

*
* *

Sau khi chia hai đội tượng binh để đánh vào sườn tả hữu của đồn Ngọc Hồi, nhà vua cho các toán tinh binh khiêng mộc gổ dàn chữ nhất xông thẳng vào đồn. Có tất cả hai mươi toán, mỗi toán ba mươi người. Đại bác giặc mất hiệu lực. Quân ta ngang nhiên tiến tới. Phía sau, ba quân hò reo ầm ĩ.

*
* *

Giặc tung hỏa mù để cho trận địa tối tăm, làm quân ta rối loạn. Nhưng súng hỏa hổ của ta phun lửa

đốt cháy các đồn trại làm đuốc soi trận địa. Quân cảm tử vẫn tiến thẳng tới trước. Đến sát mặt đồn, hạ bỏ mộc gỗ, hòa nhau phá tan cửa lũy. Ba quân đồng loạt reo hò, không ai bảo ai rùng rùng ào lên, đông như kiến cỏ, thế lực ồ ạt như thủy triều dâng. Hỗn chiến giữa bão lửa. Khói. Khói. Phất phới cờ đào giữa những đám lửa đỏ hừng hực. Tiếng gào thét chen lẫn tiếng địa lôi nổ, tiếng tre cháy lép bép, tiếng ngựa hí, voi thét. Bị dòng người đẩy vào đồn Ngọc Hồi lúc nào không hay. Lúc định thần, đã thấy mình đứng giữa những xác gỗ bốc khói và đám xác chết (giặc có, ta có) nằm vất vưởng khắp chốn, dưới đủ cách thể khác nhau. Pha lẫn mùi khét có mùi tanh nồng của máu. Pha lẫn tiếng reo hò là những tiếng rên siết. Ngây dại cả cảm giác. Đến lúc này, khi đã xa trận địa, kê giấy vào một tấm khiêng gỗ vất lại trên đường truy kích để ghi chép mấy dòng trên, tay tôi vẫn còn run. Lịch sử cần đến sự hung bạo này sao?

*

* *

Đúng như nhà vua đã tiên liệu tối hôm qua, tàn quân Ngọc Hồi bị hai nút chặn ở Văn Điển và cầu Vĩnh, phải bắt buộc trốn về đầm Mực. Đàn voi trận của đô đốc Bảo từ Đại Áng lên, đã ào ạt đẩy hàng vạn quân Thanh xuống đầm lầy. Những tên thoát khỏi đàn voi, chạy vào làng xóm chung quanh đầm, đều bị dân chúng giết chết.

Dân làng quanh vùng ủa ra đường. Tất cả rượu thịt, bánh trái, định dành cho Tết đem hết ra mời các chiến sĩ. Trẻ con quần quít, rờ rẫm những gươm giáo, hỏa hổ, đoản đao còn lấm lem bụi bặm. Tôi được một bà cụ đem cái khăn tắm nước ấm, ủ hoa nhài ra mời lau mặt. Một cậu bé khoảng năm, sáu tuổi đến dúi vào tay tôi quả cam, rồi chạy về phía có mấy thiếu nữ đang giấu mặt vào vai nhau cười khúc khích. Có thể chép những tiếng cười này làm lịch sử được không?

Có lệnh thu quân để tiến vào Thăng Long. Phía sau, khói còn tỏa nghi ngút từ bãi đất trước kia là đại đồn Ngọc Hồi!

Chiều mồng năm tháng giêng.

Tiếng súng đã im hẳn, tuy khói còn bốc lên ở đây một khóm, kia một khóm. Thỉnh thoảng, gió xa mang đến mùi hăng hắc khét hoặc tiếng tre cháy lép bép. Vào kinh thành. Ba quân đã tề chỉnh đội ngũ từ bãi đất trống ngoài thành, nên khi qua cửa ô, hàng lối rất ngay ngắn. Tuy quần áo lấm lem, những chiến nón dẫu mo cau bị méo mó hoặc đã rách, nhưng gương mặt từng người chiến thắng rạng rỡ ánh vui. Dân kinh thành đổ ra đường cười nói, hớn hở, chen nhau, đẩy nhau tìm lối đến thật gần các hàng quân để nhìn cho rõ. Nhiều tiếng xì xào: "Nhà vua đâu? Nhà vua đâu?" Tôi cười, trả lời câu hỏi ấy của một bà lão: "Cụ cứ tìm người nào cười voi mặc áo bào đỏ, thì đúng là vua Quang Trung".

Bà lão dón dác nhìn quanh. Bộ binh, kỵ binh. Rồi đến tượng binh. Bà lão không tìm được nhà vua theo lời tôi mô tả. "Vì chiếc chiến bào màu đỏ đã đen sạm màu thuốc súng"^[2]

*

* *

Lãng được sống một đêm ngây ngất, rộn rã hiếm có trên đời. Đây là lần thứ ba anh ra Thăng Long.

Anh lạ gì cảnh sắc của kinh thành này nữa. Lãng không sinh ra, lớn lên ở đây, nên không có những kỷ niệm quyến luyến đối với những sự vật tầm thường như một chái phố hò hẹn, gốc đa sợ hãi, khúc thành đổ che giấu tình tự, cái tổ chim giồng giộc của tuổi thơ mơ ước, hàng chè vối dừng chân của nho sinh lạc độ... nói chung là những sự vật chỉ có giá trị thiêng liêng đối với những người từng chia sẻ nỗi thăng trầm của kinh thành, khóc cười theo các chặng hưng phế của nó. Lãng chẳng qua chỉ là một người qua đường, nên anh chú ý đến những khung cảnh rộng lớn, hoặc những dinh thự cung miếu lưu dấu tích của lịch sử. Kỷ niệm của anh về Thăng Long không có gì riêng tư. Sự vật chỉ có cái nghĩa đen ban đầu!

Các cuộc tranh quyền đoạt vị liên tiếp diễn ra ở nơi kinh đô này đã khiến cảnh vật Thăng Long mỗi ngày mỗi thêm tiêu điều. Phố xá khép cửa nhiều hơn. Những căn nhà đổ chẳng những không được dựng lại, mà còn bỏ mặc cho cỏ dại mọc cao, dây leo che lấp vôi gạch rửa nát và ngói vỡ. Tường thành loang lổ hoặc rêu phong. Đường phố nhấp nhô, rác rến vương vãi đầy đó. Chưa kịp hoàn hồn gương mặt sau một cuộc biến đau, Thăng Long lại phải oằn mình chịu đựng một cuộc biến đau khác, cuối cùng cả cảnh lẫn người đều lâm lỉ, chai đá, buông thả, nhếch nhác. Nhưng đến mùng năm Tết Kỷ Dậu ấy, Thăng Long như một con rồng lâu nay thêm thiếp đột nhiên thức dậy. Thăng Long hồi sinh rộn ràng như một phép lạ.

Phố xá mở rộng mọi cánh cửa. Đèn đuốc rực sáng. Không biết đã lặng lẽ chuẩn bị từ lúc nào, những tay con buôn chữ nghĩa bắt tay với các thầy đồ nghèo kiệt xác từ lâu nhổ tóc bạc chờ thời, đã tung ra thị trường hằng sa số những tấm giấy điều lớn gấp hai bàn tay có bốn chữ vàng HẬU LAI KỶ TÔ^[3] Đâu đâu cũng thấy dán đầy bốn chữ ấy, viết bằng đủ kiểu, từ chữ lệ, chữ thảo bay bướm cho đến những nét chữ chân phương vụng về. Thiên hạ đổ cả ra đường cái, chen lấn nhau, dẫm cả lên chân nhau, làm rách cả vai áo cũ của nhau mà không hề xảy ra chuyện cãi vã chửi bới. Lòng từng người mở rộng khoan dung. Tất cả đều là người thân. Chủ nhà sẵn sàng nhường ghế, mời nước tất cả những ai vì chen lấn phải tạm dừng lại ít lâu trước thềm để lấy hơi. Lính Đàng Trong sát vai với dân Đàng Ngoài. Những anh lính Chiêu Thống vừa được tha về hoặc thoát chết từ lửa đạn xúm quanh anh lính Quảng nghe kể chuyện đánh đồn Ngọc Hồi. Người ta đi, đi, từ phố nhỏ đổ ra phố lớn, từ phố lớn đổ ra bờ hồ, rồi đi quanh, đi quanh. Họ gặp nhau hai lần, ba lần, cười cợt thích thú khi gặp lại từng ấy khuôn mặt, nhón chân hỏi nhau: "Chưa về à?", rướn cổ hét lớn để đáp nhau: "Chưa! Đi nữa chứ!" rồi bị ngập trong làn sóng người lô nhô rập rình.

Lãng sống suốt đêm, đắm mình trong niềm hân hoan chung, quên cả sương lạnh và chân mỏi. Ban đầu, anh còn dại dột lên tiếng đáp vài câu hỏi, hoặc của người quen Đàng Trong, hoặc của một người lạ nào đó đứng bên cạnh lúc chờ phía trước bớt nghẽn lối. Nghe Lãng nói giọng Nam Hà, người ta bu đến hỏi đủ điều, bắt anh kể, kể, kể. Khó lòng rút áo ra đi được, vì lớp này thỏa mãn thì lớp khác lại chen đến. Về sau, anh khôn ngoan giữ mồm giữ miệng, nếu cần thiết lắm thì nói vài tiếng bằng giọng Bắc.

Lãng về trại vào canh tư. Anh nôn nao ngây ngất đến nỗi không tài nào chợp mắt được. Sáng sớm mùng sáu, anh vội vào điện Kính thiên, để được nói, được san sẻ cho kẻ khác niềm hân hoan của mình.

*

* *

Trong điện, cảnh hỗn loạn bữa bãi vẫn còn bày ra trước mắt. Chiêu Thống và đám hoàng tộc, cận thần đã chạy theo Tôn Sĩ Nghị từ hôm trước, nên ở nội điện, màn trướng, bàn ghế, cả đến quần áo đồ đạc bị vất vương vãi khắp nơi. Vua Quang Trung sai quân sĩ dọn dẹp tạm các thứ ấy vào một xó, rồi kê hai chiếc sập chiều cao không bằng nhau sát lại cho đủ chỗ chất đầy mớ giấy tờ lấy được ở đại bản doanh Tây Long của Tôn Sĩ Nghị và ở cung nội của Chiêu Thống. Phía trước sập, đặt hai bộ trường kỷ và một chiếc bàn thấp dùng làm bàn trà. Nhà vua đang ngồi ở chiếc tràng kỷ bên phải lắng nghe Trần Văn Kỷ đọc một tài liệu quan trọng tìm được từ đồng giấy tờ lộn xộn ở trên sập.

Vua Quang Trung đã thay một chiếc áo bào mới màu vàng có thêu rồng, chân trái mang hia thêu kim tuyến, nhưng chân phải để trần, gác lên mặt cái bàn gỗ mun cần xa cừ. Chiếc hia phải nằm nghiêng ngay cạnh chân trường kỷ, trên một miếng gạch men Bát tràng bị nứt làm đôi.

Các tướng lĩnh và cận thần tấp nập ra vào để xin lệnh nhà vua về đủ thứ vấn đề. Nhà vua vẫn ngồi theo tư thế thoải mái như cũ, vừa lắng nghe quan Trung thư lệnh đọc các tài liệu bắt được, vừa đáp các câu hỏi của thuộc hạ.

Lãng vào điện lúc chỉ còn vua Quang Trung và Trần Văn Kỷ mà thôi. Anh hơi khựng lại, do dự, khi thấy nhà vua đã giữ bỏ hết lớp phong trần hôm trước. Nhà vua lấy giọng thân mật hỏi:

- Cậu đấy à? Rồi quay lại bảo Trần Văn Kỷ:

- Ông chuyển ngay tờ chỉ dụ của Càn Long cho Ngô Thì Nhậm. "Chỉ nên làm thanh viện để họ tự lo lấy, không cần phải dấy quân làm to chuyện". Lão già ranh ma này định chơi trò ngư ông chờ trai cò diệt nhau để đoạt lợi. Khôn thật. Không làm to chuyện! Ông nghe thấy chưa? Mình phải nhân cơ hội này để xếp gọn việc tranh chấp, không để cho dây dưa thù oán. Chờ ít lâu nữa, hãy tính lại. Ông bàn thật kỹ chuyện này với ông Nhậm nhé!

Trần Văn Kỷ cầm tờ giấy đi ra khỏi điện. Nhà vua lại vui vẻ hỏi Lãng:

- Suốt đêm qua, cậu đi những đâu?

Lãng đỏ mặt, không biết trả lời thế nào. Chẳng lẽ đáp: "đi quanh bờ hồ cho đến chồn chân, rã gối!" Nhà vua thích thú trước vẻ bối rối của Lãng, hỏi tiếp:

- Cậu đã nghe thiên hạ nói gì về ta chưa?

Lãng định kể cho vua Quang Trung nghe chuyện bà lão tìm người cười voi mặc áo bào đỏ, nhưng đúng lúc đó, đô đốc Lộc đã bước vào điện.

Vua Quang Trung dợm bỏ bàn chân phải xuống tìm hia, nhưng sau đó vẫn giữ nguyên thế ngồi cũ, chờ đô đốc Lộc đến gần lớn tiếng hỏi:

- Thế nào, đã dễ xống rồi phải không?

Đô đốc Lộc đáp:

- Tâu Hoàng thượng, hãn dẫn vài tên kỵ binh hầu cận chạy đến Phụng Nhớn thì bị ta chặn lại. Hãn vội vứt tất cả đồ tùy thân như sắc thư, kỳ bài, quân ấn để thoát thân theo đường rừng. Tôi đã cho lệnh truy nã. Được lệnh triệu, tôi có mang tất cả những thứ hãn bỏ lại về đây.

Đô đốc Lộc quay ra cửa, gọi người lính mang tất cả đồ tùy thân của Tôn Sĩ Nghị vào. Đô đốc nhận

những thứ ấy từ tay người lính, nhìn quanh không biết phải đặt ở đâu. Nhà vua hất hàm bảo:

- Vứt ngay dưới đất, chỗ này này. Ông trở về Phượng Nhõn lo việc truy kích đi. Cố giữ các kho lương của địch dọc theo đường cái quan lên ải. À quên, ngày mai mồng 7, ông cho khao quân đúng như lời ta hẹn với họ ở Ba Dội nhé.

Đô đốc Lộc cúi lạy xin lui.

Nhà vua chờ đô đốc ra khỏi điện mới xỏ chân vào hia đứng dậy, tiến lại gần đồng hồ tùy thân của Tôn Sĩ Nghị. Nhà vua dùng mũi hia hất nhẹ mớ sắc thư, kỳ bài lấm bụi lên xem, miệng cười mỉm khinh miệt. Chiếc quân ấn lặn ra xa, chạm phải chân trường kỷ, dừng lại. Vua Quang Trung quay về phía Lãng nói:

- Lúc chạy khỏi Tây Long, hãn vôi quá không kịp mặc giáp và đóng yên ngựa. Qua khỏi cầu phao lại nhần tâm hạ lệnh cắt cầu sọt ta theo truy kích, khiến hăng vạn quân Thanh chết oan ở sông Phú Lương. Lên đến Phượng Nhõn lại vất cả quân ấn, kỳ bài, sắc thư. Chỉ còn tấm thân thôi đem về bắc mà thôi. Nhục ơ là nhục! Hãn còn thua cả Sầm Nghi Đống dám thắt cổ ở Khương Thượng. Cậu thấy không? Ta hẹn vào Thăng Long trước mồng 6. Ta vào sớm được gần một ngày đấy nhé. Cậu đã chép kỹ điều đó chưa?

- Tâu Hoàng thượng, chỉ mới chép thảo thôi. Cần phải chép lại rõ ràng mới trình lên Hoàng thượng được.

- Ngày mai mồng bảy cho làm lễ khao quân thật lớn, cũng đúng như lời hẹn ở Ba Dội. Phải no say một bữa cho bù những ngày gian khổ.

Lãng chợt nhớ đến lễ khao quân ở Qui Nhơn, lúc Nguyễn Huệ vừa thắng quân Xiêm ở Rạch Gầm, Xoài Mút khải hoàn về Hoàng đế thành. Lòng Lãng rộn lên. Anh cố trấn tĩnh, rụt rè đề nghị với nhà vua:

- Tâu Hoàng thượng, có nên cho quân sĩ xem hát tuồng không?

Nhà vua chợt nhớ, vui vẻ nói:

- Phải. Ta quên mất. Có đội Giáo phường theo quân mà! Nhưng... diễn tuồng gì?

Lãng bối rối, ngập ngừng, rồi đánh bạo nói:

- Tâu Hoàng thượng... cho diễn tuồng Chàng Lía được không ạ?

Đột nhiên, vua Quang Trung sa sầm nét mặt. Giọng nhà vua gắt gỏng:

- Cậu nói gì thế? Gian khổ lặn lội ra tận chốn văn vật nghìn năm này, chẳng lẽ....

Nhà vua ngưng lại ở lưng chừng, vì đúng lúc đó, Trần Văn Kỷ bước vào điện. Nét mặt quan Trung thư hớn hở, bước chân hấp tấp. Hình như ông vôi mang dâng thêm lên nhà vua một tin vui. Thấy nét mặt vua Quang Trung vẫn còn vẻ bức dọc, Trần Văn Kỷ bờ ngỡ, liếc nhanh về phía Lãng. Lãng không giấu được vẻ sượng sùng hối tiếc. Cả ba người đều cảm thấy khó xử. Tiếng lao xao mơ hồ tận ngoài xa, có thể là tận bên ngoài cấm thành, len vào đến tận bên trong điện Kính thiên.

Một lúc lâu, nhà vua lấy giọng ôn hòa hỏi Trần Văn Kỷ:

- Ông gặp Ngô thị lang rồi chứ?

Trần Văn Kỷ vui mừng đáp:

- Tâu Hoàng thượng, chúng tôi đã...

Nhà vua đưa tay ngăn lại:

- Thôi, chuyện ấy còn dài, ta sẽ bàn sau. Ông xem ngay đồng sắc thư đô đốc Lộc vừa mang về kia!

Có thể chúng còn tính chuyện gì khác hơn những chỉ dụ ở Tây Long.

Lăng tự cảm thấy thừa thãi, quì lạy xin lui. Nhà vua ngập ngừng, định nói điều gì đó, nhưng cuối cùng chỉ gật đầu, bảo:

- Được. Có gì cần, ta sẽ gọi.

Lăng cúi đầu lui thủi ra khỏi điện Kính thiên. Từ đó cho đến khi về Phú Xuân, Lăng không được gặp nhà vua lần nào nữa.

^[1] Hoàng Lê, trang 282

^[2] Đại nam chính biên liệt truyện, sơ tập, quyển 30, tờ 34.

^[3] Nghĩa là "Vua đến thì dân sống lại", dựa theo truyền tụng của dân địa phương, do Hoa Bằng dẫn trong Quang Trung, anh hùng dân tộc.

Phần VII

Kết Từ

Chương 97

Đầu canh tư ngày hai mươi lăm tháng mười một năm ấy (Mậu thân), An thức hai con dậy lén trốn khỏi Phú Xuân.

Đêm hôm trước, An và Lãng nói chuyện với nhau quá khuya. Chờ đến lúc nghe tiếng Lãng ngáy đều, An mới dám sề sàng ngồi dậy âm thầm mò mẫm thu vén một ít quần áo và tư trang gói vào hai cái tay nải, một cái nặng cho mình, một cái nhỏ và nhẹ hơn cho Phát. Vì không dám thắp đèn, An phải sờ thật lâu lên mặt vải và tay áo, cổ áo để chọn đúng những bộ áo quần cần thiết cho hai con. Lúc đến chỗ mặc áo ngay đầu giường con bé Thái nằm, An nghe con cựa mình. Chị lo ngại đứng im thật lâu, nghe ngóng. Thái nằm im một lúc, lại ngáy đều. Tiếng ngáy hơi lớn. An yên tâm, sau khi lấy chiếc áo ấm dôi bông của con, quay xuống nhà bếp đong thêm ít gạo. Sau lưng, có tiếng gì thoang thoáng giống như một tiếng nấc nghẹn. An tưởng bé Thái khóc, dừng lại nghe ngóng. Lại hoàn toàn im lặng, trừ tiếng ngáy đều.

Xếp soạn mọi thứ xong xuôi, An mới đánh thức hai con dậy. Chị sờ soạng đến cạnh cái giường gỗ gụ. Tiếng con Thái thì thào:

- Đã đi chưa, mẹ?

An giật mình ngồi xuống mép giường. Thái đã ngồi hẳn dậy. An ôm choàng vai con, sợ Thái nói lớn tiếng. Vai con bé run run. Đưa tay lên sờ khuôn mặt con, chị xót xa thấy mình đoán đúng: con bé đã thức dậy từ lâu và khóc thầm trong bóng tối.

Hai mẹ con ôm nhau ngồi bần thần thật lâu, thật lâu... Chị đã lấy lại đủ bình tĩnh, An nói thầm với con gái:

- Con lên lay anh Phát dậy.

Nhưng kịp nghĩ có thể do vụng về, Thái đánh thức luôn cả cậu Lãng, An hấp tấp nói:

- Thôi con ngồi đây. Để mẹ đi cho.

Thằng Phát ngủ say nên An phải lay thật mạnh mới đánh thức được nó. Chỗ thằng bé nằm lại chỉ cách giường Lãng không đầy một con sào, nên khi Phát càu nhàu hơi lớn tiếng:

- Chưa sáng mà! Dậy chi sớm vậy!

An vội kè tai nó, nói nhỏ:

- Con xuống bếp, mẹ có chuyện nói.

Phát ngáp dài, chưa chịu bỏ chân xuống khỏi giường:

- Để sáng đã mẹ!

An mất kiên nhẫn, gắt:

- Tao bảo có chuyện cần, nghe không?

Phải mất một lúc lâu, Phát mới hiểu. Ba mẹ con thì thào dưới bếp bàn nhau làm cách nào để mở then cửa mà khỏi gây tiếng động. Càng về sau, Phát càng hăng hái, hăm hở như sắp được dự một trò chơi hứng

thú và nguy hiểm. Nó đòi mang cho được cái tay nải lớn, sau khi bị An từ chối không giao cho việc nhẹ nhàng khéo léo mở cánh cửa hông.

Ba mẹ con ra khỏi cổng đúng lúc trống cầm canh trong thành báo hiệu bước sang canh tư. An bần thần đứng thật lâu trước cổng, bịn rịn không muốn dời chân. Thái phải nhắc mẹ bằng cách hỏi nhỏ:

- Con đóng cổng lại, mẹ nhé. Sợ cậu dậy trễ, bọn trẻ rần mắt lén vào vườn hái hết mấy quả ổi chín.

*

* *

An lo ngại gọi hai con đến nép bên đường khi thấy nhiều đoàn người lũ lượt đổ về phía núi Bân. Trăng hạ huyền lờ mờ nhưng đủ soi lên những lưỡi giáo lấp lánh trên tầm cao của các bóng đen, mỗi khi họ ra khỏi các bóng tre tối và nhập vào khoảng rộng rãi tràn ắp sương và màu trắng lu. Qua khỏi bờ ngõ ban đầu, An hiểu đó là các toán quân trẩy sớm để tụ họp lại núi Bân dự lễ đăng quang. Lòng An nhói đau, và không biết đây là lần thứ mấy, chị ôm chặt bé Thái vào lòng để tự trấn tĩnh.

Phát bị các đoàn quân cuốn hút, ôm tay nải nặng chạy lúp xúp theo một toán có mang nhiều giáo mác nhất. Nhưng tay nải nặng quá. Mẹ cậu sợ cảnh cơm cao gạo kém, không mua được cái ăn ở dọc đường, nên đã dồn đầy một ruột tượng gạo trắng cho vào tay nải. Đến ngã ba, một bên là lối lên núi Bân, một bên lối vào thành, Phát mệt nhoài, mồ hôi vã ra như tắm. Phát phải dừng lại chờ mẹ và em.

Sợ Thái chế giễu sự yếu đuối của mình, Phát cố hỏi to và chậm để che giấu mệt nhọc:

- Đi lối nào hở mẹ?

An đoán ngay được nỗi khó nhọc của con, nên hỏi:

- Nặng quá phải không?

Thái không chú ý đến anh, hỏi mẹ:

- Chắc cậu chưa dậy đâu, mẹ nhỉ?

An kéo hai con vào mép đường:

- Tránh vào đây cho quân đi. Vào sâu trong này, Phát. Mẹ đã bảo! Đem luôn tay nải theo. Nghỉ một chút đã. Có nặng lắm không?

Phát không trả lời. Mãi đến lúc ấy, Thái mới chú ý đến cái lưng dầm mồ hôi của anh. Con bé nói:

- Để con mang bớt cho anh Phát. Kia mẹ xem, anh ấy mồ hôi mồ kê...

Phát cúi kinh, cướp lời em:

- Tại sương đầy chứ. Mà chỉ giỏi bươi móc chuyện người khác.

An đứng ra giảng hòa:

- Thôi. Con chỉ mang cái ruột tượng gạo. Đưa tay nải quần áo cho mẹ. Thái mang cho mẹ cái này nhé. Khi nào mỏi thì nói. Lại thêm một đoàn nữa qua. Không biết quân ở đâu tới mà đông quá.

Phát rụt rè nói:

- Dự lễ chắc vui lắm hở mẹ?

Thái lên giọng đàn chị:

- Lễ lên ngôi của người giết cha mình mà anh khen vui! Sao lại có người ác đến thế. "Người ta" hạ

lệnh giết cha mình mà có nhú mày do dự chút nào đâu!

An giật mình quay lại nhìn con gái. Thái nhìn mẹ với vẻ căm thù giả vờ và nét nghiêm trang ngây thơ. An chợt dạ hỏi con:

- Đêm qua con ngủ được không?

Thái nói dối:

- Ngủ ngon lắm, mẹ ạ!

- Lúc mẹ nói chuyện với cậu, con đã ngủ chưa?

Thái lúng túng đáp:

- Con mới... con mới thiu thiu thôi, mẹ!

Tim An lại đau nhói. Cổ An nghẹn. Thái mừng rỡ tưởng hiểu rằng nó vừa nói điều gì đó khiến mẹ đau lòng, nên lo lắng gọi:

- Mẹ, mẹ sao thế?

Phát nói:

- Mày lắm lời lắm, không ai ưa. Lại một toán nữa đến kìa mẹ. Hình như đi ngựa thì phải. Đúng là kỵ binh. Mẹ có nghe thấy tiếng vó ngựa không? Không biết chừng sau toán này lại đến toán voi.

Thái vẫn ôm lấy An, thảng thốt hỏi:

- Mẹ, sao mẹ run thế? Mẹ lạnh phải không? Hay tại con lỡ dại lén nghe chuyện người lớn?

An cúi xuống định an ủi con, và đột nhiên, gương mặt hoảng hốt, giọng nói lo âu của Thái khiến chị nhớ lại cái cảnh chạy trốn của gia đình gần hai mươi lăm năm trước: vẫn cảnh khuya khoắt, vẫn những con đường nhấp nhô chạy giữa các khóm tre, vẫn những chiếc tay nải cột vôi trên tay, vẫn tình cảnh xiêu bạt của một người mẹ yếu và lũ con thơ dại chưa hiểu hết sự nghiệt ngã của đời sống trước mắt và mai sau, vẫn cái nhìn giọng nói lo lắng của một đứa con gái nhỏ bên người mẹ hiền... Chỉ khác một đôi điều: đứa con gái trong cuộc chạy trốn ngày xưa, bây giờ lại làm mẹ, và trong cảnh tỵ nạn, bây giờ thiếu mất người cha!

An xúc động quá, ôm chặt con và khóc thành tiếng.

*

* *

Ba mẹ con rẽ theo đường lên núi Bân, vì nếu đi thêm một đoạn nữa, sẽ gặp đường thiên lý nối liền Phú Xuân với xứ Quảng. Đêm đã qua canh năm. Trời sáng lờ mờ. An kinh ngạc nhận thấy ngoài đường cái chỉ có quân lính đi lại. Nét mặt rầu rĩ và cách ăn mặc nhếch nhác cố ý của An không ngăn được những câu chòng ghẹo của đám lính:

- Mạ nó ời, đã bảo về sao còn dẫn con theo lên đây làm gì? Không sợ phép quan sao?

- Chị kia, muốn theo chúng tôi đi chém đầu giặc Ngô phỏng? Chán cảnh chồng con rồi phải không?

- Ối ời, không phải con tôi đâu nhé! Đừng dẫn chúng lên kiện quan đô đốc để tôi mất dịp "biết" gái Bắc Hà. Vu oan giá họa như thế không hay đâu!

- Không phải nó thì chắc chắn là anh đây rồi! Đúng là hai đứa con anh đây mà! Mắt ấy miệng này,

các bác nhìn xem, có phải giống như đúc khuôn không?

Nhiều tiếng cười khoái trá. Một anh lính nói:

- Mũi mày là mũi sư tử. Môi mày vều. Răng lại hô. Gớm, chị ta có mũi đâu mà chịu để hai đứa con đẹp như thế cho mày.

Lâu lâu cũng có những lời chòng ghẹo tục tĩu hơn. An cúi mặt xuống mà đi, chờ mãi chưa thấy bớt cảnh quân lính tấp nập. Dân chúng hai bên đường cũng đứng dày trước cửa, bàn tán chỉ trở các toán quân qua lại.

An sợ gặp người quen, nên dẫn con tấp vào một cái quán tranh hơi vắng khách. Vả lại, cả Thái lẫn Phát đều kêu khát. An hỏi chị chủ quán, một người đàn bà trạc năm mươi, mặt tóp lại dưới mái tóc bạc lựa thưa, mắt kém nên neho lại khi đến gần đĩa đèn thối tắt để tiết kiệm dầu:

- Sao hôm nay không thấy bạn hàng đi chợ sớm hử thím?

Chị chủ quán đưa tay bóp tắt cái tim đèn lụn, rồi quay lại đáp:

- Có lệnh cấm đường, cấm chợ từ chiều hôm qua, chị không biết à?

An ngậy thơ hỏi:

- Sao lại cấm đường?

Một người đàn ông ra dáng con buôn đường xa cười lớn rồi bảo:

- Chị này hỏi đến hay! Không thấy quân đi rầm rập sao? Vả lại không cấm thì cũng không có cái gì để đi. Ghe thuyền, xe, ngựa đều trưng dụng để chở quân. Tôi sống dở chết dở vì hai thúng hàng này. Không biết đến bao giờ mới tìm ra được ngựa thồ!

Một người đàn ông khác, đầu trùm khăn đang ngồi hút thuốc lào ở góc quán, góp lời:

- Ồi, ăn thua gì hàng với họ! Việc nước lớn tày trời phải lo trước đã chứ. Giặc Ngô mà vào đây, thì liệu bác có giữ được hai thúng hàng không. Nhưng này, bác buôn gì thế?

Khách buôn nọ do dự trước khi trả lời:

- Cũng như chuyển trước thôi!

- Cá muối sư phải không?

- Vâng.

- Có rửa thối đâu mà lo. Sao không đi dò?

- Đò cũng dùng chở quân cả rồi. Tôi gánh lên đây, tưởng thuê được ngựa thồ.

- Nếu tôi là bác, tôi tính gọn, một nháy mắt là xong.

- Tính thế nào?

- Đem biểu cho mấy anh lính sắp ra Bắc diệt giặc Ngô kia kìa.

Người buôn mắt ậm ừ, trong lúc cả quán cười vang. Không chịu thua, người buôn mắt hỏi người hút thuốc lào:

- Thế chuyển này bác đi đâu?

- Tôi ra đây.

Lại có nhiều tiếng khúc khích:

- Vẫn buôn quế Quảng đấy chứ?

- Thì vẫn quế.

- Sao? Bác đã biểu cho quân sĩ làm thuốc đi đường phòng ngừa cảm mạo, đau bụng chưa?

- Bác khỏi nhắc.

- Tôi ngờ lắm.

- Tôi cũng ngờ.

- Ô hay, ngờ cái gì?

- Ngờ chuyện bác ngờ ấy. Vì bác suy bụng ta ra bụng người.

Không khí có vẻ nghiêm trọng, nên cả quán im lặng lắng tai nghe cuộc đấu khẩu giữa hai bạn buôn. Người buôn mắt bắt đầu xẵng giọng:

- Bác không nói cho rõ thì tuyệt tình anh em đó. Bụng tôi ra sao mà bác ngờ?

- Bác tưởng tôi ra đây buôn quế như lần trước phỏng? Bác lầm.

- Thế bác đi đâu? Cái gì bác giấu trong tay nải kia, nếu không phải là mấy thanh quế lậu? Bác tưởng tôi mù hay sao?

- Không. Không phải quế lậu.

- Đến bây giờ mà bác còn muốn lấy vải thưa che mắt thánh. Mấy cái thanh tròn tròn kia không phải quế thì là cái gì?

Người buôn quế cười nhỏ, rồi chậm rãi mở tay nải. An không dẫn được tò mò, cố nhướn chân nhìn xem cho rõ bác ta sắp trình ra món hàng gì. Cả quán ồ lên kinh ngạc, rồi sợ hãi, khi thấy người buôn quế rút ra mấy cây đao cõ trung lưỡi bén sáng quắc.

Chị chủ quán lo ngại, lớn tiếng can:

- Thôi thôi, mấy bác đừng gây gỗ to chuyện không hay đâu. Cãi vã nhau rồi bỏ qua đi, phép quan ở đây nghiêm lắm.

Người buôn mắt chùn lại một bước, nhưng sợ mất mặt, quay phân bua với mọi người:

- Bà con làm chứng cho tôi, chính hãn đem đao ra dọa tôi chứ không phải tôi gây sự. Này, anh tưởng tôi sợ anh hả? Thằng này sợ lẽ phải, chứ không sợ gươm đao đâu!

Người buôn quế đặt bó đao lên chõng, điềm tĩnh nói:

- Bác hiểu lầm rồi. Thôi, muốn bác với bà con ở đây khỏi hiểu lầm, tôi đành phải khai xấu cả tổ tông vậy. Không giấu gì bác, trước kia dòng họ nhà tôi xiêu tán khắp xứ Quảng, làm gì cũng không đủ sống, cuối cùng tấp về truông Cát gần Bến Ván để làm cướp đường. Ăn cướp thì phải có đao tốt. Về sau, cha tôi giải nghệ làm ăn lương thiện, nhưng tại từ đường vẫn còn giữ bó đao này lại để làm đồ thờ. Tôi có hai đứa con trai đã sung vào tinh binh từ năm ngoái. Chuyến này tôi mang quế ra cửa Hội, ghé dinh Chàm thì nghe tin đồn giặc Ngô ngấp nghé định xâm lấn Bắc Hà. Tôi nghĩ: thế nào bọn con cháu Lê, Trịnh cũng rước giặc Ngô về. Phải ra kinh đô gấp xem sao. Tôi bán quế giá rẻ cho mau hết, rồi tạt qua nhà lấy bó đao ra đây. Giao bó đao ăn cướp cho hai con diệt cướp, bác thấy không, việc đó hay lắm chứ. Ông bà dưới tuổi vàng phải đặc chí lắm chứ! Biểu quân sĩ bó đao này không quý hơn biểu quế hay sao?

Chị chủ quán thích thú nói:

- Bác phải tìm cho ra hai cậu con trai để trao bó đao thì mới thật hay.

Người buôn quế vui vẻ nói:

- Ấy, tôi cũng định như vậy. Thế nào chốc nữa dự lễ đăng quang tôi cũng tìm ra các con của tôi.

Triều đình cũng vừa hạ chiếu quyên góp vũ khí, phải thế không tím?

- Dạ, đúng thế.

An mãi nghe chuyện quên cả nỗi lo riêng. Nhưng lòng chị canh cánh, từ lúc nghe người buôn quế nhắc đến hai tiếng Bến Ván. Bến Ván! Bến Ván! Ranh giới phân chia vùng đất của Bắc Bình vương và Thái Đức hoàng đế, ngăn cách Phú Xuân và An Thái. An bồi hồi nhắc thầm hai tiếng An Thái, nhưng thấy lòng quặn đau khi nhớ đến Bến Ván. Làm sao qua khỏi con sông khắc nghiệt đó để thoát khỏi cảnh ngộ khắc nghiệt ở trước mắt? Về An Thái làm gì? An chưa hiểu rõ. Có thể chỉ để nhìn lại những dấu tích của một thời, rồi sau đó xót xa hơn. Nhưng An nghĩ phải về. Như lá rụng về cội.

Lúc câu chuyện đã ngã ngũ không còn gì lôi cuốn nữa, mọi người trong quán lại im lặng. An mua cái bánh trắng nướng chia cho hai con, rồi đến gần người buôn quế làm quen để hỏi:

- Chuyến vừa rồi, bác có vào đến Bến Ván không?

Người buôn quế hơi ngờ ngàng, nhưng cũng vui vẻ đáp:

- Có. Chị cũng biết Bến Ván à?

An không trả lời thẳng câu hỏi, chỉ nói quanh:

- Thưa không ạ. Nhưng tôi có bà con trong Qui Nhơn. Qua lại Bến Ván có dễ dàng không bác?

- Biết cách thì cũng dễ thôi. Cái cách của con nhà buôn chúng tôi đấy mà, chị khắc hiểu.

An đoán có lẽ là bác ta muốn nói đến cách dứt lốt mua chuộc của bọn con buôn, nên gật đầu. Đôi mắt người buôn quế sáng lên cái tình ranh của con buôn:

- Nhưng từ năm Đinh vị tới nay (1787), phải trả giá cao quá lắm.

Người buôn quế nhìn quanh, rồi hạ thấp giọng:

- Từ lúc hai anh em đánh nhau, rồi lấy Bến Ván làm ranh giới, hai bên quan quân hằm hè, gườm nhau như những kẻ thù. Khó lắm. Được lòng bên nọ thì mất lòng bên kia.

An cố hỏi thêm:

- Đường sá từ đây vào Bến Ván có yên không bác?

Người buôn quế trợn mắt hỏi:

- Chị định vào đấy à?

An cố chối:

- Không. Tôi hỏi cho biết. Quê tôi ở phía ngoài này, gần dinh Chàm kia!

- Chị ở Quảng thì còn lạ gì đường đi mà còn hỏi?

An cười che giấu bối rối:

- Lâu quá tôi chưa về quê. Nay định đem hai cháu về cho biết họ biết hàng.

- Ra thế! Chị bắt đầu đi từ đâu? Dinh Chàm nhé! Từ dinh Chàm qua ngã sông Kê thế đến chợ Chiên

đàn một ngày. Từ chợ Chiên đàn đến sông Bến Ván một ngày, vị chi hai ngày đường. Ngày đầu đi qua các vùng có nhiều dân cư, đường quan có quán xá nhiều lắm. Nhưng sang hôm sau thì vất vả đấy. Toàn cát và bụi rậm, nhiều đoạn đi sát núi ^[1]. Gặp bọn cướp đường là chuyện thường.

Thấy An lo lắng ra mặt, người buôn quế hỏi:

- Chị định vào cả đó hay sao mà lo âu vậy?

An trả lời nước đôi:

- Có thể về Quảng xong, tôi sẽ vào Bến Ván để...

- Để đi buôn phỏng? Nhiều lãi lắm, nhưng cũng gian nan lắm. Đàn bà con gái không kham nổi đâu.

Nếu chị muốn buôn bán thì vào đến chợ Chiên đàn cũng lắm món có thể có lời. Nhất là nguồn Chiên đàn. Vào sâu nữa, thì...

Bác buôn quế nhìn An, ái ngại.

*

* *

Sau lễ xuất sư, có lẽ để đề phòng những bất trắc khi đại quân kéo cả ra bắc, biện pháp cấm đường ra vào kinh thành vẫn duy trì tiếp hai ngày. Trong thời gian đó, An và hai con phải ở nhờ tại cái quán tranh vắng khách ấy. Những người lỡ đường bất đắc dĩ cũng trú tại quán, hôm sau lên tới mười người. Hầu hết là khách đàn ông. Chủ quán cho ba mẹ con An ngủ chung với bà trong căn phòng hẹp phía sau, kề với chỗ đặt bếp. Phát tự nhận mình là "nam nhi" không chịu ở chung với em và mẹ, ban đêm ra ngủ ở gian trước, gần cửa ngăn. Cảnh sống chui rúc chật hẹp có nhiều chung đụng bất tiện mà Thái chưa quen. Nét mặt cô bé dàu dàu, lăm lăm khác thường. Và lại, Thái cũng làm dối với mẹ, vì An mãi chuyện trò với chị chủ quán, quên lưu ý đến con. An nói dối là có chồng làm lính đã ra bắc trước hai ngày vì thuộc toán tiền phong, ba mẹ con bơ vơ phải về tạm quê ngoại bên kia Ngãi lĩnh. Thế là chị chủ quán hết cả dè dặt. Chị có hai người con đã vào tinh binh năm trước, ngày đêm luyện tập võ nghệ dưới chân núi Bân. Người chồng già 52 tuổi của chị thì được lệnh nhập lính mới chiều hôm trước, bỏ lại cho chị mấy liếp đất gieo cải và cái chuồng gà đang làm dở. Ban đêm hai người đàn bà thủ thủ với nhau đủ thứ chuyện, từ chồng con cho đến chuyện chiến tranh. An tò mò hỏi chị chủ quán:

- Chú tuổi già mà còn phải lính, thím có buồn không?

Chị chủ quán đáp:

- Cũng buồn chứ! rồi như sợ An hiểu sai ý mình, chị tiếp:

- Không có đàn ông trong nhà, như... như nhà không có mái vậy. Đàn gà bươi nát hết hai liếp cải mới nhú, tiếc đứt ruột mà làm gì được.

- Còn chú ấy?

- Chị hỏi gì ạ?

An cười:

- Chú xa thím, có buồn không?

Câu hỏi không rõ nghĩa nên chị chủ quán đáp:

- Tôi cũng buồn chứ.

- Không. Tôi hỏi chú có buồn không?

Chị chủ quán cố ý tỏ vẻ ngao ngán:

- Tôi không hiểu nữa. Đàn ông họ sao sao ấy. Hồi sáng chị có nghe ông buồn quế nói chuyện chứ?

- Có ạ.

- Đấy. Đàn ông người nào cũng thế cả. Lúc bình thường thì hiền lành, chăm làm ăn, biết thương yêu vợ con. Nhưng hễ nghe tiếng trống chiêng giục thì như lên cơn vậy. Chị chưa thấy nét mặt ông nhà tôi khi ông cầm được cái cán giáo. Nói thế nào cho đúng nhỉ!

An quên nỗi đau riêng, cố trộn mắt bậm môi lại hỏi đùa:

- Có phải như thế này không?

Chị chủ quán cười to, chữa lại:

- Không đâu. Chị khéo làm trò. Ông lớn lên, lúng túng kỳ cục lắm. Chưa bao giờ tôi thấy ông như vậy cả. Ngày thường ông nghiêm lắm. Đến nỗi sai lỗi con ra mời ông vào ăn cơm, chúng nó cứ nạnh hẹ nhau, đứa này đùa cho đứa kia. Tôi nói điều này chị đừng cười (chị chủ quán cũng bối rối bẽn lễn y như chồng), nét mặt ông giống y như lúc mới về làm rể.

An bật cười nói:

- Ngày xưa chắc thím đẹp lắm, nên chú mới mất hết bình tĩnh như vậy.

Chị chủ quán mỉm cười, mắt mơ màng. An biết mình đã gọi lại cho chị kỷ niệm đẹp nhất của một đời, kỷ niệm đủ sức đánh đổi những năm tháng khổ nhọc, lam lũ chịu đựng về sau. Chị chủ quán vuốt lại mái tóc bạc, nói nhỏ:

- Vâng. Hồi đó tóc tôi mượt và dài. Ông còn khen hai con mắt của tôi giống như hai hạt nhãn. Nhưng... chuyện đó xưa rồi.

An nghe chị chủ quán thở dài. An chuyển câu chuyện:

- Chú sức yếu, chịu đựng nỗi đời lính không? Tôi sợ không theo nổi bọn trẻ.

Chị chủ quán đáp:

- Vâng. Hơn năm mươi rồi còn gì. Nhưng...

Chị ta dừng lại, dường như không biết diễn tả thế nào cho đúng ý. An kiên nhẫn đợi. Một lúc, chị ta nói:

- Bảo tôi lo lắng, thì đúng là có lo. Nhưng sợ thì không. Ở đây hàng quán, thường ngày lính tráng đi về núi Bân luyện tập vẫn ghé đây. Hai con trai tôi cũng đi tình binh. Tôi nghe họ bàn với nhau, nên cũng biết là nhà vua cầm quân giỏi lắm. Trăm trận trăm thắng. Nghe nhà vua đích thân cầm quân chuyến này, tôi yên tâm.

Nếu không kịp nhớ đến cảnh góa bụa của mình, An đã chụp lấy cánh tay chị chủ quán lắc lắc để tỏ vẻ thông cảm và biết ơn. Da mặt An hồng lên, nụ cười bẽn lễn gượng gạo. Chị chủ quán ngơ ngác không hiểu nỗi An, cứ nghĩ mình vừa nói điều gì ngây ngô.

Sáng hôm sau, có lệnh mở đường. An sợ gặp Lãng hay những người quen biết, nên theo một đoàn ngựa thồ rời Phú Xuân từ sáng sớm. Cái sắc đẹp đoan chính sâu muộn của chị giúp chị đỡ nhọc nhằn suốt cuộc hành trình. Những người đi buôn bằng ngựa thồ, bằng lòng cho An gửi mấy cái tay nải vào các giỏ hàng rỗng. Đến quán Trà, họ lại chịu cho Phát và Thái cưỡi lên ngựa cho đỡ mỏi chân. Nhờ thế, ngày đầu tiên, ba mẹ con đến được quán Tuần ải. Tối hôm sau, đến Thanh Khê. Thêm một ngày đường nữa, đoàn ngựa thồ dừng lại ở dinh Chàm để hôm sau ra cửa Hội. An cảm ơn lòng tốt của họ, tìm nơi cho các con nghỉ ngơi một ngày rồi tiếp tục về phương nam. Phải, về phương nam, vì cho đến lúc ấy, An chỉ mới định được hướng đi. Chưa định được nơi phải đến. Chị không thể biết rõ phải về đâu. Về An Thái, đó là ước vọng thầm kín của chị. Ba ngôi mộ của người thân yêu (mộ ông giáo ở Bằng Châu, mộ mẹ ở An Thái, và mộ Chình) đang chờ chị về đốt một nén nhang, rửa những giọt nước mắt và cất tiếng khóc bi thiết. Có thể Kiên đang ở đâu đó, quanh quất Qui Nhơn hay An Thái và chị có thể nương tựa. Còn có cây gạo ở bến sông, có nền nhà học, thậm chí có những thứ nhỏ mọn đã từng chứng kiến quãng đời hoa niên đẹp đẽ của chị như một hòn đá xanh trước ngõ Hai Nhiều, lớp tro vương vãi trên chỗ xưa kia là nhà bếp, mảnh nẹp cau của hàng rào từng bị Chình phá đạo ấy... Làm sao An dám nói bao điều u ẩn ấy thành lời. Về An Thái! Có thể được nữa không? An biết rõ An Thái đã thuộc hẳn về một thế giới khác. Về đó cũng khó như là đi ngược từ cái tuổi già cỗi chán chường này về lại tuổi thơ. Nhưng không về đó thì về đâu? Câu hỏi đó khiến chị chùn chân. Cho nên từ dinh Chàm, ba mẹ con xuôi nam chậm chạp hẳn lại. Một ngày mới đến quán Hà lam. Ba ngày mới đến quán ông Bộ. Càng vào sâu phía trong, đường sá càng hoang vu đúng như lời người buôn quế. Cồn cát này tiếp nối cồn cát kia. Đất đai trắng đã trở trụi những bụi gai thấp lá nhỏ và úa. Những đoạn chạy gần chân núi, đường sá càng hiu quạnh hơn. Đến sông Bến Ván thì ba mẹ con gần như kiệt sức. Nếu không có phép nước nghiêm cấm qua lại ranh giới hai miền đất đang ngờ vực nhau, An và hai con cũng không thể đủ sức cất nổi bước qua cầu Bến Ván. Giới hạn của thân xác, giới hạn của quyền lực tự nhiên buộc họ dừng lại đó. Bến Ván trở thành nơi đến của ba mẹ con. ^[2]

^[1] Theo *Phủ Biên Tạp Lục*, Lê Quý Đôn, trang 118, 119.

^[2] Tên các trạm đường dựa theo *Phủ Biên Tạp Lục*, Lê Quý Đôn, trang 117.

Chương 98

Nơi ban đầu An tưởng là đất chết, thật ra là đất sống!

Vùng đất căn cỗi hiu quạnh chỉ toàn cát và những bụi gai trơ trụi dưới nắng lửa, nơi không thể nuôi sống con người, nơi Trời dành riêng làm chỗ chém giết sát phạt nhau đó hình như chỉ được biết đến vì những tai ương và máu vô tội. Máu của dân hiền lương và bọn khách buôn bị cướp ở suốt truông Cát. Máu của binh triều và quân Tây Sơn đổ ra trong trận đánh ác liệt năm Giáp Tị (1773) (Mãi bị tử trận trong trận này, xác bị quân triều vùi xuống dưới một bụi gai sau khi hốt tai, xẻo mũi, băm vằm thân thể đến nát bấy). Máu của binh sĩ Qui Nhơn và Phú Xuân trong các cuộc lưu huyết lẻ tẻ ở ranh giới vì những cái cớ nhỏ nhặt từ năm Đinh Vị (1787) đến nay (năm kết thúc cuộc chiến tranh nổi da xáo thịt giữa hai anh em Nhạc, Huệ, bằng thỏa ước lấy Bến Ván làm ranh giới phân chia hai vùng cai trị).

Nhưng sau khi vua Quang Trung đại thắng quân Thanh và bắt đầu cho áp dụng những biện pháp ổn định kinh tế và trị an, nhất là sau khi tờ Chiếu khuyến nông được ban bố và thi hành triệt để^[1], Bến Ván trở thành chỗ trú cho nhiều thành phần sống ngoài vòng pháp luật và bọn vô lại.

Vua Thái Đức thấy rõ hơn ai hết uy lực của người em tài ba, của người anh hùng vừa ghi thêm cái công đánh đuổi quân xâm lăng để cứu quốc, của chú em út cứng đầu nhiều tham vọng sau khi đại thắng quân Thanh đang muốn tiến quân về phía nam để thống nhất đất nước, nên hạ lệnh rút bớt số quân phòng thủ ở Bến Ván để tránh các vụ va chạm bất lợi. Nhà vua không muốn các vụ xung đột lâu nay vẫn thường xảy ra ở Bến Ván giữa hai phe trở thành cái cớ cho "chú Tám Thơm" xua quân uy hiếp Qui Nhơn.

Ngược lại, vua Quang Trung cũng ra lệnh rút toán quân đóng bên này cầu về chợ Cầu Ông Bộ, cách Bến Ván gần nửa ngày đường để tỏ ý nhường nhịn. Nguyễn Huệ cũng hiểu rõ hơn ai hết tính đa nghi của vua anh, nên muốn có hành động cụ thể để trấn an Qui Nhơn.

Bến Ván trở thành vùng đất vô luật pháp, cái đệm êm ái cho bọn buôn lậu, bọn trộm cướp, những người sắp thành nạn nhân của ông vua già đa nghi, những dân quen sống lưu tán đã làm giàu nhờ chiến tranh không muốn hồi cư cầm cuốc cầm cày theo biện pháp cương quyết của Chiếu khuyến nông.

Từ vài hàng quà bán nước trà tươi, vài trái ổi rừng, đôi ba quả chuối héo dành bán cho những người lính nghèo, chẳng bao lâu biến thành một khu chợ đông đúc. Hàng hóa thượng vàng hạ cám thứ gì cũng có, kể cả những hàng Tàu đem từ cửa Hội vào để cung phụng cho gia đình các quan lớn trong Qui Nhơn. Có nhiều thứ hàng đắt tiền như sa, đoạn, nhung, quạt giấy, đèn lồng, đồ sứ, đồ đồng... giá còn rẻ hơn ở cửa Hội, vì các thuyền buôn Quảng Đông đổ hàng lậu lên cửa Hợp hòa để tránh thuế của Tàu vụ. Hàng quán mọc lên như nấm trên nền cát cháy nắng. Ban đầu chỉ là những cái chòi lá xiêu vẹo tạm bợ. Về sau mái tranh liếp nửa hàng hoàng. Từ chợ lập nên phố, dù là phố tranh. Dần dà có hẳn một thứ tổ chức công quyền riêng, do thỏa hiệp giữa bọn con buôn và các nhóm vô lại.

An vừa ngỡ ngàng vừa mừng rỡ chứng kiến cuộc đổi lột kỳ lạ của Bến Ván, lòng thầm cảm ơn Trời

xanh đã mở cho mình một sinh lộ. Chị mở một quán cơm ở ngay chợ. Với số vốn mang theo, An mau chóng khuếch trương cơ sở làm ăn, bỏ nghề bán cơm quá sức nhọc nhằn để trở thành người buôn bán tạp hóa. Rồi trở thành một người chuyên trữ hàng Tàu. Nửa năm sau ngày dắt díu con cái đến Bến Ván, An trở thành một người khá giả của vùng đất lộn xộn phức tạp này.

*

* *

Làm sao một góa phụ ba mươi bảy tuổi yếu ớt cùng hai đứa con nhỏ dại có thể sống yên ổn giữa đám vô lại ấy suốt nửa năm trời?

An cũng đã tự hỏi như vậy. Trôi giạt về Bến Ván, không qua được bên kia sông để về chỗ mơ ước, chị phải dừng lại. Phải sống. Che một cái chòi lá để mở quán cơm, việc đó gần tầm tay của An nhất. Bọn lưu manh liều lĩnh và hiếu sắc chung quanh An không thiếu. Chút nhan sắc chưa kịp tàn tạ, cộng với vẻ đoan chính sâu muện có một sức cuốn hút mạnh mẽ đối với bọn đàn ông ở Bến Ván, kể cả những tay vô học thô bạo chuyên nghề trộm cướp và khuân vác hàng lậu. Quán cơm của An đông khách hơn nơi khác. An vừa mừng vừa hồi hộp lo ngại, nhất là những đêm không làm cách nào đuổi được bọn đàn ông lân la tìm cố ngồi dai, không chịu ra về. An không bán rượu. Họ mua rượu ở nơi khác đến uống sau bữa cơm. Đã có nhiều tay giả say lè nhè những lời sàm sỡ. Bé Thái sợ quá, thì thào bảo mẹ nên tìm cách dời đi chỗ khác. An còn dùng dằng chưa biết tính thế nào thì không biết từ đâu, có lẽ từ những con buôn cửa Hội, cả Bến Ván xì xầm với nhau về gốc tích ba mẹ con An. Vài khách buôn đường dài chạy hàng Tàu vô ra cửa Hội, Bến Ván trước kia có biết Lợi. Rồi những câu chuyện tô vẽ thêm về mối tình giữa cô con gái ông giáo Hiến với người học trò xuất sắc nhất của ông - những câu chuyện Lợi loan truyền khắp nơi để làm thế dựa mặt cả - mau chóng trở thành đề tài hấp dẫn lúc rảnh rỗi. Mọi người nhìn mẹ con An với đôi mắt khác hẳn. Thái độ của họ, kể cả bọn vô lại, trở nên phức tạp. Một đảng họ thấy ba mẹ con An gần gũi với họ vì cùng thuộc vào hạng sa cơ lỡ vận, hạng không tìm được chỗ nào dung thân nên tụ về miền đất vô pháp luật này sống qua thời. Nhưng địa vị của ông giáo Hiến, thanh thế của Lợi, nhất là mối liên hệ tình cảm giữa vị hoàng đế lấy lòng và góa phụ ốm yếu này, kể cả cách đi đứng ăn nói của An, tất cả những yếu tố đó khiến họ tự cảm thấy hãnh diện khi được An dọn cho bữa ăn, Thái rót nước trà đem đến mời sau bữa, Phát nhắc ghế cho ngồi. Từ đó không còn cảnh say rượu, ăn quịt, không còn những cái nhìn sỗ sàng, những lời sàm sỡ. Bọn con buôn giàu có dĩ nhiên ít mặc cảm hơn đám vô lại. Nhưng là những con buôn, họ hiểu rõ rằng việc làm ăn phát đạt hiện tại ở Bến Ván chỉ là cơ hội bấp bênh, không thể lâu dài. Khi Phú Xuân hay Qui Nhơn hết nhường nhịn, hoặc hết né tránh nhau, tất nhiên Bến Ván mau chóng trở thành vùng đất không người. Họ chụp giựt mỗi lợi trước mắt, và khôn ngoan tránh bị lụy vì Phú Xuân hay Qui Nhơn. Chạm vào gia đình mẹ con An là đã chạm đến có thể là lòng tự ái, có thể là danh dự của vị hoàng đế lấy lòng từ nam ra bắc. Bọn con buôn nghĩ vậy.

Nhờ thế, An buôn bán trong sự an toàn. Gần như chị được cả khách mua lẫn khách bán chiều chuộng. Tuy vậy, lòng An không lúc nào yên. Thăng Phát dễ hư quá. Cái tính hiếu thắng, ương ngạnh, nóng nảy, ưa những điều hời hợt bề ngoài, cộng thêm cái thói mê xóc đĩa mới nhiễm, khiến thằng bé mau chóng trở thành

một tên vô lại nhỏ. Nó bắt chước hết tật xấu của bọn lưu manh, từ cách ăn nói, đi đứng. Phát ăn cắp tiền của mẹ, trả công cho bọn trộm cướp chuyên nghiệp dạy võ, lén lấy hàng của mẹ bán lấy tiền đãi chúng rượu thịt. An bơ vơ giữa một đám người xa lạ, đau xót thấy con hư đốn. Cuộc sống chup giứt bấp bênh làm An chóng mặt, lúc nào cũng hồi hộp lo sợ. Phải tìm một chỗ dựa vững chắc hơn! Dựa vào đâu? Cái ý về An thái cứ lớn vồn trong đầu An. Về được không? Sao không về?

Tháng bảy năm đó, An gửi hai con và nhà cửa cho một người bạn buôn đáng tin cậy, một mình tìm cách vượt sông Bến Ván về Qui Nhơn.

*
* *

Khởi cần phải kể lại những phí tổn lớn lao và nỗi nhọc nhằn của An trên đường vô nam. Đến Qui Nhơn, An tìm ngay đến cái quán cũ của anh gần bến tắm ngựa. Như An lo lắng từ trước, căn nhà đã đổi chủ. Cái chái tranh trước đây Kiên cất thêm để làm quán rượu đã bị dỡ đi, khung cảnh căn nhà đổi khác hẳn. An do dự, băn khoăn, không hiểu có đúng đây là nhà của Kiên không? Thằng bé trạc mười tuổi thấy có người lạ lảng vảng phía trước rào, e dè đứng chặn ngay cửa nói lớn:

- Không có ai ở nhà cả. Không có gì để cho đâu. Đi đi!

An nhìn lại quần áo mình. Chị giật mình nhận thấy mình ăn mặc nhếch nhác tiêu tụy quá. Bụi đường bám lên bộ quần áo đen và mặt mũi, không trách thằng bé lầm An là một người ăn mày. An ngoắc thằng bé ra hỏi:

- Cho chị hỏi thăm. Có phải đây là nhà ông Kiên không?

Thằng bé vẫn đứng ở ngạch cửa, hỏi trống:

- Ông nào?

- Ông Kiên. Ông Kiên trước đây làm...

An ngập ngừng, không biết nói cho đúng trước đây Kiên làm gì. Thằng bé càng thêm nghi ngờ, nói xằng:

- Đừng bày đặt chuyện để lấy cắp đồ người ta. Đi đi, tôi gọi lính bắt bây giờ!

Một cụ già hiện ra ở chái tây, nơi có lối ra vườn. An mừng rỡ hỏi lớn:

- Thưa cụ, cho cháu hỏi thăm một chút. Anh Kiên anh cháu có còn ở đây không?

Ông lão chống gậy ra gần cổng, neho mắt nhìn khắp người An một chập, mới hỏi:

- Cô là gì của... của Đức Thầy?

An kinh ngạc hỏi lại:

- Đức Thầy nào ạ?

- Cô vừa hỏi nhà ông Kiên phải không?

An hấp tấp đáp, mừng đến líu lưỡi:

- Quả thế. Cụ cũng biết anh Kiên cháu, phải không ạ!

Ông lão chậm rãi nói:

- Vâng. Nhưng Đức Thầy đã về An Thái từ lâu rồi.

- Cụ vừa nói Đức Thầy. Nhưng cháu muốn hỏi nơi anh Kiên cháu...

Ông lão cắt lời An:

- Ở đây không ai dám gọi tên tục Đức Thầy như cô đâu. Mà cô có đúng là người nhà của Đức Thầy không?

- Vâng, đúng ạ. Cháu là...

- Người nhà sao không biết Đức Thầy ở An Thái mà còn đến đây hỏi thăm.

An mừng cho anh, mừng cho mình, giọng nói vui hân lên:

- Mấy năm nay, anh em cháu ở xa nhau. Cháu vừa từ Bến Ván vào.

Ông lão giật mình, ngược lên chăm chăm nhìn An dò xét:

- Cô vừa nói gì thế?

- Cháu vừa nói từ Bến Ván vào. Lâu nay cháu ở tận Phú Xuân...

Ông lão đổi ngay thái độ. Với nét mặt nghiêm khắc, giọng nói xẵng, ông bảo An:

- Thôi, cô đi đi. Lão phải làm vườn, không có thì giờ tiếp chuyện với cô nữa.

An chưa hết ngỡ ngàng thì ông lão đã quay ngoắt vào phía trong. An thất thểu quay ra đường, không hiểu vì sao đột nhiên ông lão thay đổi thái độ như vậy. Nhưng lòng An nhen nhúm một niềm vui nhỏ: An đã biết Kiên được mọi người trọng vọng và hiện đang ở An Thái.

*

* *

Lội qua khỏi bến tắm ngựa, An chùn bước ở chỗ ngã ba. Chị xấu hổ tự hứa thế nào vòng trở về cũng phải mua đủ nhang đèn để lạy trước mộ cha, rồi mới đủ an tâm rẽ về phía tay trái, đường dẫn lên Thiết Tràng và An Thái.

An cũng ngập ngừng chân bước y như vậy trước một ngã ba khác: trước mặt chị, tay phải là lối dẫn về khu vườn nhà Hai Nhiều, tay trái là đường ra gò Miếu. Trên đường đi, chị gặp nhiều người sang có, hèn có cùng lên An Thái để xin gặp Đức Thầy. An biết thêm Kiên đã mở am tại gò Miếu, và khách thập phương lũ lượt đổ về đây để xin Đức Thầy hoặc một lá bùa hộ mệnh, hoặc một lời tiên tri.

Bấy giờ đã bắt đầu mùa mưa. Con đường đất dẫn lên gò Miếu được mở rộng hơn trước. Thời mấy cha con ông giáo Hiến còn đi đi về về để làm mấy đám ruộng miếu, con đường này chỉ là một bờ ruộng hẹp không quá một thước mộc. Ngày nay, người ta đã mở rộng thêm nhiều. Mưa đầu mùa làm nhão mặt đất sét; mặt đất lầy lội in nhiều dấu chân ngựa và dấu bánh xe gỗ. Ngay từ ngã ba đã có vài chòi tranh cất tạm, ở đó người ta bán vàng hương, cỏ ngựa và mỗi lần có một chiếc xe hoặc một người khách cưỡi ngựa từ Qui Nhơn lên, từng đàn trẻ con mặt mũi nhem nhuốc, bùn dính đến tận đầu gối, mặc áo tơi lá chạy đến tranh nhau xin được giữ xe, cho ngựa uống nước để lấy công.

An được biết các quan lớn trong triều, nhất là các phu nhân, vẫn thường lên tận đây để xin bùa. Đức Thầy tiếp tất cả mọi người, không phân biệt sang hèn, ai đến trước vào trước, nên nhiều gia đình vọng tộc dưới Hoàng đế thành đã phải châu chực cả ngày dưới cơn mưa dũ mới đến phiên mình. Chị bán thóc ngựa ở chỗ ngã ba nói với An như vậy, với nét mặt hả hê. Và An lại thêm băn khoăn, bối rối, vừa vui mừng vừa

ngao ngán cho ông anh cả.

Tất nhiên An sợ phải gặp Kiên ngay. Sợ điều gì? Chị không rõ. Cho nên khi chị bán thóc mách riêng cho An biết cách rút tiền cho người đệ tử ruột của Đức Thầy (người có trách nhiệm hướng dẫn khách từ cổng vào am để gặp Đức Thầy), tránh khỏi mất công chờ đợi, An vẫn âm ỉ cho qua. Chị bán thóc tưởng An tiếc tiền, khẩn khoản hứa chỉ nhận công môi giới có nửa quan tiền thôi. An thản nhiên cho chị ta nửa quan tiền, rồi lặng lẽ bỏ đi.

Chị phải chờ đến chạng vạng tối mới đến lượt mình. Lòng chị nôn nao, phần vì sợ vu vơ, phần vì nhện đói từ sáng. Cảnh vật trước mắt chị đều lơ mờ, chao đi chao lại như những ảo ảnh. Chị không nhận ra được cảnh cũ của gò Miếu, vì chung quanh gò đã có một vòng rào tre cao quá tầm mắt. Qua khỏi cổng, An nhận ra được mấy cây mít cổ. Hai căn nhà lá mái khá rộng được dựng hai bên cái miếu cũ, nhiều đệ tử râu tóc để mọc dài mặc áo trắng vào ra nhộn nhịp. Am chính của Đức Thầy vẫn là cái miếu xưa kia thờ người bị cùi. Mưa rả rích mất hút trong khoảng trời hẹp ngập đầy khói hương và những tiếng thì thào thành kính. An cảm thấy nhỏ lại, lòng hoang mang như đang lạc vào một vùng mù sương xa lạ và bất trắc không tìm được lối về.

*

* *

Hai anh em nhìn nhau mà không nhận ra nhau!

An ray rứt ái ngại tự hỏi thầm:

- Anh ấy đây sao? Có đúng anh ấy không?

Khói hương trong am dày đặc hơn bên ngoài. An cảm thấy ngọt thở. Đức Thầy mặc quần áo trắng y như các đệ tử, ngồi theo lối kiết già trên một tấm bồ đoàn bằng lát nhuộm đỏ. An ghi nhận ngay ra mái tóc và chùm râu dài sớm bạc của anh. Trước mặt Kiên đặt một cái khay đồng, phía trên có hai cái đĩa sứ một lớn một nhỏ. Đĩa nhỏ ở gần Kiên đựng mấy miếng cau và trà còn xếp y nguyên theo vòng đĩa. Đĩa lớn đựng vài nén bạc và nhiều... rất nhiều quan tiền kẽm. An nhìn trân lên cái đĩa lớn, rồi ngược lên tìm đôi mắt Kiên. Chị xót xa nghĩ thầm:

- Anh ấy chưa nhận ra mình. Có đúng anh ấy không?

Đúng là Kiên. An không thể nhầm lẫn được. Vẫn khuôn mặt ấy, cái mũi ấy, hàm răng thưa và vành tai hơi cong về phía trước ấy. Chỉ khác màu râu tóc và... và gì nữa... Phải, có cái gì nữa biến đổi toàn diện đến nỗi An ngỡ vị đạo sĩ ngồi đây không phải là anh mình.

Đức Thầy nhìn An một cách ơ hờ, mắt hơi lim dim. An có cảm tưởng Kiên chờ đợi cái gì đó. Có tiếng cánh cửa am kêu kéo kẹt. Người đệ tử đứng tuổi vừa dẫn An vào trở lại. Đức Thầy ngược lên nhìn An ngơ ngác, rồi quay hỏi đệ tử:

- Khách ngoài đó còn nhiều không?

Người đệ tử lễ phép đáp:

- Bẩm Đức Thầy, còn mấy chị nhà quê bên An Vinh thôi!

Giọng Đức Thầy hơi gắt:

- Mấy tức là bao nhiêu?
- Dạ khoảng năm, sáu người.
- Sao lại khoảng, không đếm kỹ làm sao biết nhiều hay ít hơn hôm qua.

Người đệ tử chỉ dạ nhỏ để tỏ ý hối lỗi, rón rén đến gần cái khay đồng cúi xuống bưng cái đĩa lớn đổ tất cả tiền bạc vào một cái bọc vải điều. An theo dõi tỉ mỉ các động tác của người đệ tử, nhớ lời chị hàng thóc ngoài ngã ba... Rồi An nhìn vào đôi mắt Kiên. Chính lúc đó, chị mới nhận ra ánh mắt anh đã thay đổi hẳn. Trước kia, cái nhìn của Kiên thường phảng phất vẻ hiu buồn, thụ động cam chịu. Bây giờ, đôi mắt ấy trở nên lạnh lợi, gần như đông đưa bất trắc. Đức Thầy nhìn An soi mói, mày hơi nhú lại. Người đệ tử ra khỏi cửa am. An lấy bạo, mím môi lấy hơi để trấn tĩnh, rồi mới run run hỏi:

- Anh không nhận ra em sao?

Kiên đang đẩy cái khay đồng lại gần An, giật mình ngược lên, ánh mắt còn nguyên vẻ thẳng thốt. An đau đớn đến phát khóc, giọng nói đã đầm nước mắt:

- Anh không nhận ra em thực ư? Em đây mà. Em là An của anh đây.

An đưa ống tay áo lên quạt nước mắt. Chị ngửi thấy mùi mồ hôi đậm và mùi bùn. Tiếng Kiên nói, chậm và đìềm tĩnh:

- Em về hồi nào?

An vội ngược lên. Ánh mắt Kiên hơi dịu lại, tuy còn phảng phất vẻ cau có. An hấp tấp đáp:

- Em ghé lại chỗ bến tắm ngựa. Cụ chủ nhà chỉ cho em lên đây. Em phải chờ từ sáng.

Rồi để xóa bớt cái không khí nặng nề giữa hai anh em, An cố lấy giọng vui vẻ nói:

- Anh biết không, lúc nghe cụ già kính cẩn nhắc đến Đức Thầy, em không ngờ đó là anh. Vậy mà suốt mấy năm vắng tin anh, tui em cứ tưởng anh còn mắc vòng lao lý. Tui em cứ ân hận vì đã trốn ra Phú Xuân mà anh phải chịu ngờ vực, tai họa...

- Chú ấy bị giết lúc nào?

Giọng nói lạnh lẽo đều đều của Kiên như một gáo nước lạnh dội vào đầu An. An ngừng lên, hệt hững và hoang mang, chị thấy Kiên ngồi bất động, mắt lim dim như một pho tượng. Chị hối hận đã bị xúc cảm lôi cuốn đi quá xa. An trở nên bình tĩnh hơn, đáp thật chậm:

- Nhà em bị giết ba hôm trước lễ đăng quang.

Từ đó về sau, An cúi xuống đối đáp với anh. Chị sợ không dám nhìn rõ thái độ ơ hờ của anh. Phần Kiên, chỉ hỏi em gái những câu hỏi ngắn:

- Em không cầu xin tha mạng cho chú ấy ư?
- Có, nhưng... (An nghẹn một lúc, mới nói tiếp)... anh hay tin lúc nào?
- Ngay sau đó.
- Ai cho anh hay tin?
- Khấp Qui Nhơn đều biết. Vì sao, em biết không?
- Sao ạ?
- Nhà vua mừng rỡ khi bắt được tin ấy.

- Nhà vua cấm giận nhà em đến thế sao?

- Không.

Kiên ngẫm nghĩ một lúc lâu rồi nói:

- Nhà vua cấm ai, em biết rồi. Thôi đủ cách bêu riếu: nào vắt chanh bỏ vỏ, nào giết chồng đoạt vợ, nào gian dân vô độ...

An hỡi hùng kêu lên:

- Trời ơi, người ta dám...

Kiên cắt lời em:

- Em được phép vào tận đây ư?

An ngạc nhiên hỏi:

- Phép gì ạ?

- Phép nước chứ phép gì! Em đã dọn vào ở cung nội chứ?

An hiểu Kiên muốn nói gì. Chị tức đến nổi giọng nói trở nên nghẹn ngào:

- Anh mà cũng nghĩ như thế sao! Mẹ con em phải trốn khỏi Phú Xuân ngay hôm xuất sư.

Xúc động quá, An mếu máo khóc:

- Gần một năm nay, mẹ con em phải buôn bán lần hồi để kiếm sống. Còn về đây thăm anh là may mắn quá. Em tưởng ba mẹ con em chết rấp ở Bến Ván từ lâu rồi.

Kiên hơi mở lớn đôi mắt nhìn em, rồi nói nhỏ:

- Bến Ván?... ờ, Bến Ván!

Hai anh em im lặng khá lâu, không ai dám nhìn ai. An cảm thấy ray rứt nếu giữ mãi im lặng, vẫn cúi mặt hỏi Kiên:

- Chị và các cháu ra sao hử anh?

Kiên đáp gọn:

- Thất lạc từ dạo đó.

- Từ hồi nào?

- Ra tù, anh về nhà không thấy họ nữa.

- Anh không tìm ư?

- Biết đâu mà tìm. Vả lại...

Kiên không nói tiếp. An hỏi nhỏ:

- Sao ạ?

- Không.

Lại có tiếng cửa am kéo kẹt. Người đệ tử đứng ở chỗ cánh cửa hé, hỏi vào:

- Bẩm Đức Thầy, sắp tối rồi. Cho họ về hay cố giữ họ nán lại chờ?

Kiên ngáp ngừng hết nhìn An lại nhìn ra cửa, hỏi:

- Còn mấy người?

- Bẩm hai bà già đã về, dặn xin vào trước sáng mai. Chỉ còn ba người thôi.

Kiên dứt khoát hơn:

- Hẹn họ mai trở vô.

Cửa am khép kín như cũ. An muốn tránh những điều đau lòng, ngẩng lên nhìn thẳng vào anh bạo dạn hỏi:

- Em không hiểu anh đã làm gì mà được thiên hạ tôn kính và tin tưởng như vậy. Từ Thiết tràng lên đây, em chỉ gặp toàn những người lên xin quẻ Đức Thầy. Lam lũ rách rưới mo cau gói cơm hẩm muối hột cũng có. Mà hạng sang trọng đi ngựa đi xe lên tận ngã ba cũng không ít. Em kinh ngạc quá. Có ai dám ngò cái gò Miếu hiu quạnh lẻ loi này trở nên một linh địa như thế. Anh có nhớ cái thời nhà ta ra đây khai phá mấy đám ruộng miếu không? Cả chuyện thằng Lãng dám một mình ra đây ban đêm nữa. Rồi những đêm canh lúa bên con cúi rơm ngún lửa! Chao ôi, bao nhiêu vật đổi sao dời. Khó mà tin được!

An nói say sưa, trước mắt hình ảnh Kiên mờ nhạt, lung linh. Lúc dừng lại, An vui mừng nhận thấy Kiên đang mỉm cười, giơ hai hàm răng thưa đã bắt đầu đen ở chân răng. Ánh nhìn của Kiên cũng dịu dàng, hiền hậu y như thời An thái. An thấy ấm áp trong lòng, vui mừng hỏi nhỏ:

- Anh còn nhớ cái thời đó không?

Giọng Kiên hơi run vì xúc động:

- Nhớ chứ! Nhớ cả những người mà em ngại không dám nhắc tới.

Thấy em gái cúi xuống nhìn mặt chiếu hoa trải trên nền am, Kiên biết mình vô tình khơi dậy nỗi đau xót của An. Kiên nói sang chuyện khác:

- Em có biết vì sao anh "đắt khách" thế này không?

An cố ghìm xúc cảm, giả vờ vuốt tóc để gạt ngấn nước mắt, làm bộ hờn hờ hỏi:

- Vì sao ạ?

- Trước hết là nhờ "ông Bảy Lữ". Cái thời anh còn ngây thơ, quờ quạng đi tìm "những điều không có đâu" như là căn nguyên của đời sống, qui luật của tạo hóa, sống làm gì, chết về đâu, ý nghĩa của nước mắt, dây mơ rễ má bà con giữa loài người và cỏ cây đất đá... và và... biết bao chuyện bá vợ khác, cái thời đó ông Bảy Lữ cũng chán cảnh bon chen, khao khát đi tìm như anh. Em biết rồi, từ hồi đó, ông ấy vẫn thường cởi áo gấm mặc áo vải lui tới khu vườn nhà anh. Ông ấy đã cởi áo gấm, nhưng thiên hạ vẫn biết ông ấy thuộc dân áo gấm. Mà dân áo gấm thì ăn, ngủ, nói, cười, thậm chí ỉa đái đều có nghĩa lý sâu xa. Ông Bảy thân mật với anh, cứu anh ra khỏi tù, lặn lội từ Hoàng đế thành lên đây đàm đạo với anh, và điều quan trọng hơn hết, chết trong tay anh, tất nhiên phải có nghĩa lý huyền diệu nào đó chứ.

An tò mò cắt lời Kiên:

- Đông Định vương mất trong cái am này sao?

Kiên lắc đầu:

- Không. Những ngày cuối đời, ông ấy yếu quá không đi vòng lên đây được. Vua anh phải cho vồng lên đây rước anh xuống. Lúc ấy ông Bảy đã như ngọn đèn sắp tắt. Nhà vua đã ra lệnh chuẩn bị đồ khâm liệm. Trông thấy anh, ông ấy tỉnh lại, như ngọn đèn hết dầu lóe lên lần cuối. Ông ấy thảng thốt hỏi anh chết xong sẽ đi đâu. Anh bảo hãy ôn lại chuyện sống. Ông ấy cười gượng, thều thào thú nhận mình sống vô vị

chẳng làm được tích sự gì. Anh bảo ông ấy làm được một việc quan trọng hơn hết mọi điều, cao cả hơn hết mọi người. Ông ấy tươi ngay nét mặt, cổ chống tay ngồi dậy. Dĩ nhiên ông ấy không dậy nổi, nhưng vẫn mấp máy môi giục anh nói ngay điều quan trọng cao cả ấy là gì. Anh đáp: "Ngài đã sống đúng bản tính Trời cho, và đã hết sức cố gắng. Những điều khác đều là thừa thãi cả thôi". Ông ấy mỉm cười, cổ đưa tay phải lên nắm tay anh. Anh nắm tay ông ấy. Bàn tay đã buông thõng trên mền gấm. Một lúc sau, bàn tay lạnh ngắt.

Kiên dừng lại. Bên ngoài, mưa thêm nặng hạt. Hai cây bạch lạp kêu lèo xèo trên bàn thờ. An đưa tay lên ngực cho tim bớt hồi hộp, run run bảo anh:

- Anh nói đúng. Sống đúng tính trời và hết sức cố gắng. Em ước mong được như vậy.

Kiên không muốn đi sâu vào những điều rắc rối, nên hỏi An:

- Nhưng em có biết ngoài ông Bảy Lữ, anh nhờ nhờ vào đâu không?

- Không ạ.

- Nhờ vào sự yếu đuối. Nhờ vào nỗi sợ hãi của thời loạn.

- Em chưa hiểu.

- Em không thấy các ngài áo gấm mặt mày lấm lét lủ lượm lên đây xin bùa hộ mệnh, xin lễ cầu an hay sao? Cả những người áo rách cũng vậy. Lòng họ có yên đâu! Trong Nam ông Chung (Nguyễn Ánh) đã về Gia Định, lập hẳn một triều đình. Nghe nói người Tây dương đang đóng tàu sắt cho ông ta. Ngoài Bắc, uy danh của "ông Tám" (Nguyễn Huệ) đang lẫy lừng. Phá được một lần bao nhiêu vạn quân Thanh thì vài toán lính yếu ở Bến Ván có nhằm gì. Khấp Qui Nhơn ai cũng tự hỏi không biết bao giờ thì Phú Xuân xua quân qua cầu. Em ở Bến Ván, có biết lúc nào không?

An thành thực đáp:

- Dạ không. Hiện giờ thì hai bên đều tránh chạm trán nhau. Nhờ thế...

Kiên hăng hái cướp lời:

- Em ở đó không biết thì trong này ai biết được. Không biết nên hoang mang, lo sợ, không lúc nào yên tâm. Bám víu vào đâu đây? Ngày mai ra sao? Con cái sẽ thế nào? Ai trả lời cho?

- Em cũng định hỏi anh những câu đó.

- Em tưởng anh đáp được sao?

- Anh đã đáp cho bao nhiêu người. Họ đến đây rầu rĩ, nhưng em nhận thấy lúc ra về, họ có vẻ yên tâm.

Giọng Kiên hơi phần kích:

- Anh lừa thiên hạ, nhưng đâu có lừa em gái mình.

Nói xong, hình như Kiên hối hận, nên nét mặt nghiêm lại, hai mắt lim dim nhìn thẳng vào khoảng không phía trên cửa am. Cánh cửa hé mở, và như những lần trước, lại kêu kéo kẹt. Kiên giật mình, ngồi ngay lưng, đồng dặc hỏi:

- Cái gì thế?

Người đệ tử đáp:

- Bẩm đã đến giờ...

Kiên cắt lời đệ tử:

- Ta chưa đói.

Rồi vẫn bằng cái giọng sang sảng khác thường, Kiên hỏi An:

- Tối rồi chị về còn kịp không? Thôi hãy tạm qua đêm ở phòng dành cho các tín nữ. Sáng mai chị lên đây ta dặn thêm vài điều cần làm để tránh hậu hoạn.

Nói xong, Kiên đẩy cái khay đồng về phía em gái. An hiểu, liếc phía sau nhìn người đệ tử đứng tuổi của anh, rút hầu bao đặt lên chiếc đĩa lớn hai quan tiền.

Kiên cố không thay đổi nét mặt, hất đầu bảo An:

- Chị theo chú này ra chỗ nghỉ đêm.

*

* *

Sáng hôm sau, hai anh em lại gặp nhau. Kiên hỏi:

- Em có cần anh giúp đỡ gì không?

An đã bỏ ý định xin dẫn hai con về đây nương tựa anh. Đêm qua, chị thao thức không ngủ được, nhưng không lúc nào An nuôi ý định ấy. Điều chị suy nghĩ là: Làm thế nào Kiên có thể mặc nhiên để cho thiên hạ cung kính gọi Đức Thầy mà không e thẹn, nhột nhạt? Làm thế nào có thể sống hai mặt một cách thản nhiên như vậy suốt bao nhiêu năm và còn tiếp tục sống như vậy cho đến bao giờ? Làm sao một người như vậy có thể thốt được những câu như Kiên đã thốt bên giường bệnh Đông Định vương Nguyễn Lữ?

An vừa giận dữ vừa thương hại anh cả, đáp:

- Cảm ơn anh. Ngoài Bến Ván, mẹ con em buôn bán cũng đủ sống.

Kiên hơi thất vọng:

- Tùy em.

Đến lúc đó, Kiên mới nhớ mình chưa hỏi thăm Lãng. Khi An cho biết không biết gì về Lãng từ hôm trốn khỏi Phú Xuân, Kiên cố vớt vát:

- Nếu Lãng cũng bị sa cơ, thì hẳn chú ấy về đây.

An lí nhí đáp:

- Cảm ơn anh.

Họ chia tay nhau, lòng nặng trĩu một nỗi buồn vu vơ.

An ra khỏi cổng am, chân do dự. Không tự chủ được, chị nhìn về phía An thái. Lòng chị quặn thắt khi thấy cây gạo ở bến sông đã chết khô từ bao giờ. Chị nhìn trôn cây gạo thật lâu, rồi xoay lưng đi về phía mộ mẹ.

Ngay hôm đó, An trở xuống Qui Nhơn thăm mộ cha, mộ Chính và tìm phương tiện về Bến Ván.

[1]

Xem Chiếu Khuyến nông. Tuyển tập Thơ văn Ngô Thì Nhậm, tập 2, trang 119.

Chương 99

Sau trận Đống Đa mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789), Lãng về Phú Xuân đã thấy ngôi nhà của chị đối chủ. Hàng rào tre được nâng lên cao hơn, sát phía ngoài có một luống chè mới trồng. Chiếc cổng cũ bị dỡ đi, thay hẳn vào đó một cái cổng vôi lợp ngói có đủ ba cửa như các dinh thự quan lớn. Thấp thoáng trong vườn, ẩn hiện một mái ngói mới. Lãng không muốn vào, vì biết sau khi Lợi chết, căn cứ theo bản luận tội của bộ Hình, thì tất cả tài sản của tử tội đều bị sung công. An còn ở Phú Xuân, tất nhiên không ai dám đuổi An đi. Nhưng An và hai con đã trốn, ngôi nhà đẹp đẽ ấy đối chủ là phải. Lãng chỉ cần hỏi qua loa vài người đi đường cũng biết người chủ mới là Bùi Đắc Trụ, con trai của thái úy Bùi Đắc Tuyên. Lãng thầm bảo:

- Mạng sống hẳn còn lấy được, huống chi cái nhà không vốn!

Lãng không cho chuyện đó quan trọng đối với mình, vì từ lâu, một thân một mình không bận bịu vợ con, anh ở đâu chẳng được. Lâu lâu Lãng mới ghé về đây thăm chị và các cháu, những lúc khác anh ngủ ở khu trại cấm quân, hoặc nhà bạn bè. Tính anh lại dễ dãi trong chuyện ăn ở, nên khi cần, đặt lưng ở đâu để qua đêm cũng được. Thường thường, anh ở trong thành, viên cai cơ trông coi đội cấm vệ ở cửa bắc dành hẳn cho Lãng một căn phòng khá thơm mát, cửa sổ nhìn ra một khu vườn um tùm có nhiều chim chóc đến làm tổ. Căn phòng có cửa riêng, dù Lãng có đi về thất thường cũng không làm phiền gia đình viên cai cơ. Bên trong chỉ có một cái sập gỗ tạp trải chiếu, một cái gối mây, cái bàn thấp và hai cái ghế gỗ mặt tròn. Quần áo, đồ đạc, giấy bút, sách vở vất bừa bãi khắp nơi. Nếp sống bề bộn, câu thả của người độc thân chưa lụy vào trách nhiệm đã quá quen thuộc với Lãng, có thể nói là biểu hiện trọn vẹn của tính bẩm sinh. Cướp mất nhà của chị ta ư? Cứ việc! Chị ta không cần và ta cũng không cần.

Lãng trở vào thành. Mọi người mừng rỡ gặp lại anh. Lãng đã quen với sự tiếp đãi nồng hậu ấy. Anh cũng thuộc vào những người "chiến thắng oanh liệt" đấy chứ! Người ta bắt anh kể chuyện, nài nỉ anh tả cho rõ tội giặc Ngô chúng nó thất bại ra làm sao, ăn mặc thế nào, lúc sợ hãi chạy trốn kêu la có khác người Nam hay không. Trẻ con thì tò mò hỏi anh đã tự tay đâm chết được mấy đứa. Lãng ngập ngừng, hơi thẹn, phải nói đại một con số. Lại bị hỏi tiếp mấy tên giặc đáng chết ấy bị đâm ở đâu, lúc chết ngã sấp hay ngã ngửa, máu đổ ra có nhiều không. Lãng từng chịu đựng tất cả những phiền phức ấy khắp mọi nơi, khi có người biết anh vừa dự trận đại phá quân Thanh trở về.

Ở đâu không khí cũng rộn rịp, nô nức. Lãng cũng bị cuốn vào niềm phấn khởi chung, chân phải bước nhanh hơn, miệng phải kể chuyện giết giặc. Đầu óc anh căng thẳng, thân thể rã rời. Anh cần một chỗ đặt lưng. Bấy giờ, Lãng mới thấy hết ý nghĩa của những tiếng "về nhà".

Căn phòng ở cửa bắc của anh vẫn như cũ. Sau mấy tháng vắng hơi người, mùi ẩm mốc và phân gián, chuột xông lên nồng nặc. Lãng hắt hơi nhiều lần khi mượn chổi quét dọn khắp căn phòng. Cái áo quên giặt, Lãng vất ở đầu sập đã bị chuột kéo vào xó căn lăm nhăm nhiều chỗ. Mấy vỏ chuối vất trên nền nhà đã bị

lên mốc. Trong bình, nước trà cũ lâu ngày đã đóng thành một lớp váng nâu óng ánh. Gia đình viên cai cơ qua giúp Lãng dọn dẹp, trong ánh nhìn, lời nói từng người, tràn đầy niềm khâm phục âu yếm. Lãng yên tâm nhận thấy cuộc sống của mình vẫn êm ả, thoải mái như trước.

Không cần đợi lâu, Lãng đã thấy mình lắm!

*

* *

Đúng là mọi sự trong triều có vẻ y như cũ.

Quan thái úy Bùi Đắc Tuyên (và những người cùng phe, từng tìm mọi cách giết cho được Lợi) gặp Lãng thì nghiêm mặt, giả vờ nhìn mà không thấy anh. Điều đó xảy ra từ lâu. Lãng không ngạc nhiên. Anh vào Trung thư đường. Quan Trung thư Trần Văn Kỷ vẫn niềm nở, ân cần với anh, như xưa. Trần Văn Kỷ vui vẻ hỏi:

- Chuyển về tôi tìm mãi không thấy anh đâu. Cứ tưởng anh bị gái Bắc Hà níu áo rồi chứ.

Lãng ngượng ngịu đáp:

- Dạ tôi cùng đi với đạo quân của đô đốc Bảo.

- Thảo nào. Mấy hôm nay nghỉ đã khỏe chưa?

Lãng không đáp, chỉ mỉm cười chờ đợi. Theo thói quen, anh hiểu mỗi lần hỏi như thế, quan Trung thư sắp sửa nhờ mình làm một việc gì đó. Tuy không có một sắc chỉ, hoặc một lời truyền công khai nào của vua Quang Trung xác định địa vị, công việc của Lãng, mọi người đều ngầm hiểu Lãng thuộc Trung thư đường. Trần Văn Kỷ giao việc cho Lãng là điều tự nhiên. Lúc đó, có một vị quan cấp thấp giữ việc từ hàn mang vào trình cho Trần Văn Kỷ một số giấy tờ ngựa trạm vừa từ Bắc Hà đem về. Trần Văn Kỷ vội xem qua, rồi hấp tấp mang vào đệ trình cho nhà vua. Ông bảo Lãng:

- Anh ngồi chơi nhé. Gớm, chuyện gấp lắm. Phải đệ lên Hoàng thượng ngự lãm ngay.

Lãng vâng lời, ngồi chờ. Trần Văn Kỷ trở lại, thân mật hỏi Lãng đã tìm ra dấu tích của An chưa. Lãng đáp chưa. Kỷ suýt soa tỏ dấu thông cảm. Nhân dịp tốt, Lãng báo cho quan Trung thư biết chuyện Bùi Đắc Trụ đã chiếm nhà của Lợi. Trần Văn Kỷ nhướn mắt nói: "Thế à!" rồi nói sang chuyện khí hậu, mưa nắng. Lại có nhiều người đến xin gặp Kỷ. Ông liếc nhìn Lãng, chặc lưỡi than:

- Gớm, bận túi bụi đủ thứ việc.

Lãng hiểu người ta muốn đuổi mình. Anh đứng dậy xin phép ra về, không dám nhắc công việc quan Trung thư muốn giao cho mình. Anh không dám đi đâu xa, sợ Trần Văn Kỷ gọi đến không ai gọi Lãng cả. Hôm sau Lãng lại đến. Quan Trung thư có vẻ ngờ ngác không hiểu Lãng đến có việc gì. Nhưng ông che giấu ngay vẻ sững sốt bằng những lời thăm hỏi thân mật:

- Anh đấy ư? Hôm qua đã đi những đâu nào? Có bị bọn con nít bắt kể chuyện bình Ngô không? Đã khỏe hẳn chưa?

Lãng đáp qua quýt, và như hôm qua, anh chờ quan Trung thư giao việc. Vẫn chẳng có việc gì hết. Trần Văn Kỷ thì lúc nào cũng bận. Ông than:

- Đã đành Hoàng thượng giao việc cho hai ông Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích là giao đúng việc

đúng người, nhưng nam bắc cách trở, trong này mình vẫn lo. Cái phận nước nhỏ phải thế. Đánh cho chúng vất giò lên cổ mà chạy, nhưng sau đó vẫn phải vờ gọi chúng bằng Ngài. Trớ trêu thật!

Lăng đoán Trần Văn Kỳ đang nói về việc bang giao với nhà Thanh. Lúc chỉ còn có Trần Văn Kỳ và Lăng trong Trung thư đường, quan Trung thư hơi thiếu tế nhị, chăm chú đọc văn thư, bỏ mặc Lăng ngồi không khá lâu. Lăng phải xin phép về. Trần Văn Kỳ ngừng lên vồn vã nói:

- Anh về à? Vâng. Vui vẻ nhé!

Cứ như thế. Lăng không có việc gì để làm. Dần dà anh nhận ra rằng mọi sự quanh anh không giống như cũ. Các quan tỏ vẻ ngại ngùng khi phải nói chuyện với anh. Bọn lính cấm vệ vẫn lễ phép nhường lối cho anh vào triều, nhưng sau lưng anh có tiếng xì xầm. Anh bắt đầu cảm thấy thừa thãi, ngại ngùng không muốn đến Trung thư đường. Càng ngại không muốn gặp nhà vua. Suốt ngày anh đóng cửa nằm trong phòng, lòng hoang mang, lo sợ vu vơ. Không thấy vợ con viên cai cơ gõ cửa qua hỏi thăm như những lần trước. Lăng hoàn toàn một mình. Anh sẽ phát điên lên được nếu không mở cửa đi lang thang khắp nơi. Chân anh bước tới trước, tới trước nữa, hoàn toàn không chủ định. Anh quên cả đói. Qua đi những phố phường, những bóng cây. Gió sông Hương làm anh tỉnh trí đôi chút. Anh ý thức rõ ràng mình đã bị đào thải. Anh bị loại bỏ một cách lặng lẽ không chính thức như trước đây anh được nhà vua tin cậy thương mến. Trong triều người ta trọng nể anh vì biết Nguyễn Huệ bảo bọc anh như một người em yếu đuối. Bây giờ, người ta xa lánh anh vì biết anh bị thất sủng. Không ai nói ra lời. Tất cả có vẻ y như cũ, nhưng không phải như cũ. Người ta không giao việc gì cho anh nữa, mà do không có một chức vụ chính thức nào, nên Lăng không còn một việc bình thường nào khác. Đơn giản thế thôi!

Lăng băn khoăn tìm kiếm nguyên do sự đổi thay ghê gớm ấy, không dám quả quyết xác định mỗi bất đồng giữa Nguyễn Huệ và Lăng ở Thăng Long. Đã có biết bao chuyện bất đồng tương tự giữa hai người, từ các trang ghi chép ở Gia Định cho đến những lần tâm sự riêng tư. Lăng trợn tin ở lòng bao dung của Nguyễn Huệ để dám nói thực, nói hết, và nhớ lại các ân huệ nhà vua đã ban cho gia đình mình, Lăng tin rằng nhà vua không đổi khác.

Vậy thì cái gì đã đổi thay? Lòng ta chẳng? Lòng người chẳng? Đầu óc Lăng nóng bừng vì bao nhiêu câu hỏi dồn dập đến mà không có lời đáp. Anh không bước chân đến Trung thư đường, rồi không bước chân vào thành! Lăng bắt đầu sống lang bạt như một thằng dân lưu tán.

*

* *

Một lần thơ thần đến cửa Nam, Lăng thấy một đám đông bu quanh tấm bảng thường dán các tờ bố cáo. Lăng tò mò quên cả dè dặt, chen vào xem. Đó là tờ Chiếu khuyến nông. Toàn bài chiếu như sau (dịch nôm):

"Chiếu cho quan viên và dân chúng trong thiên hạ biết: Chính trị của bậc vương giả là "vun gốc đề ngọn", chú trọng vào việc nông, nhờ đó trong nước không có kẻ chơi không, ngoài đồng không có đất bỏ hoang. Từ trải qua loạn lạc đến nay, binh hỏa liên miên, lại thêm đói kém, nhân dân lưu tán, ruộng đất bỏ hoang. Thực số đinh và số điền chẳng còn được bốn, năm phần mười khi trước.

Trẫm chịu mệnh Trời, giữ nghiệp lớn, bốn bề trong lặng. Nay buổi đầu đại định, chính sách khuyến khích sản xuất làm cho dân giàu phải được tiến hành lần lượt.

Phàm kẻ du dân, người giấu giàu là sự thường. Cái đạo che chở dân, chẳng gì bằng bắt dân lưu tán trở về khai khẩn ruộng hoang, khiến dân du thủ du thực trở về làm ruộng. Còn những dân nào kiêu ngạo nơi khác từ trước, trốn tránh sưu dịch, hoặc ở quê vợ, quê mẹ, hoặc đã lập nghiệp bán buôn, trừ ra những người đã nhập tịch từ ba đời trở lên, còn thì nhất thiết bắt về bản quán, xã khác không được dung túng cho trú ngụ. Những ruộng công ruộng tư trót đã bỏ hoang, phải trở về nhận lấy để cày cấy không được để hoang, khiến cho những người thực cày cấy ruộng khác phải chịu thuế khổng. Các sắc mục, xã trưởng, thôn trưởng phải xét sổ đình hiện có bao nhiêu suất, sổ điền hiện có bao nhiêu mẫu, ruộng hoang mới khai khẩn bao nhiêu mẫu, hạn trong tuần tháng chín phải làm sổ xếp loại, đem nộp cho các quan phân suất, phân tri huyện mình, các viên này chuyển đệ lên, đờn quan khâm sai xét thực, sẽ châm chước mà đánh thuế cho công bằng.

Xã nào dung túng cho khách hộ trú ngụ mà không đuổi về bản quán và những người trốn tránh lần lữa không về, nếu có người biết tố giác, điều tra ra sự thực, thì sắc mục, xã trưởng, thôn trưởng xã ấy cùng người trốn tránh đều bị xử tội. Xã nào có ruộng bỏ hoang đã lâu mà không ai nhận, nếu là ruộng công thì trách cứ vào các viên chức sắc, các chủ hộ xã ấy, phải chiếu nguyên ngạch thuế ruộng mà nộp gấp đôi; nếu là ruộng tư thì sung công, ngạch thuế cũng như ruộng công.

Đây là chính sách buổi đầu hướng dẫn chăm nghề gốc. Lệnh ban ra là phải thi hành.

Hỡi các thần dân! Các người đều phải trông lên thể theo đức ý của Trẫm, về nơi quê quán, chăm sóc ruộng vườn. Đừng lười biếng làm hại sinh kế, đừng trốn tránh giấu giếm để mắc tội lỗi. Cái vui giàu thịnh, Trẫm sẽ cùng trăm họ chung vui.

Hãy nghiêm chỉnh tuân theo, không được trái lệnh ^[1]

Lăng muốn đọc lại một lần nữa, nhưng đám đông đã xô giạt anh qua một bên. Lăng phải nhào người chen ra ngoài. Chung quanh anh, loáng thoáng tiếng được tiếng mất:

- ... Gấp quá. Nội tháng chín thì chịu thôi...
- ... Phải từ ba đời trở lên. Nước này có lẽ...
- ... Ngụ cư đã mấy đời có được vào chính hộ đâu! Lấy gì để định bản quán.
- ... Bác đừng vội. Bỏ rồi, tạo dựng lại khó lắm. Không thấy tờ chiếu bảo "tiến hành từ từ" à!
- ... Tôi phải xin trả cái chức thôn trưởng mất...
- ... cũng còn châm chước được chứ. Điều quan trọng là...
- ... Ồi, dẫm bừa cả vào chân người ta!
- Từ từ nào. Đã bảo từ từ. Sao không ra bằng lối kia.
- Khiếp! Biết thế này tôi đã...

Ra được bên ngoài, Lăng thấy tiếc, lại chen vào. Có nhiều câu phản đối:

- Ở cái lão này, rách cả áo người ta!

- Người đầu mà bắn thiêu nhếch nhác.

- Bà con coi chừng hầu bao.

Lãng khựng lại, không ngờ cái vẻ bề ngoài của anh tồi tệ thảm thương đến thế. Nhưng Lãng không kịp xót xa thương mình nữa. Đầu óc anh bị chấn động, phấn kích dữ dội. Máu nóng nhộn nhạo khắp người anh, như mới vừa hớp một chén rượu nồng. Anh tránh xa đám đông, lăm bắm một mình:

- Có thể chứ. Trong đời ta, biết bao lần ta ao ước có được cái giọng thẳng thừng, dứt khoát như vậy. Ai thảo bài chiếu này? Trần Văn Kỳ? Không. Ông đồ Vân trình ràng buộc cũng chặt chẽ lắm, nhưng quá thừa điệu ôn nhu. Phan Huy Ích chăng? Không! Ta đâu có tìm ra cái giọng dùng dằng bất quyết! Ngô Thì Nhậm chăng? Phải rồi! Cái chất hùng tráng lẫm liệt kết hợp với nét hoa lệ uyển chuyển, răn rỏi mà không thô bạo, từ tốn ôn hòa mà không yếu đuối, khí văn của Ưc Trai pha lẫn với Tô Thức, chao ôi, ta không làm được. Nhất định là của Ngô học sĩ. Dù sao đây chỉ là cái áo ngoài. Chỉ là hình thức. Còn cái ý của bài chiếu thì phải do "ông ấy". Ông nghè Nhậm chỉ dùng tài học và năng khiếu để viết ra lời một thứ chân lý có sẵn. Có thể chứ! Thành thực và sáng suốt biết chừng nào! Không dối mình, dối người, "ông ấy" nhận rõ cái cảnh binh lửa liên miên mấy mươi năm nay đã khiến cho cỏ hoang phủ lên ruộng vườn, cảnh đói kém tràn lan nơi nơi, chồng lạc vợ, dân lưu tán không còn biết đâu là quê nhà... Công bằng biết chừng nào! Bao nhiêu năm ta từng mong mỗi tìm ra đất sống cho người lương thiện, kẻ đổ mồ hôi trên luống cày phải có bát cơm vun, kẻ du thủ du thực chuyên lường gạt, trộm cướp phải bị quét sạch. Người thực sự làm ruộng không nai lưng trả thuế thay cho bọn lười biếng bỏ đất hoang. Sự bất công trên ấy kéo dài quá lâu rồi. Các triều trước cứ ngập ngừng, do dự, che giấu yếu đuối bằng những chữ "tại vì", "tuy nhiên". Bây giờ, không. Dứt khoát san bằng sự bất công ấy đi! Không khoan nhượng được nữa. Túi mật không đủ đầy thì đừng làm chúa thiên hạ. Không ai cầu. Phải mạnh dạn bắt buộc bọn du thủ du thực trở về cầm cày khai hoang mấy đám ruộng lâu nay để mặc cho cỏ dại tàn phá. Bọn lười nhát, bọn trốn xâu lậu thuế, bọn nép mặt giấu hình ở quê vợ quê mẹ, bọn con buôn xảo trá, buộc cả lũ chúng nó về quê cầm cuốc, cấy lúa cho chúng biết giá trị của một tấc đất.

Việc còn lại là làm sao "nói được là làm được". "Chính sách khuyến khích sản xuất làm cho dân giàu, phải được tiến hành lần lượt". Đúng quá. Phải kiểm lại cho xác thực số đinh số điền. Phải định rõ trách nhiệm của chức sắc các cấp. Phải nêu rõ thời hạn từng công việc. Không thiếu điều gì trong bài chiếu cả! Lại thêm những lời khuyên răn vừa nhân ái vừa răn rỏi ở đoạn kết! Có lý có tình biết bao!

Lãng xúc động đến ngộp thở. Cái tính mẫn cảm sẵn có, cộng thêm nếp sống thiếu thốn lang bạt bao lâu nay khiến anh sôi nổi thái quá, như một người bị cảm mạo run lên trước một cơn gió nhẹ. Anh hăng hái trở lại đám đông sẵn sàng tranh luận với những kẻ đa nghi, những kẻ ích kỷ, những kẻ trốn tránh trách nhiệm, những con gián sợ ánh mặt trời, những con chuột ngại bầy... Râu tóc, quần áo, cách nói lắp bắp, và nhất là cái nhìn say đại sáng quắc như một người đang lên cơn của Lãng khiến mọi người ngơ ngác nhìn anh như một hiện tượng lạ. Họ tránh đối đáp với anh. Từ đầu năm đến nay, chưa hôm nào Lãng cảm thấy sung sướng như hôm ấy.

Lăng ăn ngủ thất thường khi đi theo những người quen cũ gặp ngẫu nhiên ở đâu đó. Một hôm có người từng làm ăn với Lợi (nay trở thành tay chân đắc lực của Bùi Đặc Trụ) rủ anh đến nghe ca Huế tại một ngôi nhà sang trọng ở gần bến đò. Lăng thú thực chưa có hột cơm nào trong bụng. Người bạn cười nói:

- Càng tốt. Cậu đến đó tha hồ rượu thịt.

Lăng nuốt nước bọt, e dè hỏi:

- Ở đâu thế?

- Cậu đến sẽ biết. Nhiều cái hay lắm.

Họ đến đúng lúc một ca nhi tuổi độ 18, thân thể mảnh khảnh, đang gõ sanh hát một khúc Nam bình:

Ôi! tan hợp xiết bao, tháng ngày đợi chờ non nước.

Ngàn dặm chơi vơi

Mấy lời, nào dễ sai lời

Ai ơi, chớ đem dạ đối đời.

(Ứng tình ứng ý), ý ứng tình thêm càng ưa ý

Thiệt là đáng mấy người.

Lại sai lời.

Tương tri cho đá vàng, thêm lại yêu vì

Nhớ khi cuộc rượu câu thi

Thêm càng thương tiếc, phong lưu ai bì

Nặng vì tình, tình đôi ta, duyên trao nợ, rằng ai

Buộc lại người sinh

Lời hẹn ba sinh

Vấn vương tơ tình [\[2\]](#)

Thân người thôn thôn, đôi vai gầy và hẹp dưới lớp áo lụa trắng ngả màu, cái dáng ngồi co ro e ngại giữa những tiếng cười phàn tục thật hòa hợp với giọng hát chơi vơi thê thiết! Có lẽ còn phù hợp cả với những cơn mưa dai dẳng và con sông Hương trôi uể oải phía ngoài.

Dứt khúc Nam bình mà không có ai chịu thí cho một que thẻ thưởng công. Tiếng cười đùa ồn ào nổi to hơn. Lăng rụt rè nhắc ông bạn giàu. Người đó gạt đi:

- Cậu chỉ bày vẽ. Hạng này đáng gì. Đã có "mụ hầu" của tôi trả công rồi.

Nói xong, ông ta cười ha hả đến nổi rung rinh hai cái má phính, mắt lẳng lơ liếc về phía cánh cửa có phủ rèm trúc ở phía trái. Người bạn dẫn Lăng vào một căn phòng khác đã bày sẵn mấy mâm rượu thịt. Nhiều người chào Lăng. Anh không nhớ họ hết, chỉ ghi nhận chung chung là họ làm việc ở Tàu vụ hay thường lui tới Tàu vụ. Một cậu con trai khoảng 13, 14 tuổi, mặc áo sa Quảng đông, có vẻ mặt dần dần bước vào tiếp rượu. Cả phòng tiệc nổi lên tiếng gọi ơi ơi, chen lẫn tiếng cười sặc sụa:

- Con ơi, lại đây với cha.

- Cha ngồi tận đây mà. Con chớ lầm!

- Rót thêm rượu cho cha đi. Rót đầy vào. Con tôi có hiếu quá!

Cậu bé đã quá quen với các lời chònh ghẹo kiểu ấy, thản nhiên rót rượu lần lượt cho từng người.

Đến lượt Lãng, ông bạn giàu nói lớn cho cả phòng nghe:

- Con rót cho "dượng" đây thật nhiều vào. Thêm nữa. Tràn càng tốt.

Cả phòng lại cười nói ầm ĩ. Lãng không hiểu gì cả, nâng chén rượu uống rồi ngơ ngác nhìn mọi người. Lại cười như vỡ chợ. Người nào đó la lớn:

- Xứng đáng lắm. Chỉ tiếc hơi gầy, sợ không kham nổi.

Lãng cảm thấy lợm, muốn nôn. Anh cố dằn, nhưng không được rồi. Anh nôn thốc ra mâm rượu. Đất trời điên đảo. Lãng gục rũ xuống như một con gà mắc dịch. Tiếng ồn quanh anh trở thành những tiếng lao xoa bất định.

Đêm đó Lãng không đủ sức gượng dậy để ra về. Chờ đến sáng hôm sau, anh mới dần dần hiểu được những gì đã xảy ra, hiện anh ở đâu. Ngôi nhà Lãng qua đêm là của một bà góa chuyên buôn các hàng cần thiết cho dân chài như lưới, phao, sợi gai, chì, dầu rái. Cái nghề nặng nhọc ấy chỉ là bình phong che mắt thiên hạ. Nghề thực sự đem của cải dư dả phung phí cho các cuộc rượu thịt, đãi đằng quan lớn quan nhỏ, là buôn lậu hàng Tàu. Góa chồng không con, chị chủ nhà sớm lao vào nghề buôn bán. Ăn nói đon đả khôn khéo, nụ cười mời mọc, ngón nguẩy, cái tính liều lĩnh đến bốc đồng, khả năng nhạy bén chớp đúng thời cơ, bao nhiêu yếu tố hiếm có ấy giúp bà góa trẻ tuổi làm giàu mau chóng. Chị ta biết khai thác mình đúng lúc, đúng chỗ. Chị sinh được ba đứa con, hai đứa khó nuôi, chỉ còn đứa con trai lên mười ba lo việc tiếp rượu đêm qua. Cha của đứa bé là ai? Đâu biết! Chị ta không nói, hoặc không thể nói. Cho nên những người đàn ông đến uống rượu, nghe hát ở nhà chị ai cũng có thể tự nhận là cha của đứa bé, một cách hả hê thoải mái, không bọn chút ghen tị nào. Cuộc mua bán sòng phẳng, ai cũng được phần, còn ghen tị gì nữa!

Có điều bất ngờ là từ hôm ấy, Lãng bớt lang thang thơ thẩn khắp Phú Xuân như trước. Bãng đi khá lâu, người ta không thấy anh lui tới các chỗ quen biết. Ban đầu chưa có ai lưu ý. Lãng vốn như cái bóng mờ trong các cuộc họp mặt, anh không gây phiền lụy cho ai mà cũng không ích lợi cho ai, đến và đi không báo trước, hiện diện lặng lẽ thui thủi, khi ngơ ngác nhìn cảnh múa may trước mắt, lúc khác ứa trầm ngâm. Một kẻ bất đắc chí. Người ta gọi anh như vậy, lúc tin đồn nhà vua không còn bao dung che chở cho Lãng nữa được thực tế xác nhận. Anh đòi hỏi ít, nên không thành gánh nặng cho ai. Bảo bọc anh không tốn kém bao nhiêu, lại được cái tiếng nhân ái và chút hãnh diện được che chở một người từng được hoàng đế che chở. Lúc mọi người chợt nhớ tới Lãng, họ mới biết anh đã ở lì tại ngôi nhà "bà góa tai tiếng" quá mức cần thiết.

*

* *

- Cậu này, tối nay chị có mời quan Hộ bộ Tả thị lang đến nghe hát đấy. Cậu rán tiếp đón cho chu tất nhé. Ủa, cậu định đi đâu đấy?

Lãng lâu bầu không vui:

- Xuống chùa.

Cô Sáu Nguyệt (người ta vẫn thường gọi bà góa hồi xuân như vậy) có vẻ hết hoảng:

- Xuống chùa à? Đi đâu giờ này? Về làm sao kịp?

Lãng tiếp tục khoác áo đoạn và chít khăn, nói dừng đình:

- Hôm nay thầy Từ Huệ mở cuộc lạc quyền đúc tượng. Chị đã hứa góp, chị quên rồi sao?

Cô Sáu Nguyệt nhớ lại: đúng là cô có hứa như vậy thật. Góp nhiều là đằng khác. Tuy đương lúc làm ăn phát tài và ở độ hồi xuân rạo rực, nhưng vào những hôm trời Thuận Hóa sùi sụt chì chiết, cô đã cảm thấy cái ê ẩm rã rời của tuổi già. Cô lo sợ, bắt đầu nghĩ đến chuyện lấy tiền của lót đường lên Niết bàn. Nhân thấy gần đây Lãng thường bỏ nhà xuống tận chùa Hà trung chuyện vãn với thầy trụ trì, cô Sáu mừng rỡ chộp lấy dịp tốt. Không phải dịp may còn gì nữa? Không có Lãng, một người đàn bà tai tiếng như cô làm sao dám mon men đến cửa chùa! Cô Sáu Nguyệt không cản trở Lãng, cô kín đáo khuyến khích nữa.

Phần Lãng, anh xem đây là một lối giải thoát. Anh chịu đựng không nổi nữa rồi! Cái cảnh sống già nhân nghĩa non vợ chồng giữa một người đàn bà góa chồng có con hoang với một cậu trai tân nhỏ hơn gần nửa giáp, đáng lý phải dấm dúi giấu đi mới phải. Đằng này cô Sáu Nguyệt cứ xoen xoét cái mồm để khắp Phú Xuân đều biết "cậu Lãng từng là bạn thân của hoàng thượng" đã trở thành "kép độc" của "chị". Chao ơi! Cái lối xưng chị trơ tráo giữa chỗ đông người, trong lúc ai ai cũng biết sự thực, mới đáng hổ thẹn làm sao! Trong các tiệc rượu, đứng vai chủ nhà tiếp đón những người quen cũ, Lãng muốn độn thổ khi cô Sáu gọi Lãng bằng "cậu em", và xưng "chị" ngọt ngào như vậy. Nghe xưng hô như thế ai cũng phải cười ha hả, và cô Sáu cười to hơn ai hết. Hình như sau bao nhiêu năm lăn lóc trong chuyện làm ăn dấm dúi với các quan lớn quan nhỏ, cô Sáu Nguyệt chộp đúng được yếu huyệt của bọn đàn ông, nên cô không sợ gì nữa. Cô bất chấp những lời thị phi. Khi gặp Lãng, cô Sáu tiến thêm một bước nữa: cô thách đố. Lãng không có điểm nào cho cô Sáu mê mết, gấn bó. Áo quần không chải chuốt. râu tóc biếng chải. Nét mặt dầu dàu. Lời nói giống một trước những người Lãng khinh bỉ (Có thể nói tất cả bọn đàn ông lui tới nhà cô Sáu Nguyệt đều bị Lãng khinh, kể cả chính Lãng). Sự vụng về trong cách giao tế... Còn nhiều, nhiều nữa! Lãng lờ mờ nghĩ rằng cô Sáu đang thích thách đố mọi người hơn là thích anh. Có Lãng, cô Sáu thách thức táo tợn hơn, liều lĩnh hơn. Anh không thể chịu đựng hết những trái chứng quá quắt của bà góa, đồng thời không có can đảm sống trở lại cuộc sống lang thang như cũ. Lãng tìm đến chùa Hà trung trong hoàn cảnh ấy.

Lãng thấy cô Sáu Nguyệt hơi lúng túng, liền xằng giọng:

- Vả lại có quan thị lang nào lại dám đến đây?

Cô Sáu Nguyệt bĩu môi:

- Chỗ nào có hơi đồng, chúng nó đều dám đến cả.

Lãng tức giận nói:

- Chị đừng quá tin ở đồng tiền của chị. Tôi dám đoan chắc trong vụ này có điều mờ ám. Ai mời quan thị lang đến giúp chị?

- Thì vẫn ông Trụ.

- Trụ nào?

- Còn Trụ nào nữa. Cái ông đã tống cổ "cậu" ra khỏi nhà đấy. Ông ấy bảo nếu chị khéo chiều quan thị lang sẽ cho phép chị độc quyền buôn muối.

Lãng quả quyết:

- Chị không phải là người vô danh ở kinh thành này. Hoàng thượng lại rất ghét bọn quan lại chuyên thậm thụt ăn dơ. Không có quan thị lang nào dám chường mặt đến chỗ này cho thiên hạ thấy. Chị cứ tin tôi đi!

Cô Sáu Nguyệt đuối lý, giọng thiếu tự tin:

- Nhưng chẳng lẽ ông Trụ nói gạt chị? Lâu nay chị với cánh ông ấy sòng phẳng với nhau lắm.

Lãng sợ trễ chuyển dò dặc, hỏi nhanh:

- Chị có muốn tối nay tôi lột mặt nạ của chúng không?

Quả nhiên, cô Sáu Nguyệt sợ:

- Thôi. Chuyện đâu còn có đó. Hẳn lừa mình, mình cứ tự nhiên như không hay biết. Chờ dịp thuận tiện, sẽ cho hẳn biết tay. Cậu vẫn quyết đi chùa đấy à? Thôi, đi đi. Quyên giùm cho chị hai mươi... à không, mười quan tiền để thầy mua đồng đúc tượng. Mô Phật! Phen này chúng nó sẽ biết tay bà!

*

* *

Hôm đó, đáng lý thầy Từ Huệ giảng cho Lãng nghe kinh Viên Giác. Nhưng thợ trai xong, sư cụ âu yếm hỏi Lãng:

- Cháu đã xem qua vườn phong lan của nhà chùa chưa?

Lãng thành thực đáp:

- Bạch thầy, chưa ạ.

Thầy Từ Huệ chớp mắt như cố giấu xúc động nào đó, giọng hơi băng khuâng:

- Thời trước, cha của cháu mê chơi phong lan sớm hơn cháu. Năm nay cháu bao nhiêu tuổi rồi?

Lãng phải lẩm bẩm thầm tính một lúc mới đáp:

- Dạ cháu ba mươi lăm rồi ạ.

- Phải. Cha cháu bắt đầu tìm phong lan từ lúc "tam thập nhi lập". Kể cũng phải, vì thời đó thông dong hơn. Cháu đi lối này. Xách giùm cái bình tưới theo luôn.

Sư cụ dẫn Lãng ra mái hiên nam, nơi mấy gốc soài sum suê che rợp một khoảng vườn. Trên các cành cây, ở dọc mái hiên, đeo lủng lẳng năm sáu chục cây tầm gửi. Cây thì bắt rễ ở một vỏ dừa khô, cây thì bám vào một cành củi mục. [\[3\]](#)

Lãng nhìn ra vườn không thấy mấy khóm cúc, thược dược, mẫu đơn đâu nữa, ngạc nhiên hỏi:

- Mấy khóm hoa kỳ trước đã hư cả rồi, bạch thầy?

Sư cụ cười hiền:

- Đến Viên Giác rồi thì không nên kể đến Lãng Nghiêm hay Pháp Hoa nữa!

Lãng e ngại nói:

- Bạch thầy, cháu chưa hiểu gì cả.

Thầy Từ Huệ vẫn giữ nụ cười trên môi:

- Rồi cháu sẽ hiểu. Cháu xem, phong lan nhà chùa có đẹp không?

Lãng thành thực nói đúng ý mình:

- Cháu thấy... cháu thấy... biết nói thế nào cho đúng nhỉ! Cháu chỉ thấy những cọng rễ quấn queo bám vào thân mộc, lá buông rườm rà, họa hoằn lắm mới được vài bông hoa, mà hoa thì cũng không lấy gì làm đặc sắc. Cháu có ngửi thoang thoáng thấy một mùi hương... lãng đãng... Không biết có đúng là hương phong lan hay không. Mùi hương không định, ngửi vào là biết ngay như hương hoa cúc, hoa huệ, hoa hồng. Thầy kiếm được bao nhiêu loại mà treo nhiều thế ạ?

- Cháu tưởng thế! Quanh đây mới chỉ được bốn năm chục loại phong lan. Sách xưa chép có người tìm được đến 180 thứ lan khác nhau, nhưng các loại hiện có trên đời này phải gấp mười lên kia!

- Nhiều thế thì làm sao nhớ cho hết!

- Đã có người viết được cả một bộ Phong lan sử rồi đấy. Không có gì khó cả, khi người ta quyết tâm.

Lãng nhìn lại cái vườn hoa cũ chỉ còn trơ các luống đất đen xộp, rồi nói:

- Bạch thầy, cháu cũng đã thấy quyết tâm của thầy. Vừa rồi thầy dạy mấy chữ "đến Viên Giác". Cháu mong được...

Thầy Từ Huệ cười xòa, vỗ vai Lãng nói:

- Đây chỉ là một cách hiểu Phật. Ngày xưa, thầy Ma-ha Ca-diếp nhìn Đức Phật cầm đóa hoa sen liền ngộ đạo. Đức Phật bảo: "Ta có Chánh Pháp Nhãn Tạng, Niết bàn Diệu Tông, phó thác cho người Ma-ha Ca-diếp". Chúng ta cũng bắt chước nói chuyện hoa vậy. Chỉ nói chuyện hoa mà thôi, quên hết những thứ khác đi.

Lãng vội đặt ngay câu hỏi để bớt tò mò:

- Bạch thầy, cháu xin chỉ hỏi về hoa. Vì sao thầy không còn thích cúc, mai, thược dược, hồng nữa, mà chỉ thích phong lan?

Thầy Từ Huệ âu yếm nhìn quanh các giò hoa lan trước khi quay về phía Lãng, rồi chậm rãi đáp:

- Vâng, chúng ta chỉ nói về hoa. Tại sao ở cái độ thời gian này bần tăng chỉ thích phong lan ư?

Trước hết bởi vì đó là cái đẹp chưa định, như cháu vừa bảo mùi hương phong lan chưa định như loài huệ, loài cúc. Cái đẹp còn mời gọi khám phá, cái đẹp còn đang tìm kiếm. Mấy năm loạn lạc cháu đã thấy ở Thăng Long cũng như ở đây, lâu lâu giữa đồng giấy cũ để bán ngoài chợ cho người ta dán quạt, có thể tìm được những cuốn sách cổ quý giá vô ngần. Tìm được một cuốn sách quý giữa mớ giấy tờ bèo nhèo, còn thú hơn đi ngấm đồ trang sức bày la liệt ở tiệm vàng. Người thợ đã tìm được ngọc sung sướng hơn người thợ may dát ngọc lên áo gấm. Chơi lan là đi tìm cái đẹp, chứ không lười biếng ngồi hưởng cái đẹp đã sẵn. Cháu hiểu ý bần tăng chưa?

- Bạch thầy, hiểu ạ!

Thầy Từ Huệ trở một giò phong lan bám vào khúc củi khô, nói tiếp:

- Cháu có thấy tất cả loài lan đều là tầm gửi không? Loài hoa khác bám rễ vào lòng đất, tự hút lấy nhựa sống. Giống phong lan không có được cái căn cơ đó. Bám vào một ngọn cây cao, hoặc một thân mục. Như cháu thấy kia, dây lan chỉ bám vào vỏ trái dừa khô. Minh tưởng như phát phơ, mong manh, vô dụng, nhưng sự sống của nó trường cửu kỳ lạ. Chỉ cần vài giọt mưa và lòng kiên nhẫn chờ đợi: một ngày kia, giữa chỗ không căn cơ đó đột nhiên nở ra một đóa hoa, hoặc không có hoa nhưng phảng phất một thứ hương hiếm. Phong lan không dành cho kẻ vội vàng, lười lĩnh, hiểu cạn, tham lợi. Nó không hứa hẹn dễ dãi, không chịu bằng lòng trong khuôn thước. Có bậc cao sĩ cửa huyền đã gọi vẻ đẹp phong lan là thái hư. Điều phong lan hứa cho cửa Phật tạm gọi là Chân như cũng được lắm. Cháu hiểu ý bần tăng chứ?

Lăng đáp nhỏ:

- Cháu chỉ hiểu lơ mờ. Có phải thầy trở lại cái ý "đến Viên Giác" lúc nãy?

Sư cụ không đáp câu Lăng hỏi, trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Có lẽ nên nói điều này cho cháu dễ nhận. Như cháu đã biết, có mấy nghìn thứ phong lan trên mặt đất này. Làm sao đặt tên cho hết! Cho nên trong các cuốn Phong lan sử, người ta tạm chia làm ba loại: hiển lan, u lan và mặc lan.

Hiển lan anh hoa phát tiết ra hết, màu sắc sỡ dễ định, hương nồng nàn. U lan kín đáo như một thứ sắp nở còn giấu nhiều vẻ, nhiều tính bí nhiệm. Cao nhất là mặc lan thường mọc trên ngọn cây chót vót hoặc nơi núi sâu, như người tài ở ẩn, không cần ai biết đến mình. Cháu lại đây!

Sư cụ dẫn Lăng đến gần một giò phong lan có lá màu hồng uốn cong lên, dù lúc ấy không trổ hoa nhưng hương tỏa ra ngào ngạt, sư cụ nói:

- Loại lan này có hương thơm dễ định. Đáng lẽ xếp vào hiển lan. Nhưng vì mùi hương chữa được bệnh nhức đầu cảm mạo, nên phải xếp vào u lan. Tên nó là Liệu đầu phong.

Thầy Từ Huệ lại dẫn Lăng đến một giò lan đang nở hoa trắng:

- Loại này không hương, hoa sắc trắng. Màu trắng tinh khiết chứa đủ mọi màu, nên có thể xếp vào u lan. Nhưng nếu lấy phẩm xanh tươi vào rễ cái, hoa trắng sẽ dần dần ra màu lá mạ. Gần một khắc, màu xanh ấy phai đi. Nếu ta thay phẩm vàng hay đỏ, hoa lại có màu y như màu phẩm. Như vậy là không có tư cách vững vàng. Lòng dạ lang chạ, tráo trở. Bèn phải xếp vào loại hiển lan.

Lăng thích thú đề nghị:

- Thầy cho con tưới thử nước phẩm!

Sư cụ cười:

- Được. Nhưng lúc khác hãy thử. Cháu nhìn giò lan treo ở cạnh xoài kia kìa. Bần tăng đã xin thứ lan có lá màu vàng xám ấy tận động Lữ đem về đây nuôi sáu bảy năm nay mà chưa thấy trổ hoa. Bần tăng đã ngờ có lẽ chỉ là một loại cỏ dại. Năm trước được một ông bạn phố Thanh hà cho mượn cuốn Phong lan sử của Thiệu Đồ, tra xem mới biết là một loại lan hiếm. Vì chưa tìm ra cái sâu kín của nó, bần tăng chưa dám xếp nó vào u lan hay mặc lan.

- Bạch thầy, Phong lan sử xếp loại như thế nào ạ?

- Thiệu Đồ đạo nhân xếp vào mục Tồn nghi. Trong mục này, cũng có nhiều truyền thuyết khá lý thú.

Sách chép đời Tống Thần tôn có chàng họ Thạch tìm được một cây phong lan có mùi thơm như mùi da con gái. Từ lúc hái về nhà, đêm đêm Thạch chỉ uống rượu để ngủ bên cây, không buồn ngó ngang đến vợ. Vợ Thạch ghen tức chờ lúc vắng chồng, rót trộm nước nóng khiến cho lan khô dần rồi chết. Cây chết. Thạch tương tư thành bệnh chết theo. ^[4]

- Có lẽ chỉ là chuyện thêu dệt cho vui đấy thôi. Bạch thầy, làm gì có loại lan lạ đến thế.

- Bần tăng cũng chẳng dám quyết. Có điều theo ý bần tăng, không nên xếp vào mục Tồn nghi. Giống lan lạ như thế, người cận nghĩ liền xếp vào u lan. Bần tăng thì xếp ngay vào hiễn lan vì nó chỉ gọi cái đam mê tầm thường.

- Bạch thầy, ở đây có loại mặc lan nào không?

- Tiếc là bần tăng chưa được cái may mắn ấy. Tháng trước, sư cụ Phước vân tự bảo có nghe một người tiêu phu già núi Thiên thai thuật rằng trên đỉnh núi ấy có một loại lan hoa đen tuyền mà mượt như nhung. Bần tăng chưa dám trợn tin ^[5]. Truyền kỳ đời Lê cũng chép rằng khoảng niên hiệu Chính hòa, ở làng Cách, huyện Nghĩa hưng có một nho sinh tài hoa tên là Tống Uyên Đình. Tống sinh tìm được trên ngọn y lang xã Phù Ninh một thứ lan hiếm. Cây phong lan gốc mọc chia làm bốn dây dài rũ xuống, rễ trắng mềm và óng như tơ, còn lá thì màu tía nhạt, thon như ngón tay và mỏng như lụa. Nhìn các đốt dây thì thấy đốt nào cũng có nụ, hoa nở bằng hột quít, còn ở đầu bốn ngọn chồi nõn đang sinh. Hoa đẹp lạ thường, lại thơm nức. Mùi thơm tỏa rộng vài trăm bộ, nửa như cúc, nửa như mai. Còn về sắc thì cánh hoa lấm chấm chín màu, bốn cánh dưới nhỏ trên to khiến ai thấy cách một khoang thuyền cũng tưởng là bướm đậu. Tống sinh liền đặt tên là lan hồ điệp, và xếp vào nhóm hiễn lan. Bần tăng quên điều quan trọng là Tống Uyên Đình có giọng bình thơ rất hay. Đêm ấy, Tống ngồi bên đèn bình bài ngũ ngôn cổ phong Cảm Ngộ của Trần Tử Ngang. Bỗng Uyên Đình thấy đàn bướm phong lan đập đập. Lấy làm lạ, Tống ngưng bình thơ thì cánh lan hồ điệp cũng ngưng, Tống lấy giọng bình thơ thì cánh hoa lại đập. Thử nhiều lần đều như vậy. Mới biết lan hồ điệp cùng thuộc một nòi tình. Cháu thấy thế nào, xếp lan hồ điệp vào hiễn lan hay mặc lan?

Lãng xúc động, giọng nói hơi nghẹn và run:

- Bạch thầy, đích thị là một thứ mặc lan. Nếu quả thực có một loại phong lan như vậy, dù phải leo đèo lội suối, dù chết mất xác trên rừng sâu, cháu cũng quyết tìm cho được.

Thầy Từ Huệ cười nhẹ rồi hỏi:

- Cháu tìm để làm gì?

- Cháu cũng chưa biết để làm gì nữa.

Sư cụ bảo Lãng:

- Cháu thử tìm xem. Biết đâu cháu không đến được cõi Viên Giác.

^[1] Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm, quyển 2, trang 119, Mai Quốc Liên dịch

^[2] Trích lại của Dương Quảng Hàm, VN văn học sử yếu, trang 156

^[3] Bắt đầu từ đây, ý truyện phỏng theo Thơ Nghiên Hoa Mộng của Hư Chu, Nguyễn Hiến Lê xuất bản, Sài gòn 1956.

^[4] Hư Chu, Hoa Nghiên Thơ Mộng, trang 61

^[5] Hư Chu, Hoa Nghiên thơ mộng, trang 61

Chương 100

Từ đầu tháng 8, Lãng không tập về nhà bà góa nữa. Anh trở lại nếp sống lang thang như trước. Tuy vậy cuộc sống của anh đỡ vất vả hơn. Lãng kiếm được chút ít tiền nhờ viết tờ khai gốc gác ba đời để nhập chính hộ cho những người nhà giàu mù chữ. Bấy giờ, khắp các thôn xóm, cuộc kiểm tra sổ đinh điền theo Chiếu Khuyến nông đã bắt đầu. Sau bao năm chinh chiến, hết Nguyễn đến Trịnh, hết Trịnh đến Tây Sơn, lớp mới lên thì lớp cũ phải phiêu giạt, nhà cháy vườn không, phải dặt dứu đến chỗ không có tên đạn, các lớp tị nạn cứ chập vào nhau như sóng đập, sổ dân chính hộ lưu cư từ ba đời ở các thôn xóm thật quá ít. Gần như hầu hết sổ đinh trong từng làng đều là dân kiều ngụ. Kể cả những chức dịch như thôn trưởng, xã trưởng, phân tri, phân suất. Cho nên từ lúc thực hiện các điều ban hành trong Chiếu Khuyến nông, khắp Phú Xuân và vùng phụ cận đều lên cơn sốt. Ai cũng tìm cách vào cho được chính hộ bằng bất cứ cách nào, bất cứ giá nào. Lãng viết đơn thuê không kịp: nào tờ khai dối đã từng lưu cư tại đó từ ba đời, nào đơn khiếu nại bị xếp oan, nào giấy thỉnh nguyện xin được đặc cách vì thế này vì thế khác... Lãng được chiều chuộng, mời mọc, nhờ diển đúng và gọn những cảnh huống phức tạp rồi rậm lên các lá đơn. Anh đủ tiền ăn no hơn, mặc lành hơn, chưa kể những lần bị khách hàng ép rượu, da mặt anh lấy lại chút hồng hào. Đôi mắt anh trở nên linh hoạt. Những người gặp anh thời đó không quên được ánh nhìn hồn nhiên tươi tắn của Lãng mỗi khi anh ôn tồn an ủi: "Can chi mà lo. Thế nào quan trên cũng xét cho bác (cho anh, cho chị, cho chú, cho thím...) được lưu cư. Chính sách chỉ nhằm đuổi bọn vô lại về cầm cày đó thôi". Dĩ nhiên chú, bác, anh, chị... đang nghe Lãng nói đây không thể thuộc hạng vô lại!

Lãng thành thực tin tưởng như vậy. Anh không giả dối môi miếng để kiếm chút tiền viết thuê! Ánh mắt lạc quan của anh xuất phát từ trong một trạng thái tâm hồn lạc quan. Thật vậy, Lãng tin tưởng hoàn toàn vào các biện pháp thực tiễn, công bằng, có tình có lý của Chiếu Khuyến nông, như anh cả tin vào các trường hợp oan ức, tội nghiệp của kẻ nhờ anh làm đơn khiếu nại. Công lý phổ quát dù sao cũng không soi thấu đến các góc ngách phức tạp, các ngoại lệ. Anh đang dùng chút học thức khiêm tốn của mình vào việc "hoàn chỉnh công lý".

Công việc bận bịu, nhưng lâu lâu, Lãng cũng tìm cách xuống chùa Hà trung để ngắm phong lan. Anh dần dần bị thú chơi lan quyến rũ. Cái đẹp còn đang đi tìm! chân lý vĩnh cửu của thái hư! Cái đẹp thái hư ấy nhiều khi chuộc lại được những lầm lỡ, ngu dốt, độc ác, trơ trẽn, giả dối, cũng chưa biết chừng! Đôi khi Lãng lan man nghĩ như vậy, và càng cảm thấy yêu phong lan hơn.

*

* *

Những tờ khiếu oan thống thiết Lãng viết thuê, không phải tờ nào cũng có kết quả. Lãng đã gặp khá nhiều người bị xếp vào hạng lưu tán, tệ hơn nữa, bị xếp vào dân du thủ du thực. Anh có làm giúp không lấy công cho họ nhiều đơn khác. Kết quả vẫn như cũ. Nhiều người chán nản nói:

- Đến nước này thì chỉ còn cách dắt díu vào Bến Ván thôi!

Lãng ngạc nhiên hỏi:

- Vào đó làm gì? Chỗ đầu sôi lửa bỏng...

Anh được giải thích cặn kẽ do đâu Bến Ván trở thành chỗ dung thân cho dân lưu tán. Lần đầu, anh không tin mấy. Về sau, nhiều người bất hạnh nhắc đến Bến Ván, anh mới trợn tin. Không mấy vui, nhưng Lãng nghĩ: biết đâu đó cũng là một chỗ Trời dành riêng để "hoàn chỉnh công lý". Thêm một lý do nữa để anh lạc quan tin Trời, yêu người!

Có điều khó tin nhưng có thật là Lãng quên bằng hoàn cảnh mình. Anh trở mắt nhìn viên xã trưởng Vỹ dạ thượng khi nghe báo mình bị liệt vào hạng du thủ du thực. Viên xã trưởng lúng túng đưa tay gãi đầu, cổ giải bày, phân bua:

- Tôi đã hết lời bênh vực cho thầy trước quan phân suất, sau đó năn nỉ cả quan phân tri huyện. Nhưng thầy hiểu cho, thầy sống lâu bêu không vợ con, không nhà cửa thế này, làm sao nói được! Quan phân suất cũng lấy cớ nhà cũ của thầy hiện do người nhà quan thái úy cư ngụ, không muốn ghi tên thầy vào sổ đình của xã. Bớt được một tên du thủ du thực trên danh sách càng đỡ bị Bề Trên quở trách. Chắc thầy hiểu!

Lãng ngồi bần thần không nói được câu nào. Vâng, anh đã hiểu. Anh chỉ ngạc nhiên tại sao mãi đến bây giờ Lãng mới nhận ra nhân dáng của anh, theo lối nhìn của các quan. Lâu nay anh cứ ngang nhiên coi mình như một người lương thiện, không đối gạt ai, không làm hại ai. Tuy không làm được những điều lớn lao, nhưng Lãng tự xem như một kẻ có ích cho đời. Lương tâm anh không có gì xấu hổ. Anh hơi mềm yếu, sống buông thả, nhưng như một ngọn cỏ non, anh không làm đau cả đến gót chân một đứa bé. Thế mà người ta nữ liệt anh vào hạng du thủ du thực! Tự nhiên Lãng cảm thấy vị đắng đắng ở đầu lưỡi. Anh nhớ lại niềm hân hoan khác thường của mình hôm đọc bài Chiếu Khuyến nông ở cửa Nam. Cho đến lúc này, anh vẫn công nhận bài chiếu hoàn toàn hợp lý. Anh thuộc vào trường hợp ngoại lệ. Sự hữu ích của anh đo lường bằng những tiêu chuẩn trừu tượng như là lòng chân thật, sự liêm khiết, đức nhân ái, lối sống chí tình với những điều mình tin tưởng, khát vọng đi tìm cái tuyệt đối... Những tiêu chuẩn đó không được ghi trong bài Chiếu Khuyến nông. Không nghề nghiệp, nhà cửa, vợ con, tức là du thủ du thực. Đơn giản thế thôi!

*

* *

Khoảng cuối tháng tám, Lãng nhận được tin chị lần đầu. Một khách hàng bất hạnh của anh vào Bến Ván trước để chuẩn bị đưa cả gia đình vào sau, lúc về có nhắc đến tên An. Lãng hồi hộp hỏi thêm vài câu, đã biết đích xác mẹ con An hiện ở trong đó. Thượng tuần tháng chín, Lãng quyết định đi tìm chị!

Hôm ấy An bận lo dọn dẹp kho, nên nhờ con bé Thái ngồi trước cửa trông hàng. Thái thấy một "ông già" mặc áo lương đen bạc màu, quần ống cao ống thấp, đầu để trần, râu tóc lốm đốm bạc phủ đầy bụi đường, xăm xăm tiến về phía nhà mình. Dáng đi còn nhanh nhẹn tương phản với cái dáng người gầy gò già nua, khiến con bé do dự không biết gọi thế nào cho đúng. Thái thấy "ông già" dừng lại trước cửa hàng, đoán chắc lại một người xiêu tán nữa vừa từ phía bắc vào tìm nơi nương náu ở đây. Thái nhớ lời mẹ dặn,

nên lễ phép lên tiếng trước:

- Thừa cụ... à thừa bác, cửa hàng ế ẩm lắm ạ. Mẹ cháu lại vừa đi khỏi, cháu không dám...

Lăng bật cười. Thái bỡ ngỡ, ngờ ngợ đã gặp đôi mắt hiền dịu này, nghe giọng cười khao khao này ở đâu rồi. Quen thân lắm. Lăng muốn kéo dài cái thú bất ngờ, nên hỏi:

- Không có mẹ ở nhà làm sao cháu biết giá cả? Chuyến này bác mua nhiều thật là nhiều.

Con Thái ngây thơ hỏi:

- Bác định mua những gì? Để cháu... ơ kìa, có phải cậu không? Cậu Lăng! Mẹ ời! Mẹ! Ra đây mau.

Có cậu Lăng vào thăm đây này. Vậy mà cậu còn giả vờ...

Thái đứng bật dậy, chạy ra ôm chầm lấy Lăng, miệng không ngớt gọi: Cậu! Cậu vào hồi nào? Mẹ ời! Ra xem cậu Lăng đây!

An từ phía sau chạy ra. Chị thấy con đang dụi mặt vào lòng một ông lão ăn mặc dơ dáy bẩn thỉu và thút thít khóc. Lòng An nhói đau. Lăng nhìn về phía chị, đứng yên một chỗ chờ cho cháu qua cơn xúc động. Anh mỉm cười chờ An nói trước, vì chính lúc đó, Lăng cũng xúc động đến nghẹn lời. An tiến lên vài bước, thì thào không tin ở mắt mình.

- Em đấy phải không Lăng? Trời ơi! Vì sao em đến nông nỗi này?

Thái mừng quá, quay lại nói với mẹ, ngấn nước mắt còn nguyên trên má nhưng ánh nhìn long lanh vui:

- Mẹ còn hỏi gì nữa, đúng là cậu Lăng rồi! Cậu vào nhà đi! Guốc của cậu đâu?

An nhìn xuống hai chân em. Bấy giờ chị mới thấy ở bàn chân phải, Lăng dùng giẻ quấn quanh một vết thương hình như ở chỗ mu bàn chân. Trên miếng giẻ bẩn thỉu vì lấm bùn và dỉ mồ hôi, có một chỗ loang lổ máu khô. An lo sợ ngồi xuống trước mặt Lăng hốt hải nói:

- Chân em làm sao thế? Có nặng lắm không?

Bây giờ Lăng mới thấy mọi thứ ở khắp thân thể. Vết thương nơi bàn chân nổi buốt. Anh bước cà nhấc đến chỗ mép phản. Thấy nét mặt chị và cháu lo âu thái quá, Lăng cười nói:

- Chị đừng lo. Em gần đến Bến Ván, mừng quá, vấp phải một gốc cây đã bị chặt gần sát đất.

An thở phào hỏi:

- Có ra máu nhiều không?

- Ít thôi. Thái vào rót cho cậu bát nước.

Thái liến láu bảo:

- Con hư quá đi mất. Đáng lẽ con phải rót nước mời cậu ngay. Cậu uống nước chè tươi nhé! Nước hơi nguội. Hay cậu chờ con đi nấu ấm khác.

- Nước gì cũng được. Suốt mười mấy hôm cậu uống toàn nước lã đã sao đâu!

An quay lại bảo Thái:

- Con rót nước cho cậu, rồi vào nhóm lửa nấu ngay cho mẹ một nồi nước lớn. Mẹ phải rửa vết thương của cậu, không lại làm độc.

Con bé Thái định chạy xuống bếp, chợt nhớ điều thắc mắc, nên dừng lại hỏi:

- Sao lúc này con thấy cậu bước mạnh bạo lắm mà?

An cau mày:

- Cái con này! Chỉ hỏi vớ vẩn. Rót nước cho cậu nhanh lên.

Lãng đáp với theo cho cháu nghe:

- Cậu hỏi thăm được biết chỗ cháu ở, mừng quá nên quên cả cái chân đau.

rồi quay về phía An, Lãng nói:

- Trông chị có vẻ khá hơn trước, em muốn nói... em muốn nói có vẻ khỏe mạnh hơn cái ngày... Sáng

hôm đó, em chạy tìm chị khắp nơi, em chạy ra bến đò, em...

An gạt đi:

- Thôi, đừng nhắc lại chuyện ấy nữa (giọng An hơi rạn vỡ). Chị em mình còn gặp nhau đây là vui

rồi. Nhưng, em ốm và tiêu tụy quá. Em vừa đau mới dậy phải không?

- Không. Em vẫn khỏe đấy chứ.

- Hay vì đi đường vất vả. Sao em không thuê ngựa đi cho đỡ chân. Những dân lưu tán chạy vào đây

hiều người thuê cả ngựa thồ chở không thiếu thứ gì, từ nồi niêu cho đến cái chổi. Trời ơi. Chị lú lẫn quá!

Việc gì em phải thuê ngựa. Thiếu gì ngựa trạm. Em dám bỏ việc quan đi tìm chị sao?

Lãng ngược lên nhìn thẳng vào mắt An, cố tìm hiểu xem chị đã biết mình bị thất sủng hay chưa. Anh

thấy An chưa biết gì. Không muốn cho An đau khổ vội, Lãng nói dối:

- Có gì mà em không dám bỏ. Nghe được tin chị, Lãng mừng quá, ra tìm dò đi ngay.

- Sao lại đi dò?

- Lúc ấy em đang ở chơi dưới thây Từ Huệ. Sư cụ chùa Hà trung chị nhớ không? Sư cụ là bạn thân

của cha chúng ta, từ thời còn đi lại dinh quan nội hữu Ý đức hầu...

An mất kiên nhẫn, vội hỏi:

- Nhưng làm sao em biết chị ở trong này?

Lãng cười, chỉ tay về phía một đoàn dân lưu tán gồm đủ già trẻ lớn bé đang kéo qua trước cửa:

- Nhờ một trong những người này. Họ vào đây trước để xem xét cách mưu sinh rồi mới về Phú Xuân

dẫn cả nhà vào.

An nhìn theo một đứa bé gái độ năm, sáu tuổi quần áo rách rưới đang cố chạy theo cho kịp mẹ, buồn

rầu rầu hỏi:

- Sao gần đây có nhiều người chạy về đây quá! Trông cảnh họ, chị lại nhớ cảnh mẹ con chị năm

trước. Ngoài đó ra sao?

Lãng định trả lời, nhưng đột nhiên An sợ. Sợ cái gì? Ngay lúc ấy, An không định rõ. Chị vội nói:

- Thôi, để lúc khác hãy hay. Em cởi miếng vải ra cho chị xem vết thương có sâu không. Thái ơi! Sao

chưa bưng nước cho cậu.

Thái dùng cái mâm gỗ sơn đen bưng ra cho Lãng một bát nước chè tươi nóng nổi bọt, nét mặt hân

diện đến đỏ hồng:

- Nước cũ nguội quá. Con nấu luôn nước chè cho cậu uống.

Lăng chợt nhớ đến thằng Phát. Anh hối hận đã không hỏi thăm đứa cháu trai từ đầu, xốn xang trong lòng vì tự biết sự thờ ơ đó do anh không ưa Phát, Lăng đưa tay bưng bát nước chè, cố lấy giọng tự nhiên hỏi Thái:

- Anh Phát của cháu đâu rồi?

Thái liếc về phía mẹ. An buồn rầu nói:

- Vào đây, nó càng thêm lêu lổng. Từ sáng đến giờ không thấy mặt nó. Gặp em rồi, thế nào chị cũng nhờ em dẫn nó về ngoài đó dạy dỗ cho nó vài chữ, may ra nó hiểu lễ nghĩa, bớt hoang đi!

Một lần nữa, Lăng lại ấp úng nói dối:

- Vâng, em sẽ cố gắng.

An mừng rỡ nói:

- Em hứa như vậy, chị mừng lắm. ở Lăng này, bây giờ chị lại thấy em tươi trẻ y như mấy năm trước. Lúc này chị thấy em già nua tồi tàn quá. Vâng, nhìn kỹ thì em vẫn như xưa. Nếu... nếu em đội khăn và cắt bớt râu đi, nếu đôi mắt em tươi lên một chút, nếu...

Lăng cười, cắt lời An:

- Chị "nếu, nếu" nhiều quá, em làm sao cho hết!

An cũng vui theo, cười lớn và bảo em:

- Em đi tắm đi. Chắc nước sôi rồi. Thái ơi, đã có nước cho cậu tắm chưa?

Tiếng con Thái đáp:

- Rồi mẹ ạ. Con đang pha vào vò.

An bảo Lăng:

- Em lấy nước sôi đổ riêng ra thau chờ âm ấm rồi hãy tháo vải rửa chân. Tắm xong chị sẽ bôi thuốc. Có thứ thuốc cao Quảng Đông công hiệu lắm. Em có đem quần áo theo không?

Lăng không dám thú thật chỉ còn một bộ đồ cũ trên người:

- Em còn gửi cả đấng kia!

- Thôi em lấy tạm quần áo của thằng Phát. Nó lớn lắm, cao gần bằng em rồi đấy. Mười bốn tuổi rồi còn gì.

Thái lên nhà trên, khoe thêm:

- Anh ấy nói giọng ồm ồm như người lớn, cậu biết không? Chỉ phải cái tật ngủ li bì, và mê học võ.

An lườm con, bé Thái không dám nói thêm gì nữa.

*

* *

Đêm. Bên ngoài, gió lốc thổi cát bay đập vào liếp tre ở chái bắc kêu rào rào. Bến Ván lịm trong giấc ngủ nức nội dật dờ. Hai chị em ngồi bên ngọn đèn dầu dứa leo lét, gần như thì thầm với nhau vì không muốn đánh thức Phát và Thái.

Lăng kể cho chị nghe đời sống bấp bênh của mình trong hơn một năm qua. Dĩ nhiên Lăng giấu cái thời anh sống bám vào gấu quần mụ góa tai tiếng. An bùi ngùi, nhìn em thương hại. An nói:

- Chị vẫn nghĩ tuy đã mất, cha mẹ dưới tuổi vàng không rời mắt khỏi chúng ta một bước. Lãng nghĩ mà xem, hồi đó ba mẹ con chị không biết trốn đi đâu nữa. Ra phía bắc thì nhất định không được rồi. Chỉ còn lối vào nam. Nhưng về đâu? Về đâu? Chị cứ nhắm mắt bước liều. Chúng ta còn có quê hương nào nữa mà về.

An chợt nghĩ đến An Thái, lòng hồi hộp, ngừng lên hỏi Lãng:

- Em có biết chị vừa về thăm An Thái không?

Lãng không tin ở tai mắt mình, hỏi lại:

- Chị vừa nói gì thế?

Giọng An hơi phảng phát niềm kiêu hãnh:

- Chị vừa vào An Thái tháng trước.

- Thật sao chị?

- Chị dối em làm gì?

- Chị có gặp được anh Kiên không?

- Có.

Lãng vừa tò mò vừa lo lắng. Anh không biết nên hỏi thăm điều gì trước. An không chờ em đặt câu hỏi, nói tiếp:

- Anh ấy được tha, về mở am tại gò Miếu! Mở ngay ở cái miếu thờ ông bị bệnh phong đó. Em biết không, hôm ấy hai anh em có nhắc chuyện hồi nhỏ em dám một mình ra ngồi ở cái miếu đáng sợ đó. Còn chuyện này, bất ngờ hơn, đổ em biết chuyện gì?

- Chịu thôi!

- Anh Kiên được khải Qui Nhơn xem là một bậc... bậc gì nhỉ?

- Bậc chân tu à?

- Còn hơn thế nữa. Người ta tôn anh ấy lên Đức Thầy. Em vào Qui Nhơn mà hỏi tên tục anh ấy ra, người ta sẽ giận lắm. Anh ấy có nhiều đệ tử, suốt ngày người ta lũ lượt đổ về gò Miếu để xin anh ấy ban bùa, cầu an, nói hậu vận. Chị là người nhà mà khi đến nơi cũng phải chờ gần suốt ngày mới được anh ấy tiếp.

Lãng không thể dằn tò mò, chồm tới trước hỏi:

- Nhưng chị có thấy anh ấy khác xưa không? Em muốn nói anh ấy có gì có vẻ "Đức Thầy" không?

An nhớ cuộc gặp gỡ với anh cả, cười vui rồi nói:

- Dĩ nhiên anh ấy xứng đáng được tôn xưng là Đức Thầy. Đến chị mà còn cảm thấy sợ, không dám nhìn lâu lên khuôn mặt nghiêm của anh ấy. Phải chờ đến khi các đệ tử ra ngoài hết, chỉ còn hai anh em với nhau, anh ấy mới thực là anh cả chúng ta. À chị quên, "Đức Thầy" có hỏi thăm em.

- Thật à! Anh ấy nói gì?

- Anh ấy nhắn nếu em cũng sa cơ như chị, hãy về ở với anh ấy.

Lãng suy nghĩ một chút, rồi nói:

- Nếu chị về thì em về.

An quả quyết đáp:

- Chị không về.

- Tại sao thế?

An không muốn Lãng thất vọng về Kiên, chỉ đáp lửng lơ:

- Về đây nhìn lại cảnh cũ, chị buồn quá. Em biết không, cây gạo ngoài bến sông đã chết khô rồi!

Lãng bồi hồi khá lâu, lòng lâng lâng buồn. Hai chị em im lặng bên đèn. Lãng nghĩ An sợ không dám nhìn lại những dấu vết của một mối tình tuyệt vọng, liếc nhìn chị thương hại. An lấy que trúc khời tim đèn, Lãng thấy que trúc hơi run.

Một lúc sau, An hỏi:

- Ngoài đó, em có đi thăm mộ anh Lợi giùm chị không?

Lãng nói quá cho vừa lòng chị:

- Có ạ. Lúc nào nhớ đến chị và các cháu, em lại lên mộ. Bây giờ gần đó, có lập thêm một trại lính nữa.

Giọng An trở nên chua chát:

- Người ta chưa sai san phẳng ngôi mộ để mở rộng trại lính à?

Lãng lại ngược nhìn chị, không đáp. Gió lốc nổi cơn xốc cả mái tranh, bụi rơi xuống khắp phòng. An ngồi im như không hay biết gì. Lãng không dám phui những bụi tranh mục vương trên tóc, sợ làm phiền An. An thở dài, rồi nói:

- Chị tưởng em được yên thân. Không ngờ... cuối cùng em cũng như chị. Chúng ta thành nạn nhân của "người ta" cả. Em bị xếp vào thứ dân lưu tán chứ gì?

- Tệ hơn nữa, chị ạ. Loại du thủ du thực!

An hấp tấp hỏi:

- "Ông ấy" để mặc cho cấp dưới xếp bậy bạ như thế ư?

Lãng ngơ ngác nhìn An, không hiểu nổi chị. Lãng đáp:

- Nhà vua không biết đâu.

- Chị cũng nghĩ thế. Chẳng lẽ...

An không nói tiếp. Lãng nói:

- Cấp dưới cứ căn cứ vào Chiếu Khuyến nông mà làm. Sau bao năm chinh chiến, ruộng vườn bỏ hoang, phải có người trở về quê khai khẩn lấy lúa mà ăn chứ!

An hỏi xẵng:

- Thế em cho rằng "người ta" có lý ư?

Lãng đáp ngay:

- Vâng. Hoàn toàn có lý.

An tức giận hỏi:

- Em có điên không? Em không thấy thiên hạ dắt díu nhau từng đàn từng lũ, quần áo lếch thếch, đói khát, neho nhóc, mỗi ngày đổ về đây mỗi nhiều hay sao? Em cũng bị xua đuổi y như họ. Chẳng lẽ em chạy

trốn nhúc nhả như vậy rồi vừa tìm được chỗ dừng chân, lấy lại hơi thở, em liền lớn tiếng ca tụng kẻ đã xua đuổi em hay sao?

Lãng không biết trả lời chị thế nào. Nếu giải thích cho An nghe theo cách Lãng tự an ủi mình, rằng đây là một trường hợp ngoại lệ, ở bên lề công lý, rằng mình phải chịu đựng thua thiệt vì không thể đòi hỏi đời sống rướn cao lên cái tầm trùu tượng, Lãng biết chắc An sẽ coi anh như một đứa nói khoát.

Thấy Lãng giữ im lặng, An tưởng Lãng đuối lý, liền tiếp:

- Chị không hiểu nổi anh em trong nhà nữa. Em cũng thế mà anh Kiên cũng thế. Anh cả chẳng biết gì ráo, nói hàng hai theo kiểu mấy ông lang vườn chữa bệnh bằng thuốc bổ, nhưng cứ để mặc cho thiên hạ một điều Đức Thầy, hai điều Đức Thầy. Còn em, em bị "người ta" vứt vào giỏ rác, đuổi ra khỏi thành như một tên ăn cắp, mà vẫn khen "người ta" sáng suốt. Như thế mới gọi là đại trí hay sao?

Lãng vẫn không nói gì. An dụ giọng:

- Chị nghĩ sao nói vậy, em đừng giận. Thú thực chị không hiểu nổi em nữa.

Lãng buồn rầu đáp:

- Em cũng vậy!

- Thế là thế nào?

- Chị có nghĩ em là kẻ vô dụng không?

- "Người ta" dám nói thế à?

- Không.

- Chị chẳng hiểu gì cả.

Lãng muốn thoát khỏi ngõ cụt, hỏi lãng chuyện khác:

- Chị nói chuyện với em chắc phát điên lên mất! Chị buồn ngủ chưa?

- Chưa. Em rung đôi chân, không lại muỗi.

Lúc đó bên ngoài có tiếng ời ời la làng. An lắc đầu chán nản:

- Em thấy chưa? Từ ngày người ta kéo nhau về đây, nạn trộm cướp, chém giết nhau xảy ra hàng đêm.

Sắp loạn mất!

Lãng nhớ câu chuyện trao đổi với cụ già bán khoai ở địa đầu Bến Ván, vội hỏi:

- Ở đây, người ta truyền nhau đủ thứ sấm phải không chị?

An bĩu môi:

- Ồi, bọn chủ ghe chở gạo lén từ Gia Định ra bán đấy mà! Em nghe những gì?

- Mới vào đây đã nghe câu sấm người ta gán cho cụ Trạng Trình! Câu sấm thế này:

Khí bông con ngồi khóc

Gà hết thóc chạy xuôi

Chó vẫy đuôi mừng chủ

Heo nằm ngủ chờ ăn.

- Chị đã nghe câu ấy rồi. Em tin không?

- Tin gì ạ?

Giọng An trở nên gắt gỏng:

- Em chưa thấy cái giọng xỏ xiên của bọn tay chân Gia Định hay sao? Chúng nó đe năm Khi năm Gà thiên hạ đói chết như rạ. Đến năm Tuất thì nhà Nguyễn trở về. Năm Hợi thiên hạ lại no đủ.

Lãng thấy trong vẻ mặt giận dữ của chị có cái gì mâu thuẫn khác thường. Anh giả vờ đáp:

- Cảnh đời xáo trộn thế này, nên em tin.

- Tin sao được! Đến em mà cũng nhẹ dạ thế sao! Em...

An định nói: "Em muốn là chó vẫy đuôi mừng họ Nguyễn Gia Miêu trở về Phú Xuân hay sao", nhưng chị kịp ngừng lại. Nói như vậy xúc phạm em quá nhiều. Lãng thích thú quan sát nét mặt chị, nói nhỏ:

- Em cũng không hiểu nổi chị, chị An ạ!

An đỏ mặt, sợ Lãng trông thấy sự bối rối của mình. An nói vội:

- Chúng mình thật lắm cẩm. Thôi khuya rồi, em đi ngủ đi. Cái chân còn nhức không?

Lãng vẫn mỉm cười, lắc đầu. An tránh nhìn mặt em, nói:

- Gần sáng gió lạnh lắm. Em nhớ đắp mền, không lại ho. Em vẫn yếu phổi từ hồi nhỏ, nhớ không!

*

* *

Lãng ở với chị và các cháu hơn một tháng, rồi vì không chịu đựng nổi cảnh sống xô bồ ồn ào, anh bỏ Bến Ván về Phú Xuân khoảng trung tuần tháng mười.

An đem bản sao bài Chiếu Khuyến nông ra, vừa năn nỉ, vừa dọa em:

- Lãng thấy không, phép nước nghiêm lắm. Em đọc đi: "Xã nào dung túng cho khách hộ trú ngụ mà không đuổi về bản quán và những người trốn tránh lần lửa không về, nếu có người biết tố giác, điều tra ra sự thực thì sắc mực, xã trưởng, thôn trưởng xã ấy cùng người trốn tránh đều bị xử tội". Lại đoạn cuối này nữa: "Đừng lười biếng làm hại sinh kế, đừng trốn tránh giấu giếm để mắc tội lỗi". Chao ơi! Em đâu phải thân lừa mà ưa vác nặng! ở đây chị và hai cháu đã làm gì cho em buồn? Nói đi!

An mếu máo sắp khóc. Lãng vội bảo:

- Chị đừng hiểu lầm. Chị không làm điều gì phật lòng em cả. Em cũng muốn ở lại dạy các cháu lắm, nhưng...

- Nhưng thế nào? Cứ nói đi, đừng ngại. Chị em ta có giấu nhau điều gì đâu. Từ lúc nhỏ đã vậy rồi!

Con Thái cũng mếu máo theo mẹ:

- Cậu ở lại với cháu. Cậu đừng bỏ đi. Mẹ cháu khóc kìa!

Lãng cảm động, ôm cháu vào lòng. An tưởng em đã xiêu lòng, reo lên:

- Có thể chứ! Em bằng lòng ở lại đây nhé!

Lãng nghiêm mặt đáp:

- Không được, chị ạ. Chị thương em, nhưng em phải đi thôi.

An bực bội hỏi:

- Lãng ra ngoài đó làm gì? Ra để đưa đầu vào gông à?

- Không ai đóng gông được em đâu! Em đã có cách.

- Cách gì?

Lãng chỉ ngay vào tờ giấy chép Chiếu Khuyến nông:

- Ngay bài chiếu này cũng không ràng buộc được em. Chị thấy không, ai không phải là chính hộ phải bị đuổi về bản quán. Nhưng bản quán của gia đình ta ở đâu? ở Phú Xuân chẳng? Nếu vậy em phải được biên tên vào sổ đình xã Vỹ dạ thượng. Ở An Thái chẳng? Có giỏi thử tống xuất em qua cầu Bến Ván đi! Cãi chầy cãi cối thế, nhưng bẻ được không phải dễ đâu!

- Nhưng em ra ngoài đó ở với ai? Ai chăm sóc cơm nước cho em? Ai lo thuốc thang nếu lỡ đau ốm? Em thích sống lêu bêu như trước hay sao?

- Em sẽ về ở với sư cụ chùa Hà Trung.

An mỉm cười hỏi:

- Em muốn đi tu chẳng?

Lãng lại nghiêm mặt đáp:

- Không. Còn lâu lắm em mới đủ can đảm thí phát. Nói ra chị không tin: Lãng nhớ phong lan chùa Hà Trung hơn là nhớ thầy Từ Huệ.

Thấy cả chị lẫn cháu cười chế giễu, Lãng nói:

- Em hết sức nghiêm chỉnh về chuyện này. Chị cứ để cho em đi!

Nói hết lời, Lãng vẫn không khiến cho chị tin mình nghiêm chỉnh. An dỗi, từ lúc đó đến lúc chia tay, không nói với em câu nào nữa. An hy vọng Lãng sợ phải xin ở lại. Còn Lãng ngại rằng nếu làm lành với chị, chính mình sẽ yếu lòng. Cho nên cuộc chia biệt lặng lẽ, tưởng như giả vờ mà hóa thật.

Lãng về đến Phú Xuân đúng lúc cuộc kiểm tra dân ngụ ở các thôn xóm lên đến điểm gắt gao nhất. Không ai dám chứa chấp người lạ vào ban đêm, dù là bà con thân thuộc. Các chức dịch sợ bị liên lụy phải bỏ tiền ra thuê bọn trẻ con để chúng báo cho biết ngay những kẻ cư ngụ bất hợp pháp. Những gia đình lảng giềng kình cãi nhau, ban đầu từ những chuyện vụn vặt như gà bươi luống cải, heo ủi hàng giậu, về sau kết thúc bằng trò tố cáo nhau là dân ngụ cư nhập tịch chưa đủ ba đời, là kẻ man khai gốc tích để trốn tránh sưu dịch...

Lãng không dám ở Phú Xuân lâu. Anh đã trở thành dân lậu. An nói đúng. Quan trên có thể đóng gông anh bất cứ lúc nào. Một đứa trẻ con cũng đủ sức đưa anh vào tù. Lãng nằm lì ở chùa Hà Trung, nghe kinh Viên giác và chăm sóc phong lan. Anh mê lan đến nỗi suốt ngày theo dõi tí mĩ từng chiếc lá đổi sắc, từng cánh hoa lan nở như bà mẹ nâng niu con mọn. Nghe ở đâu có loại lan hiếm Lãng liền tìm đến. Anh quên bằng việc học kinh. Sư cụ thở dài, nói xa gần đến lục căn, ngũ uẩn... để thức tỉnh anh. Lãng nghe qua với nét mặt ơ hờ. Dần dần, Lãng mất ý thức về những gì không liên hệ đến phong lan. Quần áo lại nhếch nhác, râu tóc để dài không chải gỡ. Một hôm có người tiều phu (cũng võ vẽ học chơi lan) say rượu khoe rằng có gặp một giò lan hồ điệp khi đi tìm trầm trên núi Thiên thai. Lãng nghe được, mắt sáng lên.

Hôm sau, anh thưa với sư cụ là mình có việc cần lên núi Thiên thai. Sư cụ ngờ anh muốn tìm loại mặc lan hoa đen, bảo đó chỉ là huyền thuyết chưa chắc có thật. Anh giấu không muốn ai biết mình đi tìm lan hồ điệp. Anh bảo chỉ muốn hái vài giò nhất điểm hồng để thay cho giò lan cùng loại vừa bị héo.

Lãng đi từ sáng sớm, và từ đó, không ai còn gặp anh nữa. Vì vậy sư cụ chùa Hà Trung cho phá luôn mấy chục giò lan quý của mình.

Chương 101

Mấy năm về sau, việc sinh sống của gia đình An không được dễ dàng như trước. Số dân lưu tán dồn về Bến Ván quá đông, gạo thóc lên cao trong khi kiếm được vài quan tiền mỗi ngày không phải dễ dàng. Ngoài chợ, người bán nhiều hơn người mua. Bến Ván là một thị trấn thành hình trên cái bấp bênh của thời loạn, không có nền tảng vững chắc trên nông nghiệp hoặc sản xuất đồ thủ công, nên cuộc sống của nó cũng bấp bênh theo các tin đồn. Không ở đâu tin đồn nhảy và nhiều cho bằng Bến Ván. Thôi thì đủ thứ tin. Tin từ Phú Xuân vào. Tin Qui Nhơn. Tin Gia Định do bọn ghe gạo lén lút mang vào cửa Hiệp Hòa. Giá cả lên xuống thất thường, phần lớn do những tin đồn nhảm. Người ta vui buồn, thương ghét nhau, thậm chí ẩu đả đâm chém nhau do những tin đồn ấy. Quán rượu ế hàng tuy từ sáng đến tối bọn vô công rồi nghề tụ họp đông nghịt để cãi nhau ỏm tỏi về những tin nghe được tối hôm trước. Mỗi người bênh hay chống một ý kiến tùy theo hoàn cảnh riêng. Nhiều khi chính từng người cũng thay đổi ý kiến tùy hứng. Nói chung cả cuộc sống thực tế lẫn cuộc sống tâm linh của Bến Ván đều bênh bồng phiêu giạt như một chiếc lá trôi trên dòng nước lũ.

An cứ thăm chừng số vốn ngày càng hao hụt của mình và lo ra. Chị gầy hẳn đi, nét mặt lúc nào cũng bần thần lơ đãng như người mất hồn. Cảnh làm ăn sa sút khiến không khí gia đình trở nên nặng trĩu. Chị đâm gắt gỏng với con cái, vui buồn thất thường. Con Thái quá thương và hiếu mẹ nên khóc thầm chịu đựng. Thăng Phát càng có cơ để vắng nhà, rồi từ đó An càng có cơ để gắt gỏng. Cái vòng lẩn quẩn khắc nghiệt ấy mỗi ngày mỗi ghê gớm, mẹ con gặp mặt nhau là sinh chuyện. Thời đó Phát đang ở vào cái tuổi tăng trưởng phức tạp. Thân thể cao lớn nhanh chóng, tiếng nói vỡ và trên mặt mụn nổi đầy hai gò má. Vì ngủ li bì nên mắt lơ đãng, tính tình cau có, lì lợm. Mỗi lần đi chơi khuya về, bị mẹ la, Phát không thềm đáp lời mẹ, lẳng lặng bỏ đi ngủ hoặc thản nhiên nhìn thẳng vào mặt An không hờ môi. Giận quá An vục cho nó vài roi. Phát không né tránh, chờ mẹ đánh xong mới bỏ đi chỗ khác.

Điều An ghét nhất là gần đây, Phát thường đi lại với bọn buôn gạo từ Gia Định ra. Mỗi lần về nhà Phát đều có vài câu sấm hoặc vài mẩu tin Gia Định làm quà. Phát hí hửng báo cho mẹ hay tin Nguyễn Ánh đã trở lại lập hẳn một triều đình ở Gia Định, đã mua được nhiều tàu Tây Dương, đã lập hẳn một xưởng đóng chiến thuyền đồ sộ chạy dài trên ba dặm, từ Tân Bình đến bờ sông Bình Trị. Mắt Phát rực sáng khi nói:

- Phen này anh em nhà nó không có đất chôn. "Nguyễn đi rồi Nguyễn lại về". Mẹ đã nghe câu sấm đó chưa?

An bậm môi lại, cố nén giận:

- Mày hãy liệu cam cái mồm lại. Ai chết không đất chôn đâu không biết, tao sợ lại phải đi xin xác của mày về chôn thôi. Tao cấm không được giao du với mấy tên bất hảo đó, nghe chưa?

Phát trố mắt nhìn mẹ, hỏi lại:

- Mẹ gọi họ là bọn bất hảo à? Mẹ sợ anh em nhà nó à? Ai giết cha, mẹ còn nhớ không?

An tắt tị không trả lời được. Lúc nào hai mẹ con tranh cãi nhau về thời thế, về hư thực của các tin đồn, Phát cũng "đàn áp" mẹ bằng câu hỏi ấy.

Mùa thu năm Nhâm Tý, Phát có thêm những tin xấu từ Qui Nhơn để chọc giận mẹ. Dân hai phủ Qui Nhơn, Quảng Ngãi đang hoang mang lo âu trước các tin đồn thổi về sức mạnh Gia Định. Nhiều người yếu bóng vía đã vượt sông Bến Ván ra núp dưới sự che chở của Phú Xuân. Dân số Bến Ván thêm đông. Phát đắc chí và An thêm cau có gắt gỏng.

Đúng lúc ấy, Phú Xuân ban ra bài hịch truyền cho quan lại quân dân các phủ Quảng Ngãi, Qui Nhơn. Bài hịch như sau: (dịch nôm)

"Tất cả các người, lớn nhỏ, từ hơn hai chục năm nay, đều luôn luôn chịu ân đức của nhà Tây Sơn ta. Sự thật, trong mấy chục năm qua, Trẫm đã chiến thắng khắp cả trong nam ngoài bắc. Trẫm nhận rằng có được những chiến thắng ấy chính là nhờ có sự phù trợ hết lòng của nhân dân hai phủ. Hai phủ cũng đã tiến cử lên Trẫm nhiều người trung dũng, hiền tài để giúp rập triều đình. Trẫm đem quân tới đâu, quân thù đều phải thất bại hoặc tan rã. Trẫm mở rộng chiến trận đến đâu, quân Xiêm và quân Thanh tàn bạo đều phải khuất phục.

Còn bọn dư đảng bỉ ổi của cựu triều, thì từ hơn ba chục năm nay, Trẫm chưa từng thấy chúng làm nổi trò trống gì. Trẫm đã đánh chúng hằng trăm trận, sĩ tốt của chúng phải tan tác, tướng lĩnh của chúng phải bỏ mạng, xương tàn của chúng tràn đầy đất Gia Định. Những điều Trẫm nói đây các người đều biết rõ, nếu mắt các người chưa được trông thấy thì tai các người cũng đã từng nghe thấy. Như tên Chủng dê hèn kia đã lẩn trốn sang những nước tầm thường ở phương tây thì có gì là đáng kể. Còn như đám dân ươn hèn Gia Định nay dám ngóc đầu dậy mộ binh, tại sao các người sợ hãi chúng như vậy? Tại sao tinh thần các người khiếp đảm đến thế? Quân thủy bộ của chúng tới đánh chiếm các hải cảng của các người như thế nào, các người không cảnh giác như thế nào, Hoàng đại huynh đã có thư cho Trẫm rõ cả rồi. Trẫm thấy sở dĩ chúng đánh chiếm được đất và giữ được đất các người cho tới ngày nay, không phải vì chúng tài giỏi gì, mà chính vì các quan quân và dân chúng hai phủ đã không dám đánh nhau với chúng. Bộ binh của các người đã hèn nhát bỏ trốn.

Bây giờ theo lệnh Hoàng đại huynh, Trẫm sẽ thân chinh cầm đại quân theo hai đường thủy bộ vào dẹp giặc. Trẫm sẽ đập tan bọn giặc cựu Nguyễn dễ dàng như đập tan một cành củi khô, một thanh gỗ mục. Còn nhân dân hai phủ, các người đừng lo âu, đừng sợ giặc. Các người hãy để mắt nhìn, để tai nghe, xem Trẫm sẽ làm gì. Các người sẽ thấy Trẫm chỉ đánh một trận là Bình Khang, Nha Trang, những mảnh xương tàn của cái thầy ma Gia Định, cũng như Phú Yên từng là trung tâm chiến trường và suốt một dải từ Bình Thuận vào tới Chân Lạp sẽ tức khắc được thu phục. Như thế để ai nấy hiểu rõ rằng Trẫm và Hoàng đại huynh là hai anh em ruột, là cùng chung một dòng máu. Trẫm không bao giờ quên điều đó.

Trẫm kêu gọi nhân dân lớn nhỏ hai phủ hãy ủng hộ hoàng gia, trung thành với Hoàng đại huynh, chờ đợi quân ta vào quét sạch Gia Định, lấy lại đất về ta. Tiếng thơn hai phủ các người sẽ mãi mãi lưu truyền sử sách. Các người chớ quá nhẹ dạ cả nghe những lời phao đồn về bọn Tây Dương. Tài giỏi gì hạng người

đó? Mắt chúng là mắt xanh, chúng chỉ là những xác chết trôi từ miền bắc giạt về đây, các người nên hiểu như thế. Những tàu bằng đồng, những khinh khí cầu của chúng thì có gì là kỳ lạ mà phải đệ trình lên Trẫm biết!

Để cho đại quân của ta tiến vào được dễ dàng, các xã dân hai phủ ở dọc bên đường hành quân hãy kịp sửa sang cầu cống.

Lệnh này truyền tới, nhân dân hãy vâng theo ý Trẫm.

Khâm thủ.

Quang Trung năm thứ năm ngày 10 tháng 7 Nhâm tí"^[1].

Bài hịch vừa loan truyền thì Bến Ván rung động. Người ta dẹp cả buôn bán làm ăn, khép cửa nhà lại, đổ ra đường tùm năm tùm ba bàn tán nhau. Nét mặt ai nấy đều dáo dác lo âu. Kể cho rằng vua Quang Trung thực tâm vâng lệnh Hoàng huynh, sắp kéo đại quân qua đây để tiêu diệt bọn cừu Nguyễn trong Gia Định. Kể lại ngờ Phú Xuân lợi dụng sự hoang mang sợ hãi của dân hai phủ, vin cơ cứu viện để xua quân đánh chiếm Hoàng đế thành. Trước đây vua Quang Trung không từng làm việc ấy hay sao? Dù hiểu bằng cách nào, mọi người đều thấy trước tương lai đen tối mờ mịt của mình: một khi Bến Ván hết thành vùng trái độn do tương nhượng hoặc tránh né giữa Phú Xuân và Qui Nhơn, nhất định dải đất vô chính phủ này mau chóng trở lại thành vùng đất chết với những cồn cát trắng và bụi cây cằn. Bão cát sắp vùi lấp những nền nhà trống, những cột kèo tre mây vương vãi...

Bến Ván lịm đi vì sợ hãi. Mọi người hồi hộp chờ đợi. Chờ đợi...

Họ theo dõi động tĩnh ở phía bắc. Quả nhiên khoảng đầu tháng 8 Nhâm tí, đạo quân Phú Xuân lâu nay đóng ở chợ Cầu Ông Bộ đột ngột dõ trại tiến sâu vào Bến Ván. Quân đi rầm rập, giáo mác tua tủa, nhưng đến ranh giới thì dừng lại. Nghiêm lệnh: Tuyệt đối không ai được qua lại ranh giới. Ai vi phạm lệnh cấm sẽ bị chém tại chỗ.

Hôm sau, Bến Ván biết tin vua Quang Trung vừa băng hà hôm 29 tháng 7, và đạo quân Phú Xuân vừa từ chợ Cầu Ông Bộ vào đây có phận sự đề phòng chặn trước các ý đồ xấu của Qui Nhơn.

Vua Thái Đức định ra Phú Xuân dự đám táng vua Quang Trung đã bị chặn lại, tại đây!

*

* *

An cũng nhận được tin Lãng mất tích trong những ngày nồm nớp bi thảm ấy. Chị vội vã ra Phú Xuân. Kinh đô xao xác tiêu điều như vừa qua một trận bão. Ở các trạm kiểm soát, quân lính canh phòng nghiêm ngặt. Dân chúng lo sợ các bắt trắc nên ít đi lại ngoài đường. Chị không có trách nhiệm gì trong kinh thành tang tóc này. Không có lấy một tờ giấy nhỏ chứng minh chị đủ tư cách đi lại trong một kinh đô giới nghiêm. Nhưng nét mặt bơ phờ của chị, dáng đi lầm lũi của chị, nhất là cái nhìn lơ lảo thất thần của chị đủ sức làm mềm lòng những kẻ cứng cỏi nhất. Người ta có cảm tưởng đang đứng trước một đứa bé yếu đuối, khốn khổ. Không nỡ lớn tiếng hoặc làm bất cứ điều gì có thể khiến nó khốn khổ thêm. Người ta lễ phép nhường bước cho chị đi trước. Người ta không biết chị là ai, nhưng vì chị biểu lộ được một cách chính xác trọn vẹn nỗi

đau khổ chung, nên chị trở nên thân thuộc.

An không thể đến gần những nơi lễ tang chính thức. Quá lắm chị chỉ nhìn được lưng áo của những lính cấm vệ giữ an ninh cho lễ tang. Hôm đi quan lên sơn lăng, chị ở trong đám dân chúng nghèo khổ tự nguyện nối đuôi đám táng để tỏ lòng ái mộ và thương tiếc vị anh hùng dân tộc xuất thân áo vải như họ, người mang đến cho họ niềm tự tin và hy vọng, người dạy họ hãy ngừng cao đầu, mạnh dạn bước tới. An cùng lâm râm cầu khẩn như họ. Chỉ khác một điều là những gì chị thì thầm đều có tính cách riêng tư và rối rắm khó hiểu. Chị thì thầm nhắc lại một trận bão rừng, chuyện hiểu lầm chung quanh cây gạo, tập thơ Đỗ Phủ, đêm ngập ngừng bảo nhỏ: "Đừng, anh Huệ ạ!"... Chị đặt nhiều câu hỏi mà không cần đáp, càng hỏi càng xót xa, cảm thấy lẻ loi. Chị oán trách mà như sợ phật lòng người nghe, vừa thì thầm hờn dỗi đã hối hận, nhận lãnh hết phần lỗi về mình. Quanh chị người ta thờ dài, người ta thì thào. Chị không nghe gì cả. Chị sống và chết riêng lẻ trong thế giới của chị!

Sau đám tang, An xuống chùa Hà Trung tìm tông tích Lăng. Sư cụ đã viên tịch trước đó nửa năm. An chỉ được biết những truyền tụng mù mờ về cậu em mê lan. Sư bác thay thầy Từ Huệ lên trụ trì ngôi chùa trở cho An thấy đỉnh núi Thiên Thai. An về lại Phú Xuân thăm mộ chồng, rồi tất tả vào Bến Ván.

*

* *

Thằng Phát thấy An về, hăm hăm hỏi:

- Mẹ ra đưa tang phải không?

An nhìn con, không đáp. Phát vùng vằng bỏ đi. Cánh cửa đập mạnh vào khuôn gỗ. Trong căn nhà đột nhiên ngả tối, con bé Thái chạy đến ôm lấy mẹ, khóc mùi mẫn. An cũng khóc theo con. Thái dụi mắt vào áo mẹ, thì thào:

- Ở trong này con lo quá!

An ôm con chặt hơn. Chị hỏi:

- Anh Phát có chịu trông nhà với con không?

Thái vẫn còn thút thít:

- Anh ấy nằm lì ở nhà, không đi đâu cả. Con cứ sợ anh ấy gây lộn với mấy chú lính. Mẹ, con khổ quá, mẹ ơi!

Thái lại khóc. An ngạc nhiên hỏi:

- Phát nó ăn hiếp con, phải không?

- Không phải đâu mẹ. Nhưng...

- Tại sao con ngập ngừng vậy?

- Nhưng... con sợ quá. Tự nhiên tối hôm kia, con bị ra máu. Con... con chết điếng... Mẹ lại không có ở đây. Con bị bệnh gì vậy mẹ?

An giật mình, đẩy con ra xa. Thái càng sợ hãi hơn. An nhìn đăm đăm vào mặt con. Chị hiểu ra rồi. Sao đến bây giờ chị mới nhớ con gái đã lên mười bốn, và có kinh nguyệt lần đầu? Đáng lý An phải báo trước cho con, để Thái khỏi sợ hãi vô ích. Chị ôm Thái vào lòng, vỗ nhẹ lưng con, âu yếm nói:

- Con đừng sợ. Không phải bệnh tật gì đâu. Con gái vào tuổi dậy thì là có kinh nguyệt. Hồi trước mẹ cũng sợ hãi như con. Mẹ có kinh đúng hôm bà ngoại mất, nên mẹ khóc đến hết nước mắt vì sợ. Bây giờ con gái mẹ lại có kinh. Nhưng con ơi, con còn có mẹ đây. Hãy chùi nước mắt đi! Thái ngoan của mẹ!

* Hết *

^[1] Trích lại của Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng. *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ*, trang 422-424.

TÓM LƯỢC

PHẦN I: VỀ AN THÁI

Chương 1: Năm 1765, sau khi Trương Phúc Loan giết quan nội hữu Trương văn Hạnh, giáo Hiến đem gia đình (gồm vợ và năm con, bốn trai một gái) trốn khỏi Phú xuân bằng thuyền. Ra đến cửa khẩu bị chặn lại, giáo Hiến ghé thăm người bạn cũ là sư cụ chùa Hà Trung. Sau đó, theo đường bộ, họ vượt đèo Hải Vân vào Qui Nhơn. Tâm trạng giáo Hiến khi đứng trên đỉnh đèo nhìn xuống phía nam.

Chương 2: Về đến bến Gò Bồi. Trên đường lên An Thái quê vợ của giáo Hiến, ông gặp một người làm việc của biện Nhạc tên Lợi. Đến An Thái, cả gia đình tạm cư nhờ sự giúp đỡ của Hai Nhiều, người anh cùng cha khác mẹ của bà giáo.

Chương 3: Cảnh sống của gia đình ông giáo ở vùng đất mới. Giao tiếp ban đầu với dân An thái. Sự giúp đỡ của họ. Sự vị nể của dân địa phương đối với một ông đồ thất thế từ kinh đô vào. Tính tình và công việc của mấy đứa con: Kiên, Chinh, An, Lãng, Út.

Chương 4: Đời sống gia đình ông giáo tạm ổn định. Bà giáo bệnh nặng từ khi vào An Thái, sau một thời gian nằm liệt giường mê man, đã từ trần. Đám tang bà giáo. An có kinh nguyệt lần đầu đúng hôm mẹ mất, hãi hùng trước một tương lai bất trắc mờ hồ.

Chương 5: Đối phó với bọn chức dịch tham lam ở An Thái. Qua Lợi, giáo Hiến làm quen với biện Nhạc. Nguyễn Nhạc nhờ ông giáo dạy học cho hai cậu em Lữ và Huệ. Kiên đến tuổi sung quân, phải tạm lánh lên Tây Sơn thượng coi sóc trạm tràu cho biện Nhạc. Cha con, anh em chia tay nhau.

Chương 6: Lớp học của ông giáo Hiến. Lễ khai tâm cho Lữ, Huệ. Lữ học hành tầm thường trong khi Huệ tỏ ra thông minh xuất sắc. Bài tựa truyện du hiệp trong Sử ký Tư Mã Thiên khiến Huệ ngỡ vực vai trò của đạo Nho. Trong khi đó, cả vùng Tuy Viễn được mùa, nhờ thế gia đình ông giáo sống được một năm ổn định.

Chương 7: Các câu hỏi của Huệ khiến ông giáo băn khoăn, bắt đầu nghi ngờ nền tảng trung quân của mình. Biện Nhạc xuống thăm ông giáo, nói xa nói gần đến chí hướng mình và ý định nhờ ông giáo làm quân sư.

Chương 8: Lợi chăm sóc giúp đỡ gia đình giáo Hiến. An có cảm tình với Lợi. Cô bé so sánh tính tình Lợi và Huệ. Những kinh cãi vụn vặt giữa gia đình Hai Nhiều và gia đình giáo Hiến.

Chương 9: Ông giáo được tin Kiên bị hành hung trên Tây Sơn thượng. Ông vội lên trường tràu thăm con. Nguyên nhân vụ hành hung. Cảm tưởng đầu tiên của giáo Hiến giữa những người bất đắc chí trốn đồng bằng lên nương nấu ở trường tràu.

Chương 10: Kẻ hành hung Kiên trốn vào rừng bị cọp ăn. Xác kẻ bất hạnh được tìm thấy, tạo nên sự căm phẫn đối với Kiên. Kiên bị đám đông phần nộ bao vây, nhờ có Chinh và Mắm cứu thoát. Sự hoang mang của Kiên. Ông giáo đành phải mang Kiên xuống lại An Thái.

Chương 11: Hai cha con ông giáo về An Thái. Lớp học ông giáo chỉ còn một người học trò là Nguyễn Huệ. Khắp vùng đói kém, trộm cướp xảy ra hằng đêm. Ông giáo và Nguyễn Huệ bàn với nhau về thời thế, và Huệ càng thêm hoài nghi khả năng của nhà nho.

Chương 12: Kiên bị bắt lính. Thái độ của họ hàng láng giềng đối với gia đình ông giáo sau khi Kiên bị bắt. Cùng lúc đó, gia đình Biện Nhạc ở Kiên thành bị quân phủ bao vây, nhà bị đốt. Biện Nhạc đem cả gia đình lên Tây Sơn thượng. Huệ từ biệt ông giáo và An lên Tây Sơn thượng theo anh. Mười hôm sau, Huệ lén xuống An Thái đưa gia đình thầy lên đó tị nạn.

PHẦN II: TÂY SƠN THƯỢNG

Chương 13: Tân Mão 1771.

Địa thế vùng Tây Sơn thượng. Các khó khăn buổi đầu ở căn cứ địa. Nạn khan hiếm muối do cắt đứt liên lạc với đồng bằng. Nỗi hoang mang bơ vơ của ông giáo giữa đám người nghèo khổ hung bạo. Vụ hành quyết một người vô kỷ luật để thị uy của biện Nhạc khiến ông giáo và An rung động bàng hoàng, trong khi Chinh bị cuốn hút vào bạo lực. Bất đồng giữa biện Nhạc và ông giáo.

Chương 14: Nhạc sai Phạm Ngạn lo việc xây thành phòng thủ, trong khi Huệ lo tập luyện cho các nhóm nghĩa quân chuẩn bị đột kích các đồn quân phủ. Chinh say mê bạo hành, bị ông giáo đập đòn. Dưới Tuy Viễn, gia đình Lợi bị quân phủ tàn sát. Tây Sơn thượng ráo riết chuẩn bị khởi nghĩa. Nhạc bác bỏ "giải pháp hoàng tôn" do giáo Hiến đề nghị.

Chương 15: Giáo Hiến và Huệ bàn nhau về ý nghĩa phải có của hành động khởi nghĩa. Tình yêu còn mơ hồ giữa Huệ và An. Nhạc nhờ giáo Hiến thảo cho một tờ hịch khởi nghĩa, và một lần nữa lại có bất đồng quan điểm trầm trọng. Việc tổ chức các đội nghĩa quân. Bắt đầu xuống núi tấn công các làng cận sơn. Sự khác biệt giữa các đội do Nhạc, Huệ và Tuyết chỉ huy.

Chương 16: Sự lạm dụng bạo hành là nguyên do các thất bại ban đầu. Lãng chán nản xin trở lên Tây Sơn thượng. Dân các làng cận sơn giấu sổ thuế, không dám nhận thóc do nghĩa quân tịch thu của nhà giàu chia cho. Nhạc mời ông giáo xuống hỏi ý kiến, và đồng ý tạm dùng chiêu bài "phò hoàng tôn Dương".

Chương 17: Huệ về Tây Sơn thượng thúc đẩy việc rèn thêm vũ khí. Thận chế ra được vũ khí mới: hỏa hổ. Huệ ghé thăm An con gái thầy giáo. Hai người nhắc đến thời An Thái, rộn rã với ý tưởng sắp được về quê.

PHẦN III: HỒI HƯƠNG

Chương 18: Tình hình Nam Hà năm Quý Tị (1773) theo nhận định của sử quán triều Nguyễn. Phê phán lối nhận định thiên cận này. Giáo Hiến say sưa với giải pháp hoàng tôn. Nhạc quyết định đánh xuống Kiên thành. Sau khi thành công, xếp đặt lại bản doanh cho có đủ nghi vệ cần thiết. Cuộc hội kiến hợp tác giữa các nhóm lẻ tẻ để hợp nhất lực lượng: biện Nhạc, Nguyễn Thung, Huyền Khê, Tập Đình Lý Tài.

Chương 19: Huệ vượt lệnh anh, dẫn quân chiếm sâu xuống An Thái bị Nhạc quở trách. Huệ ghi nhận sự thay đổi thái độ của anh. Cảnh An Thái sau ngày được giải phóng. Niềm vui mới của Huệ. Mắm gặp lại được anh ruột. Gia Đình Hai Nhiều về An Thái. Hành động tham lam và sốc nổi của vợ chồng Hai Nhiều.

Chương 20: Lợi về Xuân huê, trả thù nhà. Huyền Khê can thiệp, Lợi bị Nhạc trừng phạt. Cái thế cài

rằng lược giữa lực lượng Tây Sơn thượng và Nguyễn Thung, Tập Đình Lý Tài.

Chương 21: An và Lãng xuống thăm cha ở trại Kiên Thành, rồi về An Thái. An chứng kiến sự tham lam hống hách của vợ chồng Hai Nhiều. An và Lãng tìm lại dấu tích kỷ niệm cũ. Huệ đến thăm, bàn luận với hai chị em về các triển vọng mới. An thao thức đau khổ vì tưởng Huệ đã thay đổi.

Chương 22: Ban tham mưu của Nhạc chuẩn bị kế hoạch đánh phủ Qui Nhơn.

Chương 23: Nghĩa quân đánh phủ Qui Nhơn. Chiếm hai kho Càn dương và Nước ngọt. Khâm sai Lạng bị anh ruột của Mắm giết. Cảnh hỗn loạn ở phủ Qui Nhơn. Tiệc khao quân.

Chương 24: Lâu nay Kiên bị giam trong ngục tối tại phủ Qui Nhơn, nay được quân khởi nghĩa giải thoát. Cảm thức tự do đầu tiên. Kiên mạnh dạn đứng ra lo liệu tang ma cho viên cai cơ, ân nhân của mình, sau đó bảo bọc cho vợ con viên cai cơ.

Chương 25: Ông giáo giúp Nhạc ổn định trị an sau chiến thắng. Các ý kiến khác nhau về những việc phải làm, trong đó có việc phân chia các chức vụ. Giáo Hiến ngỡ ngàng thấy cả Kiên lẫn Huệ đều thay đổi. Ông cảm thấy Nguyễn Huệ càng lớn lao hơn, và xa lạ hơn trước.

Chương 26: Kiên đưa vợ con viên cai cơ về An Thái. Cảnh đoàn tụ buồn hiu, ngượng ngập. Hai Nhiều bị ám sát. Không khí khủng bố sau đó tại An Thái. An, Lãng lại hoang mang trước không khí sợ hãi ấy. Họ bàn luận với nhau. An nhắc trọn các ý kiến của Huệ. Lãng theo Huệ xuống sung quân ở đèo Cù Mông.

Chương 27: Các cuộc giao tranh giữa quân Tây Sơn và quân triều sau khi phủ Qui Nhơn mất.

Chương 28: An rời An Thái xuống ở phủ Qui Nhơn. An được các gia đình "quí phái mới" mời dạy nữ công, trang điểm cho con gái họ. An dạy chữ cho Thọ Hương, con gái Nhạc. Kiên về ở hẳn với vợ viên cai cơ tại cái quán gần bến tắm ngựa. Chính sống buông lung khi dự trận với toán quân Hòa nghĩa ngoài Quảng Nam. Lợi giữ kho nên đủ phương tiện giúp đỡ cho An để gây cảm tình.

Chương 29: Nhạc cho "rước" đông cung Dương về Qui Nhơn. Cuộc nghinh giá long trọng. Cảm giác hụt hẫng của giáo Hiến khi gặp đông cung. Xúc động ban đầu của Thọ Hương. Tình thế gay go của Qui Nhơn: quân Trịnh đã dẫn sâu vào Quảng Nam. Quân Gia Định đã chiếm Phú Yên. Giải pháp hoãn binh của Nhạc.

Chương 30: Nguyễn Huệ gửi biểu An tập thơ Đỗ Phủ. Tâm trạng dao động của giáo Hiến trước tình thế khó khăn. Huệ nói với thầy về sự đào thải tất nhiên của lịch sử. Huệ ghé thăm An ở Qui Nhơn. Thọ Hương lo âu khi nghe tin cha sắp gả mình cho đông cung Dương.

Chương 31: Các biện pháp của Nhạc để trấn an dân chúng Qui Nhơn. Đám cưới Thọ Hương và nỗi thất vọng ê chề của Thọ Hương sau ngày cưới. Giải pháp hoàng tôn không giải quyết được tình hình cô lập. Nhạc chọn giải pháp hợp tác với Trịnh. Ông giáo bị ngờ là kẻ phản bội, bắt đầu bị đào thải.

Chương 32: Huệ ở doanh trại đóng trên đỉnh Cù Mông. Niềm tin tưởng lạc quan khác thường của Huệ giữa giai đoạn đen tối. Lợi dụng việc tiếp tế cho quân lính để tìm lợi riêng. Tình cảm ông giáo và An trong cảnh thất sủng và bị cô lập.

Chương 33: Chính theo đạo quân Hòa nghĩa rút về Qui Nhơn. Cuộc sống phóng đảng của Chính. Lợi

bị Chinh buộc phải chu cấp cho các cuộc rượu thịt của bọn lính vong mạng.

Chương 34: Chiến thắng đầu tiên của Nguyễn Huệ ở Phú Yên. Khấp Qui nhơn dân chúng rộn rã đón tin chiến thắng. Nhạc đứng ra làm mối để ông giáo gả An cho Lợi, vì nhu cầu chính trị. Tâm trạng tuyệt vọng của An trước cuộc hôn nhân bất đắc dĩ.

Chương 35: Đám cưới An tổ chức cùng một lúc với lễ tiếp sắc của chúa Trịnh. Tâm trạng Nguyễn Huệ khi nghe tin An đi lấy chồng. Cuộc đối thoại giữa hai anh em Nhạc Huệ. Tâm sự giữa An và Thọ Hương.

Chương 36: Nguyễn Hữu Chinh vào Qui Nhơn lần đầu. Chinh giải bày quan niệm thực tiễn về nhân sinh. Giáo Hiến và Huệ tâm sự với nhau sau lễ cưới của An.

Chương 37: Cảm tưởng xót xa bề bàng của An sau đêm tân hôn. Giáo Hiến khám phá ra sự lầm lẫn của mình khi thuận gả An cho Lợi. Vị thế ông giáo ở Qui Nhơn bấp bênh nguy hiểm hơn. Nguyễn Huệ can thiệp với Nhạc để ông giáo được sống yên thân tại Bằng châu. Nguyễn Nhạc xưng vương ở Qui Nhơn.

PHẦN IV: PHƯƠNG NAM

Chương 38: Ở Bằng Châu, giáo Hiến thất chí, lú lẫn thành người bị bệnh tâm trí. An dần dà thích nghe với cuộc sống vợ chồng dung thường. Lợi bị thất sủng do liên lụy với cha vợ, tình nguyện theo quân vào đánh Gia Định để lập công. Ông giáo càng ngày càng mất sáng suốt.

Chương 39: Lợi từ Gia Định trở về, nhờ có công mau chóng phục hồi được địa vị cũ. An sinh đứa con trai đầu lòng. Thọ Hương đến thăm An sau thời gian bị khủng hoảng (do đông cung Dương trốn đi). An hỏi thăm tin tức Nguyễn Huệ.

Chương 40: Diễn tiến vụ phản bội của quân Hòa nghĩa (trong đó có Chinh) tại phủ Phú yên năm Ất Mùi 1775. Tâm trạng Chinh sau khi cắt đứt ràng buộc với gia đình và Qui Nhơn. Gia Định vào năm đông cung Dương trốn khỏi Qui Nhơn mới vào Gia Định. Chinh trong hoàn cảnh mới.

Chương 41: Nguyễn Đăng Trường trốn khỏi Qui Nhơn vào nam. Gia Định lo ngại các cuộc tấn công định kỳ của Tây Sơn. Trước khi dẫn quân vào Gia Định, Huệ đến thăm thầy. Giáo Hiến xin học trò nường tay đối với họ Nguyễn Gia Miêu. Huệ gặp lại An sau khi An lấy chồng.

Chương 42: Tình hình phòng thủ ở Gia Định. Nhật ký chiến dịch của Lãng ghi lại diễn tiến cuộc tiến công Gia Định lần thứ hai năm Đinh Dậu. Nguyễn Huệ gặp lại Nguyễn Đăng Trường.

Chương 43: Sau chiến thắng, Lãng tìm tông tích Chinh. Nguyễn Huệ đọc các tài liệu về phong tục, địa thế Gia Định do Lãng sưu tập để tìm giải pháp trị an thích hợp. Huệ bắt được đông cung Dương ở đồn Ba vác. Huệ do dự, nhớ lời cầu khẩn của thầy, trước khi ra lệnh hành quyết Tân Chính vương. Lãng tìm ra xác Chinh ở căn cứ Đông sơn tại Cần thơ. Quyết định của Huệ để cứu danh dự cho gia đình thầy. Duệ tôn bị bắt và bị giết.

Chương 44: Lãng trở về Qui Nhơn. Cái chết của Chinh và của hai chúa khiến giáo Hiến thêm quẫn trí. Thọ Hương sau cái chết của đông cung tại Gia Định. Manh nha mối tình giữa Lãng và Thọ Hương.

Chương 45: Công cuộc xây dựng Hoàng đế thành. Vua Thái Đức xếp đặt để Nguyễn Huệ cưới em gái Bùi văn Nhật, Bùi Đắc Tuyên, để củng cố quyền hành. An sinh đứa con gái thứ hai, đặt tên Thái để nhớ

kỷ niệm đẹp thời An Thái.

Chương 46: Diễn biến tình yêu của Lãng. Những cuộc bàn tán chung quanh cuộc hôn nhân của Nguyễn Huệ. Lãng đến quán rượu thăm Kiên, nghe Kiên thuyết lý về quan niệm vạn vật hòa đồng.

Chương 47: Tai biến của gia đình An: Lợi bị bắt giam vì biến thủ khi lo việc cấp lương cho dân phu xây thành. Sự quyền biến của An trước hoạn nạn. An vận động xin tha cho chồng nhưng thất bại.

Chương 48: Quan hệ giữa Lãng và Nguyễn Huệ trong hoàn cảnh mới. Lãng thăm Kiên, lại được giảng giải thêm về khám phá tâm linh của Kiên. Ông giáo Hiến mất. Đám tang có Nguyễn Huệ đi đưa.

Chương 49: Ba anh em Nhạc, Lữ, Huệ nói chuyện với nhau về vai trò nhà nho. Phái bộ Chapman thăm Qui Nhơn. Cuộc bệ kiến của Chapman ở Hoàng đế thành. An biến đổi tính tình do cuộc mưu sinh. Đối thoại của An và Lãng về cuộc đời. An chịu đến gặp Nguyễn Huệ để xin ân huệ tha cho Lợi.

Chương 50: Lợi được phóng thích. An thích nghe hơn với các cuộc làm ăn bất chính của Lợi. Nguyễn Ánh chuẩn bị chống cự cuộc tiến công thường niên của Qui nhơn. Huệ phác họa kế hoạch đánh Gia Định. Ghi chép của Lãng về chiến thắng lấy lòng này của Nguyễn Huệ trước quân Gia Định (có thêm sự giúp đỡ của các cố đạo). Huệ đọc các ghi chú của Lãng, chê trách những điểm không đồng ý.

Chương 51: Vụ tàn sát Hoa kiều sau cái chết của Phạm Ngạn. Tiếp theo nhật ký chiến dịch của Lãng. Lãng xin xuống Cần Thơ hốt cốt Chỉnh. Bất đồng giữa Nhạc và Huệ về giải pháp cho Gia Định.

Chương 52: Năm Nhâm Dần 1782. Chỉnh đem gia đình trốn vào Qui Nhơn. Tình hình Bắc Hà do lời thuật của Nguyễn Hữu Chỉnh. Huệ phát biểu ý kiến về Chỉnh. Lãng xin được rời quân ngũ để qua làm việc ở giáo phường, vì không chịu được cảnh chém giết.

Chương 53: Bị dao động, Lãng lại thăm Kiên. Kiên cho biết Nguyễn Lữ cũng chán cảnh bon chen tìm đến Kiên để nghe thuyết giáo. Lợi thay đổi "kỹ thuật" sống, làm thân với Nguyễn Hữu Chỉnh để đón gió.

Chương 54: Em rể Nguyễn Hữu Chỉnh vào Qui Nhơn cho biết tình hình mới nhất ở Bắc hà. Mỗi nghi ngờ của Tây Sơn đối với Chỉnh. Lãng chính thức về bộ Lễ, làm ở giáo phường.

Chương 55: Chỉnh khuyên Lợi nên theo Nguyễn Huệ để dọn đường cho tương lai. Tin Nguyễn Ánh rước quân Xiêm xâm lăng Gia Định đến Qui Nhơn. Trận Rạch gâm. Xoài mút. Phê phán lối giải thích của sử quan triều Nguyễn. Diễn tiến trận chiến thắng quân Xiêm.

PHẦN V: VƯỢT ĐÈO HẢI VÂN

Chương 56: Lãng viết và cho tập diễn tuồng Chàng Lía. Phản ứng bất lợi của triều đình đối với vở tuồng. An khuyên em nên cẩn thận khi viết một vở tuồng "bình dân". Suy nghĩ của Lãng về lời chị, về tương lai.

Chương 57: Nguyễn Hữu Chỉnh lại khuyên Lợi nên tiên liệu thời cơ. Lợi đem các tính toán của mình nói với vợ. Tin thắng trận về đến Qui Nhơn. Cuộc tranh cãi giữa hai vợ chồng An Lợi về các tính toán đón gió do Chỉnh truyền cho Lợi.

Chương 58: Cuộc tiếp đón lạnh nhạt của Qui Nhơn đối với đoàn quân chiến thắng khải hoàn. Đêm diễn tuồng Chàng Lía để khao quân bị Nhạc ra lệnh cho ngừng chỉ. Nhạc Huệ tranh luận gay gắt với nhau về vở tuồng. Huệ xin nhà vua cho Lãng trở lại làm thư ký thân cận cho mình.

Chương 59: Nguyễn Phú Như vào Qui Nhơn cho biết tình hình Thuận Hóa. Nhạc, Chinh, Huệ bàn kế hoạch đánh Thuận Hóa. Nguyễn Huệ suy nghĩ về vị trí bấp bênh của mình ở Hoàng đế thành.

Chương 60: Bàn kỹ hơn về kế hoạch tấn công Thuận Hóa. Tâm trạng Lãng trước khi theo quân ra bắc. Lãng lại đến thăm Kiên. Ý kiến của Kiên về chiến tranh.

Chương 61: Lợi ra Phú Xuân trước theo kế hoạch chia rẽ hàng ngũ địch của vua Thái Đức. Nhà vua dặn dò Nguyễn Huệ trước khi xuất quân. An dặn dò Lãng. Quận Tào mắc mưu chia rẽ của Qui Nhơn. Lãng gặp lại Lợi ở Phú Xuân.

Chương 62: Thành Phú Xuân bị bao vây. Cảnh máu đổ nước chảy ở kinh thành. Diễn tiến trận tấn công của Tây Sơn.

Chương 63: Quân Tây Sơn chiếm thành Phú xuân. Cảnh phố phường sau khi thất thủ. Lãng vâng lệnh Nguyễn Huệ gặp dật sĩ Ngô Thế Lân.

Chương 64: Nguyễn Hữu Chỉnh khuyên Nguyễn Huệ nên nhân đà thắng lợi tiến công ra bắc. Bản khoản của Nguyễn Huệ. Phản ứng của dân Thuận Hóa khi đọc tờ hịch Bắc tiến. Tâm trạng của Trần Văn Kỷ.

Chương 65: Trần Văn Kỷ gặp sư cụ chùa Hà Trung để hỏi về lễ xuất xử. Trần Văn Kỷ quyết định ra mắt Nguyễn Huệ. Bàn thảo kế hoạch đánh Bắc Hà. Ghi chép của Lãng về cuộc Bắc tiến năm Bính Ngọ. Thăng long sụp đổ trước sức tiến công của Tây Sơn.

Chương 66: Nguyễn Huệ vào Thăng Long, yết kiến vua Lê. Cảnh Thăng Long trong cơn binh lửa. Cái chết của Trịnh Khải. Thái độ đặc chí của Nguyễn Hữu Chỉnh khi trở lại kinh đô.

Chương 67: Chinh e ngại trước thái độ cố chấp của sĩ phu Bắc Hà. Tâm trạng Nguyễn Huệ ở Thăng Long. Vua Lê Hiến tôn thiết triều để chính thức tiếp kiến Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ cưới Ngọc Hân công chúa.

Chương 68: Tâm trạng Ngọc Hân đêm hợp cẩn. Tâm trạng Nguyễn Huệ. Vua Lê băng hà.

Chương 69: Vua Thái Đức ra Thăng Long. Hai anh em nói chuyện với nhau. Ngọc Hân ra mắt vua anh. Vua Thái Đức tiếp kiến sĩ phu Bắc Hà. Vua Lê Chiêu Thống và vua Thái Đức gặp nhau.

Chương 70: Dư luận dân chúng Thăng long trước các biến cố. Lợi vui chơi trác táng ở Thăng Long. Vua Thái Đức lừa Nguyễn Hữu Chỉnh để bỏ Chỉnh lại Bắc Hà, đột ngột rút quân về nam.

Chương 71: Quân vào đến dinh Vĩnh. Vua Thái Đức và Nguyễn Huệ bàn luận với nhau về Nghệ An. Chinh theo kịp đến dinh Vĩnh. Đến Lũy Thầy. Tinh thần quân sĩ lúc nghỉ lại Lũy Thầy. Lãng cùng với Nguyễn Huệ thăm quân sĩ. Hai người tâm sự với nhau khi đứng trên lũy nhìn ra phía bắc.

PHẦN VI: PHÚ XUÂN

Chương 72: Về đến Phú Xuân. Dân Thuận Hóa nô nức mừng chiến thắng. Lễ khao quân. Mối bất hòa giữa Nhạc Huệ bắt đầu biểu lộ. Vua Thái Đức công khai trách mắng các tướng lãnh theo phe em. Nhà vua trở về Qui Nhơn.

Chương 73: Ác mộng của công chúa Ngọc Hân. Nguyễn Huệ do dự trước khúc quanh quan trọng của lịch sử. Nguyễn Huệ suy nghĩ về Ngọc Hân. Nguyễn Huệ hỏi ý kiến Trần văn Kỷ về giải pháp cho Bắc Hà.

Kỷ nhắc đến La sơn phu tử. Lãng tháp tùng phái bộ Phú Xuân ra Nghệ An mời Nguyễn Thiếp tham chính.

Chương 74: Vua Thái Đức về Hoàng đế thành, giận lây gia đình các tướng đã theo Huệ, trong đó có gia đình An. Bắt đầu biện pháp khủng bố, quản thúc. Lễ phong vương cho Nguyễn Lữ. Lữ lại tìm đến Kiên để an tâm. Lời khuyên của Kiên.

Chương 75: An trốn ra Phú Xuân để tránh khủng bố. Ba mẹ con đến nơi, ngẫu nhiên gặp Lợi ngoài đường phố. An ra mắt Nguyễn Huệ.

Chương 76: Nguyễn Huệ nhận được thư phúc đáp của La sơn phu tử. Nguyễn Huệ bức dọc trước thái độ cố chấp của bọn nhà nho trung quân hẹp hòi. Tâm trạng Trần Văn Kỷ. Lãng đến thăm An. Hai chị em bàn với nhau về lời lẽ hỗn xược trong bài hịch chống Qui Nhơn. Nhận định về nguyên nhân vụ "nồi da xáo thịt" giữa hai anh em Nhạc Huệ. Nỗi cơ đờn của Nguyễn Huệ trước quyết định bất đắc dĩ.

Chương 77: Vũ văn Nhậm báo cáo tình hình Bắc Hà. Sứ bộ Trần Công Xán vào Qui nhơn đòi Nghệ An. Cuộc tiếp sứ. Quyết định của Nguyễn Huệ.

Chương 78: Mô tả cung điện của chúa Nguyễn ở Phú Xuân. Công cuộc sửa sang cung điện cũ để làm cung điện cho vương triều mới. Vai trò mới của Lợi. Gia đình Nguyễn Huệ đã ra Phú Xuân. Vai trò trung gian của An giữa Hoàng hậu và Ngọc Hân công chúa. Cảnh sung túc của gia đình Lợi. Cuộc hội kiến đáng ngại giữa Hoàng hậu và Ngọc Hân.

Chương 79: Trở lại nhân vật Kiên. Kiên trở thành một "đạo sĩ" được dân chúng Qui Nhơn kính nể. Nếp sống yên tĩnh của Kiên bị đảo lộn vì có người bà con viên cai cơ từ Gia Định ở chung. Kiên sợ bị lôi cuốn vào âm mưu tạo phản, trốn khỏi Bằng châu lên lập am ở An Thái.

Chương 80: La sơn phu tử lại gửi thư từ chối cộng tác với Nguyễn Huệ. Trần văn Kỷ thảo lá thư mời thứ ba. Phe Bùi Đắc Tuyên tranh mỗi làm ăn với Lợi, tìm cách hại Lợi. Hình bộ thượng thư Hồ Công Thuyên được phái đem thư ra mời La sơn phu tử.

Chương 81: Vụ mưu phản ở Qui Nhơn bị khám phá. Bùi Đắc Tuyên lợi dụng cơ hội lại tìm cách hại Lợi. Lãng xin thụ giáo quan Trung thư Trần văn Kỷ. Hai người bàn nhau về lễ chính thống. Tình yêu sôi nổi của Lãng đối với cô con gái con Trần Văn Kỷ.

Chương 82: Kiên bị bắt giam. Nguyễn Lữ đến thăm Kiên tại nhà ngục. ở Hoàng đế thành, vua Thái Đức chán nản bỏ cả thiết triều. Lữ xin nhà vua tha chết cho Kiên.

Chương 83: Vợ chồng Lợi cố vận động để thoát nạn. Lo sợ, Lợi định trốn vào Gia định. Một lần nữa, Lợi thoát nạn. Lãng thổ lộ tâm sự với chị.

Chương 84: Trên đường ra Bắc giết Nhậm, Nguyễn Huệ gặp La sơn phu tử. Nguyễn Huệ nổi giận vì bọn hủ nho cố chấp. Đến Thăng long, Nguyễn Huệ ra lệnh giết Nhậm, rồi xếp đặt lại các quan chức.

Chương 85: Nguyễn Huệ tiếp kiến giới sĩ phu Bắc Hà. Ngô Thì Nhậm ra mắt riêng Trần Văn Kỷ, hai người tâm sự về văn chương, thời thế, lễ xuất xử của nhà nho. Nhậm được Nguyễn Huệ tin dùng. Cảnh Thăng Long qua mắt Lãng.

Chương 86: Phan Huy Ích vào Phú Xuân. Tâm trạng của Phan Huy Ích. Tình bạn giữa Phan Huy Ích và Trần Văn Kỷ. Sự lạc loài của Ích ở triều đình. Ích được giao tra xét vụ án gạo. Phạm Văn Hưng đem tin

buồn từ Gia Định về. Nguyễn Huệ tiếp Kỷ và Ích bàn luận về lễ trung quân và chính thống.

Chương 87: Vụ gạo thêm rắc rối. Các tranh chấp nội bộ giữa các phe phái ở Phú xuân. Bất lợi của phe Bùi Đắc Tuyên. Lãng được gặp mặt và nói chuyện với con gái Trần Văn Kỷ lần đầu. An báo cho Lãng biết cô Cúc con Trần Văn Kỷ có bệnh nan y. Lãng hoang mang tự tìm hiểu mình.

Chương 88: Phan Huy Ích được trở về bắc làm việc với anh vợ là Ngô Thì Nhậm. Buổi tiệc tiễn hành đạm bạc. Trần Văn Kỷ phân tích thái độ ngập ngừng của Phan Huy Ích. Lại tranh luận về chính thống. Phan Huy Ích từ biệt Nguyễn Huệ. Nhà vua nghi ngờ khả năng của nhà nho.

Chương 89: Ngô Thì Nhậm qua mắt Phan Huy Ích. Nhậm cho Ích đọc thư chửi bới mình của bọn hủ nho Bắc hà. Tâm sự giữa hai người.

Chương 90: Thái độ của các nho sĩ Bắc Hà trước lời mời hợp tác của đại tư mã Ngô Văn Sở, trong lúc có tin Chiêu Thống đang rước quân Thanh về xâm lăng đất tổ. Ban tham mưu Tây sơn bàn chuyện chống giữ. Cuộc họp mặt của giới sĩ phu Bắc Hà trước nạn xâm lược. Tâm trạng xấu hổ tủi nhục cho nghiệp nho của Nhậm.

Chương 91: ở Phú Xuân, An được Ngọc Hân nhờ vào cung thêu áo bào cho Nguyễn Huệ. Lợi tham gia vào vụ đốt kho thóc, giữa lúc Nguyễn Huệ chuẩn bị lên ngôi đế. Lợi bị bắt và bị hành quyết.

Chương 92: Tình cảnh mẹ con An sau khi Lợi chết. Lãng dẫn chị và hai cháu đi thăm mộ. Phú xuân nhận được tin quân Thanh đã chiếm Thăng Long. Tâm sự giữa An và Lãng trước hôm làm lễ đăng quang.

Chương 93: Lễ đăng quang sáng 25 tháng 11 Mậu Thân (1788) và sau đó là lễ xuất sư. Lãng tìm chị và hai cháu không được, theo đại quân ra bắc.

Chương 94: Vua Quang Trung ghé Nghệ an vờ La sơn phu tử đến hỏi ý kiến. Sự thay đổi quan niệm của Nguyễn Thiếp. Cuộc tuyển binh ở Thanh Nghệ. Nhà vua phủ dụ ba quân.

Chương 95: Đến đèo Ba đội. Các tướng lãnh và văn thần báo cáo tình hình Bắc hà. Bàn luận kế hoạch tiến công. Lãng cho nhà vua biết ba mẹ con An đã trốn khỏi Phú Xuân.

Chương 96: Diễn tiến chiến thắng năm Mậu Thân từ lúc xuất phát ở đèo Ba đội cho đến lúc toàn thắng. Vua Quang Trung vào Thăng long. Quang cảnh cung điện vua Lê. Cảnh nô nức của dân chúng. Lãng đề nghị diễn tuồng Chàng Lía để khao quân. Nguyễn Huệ gạt đi y như Nguyễn Nhạc đã làm sau khi thắng quân xâm lược Xiêm ở Rạch gầm, Xoài mút.

PHẦN KẾT TỪ

Chương 97: Trở lại An ở Phú Xuân. Ba mẹ con trốn đi không được do biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt trong lễ đăng quang. Các cuộc bàn tán ở trong quán về cuộc bắc tiến diệt xâm lăng. An nghe nhắc đến Bến Ván. Tâm sự của bà chủ quán có con trai và chồng sung quân đẹp giấc.

Chương 98: Mô tả Bến Ván như một vùng đệm vô chính phủ do sự nhường nhịn hoặc né tránh giữa hai anh em Nhạc Huệ. Gia đình An tạm ổn định ở Bến Ván. An lên về An thái tìm Kiên... Hai anh em gặp nhau. Kiên thuật lại cái chết của Nguyễn Lữ và tình hình dao động của Qui Nhơn. An hỏi anh về tương lai. Kiên thú nhận sự lừa đảo của mình.

Chương 99: Lãng sau chiến thắng Xuân Kỷ Dậu trở về Phú Xuân, dần dần bị đào thải, thành người

bất đắc chí. Nếp sống buông thả bất chấp dư luận của Lãng. Lãng sống bám vào một mục góa hồi xuân có nhiều tai tiếng. Tìm xuống chùa Hà trung học kinh Phật, rồi mê phong lan. Niềm hân hoan của Lãng khi đọc bài Chiếu khuyến nông.

Chương 100: Lãng bỏ mục góa trở lại đời sống lang bạt. Bị chính các biện pháp khắc khe trong Chiếu khuyến nông đe dọa. Nhận được tin An. Hai chị em gặp nhau ở Bến Ván. Không chịu đựng nổi Bến Ván xô bồ, Lãng trở ra Phú xuân. Lãng tìm quên bằng thú chơi phong lan. Cuối cùng, Lãng mất tích trong một cuộc tìm thứ mặc lan hiếm có.

Chương 101: Nguyễn Huệ mất (1792). Bến Ván đóng cửa đề phòng Qui nhơn. An lấy cớ ra Phú Xuân tìm Lãng, dự đám táng vua Quang Trung một cách vô danh. Trở lại Bến Ván, An bị Phát mắng. Thái (con gái An) có kinh lần đầu. An nói với con gái về sự tiếp nối của đời sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Lê nhất thống chí: Ngô gia văn phái. Hai bản dịch:
 - a. Bản của Ngô Tất Tố. Phong trào văn hóa tái bản, Sài gòn 1969.
 - b. Bản của Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch. Nhà xuất bản Văn học, Hà nội 1970.
2. Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ. Nguyễn Lương Bích và Đặng Ngọc Phụng. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà nội 1971.
3. Lịch sử nội chiến ở Việt nam từ 1771-1802. Tạ Chí Đại Trường. Nhà xuất bản Văn học sử, Sài gòn 1973.
4. Tây sơn Việt nam thời bành trướng. Nguyễn Phương. Nhà sách Khai Trí, Sài gòn 1968.
5. Kinh tế và xã hội Việt nam dưới các vua triều Nguyễn. Nguyễn Thế Anh, nhà xuất bản Lửa Thiêng Sài gòn.
6. Việt sử xứ Đàng Trong (1558-1777). Phan Khoang. Nhà xuất bản Khai Trí, Sài gòn 1970.
7. Đại nam chính biên liệt truyện. Phần Ngụy Tây. Bản dịch của Viện Khảo cổ. Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài gòn 1970.
8. Bản triều bạn nghịch liệt truyện. Kiều Oánh Mậu. Bản dịch của Trần Khải Văn. Bộ Quốc gia giáo dục, Sài gòn 1963.
9. Lịch triều tạp kỷ. Ngô Cao Lãng. Bản dịch của nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1975.
10. Đại Việt sử ký toàn thư. Ngô Sĩ Liên. Bản dịch của Cao Huy Giu. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1973.
11. Đại Việt quốc thư. Bản dịch của Hoàng văn Hòe, Đình Thụ. Bộ Quốc gia giáo dục Sài gòn xuất bản 1967.
12. Phủ biên tạp lục. Lê Quý Đôn. Tập 1 bộ Lê Quý Đôn toàn tập. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1977.
13. Thượng kinh ký sự. Lê Hữu Trác. Nhà xuất bản KHXH, Hà nội 1977.
14. Kiến văn tiểu lục. Lê Quý Đôn. Bản dịch của Lê Mạnh Liêu, Đàm Duy Tạo. Bộ Quốc gia giáo dục xuất bản, Sài gòn 1963-1965.
15. Hải ngoại ký sự. Thích Đại Sán. Viện Đại học Huế xuất bản 1963.
16. Phương đình dư địa chí. Nguyễn văn Siêu. Ngô Mạnh Nghinh dịch. Nhà xuất bản Tự do, Sài gòn 1958.
17. Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt nam. Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huề. Nhà xuất bản Hoa Lư, Sài gòn 1968.
18. Sử ký Tư Mã Thiên. Bản dịch của Nhưộng Tống. Tân Việt xuất bản, Sài gòn 1964.
19. La sơn phu tử. Hoàng Xuân Hãn. Nhà xuất bản Minh Tân, Paris 1952.
20. Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm quyển 1,2. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1978.
21. Dụ am ngâm lục. Phan Huy Ích. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1979.

22. Khâm định Việt sử thông giám cương mục. Bản dịch của viện Sử học. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội.
23. Quang Trung, anh hùng dân tộc. Hoa Bằng. Nhà xuất bản Bốn Phương, Sài gòn 1958.
24. Bút nghiên. Chu Thiên. Nhà xuất bản Đồ Chiểu Sài gòn tái bản 1968.
25. Tây sơn Nguyễn Huệ. Kỷ yếu hội nghị nghiên cứu phong trào nhân dân Tây sơn và anh hùng Nguyễn Huệ. Ty Văn hóa và Thông tin Nghĩa bình xuất bản 1978.
26. Đường thi. Ngô Tất Tố tuyển dịch. Nhà xuất bản Khai Trí Sài gòn.
27. Chinh phụ ngâm khúc. Đoàn thị Điểm diễn ngâm. Nhà xuất bản Tân Việt 1958.
28. Thơ Đỗ Phủ. Trần Xuân Đề. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà nội 1975.
29. Việt nam Phật giáo sử lược. Thích Mật Thể. Phật học viện Trung phần ấn hành 1960.
30. Việt nam văn học sử yếu. Dương Quảng Hàm. Bộ Quốc gia giáo dục xuất bản, Sài gòn 1961.
31. Nước non Bình định. Quách Tấn. Nhà xuất bản Nam Cường, Sài gòn 1968.
32. Tang thương ngẫu lục. Phạm Đình Hồ và Nguyễn Án. Trần văn Ngoạn trích dịch: Nam Phong tạp chí I, IV. Nguyễn Hữu Tiến dịch: Nam Phong tạp chí IV, V.
33. Vũ trung tùy bút. Phạm Đình Hồ. Nguyễn Hữu Tiến dịch. Nam Phong tạp chí V, XXI
34. Việt nam sử lược. Trần Trọng Kim. Nhà xuất bản Tân Việt, Sài gòn 1956.
35. Chapman và Berland H. Relation d un voyage en Cochinchine en 1778. BSEI XXIII/2, 1948.
36. La révolte et la guerre de Tay Son d après les Franciscains Espagnols de Cochinchine, Taboulet G., BSEI, XV/3-4, 1940.
37. Pierre Poivre. Bài của Malleret đăng trên EFEO, 1974.
38. Tạp chí Sử Địa, Sài gòn các số:
 - 9 và 10, 1968. Đặc khảo về Quang Trung.
 - 13, 1969. Kỷ niệm chiến thắng xuân Kỷ Dậu.
 - 21, 1971. Hai trăm năm phong trào Tây sơn.
39. Khảo cổ học tạp chí, Hà nội 1977, số 4 có bài:
 - Đồn lũy trên đất Tây sơn của Vũ Minh Giang. - Hoàng đế thành của Phan Huy Lê.
40. Thơ Nghiên Hoa Mộng. Hư Chu. Nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê, Sài gòn 1956.
41. Tục ngữ Việt nam. Chu Xuân Diên, Lương văn Đán, Phương Tri biên soạn. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1975.

NGŨ VỤNG DỰA THEO

42. Việt Nam tự điển của Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ. Nhà xuất bản Khai Trí, Sài gòn 1970.
43. Hán Việt tự điển của Đào Duy Anh. Nhà xuất bản Minh Tân, Paris 1950.
44. Việt ngữ đồng âm của Nguyễn Châu. Bản chép tay chưa xuất bản.
45. Từ điển tiếng Việt. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1977.

ĐỊA DANH DỰA THEO

- * Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội 1977.

* Đại Nam nhất thống chí. Sử quán triều Nguyễn.

* An Nam đại quốc họa đồ (Tabula Geographica imperii anamitici. AB auctore dictionairii latino-anamitici disposita. 1838.)

* Tài liệu viết tay về thành Gia định xưa của Sơn Nam.

* Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771-1802 của Tạ Chí Đại Trường. (Phần xác minh địa danh các nơi thuộc Gia Định).